

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN KHUNG TRIỂN KHAI VÀ LẬP BÁO CÁO ESG

(Dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa)

Hoạt động Thúc đẩy tài chính xanh thông qua cải thiện hoạt động công bố thông tin ESG, với trọng tâm thông tin rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu

Tháng 03, 2025

KHUYẾN CÁO VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Tài liệu này được thực hiện nhằm triển khai **Hoạt động ‘Thúc đẩy tài chính xanh thông qua cải thiện hoạt động công bố thông tin rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu’** do Cục Phát triển Doanh nghiệp Tự nhân và Kinh tế Tập thể, Bộ Tài chính chủ trì với sự hỗ trợ kỹ thuật từ **Chương trình Hợp tác Thúc đẩy chuyển dịch vì khí hậu của Chính phủ Anh (UK PACT)**. Nội dung của tài liệu này không phản ánh quan điểm của Cục Phát triển Doanh nghiệp Tự nhân và Kinh tế Tập thể, Bộ Tài chính, Chương trình UK PACT hay các chính phủ mà họ đại diện.

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH, BẢNG VÀ HỘP THÔNG TIN	5
GIỚI THIỆU	12
1. Tổng quan về Sổ tay	12
PHẦN 1: BỐI CẢNH ESG	14
1. Bối cảnh ESG	14
1.1 Tại sao cần triển khai ESG?	14
1.2 Xu thế triển khai ESG trên thế giới - Rủi ro và Cơ hội	16
1.3 Bối cảnh thị trường Việt Nam	19
2. Tổng quan về hệ thống quy định pháp luật liên quan đến phát triển bền vững	20
2.1 Một số quy định pháp luật về PTBV trên thế giới	20
2.2 Bối cảnh hệ thống quy định pháp luật tại Việt Nam	24
3. Tiêu chuẩn và Khung báo cáo về ESG	32
3.1 Bối cảnh thay đổi về các Tiêu chuẩn và Khung báo cáo	32
3.2 Một số Tiêu chuẩn và Khung về Công bố thông tin liên quan đến ESG chính tại Việt Nam	34
4. Tiếp cận Tài chính Bền vững	35
4.1 Bối cảnh tài chính bền vững đối với các doanh nghiệp Việt Nam	35
4.2 Một số công cụ tài chính bền vững	36
4.3 Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững của một số tổ chức tài chính tại Việt Nam	36
4.4 Các kênh thông tin về ESG của doanh nghiệp để hỗ trợ nhà đầu tư tài chính bền vững ra quyết định	38
PHẦN 2: HƯỚNG DẪN KHUNG TRIỂN KHAI ESG TRONG QUẢN TRỊ VÀ VẬN HÀNH DOANH NGHIỆP	40
1. Phương pháp tiếp cận 6 bước xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động về ESG	40
1.1 BƯỚC 1: TÌM HIỂU	45
1.2 BƯỚC 2: ĐÁNH GIÁ	45
1.3 BƯỚC 3: LẬP KẾ HOẠCH	48
1.4 BƯỚC 4: TRIỂN KHAI	50
1.5 BƯỚC 5: GIÁM SÁT TIẾN ĐỘ VÀ ĐÁNH GIÁ	51
1.6 BƯỚC 6: BÁO CÁO	51
2. CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ NGUỒN THAM KHẢO HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI VÀ CHUYỂN ĐỔI ESG TRONG QUẢN TRỊ, VẬN HÀNH, DỮ LIỆU & BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT	52
2.1 Quản trị và Chiến lược	52
2.2 Vận hành	69
2.3 Dữ liệu và báo cáo	79
2.4 Giám sát	80
PHẦN 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG	82
1. Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững	82
1.1 Thiết lập nguồn lực cho công tác lập báo cáo ESG	82
1.2 Xây dựng kế hoạch chuyển đổi	82

1.3	Xác định nội dung báo cáo	83
1.4	Đánh giá hệ thống thông tin và các kiểm soát	83
1.5	Tổng hợp báo cáo ESG	83
1.6	Lên Kế hoạch cải thiện.....	83
2.	Các Nguyên tắc hướng dẫn đối với công tác lập báo cáo.....	84
2.1	Các Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo	84
2.2	Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo	85
3.	Cấu trúc báo cáo phát triển bền vững.....	86
3.1	Tuyên bố về tuân thủ các tiêu chuẩn và khung báo cáo quốc tế.....	86
3.2	Phạm vi báo cáo	87
3.3	Đánh giá chủ đề trọng yếu	88
3.4	Quản trị	88
3.5	Chiến lược	90
3.6	Quản trị rủi ro	93
3.7	Chỉ số và mục tiêu.....	94
3.8	Cơ sở báo cáo	99
4.	Hướng dẫn đơn giản hóa về Công bố thông tin cho các DNNVV.....	100
	Phụ lục A: Tổng hợp tiêu chuẩn và khung báo cáo ESG tham chiếu	104
	Phụ lục B: Các Chiến lược và Kế hoạch hành động với trọng tâm về phát triển bền vững	105
	Phụ lục C: Một số quy định ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp từ khi giai đoạn đầu tư đến khi vận hành	107
	Phụ lục D: Các Luật chính có liên quan đến một số nhóm chủ đề/chủ đề trong khía cạnh Xã hội	110
	Phụ lục E: Quy định về báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC	113
	Phụ lục F: Danh mục các công cụ tài chính bền vững	114
	Phụ lục G: Tổng quan về các tiêu chuẩn và khung báo cáo phát triển bền vững phổ biến ở quốc tế	116
	Phụ lục H: Nghiên cứu tình huống – Tiêu chuẩn báo cáo và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)	118
	Phụ lục I: Các yêu cầu chung về công bố thông tin tham chiếu với các tiêu chuẩn và khung công bố Quốc tế.....	119
	Phụ lục K: Ví dụ về thực thi báo cáo tốt	122

DANH MỤC HÌNH, BẢNG VÀ HỘP THÔNG TIN

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Các chủ đề phổ biến đối với ESG - Nguồn: EY.....	14
Hình 2: Ba yếu tố chính thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp triển khai ESG	15
Hình 3: Những rủi ro liên quan đến ESG- Nguồn: EY	17
Hình 4: Tổng số chính sách can thiệp về đầu tư có trách nhiệm mỗi năm (dữ liệu Tháng 4 năm 2022)- Nguồn UN PRI	21
Hình 5: Tổng hợp các văn bản quy định pháp luật của Việt Nam về môi trường.	25
Hình 6: Gia tăng động thái tiến tới đồng nhất các tiêu chuẩn báo cáo liên quan phát triển bền vững.	33
Hình 7: Giá trị phát hành của thị trường nợ tín dụng bền vững qua các năm tại Việt Nam	36
Hình 8: Nguồn và công cụ về tài chính bền vững	36
Hình 9: Một số công ty xếp hạng ESG trên thị trường.....	39
Hình 10: Phương pháp tiếp cận 6 bước để xây dựng và triển khai kế hoạch hành động về ESG	41
Hình 11: Khung Tích hợp ESG.....	44
Hình 12: Cách tiếp cận Đánh giá chủ đề trọng yếu	46
Hình 13: Kết quả thể hiện về EEDI cho thấy sự chênh lệch về tính đa dạng giữa các công ty dẫn đầu với các công ty 'Không có phụ nữ trong hội đồng': Các công ty lớn có tính đa dạng cao hơn so với các công ty nhỏ	54
Hình 14: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Hyundai Motor trên toàn cầu	55
Hình 15: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons tại Việt Nam.....	55
Hình 16: Cách tiếp cận tính trọng yếu hai chiều.....	59
Hình 17: Cách tiếp cận Đánh giá chủ đề trọng yếu	60
Hình 18: Một số nguồn tham chiếu cho công tác đánh giá trọng yếu được tổng hợp bởi COSO và WBCSD.	61
Hình 19: Sơ đồ và hướng dẫn của SASB.....	62
Hình 20: Ví dụ về Hướng dẫn đánh giá chủ đề trọng yếu của <IR>: Đánh giá tầm quan trọng của chủ đề. Nguồn: Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports.....	64
Hình 21: Công cụ hỗ trợ sản xuất bền vững - OECD – Minh họa: Ma trận đánh giá ưu tiên vấn đề. Nguồn: OECD. Science, technology and innovation	65
Hình 22: Các khía cạnh trong chiến lược phát triển bền vững. Nguồn: EY.....	66
Hình 23: 3 bước giải quyết các vấn đề liên quan đến tính bền vững của chuỗi cung ứng.....	69
Hình 24: Vòng đời chuỗi cung ứng. Nguồn: EY	70
Hình 25: Cấu phần cốt lõi của một khung kiểm soát rủi ro.	72
Hình 26: Lập danh mục rủi ro liên quan phát triển bền vững.	73
Hình 27: Các bước để đưa các rủi ro về phát triển bền vững vào kiểm kê rủi ro có sẵn.	74
Hình 28: Giải pháp công nghệ cụ thể theo ngành có thể sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác và báo cáo phát triển bền vững. nguồn: Hội đồng Tư vấn Báo cáo Tài chính Châu Âu (EFRAG).	80
Hình 29: Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững.	82
Hình 30: Cấu trúc báo cáo phát triển bền vững	86
Hình 31: Các văn bản mang tính chất định hướng, chiến lược và kế hoạch hành động của Việt Nam có liên quan đến các chủ đề về phát triển bền vững.....	106

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cấu trúc Sổ tay	12
Bảng 2: Mối liên kết giữa một đề xuất hiệu quả về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) và việc tạo ra giá trị thông qua năm phương diện chính - Nguồn: McKinsey 2019	16
Bảng 3: Tổng hợp các Luật chính có liên quan đến một số nhóm chủ đề/chủ đề trong khía cạnh Xã hội.	26
Bảng 4: Tóm tắt một số văn bản liên quan đến quản trị doanh nghiệp theo các loại hình doanh nghiệp khác nhau.	27
Bảng 5: Các thông tin được khuyến nghị/yêu cầu báo cáo liên quan đến ESG dựa trên các quy định của Việt Nam.	29
Bảng 6: Khung Báo cáo Liên quan đến Khí hậu tại Việt Nam – Nguồn: 2022 Báo cáo Khí hậu năm 2022 tại ASEAN.....	34
Bảng 7: Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững theo định chế cụ thể trên thị trường Việt Nam	37
Bảng 8: Các tiêu chí đánh giá ESG	39
Bảng 9: Áp dụng các tiêu chí ưu tiên đối với rủi ro phát triển bền vững – Nguồn: Khung Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp ERM của COSO.....	75
Bảng 10: Các phương pháp đánh giá mức độ nghiêm trọng của rủi ro về ESG– Nguồn: Khung Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp ERM của COSO.....	75
Bảng 11: Cân nhắc về dữ liệu, tham số và giả định	75
Bảng 12: Nguồn dữ liệu gợi ý cho đánh giá rủi ro phát triển bền vững	76
Bảng 13: Phương pháp chính để xác định phạm vi và giới hạn báo cáo	87
Bảng 14: Quản trị – Yêu cầu chung trong báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững.....	88
Bảng 15: Quản trị – Cân nhắc bổ sung về yêu cầu công bố thông tin liên quan đến khí hậu	89
Bảng 16: Chiến lược – Các yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững .	90
Bảng 17: Chiến lược – Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu ..	92
Bảng 18: Quản trị rủi ro - Yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan phát triển bền vững	93
Bảng 19: Quản trị rủi ro –Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan khí hậu.....	94
Bảng 20: Mục tiêu và chỉ số – Yêu cầu chung cho báo cáo thông tin về phát triển bền vững.....	95
Bảng 21: Các chỉ số và mục tiêu khuyến nghị thực hiện báo cáo.....	96
Bảng 22: Chỉ số và Mục tiêu – Các cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo liên quan đến khí hậu	99
Bảng 23: Một số quy định ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp từ khi giai đoạn đầu tư đến khi vận hành.....	107
Bảng 24: Một số vấn đề chi tiết về Biến đổi khí hậu trong Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và Nghị định 06/2022.....	108
Bảng 25: Các Luật chính có liên quan đến một số nhóm chủ đề/chủ đề trong khía cạnh Xã hội.....	110
Bảng 26: Quy định về báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC	113
Bảng 27: Ví dụ về các kiểu công cụ tài chính bền vững.....	114
Bảng 28: Tổng quan về các tiêu chuẩn và khung báo cáo phát triển bền vững phổ biến ở quốc tế .	116
Bảng 29: Liên kết các Mục tiêu SDG chọn lọc phù hợp với GESI theo GRI,SASB & CDP.....	118
Bảng 30: Quản trị - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững.....	119
Bảng 31: Chiến lược - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững	119
Bảng 32: Quản trị rủi ro - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững	119
Bảng 33: Khuyến nghị chung về công bố thông tin về các chỉ tiêu và mục tiêu.....	120

HỘP THÔNG TIN

	Hộp 1: Các rủi ro liên quan đến khí hậu. Nguồn: TCFD.....	17
	Hộp 2: Nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc giải quyết các hệ quả của biến đổi khí hậu liên quan đến người dân.....	18
	Hộp 3: Quản trị doanh nghiệp liên quan đến ESG.....	28
	Hộp 4: Một số hướng dẫn về báo cáo và công bố thông tin ESG khác.....	30
	Hộp 5: Đánh giá, xếp hạng các doanh nghiệp phát triển bền vững tại Việt Nam.....	31
	Hộp 6: Công cụ hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững.....	31
	Hộp 7: Tích hợp Bình đẳng giới và Hòa hợp xã hội vào tài chính bền vững.....	38
	Hộp 8: Các Mục tiêu Phát triển Bền vững.....	52
	Hộp 9: Thiết lập quan điểm ủng hộ của cấp lãnh đạo với Bình đẳng Giới và Hòa nhập Xã hội (GESI) trong doanh nghiệp.....	53
	Hộp 10: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Hyundai Motor.....	55
	Hộp 11: Ví dụ - Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons.....	55
	Hộp 12: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp đem lại giá trị cho cộng đồng – EY Ripples.....	56
	Hộp 13: Chế độ Đãi ngộ đối với cấp Điều hành ở Unilever.....	57
	Hộp 14: Giải quyết sự chênh lệch về giới trong cơ hội nghề nghiệp và đãi ngộ ở các Doanh nghiệp Việt Nam.....	58
	Hộp 15: Ví dụ tham khảo về SASB – làm đánh giá cơ sở cho đánh giá chủ đề trọng yếu.....	62
	Hộp 16: Sáng kiến Nước tại Heineken.....	67
	Hộp 17: IFC FOCUS 15: Hội đồng phát triển bền vững: Cấu trúc và Triển khai.....	68
	Hộp 18: Những nhân tố cần cân nhắc khi xây dựng chính sách Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội (GESI).....	68
	Hộp 19: Tăng cường Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội trong chuỗi cung ứng thông qua cung cấp đầu vào, đầu ra và dịch vụ.....	72
	Hộp 20: Các cân nhắc để đánh giá mức độ nghiêm trọng của các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững – Nguồn: Khung Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp ERM của COSO.....	75
	Hộp 21: Nội dung xác nhận tuân thủ các tiêu chuẩn báo cáo toàn cầu và đảm bảo độc lập có giới hạn trong Báo cáo Phát triển bền vững của một doanh nghiệp trong ngành Thực phẩm.....	123
	Hộp 22: Chi tiết các khung và tiêu chuẩn của một doanh nghiệp trong ngành Dầu khí đã áp dụng trong báo cáo và thông tin của từng khung và tiêu chuẩn được áp dụng.....	124
	Hộp 23: Phạm vi báo cáo phát triển bền vững năm 2021 của Tập đoàn trong ngành Xây dựng và Bất động sản ở Việt Nam.....	124
	Hộp 24: Những vấn đề phát triển bền vững chủ chốt của một doanh nghiệp đa quốc gia trong ngành Thuốc lá vào năm 2021 được xác định thông qua đánh giá chủ đề trọng yếu.....	125
	Hộp 25: Biện pháp quản lý các chủ đề trọng yếu được nhận dạng năm 2021 của một doanh nghiệp đa quốc gia trong ngành Thuốc lá.....	127

	Hộp 26: Công bố thông tin về cấu trúc quản trị đối với phát triển bền vững của một doanh nghiệp trong ngành Hóa phẩm	129
	Hộp 27: Quản trị các vấn đề phát triển bền vững ở một doanh nghiệp trong ngành Hóa phẩm năm 2022	131
	Hộp 28: Chính sách đãi ngộ liên quan đến công tác phát triển bền vững đối với ban Điều hành năm 2018 của một doanh nghiệp trong ngành Sức khỏe và Dinh dưỡng	132
	Hộp 29: Mô hình kinh doanh và chiến lược sản phẩm năm 2022 của một doanh nghiệp trong ngành Công nghệ	132
	Hộp 30: Quản lý các bên liên quan trong báo cáo năm 2022 của một doanh nghiệp trong ngành Công nghệ	133
	Hộp 31: Tác động của các vấn đề phát triển bền vững đến kinh doanh của một Ngân hàng Châu Âu năm 2018	135
	Hộp 32: Phản ứng của một doanh nghiệp trong ngành Giao thông vận tải với rủi ro và cơ hội liên quan khí hậu	136
	Hộp 33: Khả năng ứng phó chiến lược dựa trên các kịch bản khí hậu tại của một doanh nghiệp trong ngành Xây dựng và Bất động sản năm 2023	138
	Hộp 34: Các quy trình và công cụ để nhận dạng, ưu tiên và quản lý rủi ro liên quan khí hậu của một Ngân hàng ở châu Âu vào năm 2021	139
	Hộp 35: Tích hợp rủi ro liên quan khí hậu vào khung đánh giá rủi ro tiêu chuẩn ở một Ngân hàng ở Châu Âu năm 2021	141
	Hộp 36: Ví dụ về báo cáo các chỉ tiêu phát triển bền vững của một doanh nghiệp ngành Vật liệu và Công trình tại châu Âu năm 2017	142
	Hộp 37: Ví dụ về báo cáo các mục tiêu phát triển bền vững của một doanh nghiệp chuyên sản xuất thép tại châu Âu năm 2017	144
	Hộp 38: Cơ sở báo cáo của các tiêu chí phát triển bền vững đã công bố của một Ngân hàng tại Châu Âu đối với Tổng phát thải các-bon phạm vi 1, 2, 3 trong vận hành năm 2022	145

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

	Từ viết tắt	Diễn giải (tiếng Anh)	Diễn giải (tiếng Việt)
A	ADB	Asian Development Bank	Ngân hàng Phát triển Châu Á
	AI	Artificial Intelligence	Trí tuệ Nhân tạo
	ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
B	BAU	Business As Usual	Kịch bản thông thường
	BSC	Balanced Scorecard	Thẻ điểm Cân bằng
	BSI	British Standards Institution	Viện tiêu chuẩn Anh Quốc
C	CBAM	Carbon Border Adjustment Mechanism	Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon
	CCDR	Country Climate and Development Report	Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển
	CDP	Carbon Disclosure Project	Dự án Công bố Các-bon
	CDSB	Climate Disclosure Standards Board	Ủy ban Tiêu chuẩn Công bố Khí hậu
	COSO	Committee of Sponsoring Organisations of the Treadway Commission	Ủy ban các Tổ chức Tài trợ của Hội đồng Treadwad
	CRA	Credit Rating Agency	Cơ quan Xếp hạng Tín dụng
	CSA	Corporate Sustainability Assessment	Đánh giá tính Bền vững của doanh nghiệp
	CSI	Corporate Sustainability Index	Chỉ số Doanh nghiệp Bền Vững
	CSRD	Corporate Sustainability Reporting Directive	Chỉ thị Báo cáo Phát triển Bền vững Doanh nghiệp
	DFI	Development Finance Institution	Viện Tài chính Phát triển
D	DNNN		Doanh nghiệp Nhà nước
	DNNVV		Doanh nghiệp nhỏ và vừa
	DNNY		Doanh nghiệp niêm yết
	EC	European Commission	Ủy ban châu Âu
E	EEDI	Employee Engagement, Diversity, and Inclusion	Gắn kết nhân viên, Đa dạng, Hòa nhập
	EFRAG	European Financial Reporting Advisory Group	Nhóm Tư vấn Báo cáo tài chính châu Âu
	ERM	Enterprise Risk Management	Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp
	ESG	Environmental, Social and Governance	Môi trường, Xã hội và Quản trị
	ESMA	European Securities Markets Authority	Cơ quan Giám sát Chứng khoán và Thị trường Châu Âu
	ESRS	European Sustainability Reporting Standards	Tiêu chuẩn Báo cáo bền vững của Châu Âu
	EVFTA	EU-Vietnam Free Trade Agreement	Thỏa thuận Thương mại Việt Nam – Châu Âu
	FDI	Foreign Direct Investment	Vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài
	FESE	Federation of European Securities Exchange	Liên đoàn Sở Giao dịch Chứng khoán Châu Âu
	FSB	Financial Stability Board	Ủy ban Ổn định Tài Chính
G	GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
	GESI	Gender Equality and Social Inclusion	Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội
	GFANZ	Glasgow Financial Alliance for Net Zero	Liên hiệp Tài chính Glasgow về Phát thải ròng bằng 0
	GRI	Global Reporting Initiative	Sáng kiến Báo cáo toàn cầu
	GSSB	Global Sustainability Standards Board	Ủy ban Tiêu chuẩn Quốc tế về Phát triển Bền vững
	GSS+	Green, Social, Sustainability, Sustainability-linked and Transition	Xanh, Xã hội, Bền vững, Liên kết bền vững và Chuyển đổi
	HR	Human Resources	Nguồn nhân lực
	HSBC	Hongkong Shanghai Banking Corporation	Tập đoàn Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải
	ICMA	International Capital Market Association	Hiệp hội thị Trường vốn Quốc tế
	ICCP	Intergovernmental Panel on Climate Change	Ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu
	ICP	Informed Consultation and Participation	Tham vấn và tham gia có nhận thức

Từ viết tắt	Diễn giải (tiếng Anh)	Diễn giải (tiếng Việt)
IDPG	International Development Partner Group	Nhóm đối tác Phát triển quốc tế
IFC	International Finance Corporation	Tổng Công ty Tài chính Quốc tế
IFI	International financial institution	Định chế tài chính quốc tế
IFRS	International Financial Reporting Standards	Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế
IIRC	International Integrated Reporting Council	Hội đồng báo cáo tích hợp quốc tế
IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
IPCC	Intergovernmental Panel on Climate Change	Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu
IPSC	Improving Private Sector Competitiveness	Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam
IR	Integrated Reporting	Báo cáo tích hợp
ISAE	International Standard on Assurance Engagements	Tiêu chuẩn quốc tế về cam kết đảm bảo
ISO	International Organization of Standardization	Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế
ISSB	International Sustainability Standards Board	Ban Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế
IT	Information Technology	Công nghệ thông tin
J JETP	Just Energy Transition Partnership	Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng
JICA	Japan International Cooperation Agency	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
K KKR	Kohlberg Kravis Roberts	
KNK		Khí nhà kính
KPI	Key Performance Indicators	Các chỉ số đo lường hiệu quả chính
L LMA	Loan Market Association	Hiệp hội thị trường cho vay
M MDB	Multilateral Development Bank	Ngân hàng phát triển đa phương
MPI	Major Payments Institution	Tổ chức thanh toán chính
MSCI	Morgan Stanley Capital International	Tổ chức Vốn quốc tế Morgan Stanley
N NBS	Network for Business Sustainability	Mạng lưới vì sự bền vững của doanh nghiệp
NDC	National Determined Contributions	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
NFRD	Non-Financial Reporting Directive	Chỉ thị báo cáo phi tài chính
NPL	Natural Language Processing	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên
O OECD	Organisation for Economic Co-operation and Development	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
P PTBV		Phát triển bền vững
R RBA	Responsible Business Alliance	Liên minh doanh nghiệp có trách nhiệm
S SASB	Sustainability Accounting Standards Board	Ban Chuẩn mực Kế toán Bền vững
SCORE	Sustaining Competitive and Responsible Enterprises	Dự án phát triển doanh nghiệp bền vững
SDG	Sustainable Development Goal	Mục tiêu Phát triển bền vững
SEC	U.S. Securities and Exchange Commission	Ủy ban Chứng khoán và Trao đổi Hoa Kỳ
SECO	Swiss State Secretariat for Economic Affairs	Ban Thư ký Nhà nước về các vấn đề kinh tế
SMBC	Sumitomo Mitsui Banking Corporation	Tập đoàn Sumitomo Mitsui Banking
SPI	Sustainability Progress Index	Bảng chỉ số Tiến độ Phát triển bền vững
SVI	Social Value International	Giá trị xã hội quốc tế
T TCFD	Task Force on Financial Disclosure	Lực lượng đặc nhiệm về công bố tài chính
U UBCKNN		Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

	Từ viết tắt	Diễn giải (tiếng Anh)	Diễn giải (tiếng Việt)
	UK PACT	United Kingdom Partnering for Accelerated Climate Transitions	Chương trình Hợp tác Thúc đẩy chuyển dịch vì khí hậu
	UNDP	United Nations Development Programme	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
	UNGC	United Nations Global Compact	Hiệp ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc
	UN PRI	United Nations Principles of Responsible Development	Nguyên tắc Phát triển có trách nhiệm của Liên hợp quốc
	USAID	U.S. Agency for International Development	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
V	VBCSD	Vietnam Business Community for Sustainable Development	Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam
	VCCI	Vietnam Chamber of Commerce and Industry	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
	VNĐ		Việt Nam Đồng
	VSO	Voluntary Service Overseas	Dịch vụ từ thiện Xuyên biên giới
W	WBG	World Bank Group	Nhóm Ngân hàng Thế giới
	WBCSD	World Business Council for Sustainable Development	Hội đồng doanh nghiệp thế giới vì sự phát triển bền vững
	WEF	World Economic Forum	Diễn đàn Kinh tế Thế giới

GIỚI THIỆU

1. Tổng quan về Sổ tay

Trong bối cảnh Việt Nam hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh doanh bền vững và xây dựng một nền kinh tế xanh, bao trùm. Kinh doanh bền vững không chỉ giúp doanh nghiệp tăng cường năng lực cạnh tranh mà còn góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng, và thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội một cách toàn diện. Đến nay, hoạt động phát triển bền vững và công bố báo cáo Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) đã được các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp niêm yết lớn ủng hộ mạnh mẽ, song chưa lan tỏa rộng rãi đến mọi quy mô doanh nghiệp Việt Nam. Đặc biệt, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) – dù đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế – vẫn gặp nhiều thách thức trong việc thực hiện ESG do thiếu kiến thức và nguồn lực.

Trên cơ sở đó, Cục Phát triển Doanh nghiệp Tư nhân và Kinh tế Tập thể (APED), Bộ Tài chính (MOF), thông qua Chương trình Hợp tác Thúc đẩy chuyển dịch vì khí hậu của Chính phủ Anh (UK PACT), đã triển khai các hỗ trợ kỹ thuật trong hướng dẫn chuyển đổi ESG, hướng tới nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tài chính bền vững; giúp khơi thông các nguồn vốn huy động phục vụ vào quá trình chuyển dịch các-bon thấp, góp phần thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và đạt được mục tiêu về phát thải ròng bằng 0 của Việt Nam. Quỹ Châu Á (The Asia Foundation), phối hợp cùng Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (‘EY Việt Nam’) với vai trò là đơn vị cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, đã được lựa chọn là Đơn vị triển khai cho toàn bộ phạm vi công việc của Hoạt động trong khuôn khổ Chương trình UK PACT.

Trong khuôn khổ nhóm hoạt động nhằm góp phần thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và Quyết định 167/QĐ-TTg 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025, Chương trình UK PACT đã biên soạn và phát hành **“Sổ tay hướng dẫn khung triển khai ESG và lập báo cáo ESG”** (sau đây gọi tắt là ‘Sổ tay’). Sổ tay này nhằm đưa ra hướng dẫn về khung triển khai cho các doanh nghiệp tại Việt Nam trong việc thực hành và triển khai ESG trong quản trị, chiến lược và vận hành để ứng phó với các rủi ro, cơ hội và nâng cao năng lực báo cáo về phát triển bền vững, đảm bảo tuân thủ với các yêu cầu pháp lý và thông lệ hàng đầu trong nước và quốc tế. Thêm vào đó, Sổ tay sẽ đưa ra các đề xuất khuyến nghị cho doanh nghiệp về phương án ứng phó với các rủi ro khí hậu đang ngày càng gia tăng. Sổ tay nhằm hướng tới tất cả các đối tượng tổ chức và doanh nghiệp, bao gồm cả các tổ chức và doanh nghiệp dự kiến triển khai hoặc đang trong quá trình triển khai chuyển đổi ESG và công bố thông tin ESG.

Sổ tay được cấu trúc thành 3 phần như trình bày trong Bảng 1 dưới đây để doanh nghiệp có thể tìm hiểu và tra cứu các nội dung quan tâm.

Bảng 1: Cấu trúc Sổ tay

CẤU TRÚC SỔ TAY	NỘI DUNG CHI TIẾT
PHẦN 1: BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	1. Tổng quan về bối cảnh ESG - Khái niệm Môi trường, Xã hội, Quản trị (ESG) - Tổng quan về xu thế ESG toàn cầu và bối cảnh thị trường Việt Nam. 2. Tổng quan về hệ thống quy định pháp luật - Tóm tắt các điểm nổi bật trong hệ thống văn bản quy định pháp luật hiện hành về thực hành ESG và báo cáo ESG trên thế giới và Việt Nam mà các doanh nghiệp tại Việt Nam cần quan tâm. 3. Các Tiêu chuẩn và Khung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững - Giới thiệu các Tiêu chuẩn và Khung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững quan trọng trên thế giới và tại Việt Nam. 4. Các yêu cầu của nhà đầu tư liên quan đến Tài chính bền vững - Các yêu cầu của nhà đầu tư về thực hành bền vững và công bố thông tin phát triển bền vững

- Các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến tài chính bền vững.

PHẦN 2:
**HƯỚNG DẪN
KHUNG TRIỂN
Khai ESG TRONG
QUẢN TRỊ VÀ VẬN
HÀNH DOANH
NGHIỆP**
1. Phương pháp tiếp cận 6 bước xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động về ESG

Mô tả và hướng dẫn áp dụng phương pháp tiếp cận 6 bước xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động về ESG dựa trên Khung Mô hình Năng lực ESG do EY xây dựng.

2. Các công cụ hỗ trợ và nguồn tham khảo hướng dẫn triển khai và chuyển đổi ESG trong quản trị, vận hành, dữ liệu & báo cáo và giám sát

Giới thiệu các công cụ, phương pháp, các thông lệ tốt và nguồn tham chiếu để hỗ trợ doanh nghiệp trong triển khai và chuyển đổi ESG trong quản trị, vận hành, dữ liệu & báo cáo và giám sát.

PHẦN 3:
**CÔNG BỐ THÔNG
TIN PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**
1. Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững

Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững.

2. Các nguyên tắc báo cáo và công bố thông tin về phát triển bền vững

Mô tả các nguyên tắc xác định nội dung và yêu cầu chất lượng của báo cáo phát triển bền vững.

3. Cấu trúc báo cáo phát triển bền vững

Trình bày cấu trúc chung của báo cáo phát triển bền vững, bao gồm danh mục các nội dung chính về công bố thông tin phát triển bền vững, bao gồm các yêu cầu báo cáo về đến khí hậu cho các doanh nghiệp.

Thêm vào đó, với kỳ vọng ngày càng tăng của các bên liên quan về đảm bảo tính đa dạng và hòa nhập đối với nguồn nhân lực, xuyên suốt Sổ tay sẽ bao gồm một số khuyến nghị về Đa dạng và Hòa nhập (Diversity and Inclusion) để doanh nghiệp tham khảo.

Các Hộp thông tin cũng được đưa ra trong Sổ tay, bao gồm các nội dung về: (1) Hướng dẫn cụ thể hoặc thông tin bổ sung, (2) Các điển hình hoặc ví dụ, hoặc (3) Các nội dung với trọng tâm Đa dạng và Hòa nhập, được ký hiệu như sau:

Các ký hiệu sau đây thể hiện:
**Hướng dẫn hoặc thông tin
bổ sung**

Điển hình hoặc ví dụ

**Nội dung trọng tâm về Đa
dạng và hòa nhập**


PHẦN 1: BỐI CẢNH ESG

1. Bối cảnh ESG

1.1 Tại sao cần triển khai ESG?

Sự gia tăng trong các biến cố tự nhiên và xã hội đã và đang ảnh hưởng đáng kể đến nhiều lĩnh vực ngành nghề, xã hội và nền kinh tế trên toàn cầu. Các chính phủ, doanh nghiệp và nhà đầu tư đang thực hiện tái định hướng và chuyển đổi trong bối cảnh mới để có thể kịp thời và sẵn sàng ứng phó với các rủi ro và cơ hội trong tương lai. Trong đó, việc thực hiện triển khai và tích hợp các yếu tố Môi trường, Xã hội, Quản trị (ESG) vào chiến lược, hoạt động kinh doanh cốt lõi sẽ giúp doanh nghiệp bảo vệ và kiến tạo giá trị dài hạn cho nhà đầu tư, nhân viên, khách hàng và tất cả các bên liên quan khác.

Thuật ngữ **Môi trường, Xã hội và Quản trị** (Environmental, Social and Governance (ESG)) thường được sử dụng tương đương với thuật ngữ **phát triển bền vững** (PTBV) dành cho doanh nghiệp. Phạm vi của ESG bao gồm nhưng không giới hạn ở những chủ đề sau đây:

Hình 1: Các chủ đề phổ biến đối với ESG - Nguồn: EY¹



1.1.1. Nhu cầu của các bên liên quan định hình quá trình chuyển đổi bền vững

Các cơ quan quản lý, các nhà đầu tư, đội ngũ nhân viên và các bên liên quan khác đang yêu cầu doanh nghiệp công bố thông tin nhiều hơn, nhằm hiểu thêm về cách doanh nghiệp xác định và ứng phó với các rủi ro & cơ hội về ESG. Việc này cho thấy phát triển bền vững là một yếu tố chiến lược tất yếu đối với các doanh nghiệp để có thể vận hành một cách thành công trong dài hạn.

Về phía các cơ quan quản lý:

- Các chính phủ trên thế giới đang gia tăng áp lực, yêu cầu các doanh nghiệp phải kinh doanh bền vững. Các chế tài xử phạt của chính phủ đối với việc không tuân thủ các quy định về biến đổi khí hậu đã gây tổn thất cho các doanh nghiệp trên khắp thế giới. Theo báo cáo 'Why Sustainability has become a corporate imperative' năm 2021 của EY, các chính phủ có thể sẽ gia tăng áp dụng các quy định pháp luật bắt buộc về PTBV nếu các doanh nghiệp không hành động.²

¹ EY (2021). Setting the ESG agenda to achieve sustainable long-term value. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_my/topics/climate-change/ey-ty-setting-the-esg-agenda-to-achieve-long-term-value.pdf?download - p. 4

² Eitelwein, O., & Paquet, S. (2021, June 4). Why Sustainability has become a corporate imperative. Retrieved from EY Parthenon: https://www.ey.com/en_gl/insights/strategy/why-sustainability-has-become-a-corporate-imperative

- Nhiều cơ quan quản lý trên thế giới đang tạo áp lực công bố thông tin và triển khai ESG đối với các doanh nghiệp niêm yết (DNNY).
- Các quy định toàn cầu về báo cáo ESG liên tục yêu cầu nâng cao tính nhất quán, chính xác và minh bạch của thông tin được công bố.

Về phía các nhà đầu tư:

- Thị trường vốn đang đẩy mạnh việc đưa các chỉ số ESG vào quyết định đầu tư do mối liên hệ của chúng với hiệu quả tài chính và khả năng cạnh tranh dài hạn.
- Các doanh nghiệp đi đầu trong ESG đang hưởng lợi từ chi phí vốn thấp hơn.
- Hiệu suất ESG cao hơn có thể cải thiện quan điểm của các bên liên quan.
- Theo một khảo sát gần đây của EY, 90% các tổ chức đầu tư toàn cầu sẽ xem xét lại việc đầu tư nếu các doanh nghiệp không cân nhắc các tiêu chí ESG trong mô hình kinh doanh.³

Hình 2: Ba yếu tố chính thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp triển khai ESG



Về phía đội ngũ nhân viên và các bên liên quan khác:

- Đội ngũ nhân viên:** Việc thực hành quản lý ESG giúp tăng cường quan hệ lao động trong doanh nghiệp. Các doanh nghiệp mang lại nhiều giá trị cho môi trường và xã hội thường sẽ thu hút và giữ được nhân tài tốt hơn.
- Xu hướng của các doanh nghiệp trên thế giới:** Nhiều doanh nghiệp đang triển khai chiến lược cốt lõi về thực hành bền vững như do tiềm năng lợi ích của các cơ hội phát triển bền vững và xu hướng tìm kiếm công việc “có ý nghĩa” của các nhân sự hiện nay.
- Người tiêu dùng:**
 - Nhu cầu của người tiêu dùng đối với sản phẩm bền vững đang ngày một tăng lên. Họ sẵn lòng xem xét lại thói quen mua sắm của mình để đảm bảo lợi ích môi trường và xã hội trong quyết định mua hàng. Điều này có nghĩa là thị trường có thể sẽ thay đổi và mở ra những cơ hội mới để khai thác giá trị tiêu dùng.
 - Doanh thu từ sản phẩm bền vững đang tăng trưởng mạnh so với các sản phẩm khác. Trong những năm tới, người tiêu dùng sẽ ngày càng ưa chuộng sản phẩm hoặc dịch vụ ít gây hại cho môi trường, sức khỏe con người và xã hội.
 - Xu hướng này đặc biệt được đẩy mạnh bởi thế hệ trẻ hơn – là thế hệ với ý nghĩ rằng tương lai của họ có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi các hậu quả của biến đổi khí hậu.
- Thế hệ Z (Gen Z) đang nổi lên:** Theo báo cáo năm 2021 của EY về ‘Building long— term business resilience’, là người tiêu dùng, nhà đầu tư và nhân viên, Gen Z có thể đưa ra những kỳ vọng khác biệt liên quan đến phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội, công nghệ và đạo đức; những người thuộc nhóm này thường có suy nghĩ tiến bộ hơn về các vấn đề xã hội so với các thế hệ trước và cùng cam kết với hành trình phát triển bền vững toàn cầu.⁴

1.1.2. ESG kiến tạo giá trị lâu dài như thế nào?

Các nhà đầu tư, người tiêu dùng, chính phủ và các bên liên quan khác đang ngày càng đẩy mạnh chuyển đổi phát triển bền vững và các doanh nghiệp trong nước cần xem xét thực hiện sự chuyển đổi này để tạo dựng giá trị lâu dài.

Bài viết của McKinsey Quarterly 2019 với tiêu đề “Năm cách thức ESG giúp kiến tạo giá trị”⁵ giúp doanh nghiệp hiểu việc triển khai ESG hiệu quả có thể tạo ra giá trị và mối liên kết với dòng tiền thông qua 5

³ EYGM Limited. (2018). Global Institutional Investor Survey 2018.

⁴ EY and Indian Chamber of Commerce (2021, March). Building long— term business resilience. Retrieved from EY: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_in/topics/climate-change/2021/05/building-long-term-business-resilience.pdf?download

⁵ Henisz, W., Koller, T., & Nuttall, R. (2019, November 14). Five ways that ESG Creates Value. Retrieved from McKinsey: <https://www.mckinsey.com/capabilities/strategy-and-corporate-finance/our-insights/five-ways-that-esg-creates-value>

phương diện, bao gồm: (1) thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, (2) giảm chi phí, (3) hạn chế sự can thiệp từ quy định và pháp luật, (4) tăng năng suất nhân viên, và (5) tối ưu hóa đầu tư và chi tiêu vốn. Các doanh nghiệp nên tận dụng năm đòn bẩy này để nắm bắt các cơ hội về ESG - như được tóm tắt trong Bảng dưới đây.

Bảng 2: Mối liên kết giữa một đề xuất hiệu quả về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) và việc tạo ra giá trị thông qua năm phương diện chính - Nguồn: McKinsey 2019⁶

Mô tả	
Tăng trưởng doanh thu	- ESG thúc đẩy tăng trưởng doanh thu bằng cách cho phép tiếp cận thị trường mới và mở rộng thị trường hiện có - Khi có được sự tin tưởng từ phía các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp có khả năng cao hơn trong việc được cấp phép, phê duyệt, mở ra cơ hội mới cho tăng trưởng - ESG cũng thay đổi về ưu tiên lựa chọn của người tiêu dùng, cho phép các doanh nghiệp bền vững có thể thu mức phí cao hơn
Giảm chi phí	- Giảm bớt và loại bỏ chất thải thông qua cải thiện chính sách quản lý tài nguyên - Giảm tác động môi trường trên chuỗi giá trị và giảm chi phí thông qua triển khai quản lý chuỗi cung ứng bền vững - Đổi mới và cải tiến các quy trình hiện có
Tác động của các quy định pháp luật	- Giảm nguy cơ rủi ro về pháp lý đối với hoạt động của doanh nghiệp. - Tạo dựng sự hỗ trợ từ chính phủ
Nâng cao Năng suất	- Thu hút và giữ chân những nhân viên trình độ cao - Nâng cao động lực cho nhân viên thông qua truyền thông về ý nghĩa và mục đích công việc, từ đó, thúc đẩy tăng năng suất
Đầu tư và Tối ưu hóa Tài sản	- Tăng cường lợi tức đầu tư bằng cách phân bổ vốn tốt hơn cho dài hạn - Tránh đầu tư vào những lĩnh vực có thể sẽ không hiệu quả do các vấn đề môi trường trong dài hạn - Cải thiện khả năng tiếp cận nguồn vốn khi ESG là một trong những tiêu chí tiên quyết mà nhà đầu tư cân nhắc trong quá trình đưa ra quyết định đầu tư của họ

1.2 Xu thế triển khai ESG trên thế giới - Rủi ro và Cơ hội

1.2.1. Rủi ro liên quan đến ESG

Bối cảnh rủi ro toàn cầu đang thay đổi

Trong vài thập niên trở lại đây – cụ thể là 10 năm gần đây – các rủi ro liên quan đến ESG ngày càng gia tăng nhanh chóng. Theo đó, sự giám sát trong quản lý những rủi ro này cũng yêu cầu mức độ tập trung cao hơn.

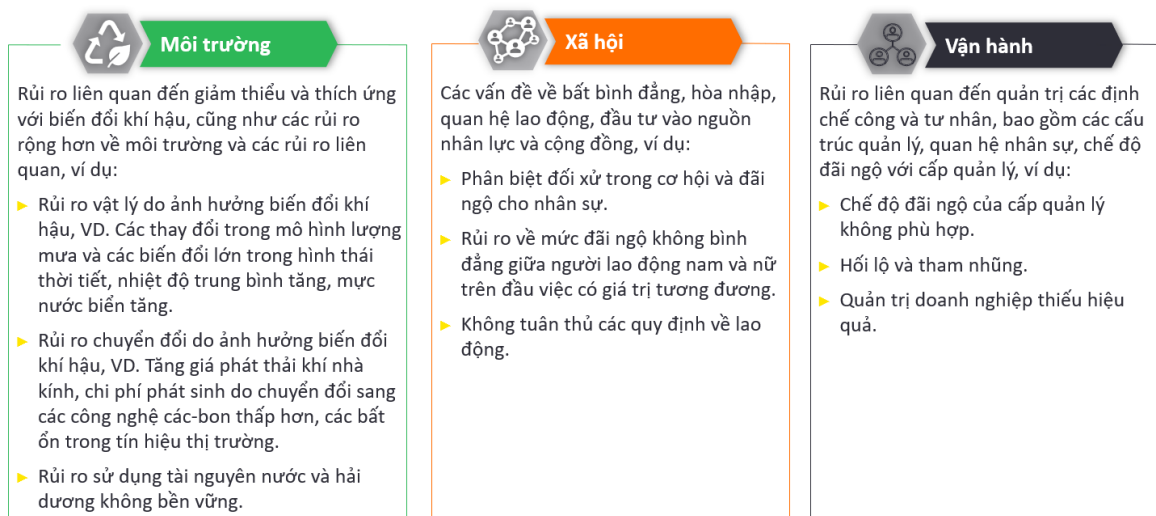
Theo Báo cáo Rủi ro Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF)⁷, các rủi ro về môi trường và xã hội đang là trọng điểm về rủi ro toàn cầu trong thập niên tới. Tất cả 05 rủi ro đứng đầu toàn cầu đều thuộc lĩnh vực môi trường và xã hội, bao gồm rủi ro về thất bại trong giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, thảm họa thiên nhiên và các sự kiện thời tiết khắc nghiệt, mất đa dạng sinh học và sụp đổ hệ sinh thái, cùng với tình trạng buộc phải di cư trên diện rộng. Đối với các doanh nghiệp, sự thay đổi về bối cảnh rủi ro toàn cầu cho thấy các rủi ro về phát triển bền vững có thể hiện diện nhanh chóng và nghiêm trọng hơn.

⁶ Henisz, W., Koller, T., & Nuttall, R. (2019, November 14). Five ways that ESG Creates Value. Retrieved from McKinsey: <https://www.mckinsey.com/capabilities/strategy-and-corporate-finance/our-insights/five-ways-that-esg-creates-value>

⁷ World Economic Forum (2023, January). The Global Risks Report 2023, 18th Edition. Retrieved from World Economic Forum: <https://www.weforum.org/reports/global-risks-report-2023/>

Rủi ro liên quan đến ESG là những rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị có thể ảnh hưởng đến một doanh nghiệp.

Hình 3: Những rủi ro liên quan đến ESG- Nguồn: EY⁸



Hộp 1: Các rủi ro liên quan đến khí hậu. Nguồn: TCFD⁹

Một yếu tố quan trọng của khung báo cáo chung về công bố tài chính liên quan đến khí hậu là sự phân loại các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu một cách nhất quán.

Financial Stability Board (FSB) (Ủy ban Ổn định Tài Chính) đã thành lập Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Tài chính liên quan đến Khí Hậu (TCFD) để cải thiện và tăng cường báo cáo thông tin tài chính liên quan đến khí hậu. TCFD chia các rủi ro liên quan đến khí hậu thành hai nhóm phân loại chính: (1) rủi ro liên quan đến sự chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp hơn và (2) rủi ro liên quan đến tác động vật lý của biến đổi khí hậu.

a. Rủi ro chuyển đổi

Việc chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp hơn có thể kéo theo các thay đổi lớn về chính sách, pháp lý, công nghệ và thị trường để giải quyết các yêu cầu về giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tùy thuộc vào tính chất, tốc độ và trọng tâm của những thay đổi này, rủi ro chuyển đổi có thể có nhiều mức độ rủi ro khác nhau về tài chính và danh tiếng đối với doanh nghiệp.

b. Rủi ro vật lý

Rủi ro vật lý do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu có thể do một sự kiện (cấp tính) hoặc sự chuyển đổi dài hạn (mãn tính) trong các mô hình khí hậu. Những rủi ro vật lý có thể có hệ quả tài chính đối với doanh nghiệp, ví dụ như thiệt hại trực tiếp tới tài sản và các tác động gián tiếp đến từ gián đoạn chuỗi cung ứng. Hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp có thể cũng bị ảnh hưởng bởi các thay đổi về mức độ sẵn có, nguồn cung ứng và chất lượng nước; an toàn thực phẩm; và những thay đổi nhiệt độ khắc nghiệt ảnh hưởng đến tài sản, vận hành, chuỗi cung ứng, nhu cầu vận chuyển và an toàn lao động của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, theo báo cáo năm 2023 của EY về ‘Sustainability governance, risk and compliance (GRC) – Solution narrative’, để ứng phó với các rủi ro liên quan đến ESG đang gia tăng và đáp ứng các yêu cầu từ phía xã hội, nhà đầu tư và trong phạm vi ngành, lĩnh vực, cũng như các yêu cầu pháp luật và quy định mới về môi trường, các doanh nghiệp đang đối mặt với nhiều thách thức¹⁰, bao gồm:

- Phạm vi đa dạng của các vấn đề về phát triển bền vững mà chưa có tiền lệ:** Rủi ro mới hoặc đang gia tăng như biến đổi khí hậu thường khó để nhận diện, cùng với đó, ảnh hưởng trên khía cạnh tài chính hoặc kinh doanh của những rủi ro này trong quá khứ lại không rõ ràng hoặc khó có thể đo lường được tức thời.

⁸ EY. (May 2023). Global Sustainable Finance. ESG Risk Management: Risk and Control Frameworks.
⁹ Task Force on Climate-related Financial Disclosures. Retrieved from TCFD: <https://www.fsb-tcfd.org/>
¹⁰ EY. (2023, January). Sustainability governance, risk and compliance (GRC) – Solution narrative.

- b. **Yêu cầu đầu tư lớn hơn vào dữ liệu và công nghệ:** Mức độ trưởng thành còn hạn chế của các công nghệ hỗ trợ về phát triển bền vững và triển khai ESG, cùng với nhu cầu về tính minh bạch của nguồn dữ liệu ở tất cả các lĩnh vực đang đặt ra các yêu cầu khắt khe và chi tiết hơn và từ đó, tăng yêu cầu về vốn đầu tư.
- c. **Thiếu những chỉ số và khung triển khai chung cho phát triển bền vững:** Theo báo cáo của EY về 'The future of sustainability reporting standards', ước tính có khoảng 600 tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững trên toàn cầu¹¹, song song với việc thị trường và khung pháp lý đang liên tục thay đổi, các doanh nghiệp đang gặp nhiều thách thức để thực hiện báo cáo minh bạch, nhất quán và đảm bảo có thể so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành.
- d. **Các cách tiếp cận thiếu hệ thống:** Nhiều doanh nghiệp thực hiện quản lý các vấn đề phát triển bền vững trên cơ sở đối phó, không có cách tiếp cận thống nhất, chiến lược hay sự giám sát toàn diện, chặt chẽ.
- e. **Rủi ro liên quan đến ESG không được tích hợp:** Hạn chế trong việc tích hợp ESG vào mô hình quản trị và giám sát hiện hành có khả năng dẫn tới các thiếu sót liên quan đến quản lý rủi ro trong toàn bộ doanh nghiệp.



Hộp 2: Nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc giải quyết các hệ quả của biến đổi khí hậu liên quan đến người dân

Các cộng đồng, nhóm và cá nhân dễ tổn thương bị ảnh hưởng mạnh mẽ hơn bởi các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu so với các nhóm khác. Theo Hội đồng Liên minh Chính phủ về Biến đổi Khí hậu, “những đối tượng dễ bị tổn thương về mặt xã hội, kinh tế, chính trị, thể chế đặc biệt nhạy cảm với biến đổi khí hậu và cả các biện pháp giảm thiểu và thích ứng.”¹²

Như đã nêu trong ‘Các câu hỏi thường gặp về nhân quyền và biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc’ (Tờ trình số 38)¹³, “vì vậy, ngăn chặn và ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu phải là một quá trình có nhiều sự tham gia nhằm trao quyền cho tất cả, cho phép họ hành động như các tác nhân của sự thay đổi”.

Tờ Trình cũng nhấn mạnh trách nhiệm độc lập của doanh nghiệp đối với người dân và cộng đồng, đồng thời đưa ra các khuyến nghị về hành động của doanh nghiệp bao gồm:

- “Có chính sách rõ ràng về cam kết và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người dân và cộng đồng, bao gồm cả việc giảm thiểu biến đổi khí hậu và các biện pháp cụ thể khác;
- Triển khai quy trình thẩm định hoạt động của doanh nghiệp theo cam kết để xác định, ngăn chặn, giảm thiểu và ghi nhận về cách doanh nghiệp giải quyết các tác động đến người dân và cộng đồng. Thực hiện đánh giá về tác động xã hội và môi trường là một phần không thể thiếu trong quá trình này;
- Có các quy trình cho phép khắc phục mọi tác động tiêu cực đến người dân và cộng đồng mà doanh nghiệp gây ra hoặc góp phần tác động, bao gồm cả việc phát thải khí nhà kính và chất thải độc hại trực tiếp hoặc gián tiếp.”

1.2.2. Cơ hội mở ra thông qua triển khai ESG

Theo báo cáo ESG: Từ thách thức đến cơ hội của UNDP,¹⁴ mặc dù việc triển khai và công bố ESG đòi hỏi sự thay đổi đáng kể về mặt tổ chức nhưng cũng đồng thời mở ra nhiều cơ hội mới, tạo ra doanh thu dài hạn, và giúp mở rộng sang các thị trường đầy tiềm năng hoặc giảm chi phí.

Đối với doanh nghiệp:

- a. Khung ESG giúp doanh nghiệp đo lường tác động đối với môi trường, cộng đồng nơi doanh nghiệp vận hành hoặc xã hội nói chung và thiết lập các mục tiêu kinh doanh nhằm cân bằng lợi nhuận với các mục tiêu phát triển bền vững.
- b. Áp dụng các tiêu chuẩn ESG giúp tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi của doanh nghiệp trước các rủi ro phi tài chính như biến đổi khí hậu, đột phá công nghệ, từ đó giúp doanh

¹¹ EY. (2021, June). The future of sustainability reporting standards. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_gl/topics/sustainability/ey-the-future-of-sustainability-reporting-standards-june-2021.pdf

¹² Intergovernmental Panel on Climate Change. (2014). Climate Change 2014: Impacts, Adaptation, and Vulnerability. Part A: Global and Sectoral Aspects - p. 50.

¹³ United Nations, Human Rights. (2021). Fact sheet no.38, Frequently Asked Questions on Human Rights and Climate Change. Retrieved from: https://www.ohchr.org/sites/default/files/Documents/Publications/FSheet38_FAQ_HR_CC_EN.pdf

¹⁴ UNDP (2024, January). ESG: From Challenges to Opportunities. Retrieved from: <https://www.undp.org/belarus/stories/esg-challenges-opportunities>

nghiệp cắt giảm chi phí thông qua xây dựng các chiến lược thích ứng và giảm thiểu tác động phù hợp.

- c. ESG mở ra cơ hội tiếp thị mới cho doanh nghiệp và rút ngắn khoảng cách giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng. Việc giải quyết các vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị có thể được sử dụng để định vị một doanh nghiệp có trách nhiệm với những tác động tích cực đến xã hội.
- d. Việc nâng cao vị thế xã hội và danh tiếng của doanh nghiệp thông qua các hoạt động ESG tạo điều kiện để thu hút và giữ chân nhân tài do ngày càng có nhiều người chú ý đến giá trị và văn hóa doanh nghiệp của nhà tuyển dụng khi lựa chọn nơi làm việc.

Đối với khách hàng: Xếp hạng ESG là thước đo để đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tính sẵn sàng của doanh nghiệp trong việc giải quyết các vấn đề môi trường và xã hội, từ đó đưa ra các quyết định mua hàng phù hợp với giá trị và nhu cầu.

Đối với chính phủ: Việc thực hiện báo cáo ESG một cách rộng rãi giúp đo lường những đóng góp của các doanh nghiệp trong việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs). Nhờ đó, việc lập kế hoạch ngân sách công cho SDG và xác định nhu cầu tài trợ trực tiếp cho các lĩnh vực cần thiết sẽ dễ dàng hơn.

1.3 Bối cảnh thị trường Việt Nam

Với sự thay đổi về khung pháp lý tại Việt Nam hướng tới PTBV, các doanh nghiệp tại Việt Nam đã và đang bắt đầu hành động để kịp thời ứng phó với các rủi ro về phát triển bền vững, đặc biệt là các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu.

Về điều kiện tự nhiên, Việt Nam đặc biệt nhạy cảm với các tác động của biến đổi khí hậu do sở hữu đường bờ biển dài 3.300 km và nhiều thành phố nằm ở vùng trũng và các vùng đồng bằng ven sông. Tính đến năm 2021, Việt Nam xếp hạng 3 trên 10 quốc gia ASEAN có khả năng chịu tác động cao nhất với các sự kiện thời tiết khắc nghiệt và biến đổi khí hậu.¹⁵ Việt Nam xếp hạng 127 trong số 182 quốc gia theo Sáng kiến Thích ứng Biến đổi Khí hậu Toàn cầu Notre Dame (ND-GAIN) và đứng thứ 13 trong số 180 quốc gia theo Chỉ số Rủi ro Khí hậu Toàn cầu Germanwatch giai đoạn 2000-2019. Việt Nam cũng chưa chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với các hiện tượng cực đoan, nhiệt độ nóng hơn và mực nước biển dâng (xếp thứ 91 trong số 192 quốc gia theo Chỉ số Sẵn sàng ND-GAIN). Việt Nam là một trong những nền kinh tế có cường độ phát thải khí nhà kính cao nhất khu vực Đông Á (được đo bằng lượng phát thải trên một đơn vị sản lượng), tương đương với Indonesia, nhưng cao hơn nhiều so với Trung Quốc hay Philippines. Theo báo cáo về Khí hậu và Phát triển quốc gia Việt Nam của tổ chức Ngân hàng Thế giới năm 2022, tăng trưởng kinh tế, đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh chóng của đất nước trong 30 năm qua dựa trên nguồn năng lượng phụ thuộc vào than đã sản sinh lượng phát thải khí nhà kính đáng kể.

Các tác động của biến đổi khí hậu đang làm chậm lại tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Theo tính toán sơ bộ trong Phân tích Quốc gia về Môi trường (CEA) năm 2021 của World Bank cho thấy năm 2020 Việt Nam đã thiệt hại 10 tỷ USD, tương đương 3,2% GDP, do tác động của biến đổi khí hậu.¹⁶ Phân tích này cũng dự báo về quy mô tăng nhanh của những thiệt hại này đối với Việt Nam, từ đó, nhấn mạnh tính cấp thiết trong việc thực hiện thích ứng với các rủi ro về biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu có thể làm giảm tốc độ tăng năng suất lao động, tăng chi phí giải nhiệt do nhiệt độ cao hơn và gây hại cho sức khỏe con người.

Báo cáo về Khí hậu và Phát triển quốc gia Việt Nam của tổ chức Ngân hàng Thế giới năm 2022¹⁷ cũng đề cập rằng các lĩnh vực dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu là khai khoáng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp, bán buôn, bán lẻ, và khách sạn/nhà ở. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp có các khoản đầu tư lớn và dài hạn vào các dây chuyền sản xuất phát thải cao, khiến sản phẩm của họ có nguy cơ bị mất khả năng cạnh tranh ở các thị trường xuất khẩu đang ngày càng “sạch” hơn.

Báo cáo này cũng đề xuất Việt Nam chuyển dịch mô hình phát triển bằng cách tích hợp hai phương hướng chủ chốt – phương hướng nâng cao khả năng ứng phó và phương hướng giảm thiểu các-bon

¹⁵ University of Notre Dame. (2021). Rankings. Retrieved from: <https://gain.nd.edu/our-work/country-index/rankings/>

¹⁶ World Bank. 2021 (chưa xuất bản). “Accelerating Clean, Green, and Climate-Resilient Growth.” Vietnam Country Environmental Analysis.

¹⁷ The World Bank. (2022, July 3). Key Highlights: Country Climate and Development Report for Vietnam. Retrieved from World Bank: [Key Highlights: Country Climate and Development Report for Vietnam \(worldbank.org\)](https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview)

– để hỗ trợ quốc gia cân bằng những mục tiêu phát triển với các rủi ro khí hậu đang gia tăng. Việc này đặt ra yêu cầu cần có những nỗ lực triệt để nhằm giúp Việt Nam đạt được cam kết quốc gia phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, một trong số đó là sự hoàn thiện của khung pháp lý để đảm bảo tuân thủ trong cả khu vực kinh tế công và tư nhân.

Nhiều nhân tố khác nhau chỉ ra rằng thị trường Việt Nam đang trên lộ trình đúng đắn hướng đến phát triển bền vững, đặc biệt là trong hoạt động kinh doanh và công bố thông tin. Những xu hướng này phần lớn được thúc đẩy bởi nhu cầu từ các bên liên quan ở Việt Nam, bao gồm nỗ lực và áp lực của Chính phủ và yêu cầu của nhà đầu tư, khách hàng tại các thị trường xuất khẩu.

Chính phủ Việt Nam đã tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2021 – 2030, nhấn mạnh việc huy động tài nguyên hiệu quả bao gồm tài nguyên nông nghiệp, lâm nghiệp và khoáng sản để phát triển bền vững. Đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, sau khi Việt Nam cam kết thực hiện các cơ chế trong Thỏa thuận Paris và đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều quyết định phê duyệt các dự án, chiến lược và kế hoạch hành động nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh hướng tới quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế khử các-bon.

Theo kết quả khảo sát của Cục Phát triển Doanh nghiệp – AED, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Cục Phát triển Doanh nghiệp Tư nhân và Kinh tế Tập thể - APED, Bộ Tài chính) vào tháng 5 – 7/2024 trong báo cáo về mức độ thực hành kinh doanh bền vững,¹⁸ về mặt nhận thức, ESG vẫn là một khái niệm mới, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Trong 1.019 doanh nghiệp tham gia khảo sát, có đến 39% chưa từng nghe nói đến ESG và 62% hiện chưa nắm rõ các quy định và chính sách của Việt Nam liên quan đến ESG. Cũng theo báo cáo này, về tổng quan phân loại mức thực hành ESG của doanh nghiệp, 14% doanh nghiệp tham gia khảo sát là các doanh nghiệp tiên phong trong thực hành ESG; trong khi đó, có đến 25% doanh nghiệp hầu hết không triển khai hoặc có ít các hoạt động/giải pháp liên quan đến ESG. Đồng thời, kết quả khảo sát này cũng cho thấy doanh nghiệp Việt Nam hiện đang thực hiện tốt nhất ở trụ cột Xã hội, tiếp theo là Quản trị, và cuối cùng là Môi trường, với mức thực hành lần lượt là 68%, 63% và 52%. Khảo sát năm 2024¹⁹ cũng đưa ra 3 khó khăn lớn nhất trong việc thực hành ESG là (1) Không có hoặc thiếu thông tin về ESG, (2) Thiếu các chương trình về giới thiệu và đào tạo ESG, (3) Chưa có chính sách cụ thể từ Chính phủ về ESG.

Thêm vào đó, cần phải ghi nhận rằng các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ ít bày tỏ sự quan tâm với chủ đề này, trong khi cam kết ở các tập đoàn lớn thường bị ảnh hưởng bởi nhu cầu từ độ hiện diện xã hội cao, cụ thể từ các nhà đầu tư, người tiêu dùng hoặc nhân viên trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, cũng theo kết quả khảo sát năm 2024 của APED,²⁰ đã có những tín hiệu tích cực khi 26-30% doanh nghiệp ở từng quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ cũng đang có những bước đi đầu tiên trong việc tìm hiểu và áp dụng các tiêu chí ESG. Các DNNVV đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và không nằm ngoài xu hướng phát triển bền vững hiện nay. Giống như các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng phải đối mặt với các áp lực từ các bên liên quan của họ trong việc chuyển đổi phát triển bền vững, tuy nhiên, các DNNVV còn phải đối đầu với một số thách thức trong việc áp dụng các thông lệ về phát triển bền vững bao gồm chi phí trả trước cao hơn, thiếu chuyên gia, thiếu dữ liệu trong khi các hướng dẫn báo cáo vẫn tương đối phức tạp.

2. Tổng quan về hệ thống quy định pháp luật liên quan đến phát triển bền vững

2.1. Một số quy định pháp luật về PTBV trên thế giới

Theo cơ sở dữ liệu cung cấp bởi Viện Nghiên cứu Grantham về Biến đổi Khí hậu và Môi trường cùng với Trung tâm Sabin về Luật Biến đổi Khí hậu, số lượng quy định luật về biến đổi khí hậu trên toàn cầu đã gia tăng gấp 20 lần kể từ năm 1997, bao gồm hơn 1200 chính sách liên quan trên 164 quốc gia chịu trách nhiệm cho 95% lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu.²¹

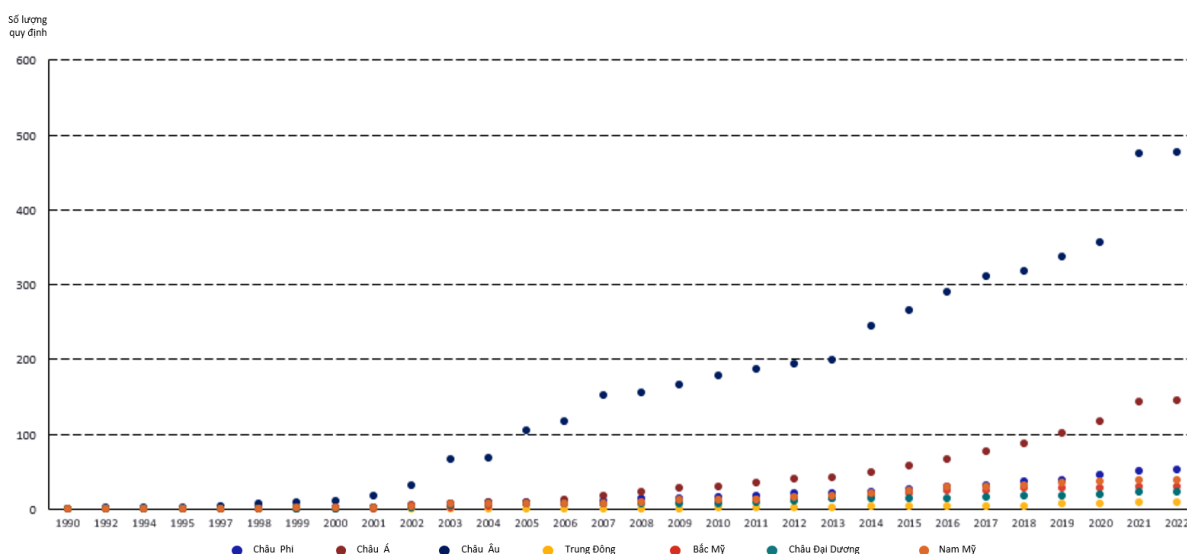
¹⁸ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024 - Cục Phát triển Doanh nghiệp (AED), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI)
¹⁹ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024 - Cục Phát triển Doanh nghiệp (AED), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI)
²⁰ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024 - Cục Phát triển Doanh nghiệp (AED), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI)
²¹ Evans, S. (2017, May 11). Mapped: Climate change laws around the world. Retrieved from Carbon Brief: <https://www.carbonbrief.org/mapped-climate-change-laws-around-world/>

Môi trường pháp lý ESG đang thay đổi với những phát triển mới ở cả quốc tế và trong khu vực ASEAN. Liên minh Châu Âu đã phát hành Chỉ thị Báo cáo Phát triển bền vững cho Doanh nghiệp (CSRD), yêu cầu các doanh nghiệp châu Âu và ít nhất là 10.300 doanh nghiệp nằm ngoài châu Âu²² báo cáo theo Tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững (ESRS), bao gồm tác động của các chuỗi giá trị doanh nghiệp.²³ Chỉ thị nói trên có hiệu lực từ tháng 1 năm 2023.

Các cơ quan quản lý và các sàn mua bán cổ phiếu đang đáp lại nhu cầu tăng cao của nhà đầu tư đối với tính đồng nhất của thông tin ESG và liên hệ với hiệu quả tài chính. Singapore đã ban hành luật niêm yết, theo đó, các doanh nghiệp phát hành cổ phiếu cần phải chuẩn bị báo cáo phát triển bền vững hàng năm, bao gồm các nội dung về xác định các chủ đề trọng yếu, chính sách, quy trình, hiệu quả triển khai, mục tiêu và cam kết của ban lãnh đạo về ESG.²⁴ Quốc gia này cũng đang xem xét đưa ra quy định báo cáo bắt buộc cho các doanh nghiệp không niêm yết.²⁵

Những quy định nói trên đang mở rộng cả về phạm vi và quy mô. Chẳng hạn, trong năm 2021, có 162 chính sách về thực hành trách nhiệm mới hoặc được điều chỉnh, 54 (tương đương 33%) trong số đó là chính sách về công bố thông tin phát triển bền vững. Hầu hết các chính sách này đến từ châu Âu, tuy nhiên các quy định về đầu tư có trách nhiệm ở châu Á cũng đang gia tăng (Hình 4).

Hình 4: Tổng số chính sách can thiệp về đầu tư có trách nhiệm mỗi năm (dữ liệu Tháng 4 năm 2022)- Nguồn UN PRI ²⁶



Mặc dù không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi những quy định nói trên, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn có thể chịu những tác động gián tiếp – chẳng hạn như thông qua các cam kết quốc tế đưa ra trong khuôn khổ Thỏa thuận Thương mại Việt Nam – Châu Âu (EVFTA), khi tìm kiếm đầu tư từ các nguồn tài chính quốc tế, hoặc khi phải tuân thủ theo quy định của các thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp.

Dưới đây là tóm tắt một số các quy định tiêu biểu tại các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam mà doanh nghiệp cần chú trọng.

2.1.1. Một số quy định tại thị trường Châu Âu (EU)

Thỏa thuận Xanh Châu Âu²⁷ (European Green Deal – EDG) được phê duyệt vào ngày 15/1/2020 đã định hình chiến lược của EU để đạt được mục tiêu không phát thải ròng bằng 0 và trở thành nền kinh tế sử dụng tài nguyên hiệu quả và cạnh tranh, và là khu vực tăng trưởng kinh tế được tách biệt khỏi việc sử dụng tài nguyên vào năm 2050. Để thực hiện EGD, EU đã xây dựng các chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động, chính sách và luật cu thể trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế. Là một thị trường

²² Philipova, E. (2023, June 2). How many companies outside the EU are required to report under its sustainability rules?. Retrieved from Refinitiv.com: [How many non-EU companies are required to report under EU sustainability rules? | Refinitiv Perspectives](#)

²³ European Commission. (2024). Corporate sustainability reporting. Retrieved from European Commission: [Corporate sustainability reporting \(europa.eu\)](https://european-council.europa.eu/media/1000000/attachment/data/1000000/attachment_data/file/1000000/corporate-sustainability-reporting.pdf)

²⁴ SGX-ST Listing Rules: Practice Note 7.6. Retrieved from: <https://rulebook.sgx.com/rulebook/practice-note-76-sustainability-reporting-guide>

²⁵ Segal, M. (2023, July 10). Singapore Proposes Mandatory Climate Reporting for both Public and Private Companies. Retrieved from ESG Today: <https://www.esgtoday.com/singapore-proposes-mandatory-climate-reporting-for-both-public-and-private-companies/>

²⁶ UNPRI. (2020, April 7). About PRI Regulation database. Retrieved from PRI: [About PRI global responsible investment regulation database | PRI \(unpri.org\)](#)

²⁷ Texts adopted - the European Green Deal. (2020). Retrieved from European Parliament: [Texts adopted - The European Green Deal - Wednesday, 15 January 2020](https://www.europarl.europa.eu/media/default.do?inf=press&lang=en)

xuất khẩu quan trọng của Việt Nam, việc triển khai EGD cùng các chiến lược, chính sách liên quan sẽ có tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp xuất khẩu trong nước. Các chính sách và chiến lược chủ chốt trong EGD có ảnh hưởng trực tiếp đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam bao gồm:

- **Chiến lược “Từ Trang Trại đến Bàn Ăn”²⁸**: được công bố ngày 20/5/2020, áp dụng cho ngành công nghiệp chế biến nông sản và thực phẩm. Chiến lược này yêu cầu các doanh nghiệp nhập khẩu vào thị trường phải đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn, đòi hỏi đầu tư đáng kể vào các công nghệ bền vững và tuân thủ các yêu cầu mới về sức khỏe, an toàn và dán nhãn sản phẩm.
- **Kế hoạch hành động Kinh tế Tuần hoàn (CEAP)²⁹**: được đưa ra vào tháng 3/2020, áp dụng cho ngành dệt may da giày, sản phẩm thực phẩm, điện tử, mỹ phẩm, đồ chơi, chất tẩy rửa, sản phẩm dành cho em bé/trẻ em, đồ nội thất và các mặt hàng tương tự. Kế hoạch này yêu cầu những thay đổi trong sản xuất bền vững và tuân thủ các quy định mới, có thể làm tăng chi phí nhưng cũng mở ra cơ hội thị trường và tăng cường khả năng cạnh tranh.
- **Chiến lược Dệt may Bền vững và Tuần hoàn (EUSST)³⁰** được công bố ngày 30/3/2022, xác định các chính sách cụ thể để chuyển đổi xanh và phát triển bền vững trong toàn bộ chuỗi giá trị dệt may.
- **Chỉ thị quy định về trao quyền cho người tiêu dùng³¹** được có hiệu lực từ ngày 27/3/2024, yêu cầu doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải (i) cung cấp thông tin chi tiết hơn về độ bền, khả năng sửa chữa, tính bền vững của sản phẩm, (ii) không thực hiện các hành vi khiến sản phẩm lỗi thời sớm và (iii) đảm bảo chỉ sử dụng các nhãn dán bền vững đã được kiểm chứng cho tất cả các sản phẩm trên thị trường EU.
- **Quy định về thiết kế sinh thái đối với sản phẩm bền vững (ESPR)³²**, có hiệu lực từ 18/7/2024, thiết lập các quy tắc về hiệu quả và thông tin, bao gồm các yêu cầu liên quan đến tính tuần hoàn và giảm thiểu dấu chân môi trường và khí hậu của sản phẩm chế biến từ thực phẩm, dược phẩm, các loại thức ăn cho động vật.
- **Chỉ thị về Tuyên bố xanh³³**, được thông qua ngày 17/6/2024, yêu cầu tăng cường tiêu chuẩn cho việc đưa ra bất cứ tuyên bố môi trường nào về sản phẩm dệt may, thực phẩm, sản phẩm điện tử v.v.
- **Chỉ thị sửa đổi về khung pháp lý chất thải của EU³⁴** năm 2023 cho thực phẩm, dệt may, giày dép, đòi hỏi việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và đưa ra các giải pháp công nghệ mới để quản lý tuần hoàn bền vững ngành dệt may.
- **Luật về việc cấm tẩy xanh (greenwashing) và thông tin sản phẩm gây hiểu lầm³⁵** được thông qua vào tháng 1/ 2024 cho tất cả các sản phẩm tham gia vào thị trường Châu Âu. Quy định thúc đẩy việc ghi nhãn sản phẩm rõ ràng và đáng tin cậy hơn, cấm các tuyên bố về độ bền không có cơ sở, và hành vi buộc từ bỏ sản phẩm sớm.
- **Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM)³⁶**: áp dụng toàn diện từ năm 2026, áp dụng đối với hàng hóa trong các ngành sắt/ thép, xi măng, phân bón, nhôm, hydro và điện. Cơ chế này đã làm tăng gánh nặng về báo cáo và các khoản thuế có thể áp dụng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, làm tăng chi phí sản xuất và có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh để thực hiện tuân thủ quy định về phát thải khí nhà kính.
- **Chiến lược Đa dạng sinh học³⁷**, chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/2024, áp dụng cho ngành chăn nuôi, cacao, cà phê, cao su, dầu cọ, đậu nành, gỗ và các sản phẩm làm từ những mặt hàng này (da, sợi cotton, đồ nội thất, v.v.). Chiến lược yêu cầu bổ sung tài liệu “thẩm định” để xác nhận sản phẩm xuất khẩu không liên quan đến phá rừng hoặc suy thoái rừng. Trong khuôn khổ Kế hoạch hành động của Chiến lược này, Quy định 2023/1115 về phá rừng (EUDR) có tác động nổi bật đến thực hành của doanh nghiệp.

²⁸ The Farm to Fork Strategy. (2023). Retrieved from European Parliament: [The Farm to Fork Strategy | Fact Sheets on the European Union | European Parliament](#)

²⁹ Circular economy action plan. (n.d.). Retrieved from European Commission: [Circular economy action plan - European Commission](#)

³⁰ Textiles strategy. (n.d.). Retrieved from European Commission: [Textiles strategy - European Commission](#)

³¹ New EU rules to empower consumers for the green transition enter into force. (n.d.). Retrieved from European Commission: [New EU rules to empower consumers for the green transition enter into force](#)

³² Ecodesign for Sustainable Products Regulation. (n.d.). Retrieved from European Commission: [Ecodesign for Sustainable Products Regulation - European Commission](#)

³³ Sustainable green claim. (n.d.). Retrieved from European Parliament: [Carriages preview | Legislative Train Schedule](#)

³⁴ Waste Framework Directive. (n.d.). Retrieved from European Commission: [Waste Framework Directive - European Commission](#)

³⁵ Stopping greenwashing: how the EU regulates green claims. (n.d.). Retrieved from European Parliament: [Stopping greenwashing: how the EU regulates green claims | Topics | European Parliament](#)

³⁶ Carbon Border Adjustment Mechanism. (n.d.). Retrieved from European Commission: [Carbon Border Adjustment Mechanism - European Commission](#)

³⁷ Biodiversity strategy for 2030. (n.d.). Retrieved from European Commission: [Biodiversity strategy for 2030 - European Commission](#)

- **Quy định 2023/1115 về phá rừng (EUDR)**³⁸, được áp dụng từ tháng 12/2025 cho doanh nghiệp, nhà xuất nhập khẩu lớn và từ tháng 6/2025 cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhằm giải quyết vấn đề phá rừng và suy thoái rừng liên quan đến việc mở rộng đất nông nghiệp do chăn nuôi và sản xuất hàng hóa bao gồm cacao, cà phê, dầu cọ, cao su, đậu nành, gỗ ('hàng hóa EUDR') và các sản phẩm có nguồn gốc từ chúng, như da, sô cô la, lốp xe, hoặc đồ nội thất ('sản phẩm EUDR'). Điều này đặt ra thách thức ngày càng tăng trong việc đáp ứng truy xuất nguồn gốc nguyên liệu và cung cấp thông tin chi tiết về sản phẩm xuất khẩu theo quy định nếu không muốn hàng hóa bị chặn tại biên giới và được dùng để quyên góp, tái chế, xử lý theo quy định của EU.

Dưới khía cạnh “xanh”, ngoài các quy định pháp lý chính theo EGD sẽ ảnh hưởng đến các sản phẩm xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam, các chương trình, chiến lược và kế hoạch hành động khác cũng ảnh hưởng đến các ngành công nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, bao gồm Chiến lược Hóa chất cho Sự bền vững của EGD và các chính sách liên quan đến quản lý chất thải hàng hóa tiêu dùng.

Mặt khác, thị trường Châu Âu cũng đặt ra những quy định khác để thúc đẩy bền vững trên khía cạnh xã hội và quản trị, các quy định này có thể tác động cả trực tiếp và gián tiếp đến các doanh nghiệp nhập khẩu vào thị trường chung Châu Âu. Cụ thể:

- **Quy định nghiêm cấm buôn bán, nhập khẩu và xuất khẩu hàng hóa sử dụng lao động cưỡng bức**³⁹ của Châu Âu sẽ được thi hành từ 14/12/2027. Theo đó, tất cả các hàng hóa, chuỗi cung ứng và nhà sản xuất được cho là đáng ngờ đều có thể bị điều tra. Chiến lược này yêu cầu các doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn về việc quản lý sử dụng lao động cưỡng bức trên toàn bộ chuỗi cung ứng và thực hành báo cáo theo quy định để tránh việc hàng hóa bị cấm gia nhập thị trường.
- **Chỉ thị Thẩm định chuỗi cung ứng (CSDDD)**⁴⁰, dự kiến có hiệu lực từ năm 2026, sẽ có tác động gián tiếp đến ngành xuất khẩu của Việt Nam. Chỉ thị đưa ra yêu cầu cho các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nước ngoài có hoạt động tại thị trường Châu Âu xác định và giải quyết tất cả các tác động tiêu cực tiềm tàng và hiện có đối với quyền con người và môi trường với toàn bộ chuỗi cung ứng của mình. Nghĩa vụ bao gồm tất cả các đối tác kinh doanh, các bên liên quan trong suốt toàn bộ chuỗi giá trị của doanh nghiệp. Điều này gia tăng yêu cầu cho doanh nghiệp trong việc tăng cường quản lý tất cả các bên, các bước của chuỗi cung ứng sản phẩm.

2.1.2. Một số quy định ở các thị trường khác

Các quốc gia khác cũng đã triển khai các quy định/chính sách để thúc đẩy bền vững, có tác động lên doanh nghiệp xuất khẩu.

Vương quốc Anh đã có những bước tiến lớn và vượt trội trong việc quản lý phát thải, bảo vệ môi trường xanh thông qua các quy định, thuế liên quan đến các sản phẩm được nhập khẩu vào thị trường.

- **Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon của Anh (UK CBAM)**⁴¹ dự kiến được áp dụng vào 2027 sẽ bao gồm các sản phẩm Nhôm, xi măng, gốm sứ, phân bón, thủy tinh, hydro, sắt, thép. Thuế carbon của sản phẩm nhập khẩu sẽ phụ thuộc vào mức phát thải KNK và sự chênh lệch giữa mức thuế quy định của 2 quốc gia xuất khẩu (Việt Nam) và nhập khẩu (Anh).
- **Luật về Hàng hóa gây rủi ro cho rừng của Vương quốc Anh**⁴² liên quan đến Phụ lục 17 của Đạo luật Môi trường 2021, yêu cầu ban hành luật thứ cấp trước khi đưa thực thi. Luật yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động thương mại liên quan đến các sản phẩm được quy định, bao gồm đậu nành, ca cao, dầu cọ và các sản phẩm từ gia súc, chứng minh rằng hàng hóa của mình không được tạo ra từ nguyên liệu lấy từ việc sử dụng, chiếm đoạt đất phạm pháp. Doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam do đó sẽ được đối tác yêu cầu những thông tin, tài liệu liên quan để khai báo, chứng minh hàng hóa không gây rủi ro mất rừng.

³⁸ Application of EUDR Regulation on deforestation-free products delayed until December 2025. (2024, December 12). Retrieved from Access2Markets: [Application of EUDR Regulation on deforestation-free products delayed until December 2025 | Access2Markets](#)

³⁹ Products made with forced labour to be banned from EU single market. (2024, April 23). Retrieved from European Parliament: [Products made with forced labour to be banned from EU single market | News | European Parliament](#)

⁴⁰ Corporate sustainability due diligence. (n.d.). Retrieved from European Commission: [Corporate sustainability due diligence - European Commission](#)

⁴¹ Introduction of a UK carbon border adjustment mechanism from January 2027. Retrieved from GOV.UK: [Introduction of a UK carbon border adjustment mechanism from January 2027.docx.pdf](#)

⁴² Introduction of Forest Risk Commodities regulations. (2023, December 12). Retrieved from UK Parliament: [Written statements - Written questions, answers and statements - UK Parliament](#)

- **Thuế Bao bì của Vương quốc Anh**^{43,44} có hiệu lực từ tháng 4/2022, áp dụng cho tất cả mọi loại bao bì nhựa chứa dưới 30% nguyên liệu tái chế sẽ bị áp thuế 200 bảng cho mỗi tấn. Luật áp dụng cho doanh nghiệp nhập khẩu vào Anh sở hữu 10 tấn hoặc hơn cho thành phần bao bì nhựa trong 30 ngày tiếp đến hoặc doanh nghiệp nhập khẩu 10 tấn hoặc hơn cho thành phần bao bì nhựa trong 12 tháng gần nhất. Quy định ngày càng tăng và chi tiết về bao bì đặt ra thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam trong việc quản lý sản xuất và đưa ra những giải pháp cho việc giảm nhựa trong sản phẩm xuất khẩu.

Hoa Kỳ đã có những bước tiến lớn trong việc thúc đẩy tính bền vững của thị trường thông qua các chính sách quản lý sản phẩm nhập khẩu. Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) đã tích cực tham gia xây dựng và thực hiện các quy định và chương trình để khuyến khích các hoạt động thực tiễn thân thiện với môi trường:

- **Chiến lược thương mại xanh** (2022) thiết lập một mô hình chủ động để chống lại các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường, đồng thời tăng cường các hoạt động thực thi chống lại các tội phạm thương mại môi trường bao gồm khai thác gỗ bất hợp pháp; buôn bán động vật hoang dã; đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo và không được quản lý; khai thác mỏ bất hợp pháp; và các vi phạm khác về luật và quy định môi trường. Mặc dù chưa có luật cụ thể nào được ban hành tại Mỹ trực tiếp về Chiến lược Thương mại Xanh, việc chính phủ ban hành Chiến lược này cho thấy sự cân nhắc và quyết tâm trong việc cấm các hoạt động gây tác động tiêu cực đến môi trường trên thị trường Hoa Kỳ.⁴⁵
- **Đạo luật Kiểm soát Chất độc hại (TSCA)**: quản lý hóa chất trong thương mại, luật này nhằm đảm bảo rằng các rủi ro đối với sức khỏe con người và môi trường do các chất hóa học nhập khẩu hoặc nội địa gây ra được xác định và giải quyết một cách thỏa đáng.
- **Quy định về lao động cưỡng bức tại Mỹ**: Tuy chưa có một bộ luật hoàn chỉnh, hệ thống pháp luật của Mỹ đã đưa ra những quy định về việc cấm nhập khẩu sản phẩm được khai thác, sản xuất hoặc chế tạo sử dụng lao động cưỡng bức⁴⁶. Nhà Trắng cũng đã đưa ra những tuyên bố liên quan đến việc sử dụng các cơ quan hải quan hiện có, trong phạm vi có thể để giải quyết tình trạng lao động cưỡng bức và các lạm dụng khác trong chuỗi cung ứng.⁴⁷ Một số hành động, cam kết của Mỹ trong việc làm giảm lao động cưỡng bức trên toàn cầu bao gồm:
 - Chính phủ Mỹ đã thành lập Lực lượng đặc nhiệm về lao động cưỡng bức (Forced Labor Enforcement Task Force)⁴⁸ để giám sát việc thực thi lệnh cấm nhập khẩu sản phẩm được sản xuất toàn bộ hoặc một phần bằng lao động cưỡng bức.
 - Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (CBP) cam kết xác định và ngăn chặn các sản phẩm sử dụng lao động cưỡng bức tham gia vào thị trường Mỹ.
- **Quy định về định giá carbon**: Mỹ đang xem xét một hệ thống định giá carbon tiềm năng đối với hàng nhập khẩu. Một số đạo luật về định giá carbon có quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp xuất khẩu đang được cân nhắc phê duyệt bao gồm Đạo luật phí ô nhiễm nước ngoài (Foreign Pollution Fee Act)⁴⁹, Đạo luật Cạnh tranh Sạch (Clean Competition Act)⁵⁰ và Đạo luật Lựa chọn của thị trường (Market choice)⁵¹. Quyết định hình thành hệ thống định giá carbon của Mỹ sẽ làm tăng thêm tính cấp bách cho việc quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng, giúp doanh nghiệp theo dõi và báo cáo phát thải KNK.

2.2. Bối cảnh hệ thống quy định pháp luật tại Việt Nam

2.2.1. Tổng quan các chiến lược quốc gia liên quan tới phát triển bền vững của Việt Nam

Phát triển bền vững nói chung và các vấn đề về môi trường nói riêng không phải vấn đề mới trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Tuy nhiên, mức độ quan trọng, mối quan tâm của các chính phủ đối với vấn đề này có sự thay đổi phù hợp với bối cảnh, mức độ phát triển của xã hội. Năm 2015 có thể được

⁴³ The Global Landscape of Plastics Bans and Regulations. (2022, November 30). Retrieved from PlasticToday: [The Current Global Landscape of Plastics Bans and Regulations](#)

⁴⁴ A beginners guide to the Plastic Packaging Tax. (n.d.). Retrieved from gwp.co.uk: [A beginners guide to the Plastic Packaging Tax](#)

⁴⁵ TSCA Chemical Substance Inventory. (n.d.). Retrieved from US EPA: [TSCA Chemical Substance Inventory](#) | US EPA

⁴⁶ 19 U.S.C. 1307 - Convict-made goods; importation prohibited. (n.d.). Retrieved from GovInfo: [19 U.S.C. 1307 - Convict-made goods; importation prohibited](#) - Content Details - USCODE:2011-title19-chap4-subtitleI-partI-sec1307

⁴⁷ Memorandum on Advancing Worker Empowerment, Rights, and High Labor Standards Globally. (2023, November 16). Retrieved from The White House: [Memorandum on Advancing Worker Empowerment, Rights, and High Labor Standards Globally](#) | The White House

⁴⁸ 19 USC 4681: Forced Labor Enforcement Task Force. Retrieved from uscode.house.gov: [19 USC 4681: Forced Labor Enforcement Task Force](#)

⁴⁹ How will the Foreign Pollution Fee Act impact carbon-intensive imports to the US? (n.d.). Retrieved from CarbonChain: [Foreign Pollution Fee Act | Impacts & CBAM Comparisons](#) | CarbonChain

⁵⁰ S.3422 - Clean Competition Act. (n.d.). Retrieved from Congress.gov: [Text - S.3422 - 118th Congress \(2023-2024\): Clean Competition Act | Congress.gov](#) | Library of Congress

⁵¹ H.R.6665 - MARKET CHOICE Act. (n.d.). Retrieved from Congress.gov: [H.R.6665 - 118th Congress \(2023-2024\): MARKET CHOICE Act | Congress.gov](#) | Library of Congress

coi là năm bước ngoặt đối với các vấn đề về phát triển bền vững với sự thông qua của Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững (Transforming our world: the 2030 Agenda for Sustainable Development) và Thỏa thuận Paris về khí hậu (Paris Agreement). Việt Nam cũng ban hành các văn bản về định hướng chiến lược, chiến lược, kế hoạch hành động và các chương trình hành động ở cấp độ quốc gia, và từng ngành phù hợp với các cam kết quốc tế của mình trong suốt giai đoạn từ năm 2017 đến nay.

Trong đó, 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc được Việt Nam cụ thể hóa thành các mục tiêu và nhiệm vụ của các Bộ, ngành đến năm 2030 trong Quyết định 622/QĐ-TTg năm 2017 (Quyết định 622). Trong các năm 2018 – 2019, Kế hoạch hành động của từng ban ngành (ví dụ như: tài nguyên và môi trường, xây dựng, ngân hàng, y tế, khoa học công nghệ) cũng được xây dựng để triển khai Kế hoạch hành động quốc gia trong Quyết định 622. Một số chương trình hướng đến mục tiêu phát triển bền vững cũng được phê duyệt như sản xuất và tiêu dùng bền vững; an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng nông thôn mới, v.v. Mới nhất gần đây, Quyết định 841/QĐ-TTg (Quyết định 841) phê duyệt Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam bao gồm các mục tiêu và các chỉ tiêu cho hai giai đoạn đến năm 2025 và đến năm 2030. Các chỉ tiêu tương ứng cho 17 mục tiêu phát triển bền vững cũng được điều chỉnh với các trọng tâm mới về phát triển bền vững nói chung bao gồm các vấn đề về môi trường và biến đổi khí hậu.

Cho giai đoạn 2021 – 2030, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm trong Đại hội Đảng lần thứ XIII đặt ra các mục tiêu chi tiết và các giải pháp đột phá để định hướng cho toàn bộ nền kinh tế Việt Nam. Dựa trên Chiến lược này, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 cũng được Quốc Hội phê duyệt chi tiết hóa các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ cần triển khai. Bên cạnh đó, các Chiến lược và Kế hoạch hành động với trọng tâm về phát triển bền vững nói chung và các vấn đề về môi trường nói riêng cũng được ban hành (tham khảo thêm Phụ lục B để biết thêm chi tiết),

2.2.2. Một số quy định pháp luật chính liên quan tới phát triển bền vững tại Việt Nam

Như đã đề cập, các vấn đề về phát triển bền vững (ESG) không phải là các vấn đề mới nhưng các quy định có thay đổi phù hợp với bối cảnh và mục tiêu phát triển. Hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến phát triển bền vững ở Việt Nam cũng đa dạng và phức tạp theo từng nhóm chủ đề khác nhau. Nội dung của phần tổng hợp một số (không đầy đủ) các văn bản pháp luật có liên quan đến các khía cạnh: Môi trường, Xã hội, Quản trị doanh nghiệp, trong đó tập trung nhiều hơn vào khía cạnh Môi trường và Biến đổi khí hậu.

2.2.2.1. Về các vấn đề môi trường

Hệ thống quy định pháp luật của Việt Nam về môi trường bao gồm nhiều văn bản cho các chủ đề khác nhau liên quan đến môi trường. Trong đó, Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn triển khai được coi là có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp nói chung. Các văn bản được tổng hợp như sau:

Hình 5: Tổng hợp các văn bản quy định pháp luật của Việt Nam về môi trường.

Môi trường

Luật số 72/2020/QH14 về Bảo vệ Môi trường

- Nghị định 06/2022/NĐ-CP về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.
- Thông tư 01/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó biến đổi khí hậu.
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Quyết định 13/2024/QĐ-TTg Ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật).
- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư 06/2023/TT-BTNMT hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.

Các bộ luật liên quan

- Luật 20/2008/QH12 về Đa dạng sinh học
- Luật 57/2010/QH12 về Thuế bảo vệ môi trường.
- Luật khoáng sản 60/2010/QH12
- Luật 82/2015/QH13 về Tài nguyên thiên nhiên và môi trường biển đảo.
- Luật 16/2017/QH14 về Lâm nghiệp.
- Luật 50/2010/QH12 về Sử dụng Năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Đối với các vấn đề về môi trường, dựa trên Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn triển khai, một số quy định ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp từ giai đoạn đầu tư đến khi vận hành. Yêu cầu tuân thủ các quy định này sẽ khác biệt tùy theo đặc thù hoạt động của doanh nghiệp. Ở giai đoạn đầu tư, doanh nghiệp sẽ phải thực hiện các đánh giá như đánh giá tác động môi trường sơ bộ và chuyên sâu. Đối với giai đoạn vận hành, tùy theo từng dự án, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các doanh nghiệp cần triển khai hoặc được khuyến khích triển khai các hoạt động sau:

- Xây dựng nền tảng, nguồn lực có chuyên môn về bảo vệ môi trường
- Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh
- Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật cải thiện công tác bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng
- Kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường
- Triển khai các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu
- Thực hiện các báo cáo về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Doanh nghiệp tham khảo Phụ lục C để biết thêm chi tiết về các yêu cầu trong các văn bản quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng dành cho doanh nghiệp.

2.2.2.2. Về các vấn đề xã hội

Các vấn đề liên quan đến xã hội rất đa dạng và không có định nghĩa hoặc quy định cụ thể về phạm vi. Vì vậy, bảng dưới đây tổng hợp các Luật chính có liên quan đến một số nhóm chủ đề/chủ đề trong khía cạnh Xã hội. Doanh nghiệp tham khảo Phụ lục D về thông tin chi tiết hơn cho nội dung này.

Bảng 3: Tổng hợp các Luật chính có liên quan đến một số nhóm chủ đề/chủ đề trong khía cạnh Xã hội.

TT	Nhóm chủ đề / Chủ đề	Luật có liên quan
1	Lao động	Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14
1.1	Quan hệ lao động (đối thoại và thương lượng tập thể giữa người lao động, tổ chức đại diện, người sử dụng lao động)	Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14
		Luật Công đoàn số: 12/2012/QH13
1.2	Điều kiện lao động (thời gian làm việc, tiền lương, bảo vệ thai sản, an toàn vệ sinh lao động, thanh tra lao động, v.v.)	Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14
		Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14
		Luật An toàn vệ sinh lao động số: 84/2015/QH13
		Luật Bảo hiểm xã hội số: 58/2014/QH13
		Luật Bảo hiểm y tế số: 25/2008/QH12

TT	Nhóm chủ đề / Chủ đề	Luật có liên quan
1.3	Bóc lột lao động, bắt buộc, cưỡng ép lao động	Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14
1.4	Lao động trẻ em	Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14 Luật Trẻ em số: 102/2016/QH13
1.5	Người lao động di cư	Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số: 69/2020/QH14
1.6	Bình đẳng	Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14 Luật Người khuyết tật số: 51/2010/QH12 Luật Bình đẳng giới số: 73/2006/QH11
2	Bảo vệ người tiêu dùng	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số: 59/2010/QH12 ⁵² Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 Luật Thương mại số: 36/2005/QH11
3	Phòng chống tham nhũng	Luật Phòng, chống tham nhũng số: 36/2018/QH14

2.2.2.3. Về quản trị doanh nghiệp

Các vấn đề về quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam không có các văn bản mang tính chất định hướng, chiến lược như các vấn đề về xã hội, môi trường. Hoạt động quản trị doanh nghiệp được quy định trong quy định về doanh nghiệp, chứng khoán và được khuyến khích áp dụng theo các thông lệ tốt trên thế giới. Khía cạnh quản trị doanh nghiệp được quy định trong các văn bản hiện tại ở Việt Nam tập trung vào các vấn đề như cấu trúc quản trị; quyền hạn và nghĩa vụ, chế độ làm việc của các cấp quản trị trong doanh nghiệp; tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên tham gia quản trị doanh nghiệp; điều kiện thực hiện và các thủ tục liên quan đến hoạt động quản trị doanh nghiệp; các yêu cầu về công khai, công bố thông tin và các nội dung khác. Cấu trúc quản trị và các yêu cầu khác về quản trị doanh nghiệp được quy định theo từng loại hình doanh nghiệp khác nhau trong đó có các văn bản đặc thù áp dụng với công ty đại chúng. Một số văn bản liên quan đến quản trị doanh nghiệp áp dụng với công ty đại chúng được tóm tắt như sau:

Bảng 4: Tóm tắt một số văn bản liên quan đến quản trị doanh nghiệp theo các loại hình doanh nghiệp khác nhau.

Văn bản	Đối tượng áp dụng
Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Toàn bộ loại hình doanh nghiệp
Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14	- Công ty đại chúng - Công ty chứng khoán - Công ty quản lý quỹ chứng khoán
Thông tư 96/2020/TT-BTC – hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	- Công ty đại chúng - Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng - Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng - Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp - Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng
Nghị định 155/2020/NĐ-CP – Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán	- Công ty đại chúng - Công ty chứng khoán - Công ty quản lý quỹ chứng khoán

⁵² Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 sẽ được thay thế bởi Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Số. 19/2023/QH12. Retrieved from: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Law19-2023-QH15-Protection-of-Consumers-Rights-574669.aspx?tab=1> từ ngày 01/07/2024, trong đó bổ sung thêm một số quyền lợi của người tiêu dùng và các quy định về giao dịch từ xa.

Văn bản	Đối tượng áp dụng
Nghị định 47/2021/NĐ-CP – hướng dẫn Luật doanh nghiệp	- Doanh nghiệp xã hội - Doanh nghiệp nhà nước - Nhóm công ty - Doanh nghiệp quốc phòng an ninh



Hộp 3: Quản trị doanh nghiệp liên quan đến ESG

Các Nguyên tắc quản trị công ty của OECD⁵³ đề cập đến trách nhiệm của Hội đồng Quản trị liên quan đến các vấn đề về ESG bao gồm: “giám sát các hệ thống được xây dựng để đảm bảo công ty tuân thủ các luật lệ có liên quan, bao gồm luật thuế, cạnh tranh, lao động, môi trường, công bằng cơ hội, sức khỏe và an toàn lao động” và “quan tâm tới và giải quyết công bằng lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan bao gồm người lao động, chủ nợ, khách hàng, nhà cung cấp và cộng đồng sở tại (bao gồm: tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội)”.

Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt Nhất của Việt Nam (dành cho Công ty đại chúng tại Việt Nam)⁵⁴ có đề cập đến Nguyên tắc 1.1 “Hội đồng Quản trị cần phải xác định rõ ràng và công bố toàn bộ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của mình.” Trong đó bao gồm trách nhiệm của HĐQT liên quan đến theo dõi tính hiệu quả của công tác quản trị, chính sách và hoạt động môi trường và xã hội, và việc tuân thủ luật pháp hiện hành của công ty.

Tuy nhiên, các văn bản pháp luật hiện tại ở Việt Nam chỉ quy định chung, chưa có các hướng dẫn, quy định cụ thể về tổ chức, vai trò và trách nhiệm của các cấp và thành viên giữ các chức vụ trong quản trị doanh nghiệp liên quan đến ESG.

Việc tích hợp các vấn đề về ESG trong quản trị doanh nghiệp được đề cập trong Phần 2 của Tài liệu này.

2.2.3. Các quy định chính về yêu cầu báo cáo và công bố thông tin ESG tại Việt Nam

Tại Việt Nam, hiện nay chỉ có các công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam bắt buộc phải công bố thông tin về phát triển bền vững hàng năm theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC với nội dung được trích tại Phụ lục. Các doanh nghiệp khác hiện chưa có quy định nào bắt buộc phải công bố thông tin về phát triển bền vững, thay vào đó phải nộp một số báo cáo định kỳ nhất định cho cơ quan chức năng, với phạm vi áp dụng theo từng trường hợp nhất định và không bao gồm các cân nhắc về phát triển bền vững. Việc thực hiện báo cáo định kỳ này được quy định trong các văn bản khác nhau trên các lĩnh vực về môi trường, lao động và quản trị với phạm vi áp dụng khác nhau.

2.2.3.1. Quy định về công bố thông tin ESG theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Tại mục II, Phụ lục IV – hướng dẫn báo cáo tình hình hoạt động trong năm của doanh nghiệp trong Báo cáo thường niên được ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng về dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, doanh nghiệp được yêu cầu báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội với các chủ đề bao gồm:

- Tác động lên môi trường
- Quản lý nguồn nguyên vật liệu
- Tiêu thụ năng lượng
- Tiêu thụ nước
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- Chính sách liên quan đến người lao động

⁵³ OECD (2004, May 3). OECD Principles of Corporate Governance 2004. Retrieved from: <https://doi.org/10.1787/9789264015999-en>

⁵⁴ SSC, HOSE, HNX, IFC, WB & SECO. (2019, August). Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất. Retrieved from: [vietnam_cq_code_of_best_practices_v1.0-english.pdf](https://www.vietnam-cq-code-of-best-practices.v1.0-english.pdf) (ecqjglobal)

- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

(Chi tiết nội dung yêu cầu công bố thông tin tại Phụ lục E).

2.2.3.2. Một số các quy định khác có liên quan đến báo cáo tác động môi trường và xã hội

Bên cạnh Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn về công bố thông tin ESG, hiện nay một số quy định tại Việt Nam khuyến nghị/yêu cầu các doanh nghiệp báo cáo một số thông tin liên quan đến tác động của doanh nghiệp đến các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị. Liên quan đến các vấn đề này, các yêu cầu báo cáo có thể được chia theo ba khía cạnh chính: môi trường, xã hội, và quản trị. Bảng 5 dưới đây tổng hợp các thông tin doanh nghiệp cần báo cáo theo ba nhóm trên.

Bảng 5: Các thông tin được khuyến nghị/yêu cầu báo cáo liên quan đến ESG dựa trên các quy định của Việt Nam.

Khía cạnh	Nội dung báo cáo	Đối tượng áp dụng	Văn bản quy định
Môi trường	1. Thông tin môi trường: a) Thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp b) Thông tin về chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật c) Thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá tác động môi trường; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định.	Chủ đầu tư dự án, cơ sở	Điểm b khoản 1 Điều 114, luật số: 72/2020/QH14 - Luật Bảo vệ Môi trường
	2. Thông tin liên quan đến giảm nhẹ khí nhà kính: a) Báo cáo kiểm kê khí nhà kính hai năm một lần b) Kế hoạch giảm nhẹ khí nhà kính c) Báo cáo kết quả giảm nhẹ khí nhà kính hàng năm	Các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành.	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP - Quy định Giảm nhẹ Phát thải Khí nhà kính và Bảo vệ Tầng Ô-dôn: - Khoản 4 Điều 11 - Khoản 4 Điều 13 - Điểm a Khoản 3 Điều 10
Xã hội	1. Báo cáo tình hình sử dụng lao động	Người sử dụng lao động khai trình việc sử dụng lao động theo Nghị định số 122/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Khoản 1 Điều 4 Nghị định 145/2020/NĐ-CP Quy định Chi tiết và Hướng dẫn Thi hành Một số Điều của Bộ luật Lao động về Điều kiện Lao động và Quan hệ Lao động
	2. Báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động bao gồm tổng số lao động (lao động nữ, lao động là người chưa thành niên, làm việc trong điều kiện nặng nhọc v.v); tai nạn lao động; bệnh nghề nghiệp; phân loại sức khỏe người lao động; thời gian làm việc, nghỉ ngơi.	- Doanh nghiệp - Hợp tác xã - Hộ gia đình - Các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh.	Điều 10 Thông tư số: 07/2016/TT-BLĐTBXH Quy định một số Nội dung Tổ chức Thực hiện Công tác An toàn, Vệ sinh Lao động đối với Cơ sở Sản xuất, Kinh doanh
Quản trị	1. Điều lệ công ty 2. Mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hàng năm 3. Báo cáo thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức của công ty 4. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác	Doanh nghiệp nhà nước	Điều 109, Luật số: 59/2020/QH14 - Luật Doanh nghiệp

Khía cạnh	Nội dung báo cáo	Đối tượng áp dụng	Văn bản quy định
	1. Báo cáo thường niên: a) Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý b) Định hướng phát triển (bao gồm các mục tiêu phát triển bền vững - môi trường, xã hội và cộng đồng các chương trình liên quan) c) Các rủi ro (bao gồm các rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh) d) Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm các thông tin về lao động, chính sách với người lao động) e) Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội: tác động lên môi trường, quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách liên quan đến người lao động, trách nhiệm với cộng đồng địa phương 2. Báo cáo tình hình quản trị công ty	Công ty đại chúng	Điều 120, Luật số: 54/2019/QH14 - Luật Chứng khoán
	1. Điều lệ công ty 2. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm, nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc 3. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần khác 2 nhóm trên	Điều 176, Luật số: 59/2020/QH14 - Luật Doanh nghiệp

Như vậy, yêu cầu bắt buộc công bố thông tin về ESG hiện nay chỉ áp dụng đối với các công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Đối với các đối tượng doanh nghiệp khác, chưa có quy định bắt buộc về việc công bố thông tin ESG. Đồng thời, chưa có quy định cụ thể nào ở Việt Nam yêu cầu các tổ chức và doanh nghiệp phải công bố thông tin liên quan đến khí hậu.

Trong bối cảnh việc các quy định toàn cầu về công bố thông tin ESG, đặc biệt là thông tin liên quan đến khí hậu, ngày càng phổ biến, với áp lực ngày càng gia tăng từ nhà đầu tư, khách hàng và các bên liên quan trong chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp đã và đang hướng tới thực hiện công bố thông tin ESG nhằm tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn một cách thuận lợi hơn, nhất là nguồn vốn xanh, trái phiếu xanh hay các khoản vay xanh. Tuy nhiên, các doanh nghiệp đang phải đối mặt với một số thách thức trong công bố thông tin ESG như (1) xác định chủ đề ESG trọng yếu của doanh nghiệp; (2) đảm bảo thông tin được công bố chính xác và đáng tin cậy, có thể so sánh được; và (3) quản lý và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các bên liên quan về công bố thông tin về phát triển bền vững theo các khuôn khổ và tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Các DNNVV với nguồn lực hạn chế còn gặp phải các vấn đề như thiếu thời gian, kiến thức, năng lực hoặc kinh phí trong việc thu thập dữ liệu và công bố thông tin ESG.

Việc này đặt ra yêu cầu với các cơ quan quản lý cần xây dựng hướng dẫn cụ thể để hỗ trợ các doanh nghiệp, bao gồm các DNNVV trong việc triển khai công bố thông tin một cách nhất quán, đáng tin cậy và tuân thủ với các tiêu chuẩn báo cáo trong nước và quốc tế, đặc biệt đáp ứng các yêu cầu mới về công bố thông tin liên quan đến khí hậu. Tài liệu Sổ tay này sẽ đóng góp vào việc hỗ trợ doanh nghiệp và tổ chức tại Việt Nam trong thực hiện công bố thông tin về ESG.



Hộp 4: Một số hướng dẫn về báo cáo và công bố thông tin ESG khác

Bên cạnh các quy định pháp luật liên quan đến báo cáo và công bố thông tin về ESG, một số tài liệu hướng dẫn cũng được xây dựng để hỗ trợ doanh nghiệp triển khai có thể kể đến bao gồm:

- Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững (2013) được phối hợp xuất bản bởi IFC và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp bắt đầu lập báo cáo bền vững bao gồm: các tiêu chuẩn và nguồn tham chiếu; các bước cơ bản cần tiến hành trong quy trình báo cáo; các yếu tố thành công chính, v.v.
- Hướng dẫn công bố thông tin về môi trường và xã hội (2016) được phối hợp xuất bản bởi IFC và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – hướng dẫn bổ sung cho doanh nghiệp thực hiện yêu cầu theo Thông tư 155/2015/TT-BCT (tuy nhiên Thông tư này đã được thay thế bởi Thông tư 96/2020/TT-BCT). Hướng dẫn tham chiếu đến Hướng dẫn của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) để cung cấp các thông tin hỗ trợ doanh nghiệp lập báo cáo phát triển bền vững liên quan đến các chỉ tiêu môi trường và xã hội. Hướng

dẫn cung cấp cơ bản các bước cần thực hiện để công bố thông tin và các chỉ số hoạt động cần công bố theo GRI.

- Sổ tay Hướng dẫn Báo cáo phát thải khí nhà kính (2023) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật từ IFC, SECO và BSI Việt Nam – cung cấp các khái niệm, tiêu chuẩn quốc tế, quy định và tiêu chuẩn của Việt Nam và các bước thực hiện kiểm kê và báo cáo khí nhà kính.



Hộp 5: Đánh giá, xếp hạng các doanh nghiệp phát triển bền vững tại Việt Nam

Theo Quyết định 622/QĐ-TTg năm 2017 phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về sự phát triển bền vững, mục tiêu 12.6 về khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp các thông lệ bền vững đặt ra nhiệm vụ chi tiết về “Thực hiện đánh giá, xếp hạng thường niên các doanh nghiệp phát triển bền vững tại Việt Nam”. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) là đơn vị chủ trì thực hiện mục tiêu này.

Trước đó, Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam (VBCSD) được thành lập và chính thức ra mắt vào năm 2010 với nhiệm vụ phát huy vai trò tích cực và sự ủng hộ nhiệt tình của cộng đồng doanh nghiệp trong việc thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững tại Việt Nam, tạo thuận lợi cho việc chia sẻ kinh nghiệm và các thực hành tốt, tăng cường phối hợp chặt chẽ và đối thoại giữa cộng đồng doanh nghiệp, Chính phủ và các đối tác trong xã hội nhằm đẩy mạnh phát triển bền vững⁵⁵. VBCSD cũng là đơn vị của VCCI tổ chức Chương trình Đánh giá, công bố các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam (Chương trình Chỉ số Doanh nghiệp Bền Vững (CSI)).

Chương trình CSI đã được triển khai từ năm 2016, và được tổ chức định kỳ hàng năm. Hàng năm, Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững (Bộ chỉ số CSI) sẽ được rà soát, điều chỉnh và công bố để các doanh nghiệp tham chiếu và đánh giá. Bộ chỉ số CSI bao gồm các nội dung về thông tin kinh tế - xã hội - môi trường, thông tin về cơ cấu, mô hình tổ chức và các nhân sự chủ chốt cùng với các chỉ số ở 4 chủ đề: Chỉ số kết quả, Chỉ số quản trị, Chỉ số môi trường, Chỉ số lao động và xã hội. Năm 2023, bộ chỉ số CSI được công bố gồm 130 chỉ số bao gồm 82 chỉ số cơ bản và 48 chỉ số nâng cao. Tài liệu hướng dẫn về Bộ chỉ số CSI cũng cung cấp cho các doanh nghiệp các hướng dẫn về triển khai một số vấn đề về phát triển bền vững trong nghiệp⁵⁶.

Tham gia Chương trình CSI, các doanh nghiệp sẽ tự nguyện đăng ký tham gia, thực hiện cung cấp thông tin, đánh giá các chỉ số và gửi kèm các tài liệu chứng minh cho từng chỉ số. Dựa trên thông tin, tài liệu do doanh nghiệp cung cấp, các doanh nghiệp sẽ được đánh giá và xếp hạng để hoàn thiện Danh sách 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam (CSI100). Các doanh nghiệp tham gia sẽ được giấy chứng nhận CSI cho giai đoạn tham gia và có thể được sử dụng logo, hình ảnh của Chương trình để truyền thông.



Hộp 6: Công cụ hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững

Theo Quyết định 167/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025”, mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân, đảm bảo kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, góp phần hoàn thành 17 mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam vào năm 2030. Cùng với đó là huy động nguồn lực xã hội, từng bước phát triển hệ sinh thái hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh bền vững, đóng góp tích cực trong việc tạo công ăn việc làm, nâng cao mức sống cho người thu nhập thấp, người yếu thế, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Trong đó, kinh doanh bền vững bao gồm:

- Mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn: là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
- Mô hình kinh doanh bao trùm: là mô hình kinh doanh huy động người thu nhập thấp tham gia trong chuỗi giá trị của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; trong đó, người thu nhập thấp có thể tham gia với vai trò là nhà cung ứng, là khách hàng, là nhà phân phối hay có thể là người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các giá trị chia sẻ.

⁵⁵ Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững. (2015). Retrieved from Vbcisd: <https://hoidongdoanhnhiepvisp.vn/>

⁵⁶ Phạm, H. H. (2023). Hướng dẫn Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững (CSI) 2023. Retrieved from Vbcisd: vbcisd-202371894933.pdf

- Các mô hình kinh doanh bền vững khác: là mô hình kinh doanh đảm bảo các yếu tố bền vững về kinh tế, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

Thông tư 13/2023/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành năm 2023 hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 - 2025” quy định tại Quyết định số 167/QĐ-TTg đã cung cấp nguyên tắc đo lường, đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững; tiêu chuẩn, điều kiện sử dụng kết quả của tổ chức đo lường đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững thông qua bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững; nội dung, cơ chế tổ chức thực hiện hoạt động phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững; xây dựng, tổng hợp kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định 167/2022/TTg. Bộ KH&ĐT cũng phát hành bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững gồm:

- Công cụ đánh giá mức độ thực hành kinh doanh bền vững của doanh nghiệp theo khung Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG);
- Công cụ đánh giá mức độ thực hành kinh doanh bền vững theo nguyên tắc Kinh tế tuần hoàn;
- Công cụ đánh giá mức độ thực hành kinh doanh bền vững áp dụng kinh doanh bao trùm.

3. Tiêu chuẩn và Khung báo cáo về ESG

3.1. Bối cảnh thay đổi về các Tiêu chuẩn và Khung báo cáo

Những nỗ lực đầu tiên trong thiết lập báo cáo về phát triển bền vững trên toàn cầu

Năm 2004, cựu Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc Kofi Annan đã viết thư cho hơn 50 CEO, kêu gọi họ tham gia vào một sáng kiến dưới sự bảo trợ của UN Global Compact. Một năm sau, sáng kiến này đã phát hành Báo cáo “Who Cares Wins”, trong đó thiết lập một liên kết quan trọng giữa ESG và hiệu quả về tài chính. Đây cũng là lần đầu tiên thuật ngữ ‘ESG’ được đề cập. Cùng năm đó, Sáng kiến Tài chính của UNEP (UNEP FI) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của các vấn đề ESG trong việc định giá tài chính trong Báo cáo Freshfields. Hai ấn phẩm này đã đặt nền móng cho việc ra mắt Nguyên tắc Đầu tư Có Trách nhiệm (PRI) vào năm 2006, với mục tiêu tìm hiểu các tác động của ESG đối với đầu tư và thúc đẩy các khoản đầu tư bền vững.

Năm 2011, Hội đồng Tiêu chuẩn Kế toán Bền vững (SASB) được thành lập nhằm xây dựng các quy tắc kế toán có thể phản ánh tác động của ESG đến lợi nhuận của doanh nghiệp trong một ngành cụ thể. Việc này giúp xác định các rủi ro và cơ hội liên quan đến các mục tiêu bền vững trong từng ngành, và là bước đệm cho việc chuẩn hóa báo cáo ESG.

Đến năm 2015, ESG đã trở thành tâm điểm chú ý trên thế giới. Trong năm này, Liên Hợp Quốc đã giới thiệu 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Đồng thời, Hội đồng Ổn định Tài chính (FSB) đã thành lập Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Tài chính Liên quan đến Khí hậu (TCFD), cung cấp các hướng dẫn báo cáo cho các công bố liên quan đến khí hậu. Trong năm này, các quốc gia cũng đã cam kết đồng thuận với Thỏa thuận Paris.

Mặc dù Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) đã được thành lập từ năm 1997, nhưng phải tới 2016, Tiêu chuẩn báo cáo GRI mới được giới thiệu, góp phần vào việc chính thức hóa báo cáo ESG.

Tuy vậy, các báo cáo ESG trong giai đoạn này thường không nhất quán và có sự khác biệt lớn giữa báo cáo của các doanh nghiệp; không có một khung đồng nhất mà các doanh nghiệp cần phải tuân theo, dẫn đến thiếu sự so sánh và độ tin cậy trong dữ liệu báo cáo. Các báo cáo ESG phần lớn là tự nguyện và thực hiện phân tán, với các doanh nghiệp lựa chọn từ nhiều khung khác nhau như Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) và Hội đồng Tiêu chuẩn Kế toán Bền vững (SASB) hay Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Tài chính Liên quan đến Khí hậu (TCFD). Các yếu tố môi trường được xem xét trong báo cáo chủ yếu là các thực hành bền vững chung và thiếu tính cụ thể. Các báo cáo ESG thường chứa thông tin định tính mà không có đủ dữ liệu định lượng để chứng minh. Điều này đã gây khó khăn cho việc đánh giá các tác động tài chính của các chủ đề ESG của các cơ quan quản lý, nhà đầu tư và các bên liên quan khác.

Gia tăng nỗ lực tiến tới đồng nhất các tiêu chuẩn báo cáo về phát triển bền vững hiện nay

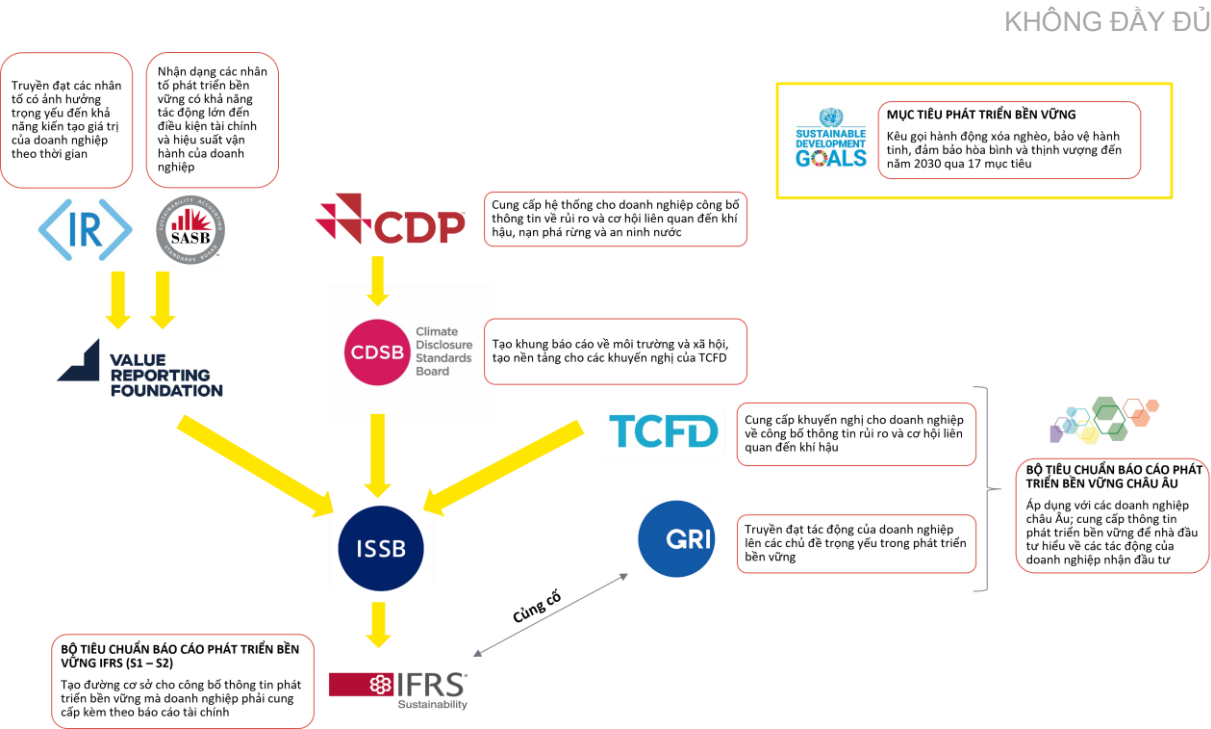
Do thiếu sự đồng thuận về yêu cầu nội dung báo cáo và sự cần thiết phải so sánh giữa các báo cáo thuộc các định chế khác nhau, đang có những động thái tiến tới việc đồng nhất toàn cầu các tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững. Tổ chức IFRS khẳng định về tính cấp thiết trong thành lập một khung báo cáo phát triển bền vững toàn cầu để hình thành hệ thống báo cáo thông tin có thể so sánh, có tính nhất quán và đáng tin cậy. Tuy nhiên, quá trình này có thể còn nhiều thách thức do những khác biệt trong ràng buộc pháp lý ở các quốc gia và trên quốc tế, cụ thể về các chính sách công và quy định cụ thể theo ngành.⁵⁷

Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển bền vững Quốc tế (ISSB) hiện đang làm việc để cung cấp một cơ sở chung toàn cầu về công bố thông tin phát triển bền vững, trong khi các định chế khác, chẳng hạn như ở châu Âu, đã đưa ra tiêu chuẩn riêng ESRS để hỗ trợ các sáng kiến sẵn có của họ (Hình 6). Tổ chức IFRS cũng sẽ đảm nhiệm trách nhiệm của TCFD về giám sát công tác báo cáo liên quan đến biến đổi khí hậu kể từ năm 2024.⁵⁸

Một bước tiến lớn trong công tác báo cáo phát triển bền vững toàn cầu là Biên bản ghi nhớ thỏa thuận được ký kết giữa IFRS và GRI vào tháng 3 năm 2022. Biên bản thể hiện sự đồng nhất giữa một bên là hội đồng thiết lập tiêu chuẩn trên thị trường vốn (Hội đồng ISSB thuộc IFRS) với một bên là hội đồng thiết lập tiêu chuẩn hướng tới đa bên liên quan (Hội đồng GSSB thuộc GRI) để đưa ra một cách tiếp cận có liên kết cho báo cáo ESG. Theo đó, sự đồng nhất này sẽ làm cầu nối khép lại khoảng cách và nâng cao mức độ minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các tổ chức và doanh nghiệp.

Mặc dù sẽ cần thêm thời gian để các nỗ lực đồng nhất nói trên đạt được kết quả, hiện tại đã có các hướng dẫn chi tiết từ các đơn vị báo cáo và kiểm toán quốc tế để hỗ trợ quá trình công bố thông tin, cũng như tăng cường chất lượng và mức độ nhất quán.

Hình 6: Gia tăng động thái tiến tới đồng nhất các tiêu chuẩn báo cáo liên quan phát triển bền vững.⁵⁹



Sự cần thiết trong công bố thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu hiện nay

⁵⁷ EY. (2021). The future of sustainability reporting standards. Retrieved from: [ey-the-future-of-sustainability-reporting-standards-june-2021.pdf](https://www.ey.com/en-gb/audit/sustainability-reporting-standards)
⁵⁸ IFRS. (2024). IFRS Foundation welcomes culmination of TCFD work and transfer of TCFD monitoring responsibilities to ISSB from 2024. Retrieved from: <https://www.ifrs.org/news-and-events/news/2023/07/foundation-welcomes-tcfid-responsibilities-from-2024/>
⁵⁹ EY adaptation of BloombergNEF. (2023, July10). Mother of All Sustainability Reporting Standards Unveiled. Retrieved from: <https://about.bnef.com/blog/mother-of-all-sustainability-reporting-standards-unveiled/>
For the full list of sources, refer to Appendix 1.

Như đã đề cập trong mục 1.2 của phần này, biến đổi khí hậu là một trong số các rủi ro toàn cầu hàng đầu, đe dọa đến vận hành doanh nghiệp từ trong ngắn hạn, trung hạn đến dài hạn do đây là rủi ro có quy mô lớn, bản chất dài hạn và ít tiền lệ.

Các doanh nghiệp sẽ ngày càng được kỳ vọng phải đưa rủi ro khí hậu vào cân nhắc khi chuẩn bị báo cáo tài chính theo những tiêu chuẩn và quy trình kế toán, kiểm toán hiện hành. Kỳ vọng này đến từ việc các nhà đầu tư đang công khai thông báo và nhận thức đầy đủ hơn rằng rủi ro khí hậu là một rủi ro trọng yếu trong đầu tư, đặc biệt là với doanh nghiệp nằm trong các ngành phát thải các-bon lớn.⁶⁰ Đơn vị xếp hạng đánh giá doanh nghiệp phát triển bền vững MSCI cũng xác nhận rằng nhà đầu tư đang đặc biệt quan tâm đến công tác quản trị rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu.

Việc gia tăng nhu cầu cần có thông tin liên quan đến khí hậu trong việc đưa ra quyết định đã dẫn tới sự phát triển của một số tiêu chuẩn công bố thông tin tập trung vào khí hậu.⁶¹

- Được lập ra bởi Hội đồng FSB năm 2015 để cải thiện và tăng tiến hoạt động báo cáo thông tin tài chính liên quan tới khí hậu, TCFD đã trở thành tiêu chuẩn cơ sở cho công bố thông tin về rủi ro khí hậu.⁶²
- Hội đồng GSSB đã thông qua dự án Tiêu chuẩn Khí hậu vào tháng 2 năm 2023 để rà soát và điều chỉnh các tiêu chuẩn GRI liên quan đến khí hậu cũng như tích hợp các vấn đề mới về tác động của biến đổi khí hậu, không chỉ dừng lại ở tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính.⁶³
- Tiêu chuẩn IFRS S2 về Công bố thông tin liên quan Khí hậu được phát hành tháng 6 năm 2023 và áp dụng cho kỳ báo cáo hàng năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.⁶⁴
- Tháng 7 năm 2023, Ủy ban Châu Âu (EC) tiếp nhận Tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững Châu Âu (ESRS) với phạm vi đầy đủ từ môi trường, xã hội, quản trị, bao gồm biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học và nhân quyền.⁶⁵

Vì vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cần nhận thức được các yêu cầu mới về công bố thông tin liên quan khí hậu để đảm bảo chất lượng và sự toàn diện của báo cáo phát triển bền vững, đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư.

3.2. Một số Tiêu chuẩn và Khung về Công bố thông tin liên quan đến ESG chính tại Việt Nam

Tại Việt Nam, các doanh nghiệp đã và đang thực hiện báo cáo ESG theo các tiêu chuẩn và khung báo cáo quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, trong đó bao gồm cả báo cáo về các thông tin liên quan đến khí hậu. Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Hồ Chí Minh đều là thành viên của Sáng kiến giao dịch Chứng khoán Bền vững Liên Hợp Quốc (2017) và thể hiện sự ủng hộ đối với lực lượng TCFD (2019)⁶⁶. Tuy nhiên, theo Hướng dẫn và Thông lệ tốt nhất trong Công bố thông tin Rủi ro khí hậu theo TCFD tại Việt Nam⁶⁷, hiện chưa có luật niêm yết hay hướng dẫn chính thống cụ thể về công bố thông tin liên quan khí hậu tại Việt Nam.

Theo Báo cáo Khí hậu năm 2022 tại ASEAN – Tình trạng Điển hình của Doanh nghiệp,⁶⁸ Khung Báo cáo ESG được sử dụng rộng rãi nhất tại Việt Nam là Khung Báo cáo Toàn cầu (GRI) và Khung Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc (SDG). Báo cáo đã nghiên cứu 100 công ty hàng đầu theo vốn hóa thị trường được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó chỉ có 40 công ty công bố báo cáo phát triển bền vững với thông tin liên quan đến khí hậu. Bảng dưới đây liệt kê các khung báo cáo được sử dụng trong báo cáo liên quan đến khí hậu tại Việt Nam.

Bảng 6: Khung Báo cáo Liên quan đến Khí hậu tại Việt Nam – Nguồn: 2022 Báo cáo Khí hậu năm 2022 tại ASEAN

	GRI	IIRC	SASB	SDG	TCFD
Việt Nam	65%	8%	2%	42%	0%

⁶⁰ Blackrock. (2022). Sustainability Reporting: Convergence to Accelerate Progress. Retrieved from: <https://www.blackrock.com/corporate/literature/publication/bk-commentary-sustainability-reporting-convergence.pdf>

⁶¹ TCFD. (2017). Recommendations of the Task Force on Climate-related Financial Disclosures. Retrieved from: https://assets.bbhub.io/company/sites/60/2020/10/FINAL_2017-TCFD-Report_11052018.pdf

⁶² EY. (2021). The future of sustainability reporting standards. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_gi/topics/sustainability/ey-the-future-of-sustainability-reporting-standards-june-2021.pdf

⁶³ GRI. (2023). Project for Climate Change Standard(s). Retrieved from: <https://www.globalreporting.org/standards/standards-development/project-for-climate-change-standard-sf>

⁶⁴ IFRS. (2023). IFRS S2 Climate-related Disclosures. Retrieved from: <https://www.ifrs.org/issued-standards/ifrs-sustainability-standards-navigator/ifrs-s2-climate-related-disclosures/#--text=IFRS%20S2%20requires%20an%20entity%20related%20risks%20and%20opportunities%20that>

⁶⁵ European Commission. (2023, July 31). Daily News 31/07/2023. Retrieved from: https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/mex_23_4044

⁶⁶ GIZ. (2023, March). Vietnam's Climate Risks and Best Practices for TCFD Disclosure. Retrieved from: https://www.giz.de/en/downloads_els/Vietnam%20Climate%20Risks%20and%20Best%20Practices%20for%20TCFD%20Disclosure.pdf

⁶⁷ GIZ. (2023, March). Vietnam's Climate Risks and Best Practices for TCFD Disclosure. Retrieved from: https://www.giz.de/en/downloads_els/Vietnam%20Climate%20Risks%20and%20Best%20Practices%20for%20TCFD%20Disclosure.pdf

⁶⁸ GRI ASEAN & Centre for Governance and Sustainability. (2022, July). Climate Reporting in ASEAN State of Corporate Practices. Retrieved from: <https://www.globalreporting.org/media/oult3ed/climate-reporting-in-asean-state-of-corporate-practices-2022.pdf>

Mặc dù việc áp dụng GRI trong báo cáo phát triển bền vững của các doanh nghiệp đã có từ trước các cam kết quốc gia tại CoP26 và Thông tư 96/2020/TT-BTC, nhưng tầm quan trọng của nó ngày càng tăng kể từ khi ra mắt phiên bản tiếng Việt vào năm 2017, do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức⁶⁹. Nhiều doanh nghiệp đang sử dụng các tiêu chuẩn GRI Toàn cầu và các tiêu chuẩn Chủ đề GRI để định hướng các chủ đề trọng yếu của họ và cách thông tin cho nhiều bên liên quan một cách phù hợp.

4. Tiếp cận Tài chính Bền vững

4.1. Bối cảnh tài chính bền vững đối với các doanh nghiệp Việt Nam

Thế giới đang đứng trước sự chuyển đổi mang tính nền tảng mà từ đó sẽ định hình lại các hoạt động tài chính. Đầu tư ESG đang gia tăng nhanh chóng như một công cụ để xây dựng khả năng ứng phó và giảm nhẹ rủi ro trong các khoản đầu tư. Theo đó, các yêu cầu của nhà đầu tư về thực thi phát triển bền vững tự nguyện đang nhanh chóng trở thành tiêu chuẩn cạnh tranh mới đối với các doanh nghiệp đi vay. Song hành với báo cáo phi tài chính, điều này đã hỗ trợ các nhà đầu tư phát hiện những rủi ro tiềm tàng trên khía cạnh môi trường và xã hội mà trước đây không được xem xét qua các cơ chế đầu tư truyền thống.⁷⁰

Các định chế tài chính quốc tế (IFI) là nguồn tài chính then chốt đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều tổ chức tài chính quốc tế không bị ràng buộc bởi các quy định và sự giám sát quốc tế khắt khe nhưng vẫn tham gia vào các cam kết bền vững để đảm bảo đồng nhất với quá trình chuyển đổi toàn cầu hướng tới phát thải ròng bằng 0.

Các động lực này đang ảnh hưởng đến các quyết định tài chính từ các định chế tài chính. Vào tháng 10 năm 2023, các thành viên của Liên minh Ngân hàng Phát thải ròng bằng 0 – bao gồm 134 ngân hàng với tổng tài sản quản lý là 74 nghìn tỉ Đô-la Mỹ và một phần của Liên minh Tài chính Glasgow về Phát thải ròng bằng 0 (GFANZ) – đã cam kết điều chỉnh các danh mục cho vay và đầu tư của họ để đạt được Phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 hoặc sớm hơn.⁷¹ Tính đến tháng 11 năm 2022, Liên minh GFANZ đã có hơn 550 chữ ký đồng thuận ở 50 quốc gia, với tổng Tài sản thuộc Quản lý lên tới 153 nghìn tỷ Đô-la Mỹ.⁷² Nguyên tắc Đầu tư Trách nhiệm của Liên Hợp Quốc tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã có 5.372⁷³ chữ ký đồng thuận từ chủ sở hữu tài sản, nhà quản lý đầu tư cho đến nhà cung cấp dịch vụ tài chính; bên cạnh đó, tổng lượng Tài sản thuộc Quản lý (Assets Under Management) tính đến ngày 30 tháng 3 năm 2021 là 121,3 nghìn tỷ Đô-la Mỹ dựa trên 3.826 chữ ký đồng thuận (theo dữ liệu báo cáo gần có thể thu thập gần nhất với thời gian xuất bản). Hướng dẫn về rủi ro và cơ hội khí hậu được khuyến khích bởi TCFD hiện đã có 4.000 bên ủng hộ thuộc 101 khu vực pháp lý⁷⁴.

Kể cả khi Việt Nam chưa có các quy định về các yêu cầu bắt buộc liên quan đến ESG, các doanh nghiệp Việt Nam khi tìm kiếm nguồn tài chính từ các nhà đầu tư quốc tế sẽ cần phải nhận thức được và tuân thủ các cam kết cũng như yêu cầu về ESG từ các nhà đầu tư theo phạm vi quy định pháp lý tương ứng.

Thị trường tài chính bền vững Việt Nam tồn tại tiềm năng mở rộng tương đối lớn trong những năm sắp tới. Tính tới cuối năm 2022, thị trường nợ bền vững ASEAN⁷⁵ đạt tới 128,8 tỷ Đô-la Mỹ tổng khối lượng⁷⁶. Việt Nam là thị trường nhỏ nhất trong số 6 quốc gia ASEAN tham gia (In-đô-nê-xi-a, Mã Lai, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan và Việt Nam) với xấp xỉ 1,9 tỷ Đô-la Mỹ⁷⁷. Tuy nhiên, thị trường Việt Nam đã gia tăng phân hóa trong hai năm qua, cùng với các phát hành phát triển bền vững và liên kết phát triển bền vững đầu tiên (Xem Hình 7 bên dưới). Trong vài năm tới, các thay đổi mới như hệ thống phân loại ngành kinh tế xanh và thỏa thuận Hợp tác Chuyển đổi Năng lượng công bằng (JETP) tại Việt Nam có thể đưa thị trường tài chính bền vững Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn.

⁶⁹ Vietnamnews (2017, June 15). Sustainability Reporting Standard launched. Retrieved from: [Sustainability Reporting Standard launched \(vietnamnews.vn\)](https://vietnamnews.vn/sustainability-reporting-standard-launched/)

⁷⁰ EY. Why ESG integration is becoming the new imperative for private equity firms. Retrieved from: <https://www.ey.com/en-in/climate-change-sustainability-services/why-esg-integration-is-becoming-the-next-imperative-for-private-equity-firms>

⁷¹ Members – United Nations Environment – Finance Initiative. Retrieved from [Unepfi.org: Our Members – United Nations Environment – Finance Initiative \(unepfi.org\)](https://unepfi.org/our-members/)

⁷² GFANZ. (2022). 2022 Progress Report. Retrieved from: [GFANZ-2022-Progress-Report.pdf \(bbhub.io\)](https://gfanz.org/2022-progress-report/) – pg. 13, 21

⁷³ UNPRI. Signatory directory. Retrieved from PRI: <https://www.unpri.org/signatories/signatory-resources/signatory-directory>

⁷⁴ Task Force on Climate-Related Financial Disclosures. Retrieved from: <https://www.tsf-clfd.org/support/tcfcl/>

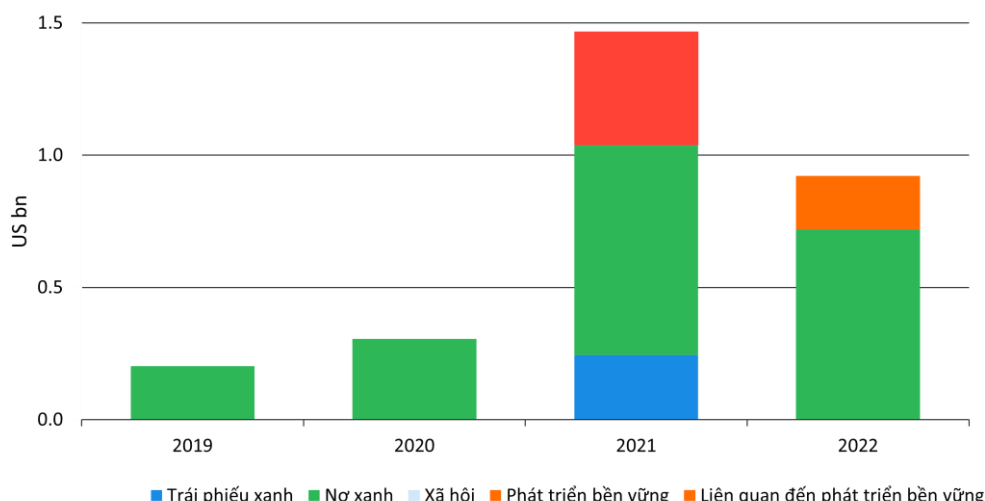
⁷⁵ Almeida, M., & Wong, C. X. (2023). ASEAN Sustainable Finance State of the Market 2022. Retrieved from Climate Bonds Initiative: https://www.climatebonds.net/files/reports/cbi_asean_sotm_2022_02f.pdf – pg. 2.

As of 2022, the ASEAN State of the Sustainable Finance Market report covers green, social, sustainability, and sustainability-linked loans and bonds, as well as transition bonds.

⁷⁶ Almeida, M., & Wong, C. X. (2023). ASEAN Sustainable Finance State of the Market 2022. Retrieved from Climate Bonds Initiative: [cbi_asean_sotm_2022_02f.pdf \(climatebonds.net\)](https://www.climatebonds.net/files/reports/cbi_asean_sotm_2022_02f.pdf) – pg. 3, 8

⁷⁷ Almeida, M., & Wong, C. X. (2023). ASEAN Sustainable Finance State of the Market 2022. Retrieved from Climate Bonds Initiative: [cbi_asean_sotm_2022_02f.pdf \(climatebonds.net\)](https://www.climatebonds.net/files/reports/cbi_asean_sotm_2022_02f.pdf) – pg. 34

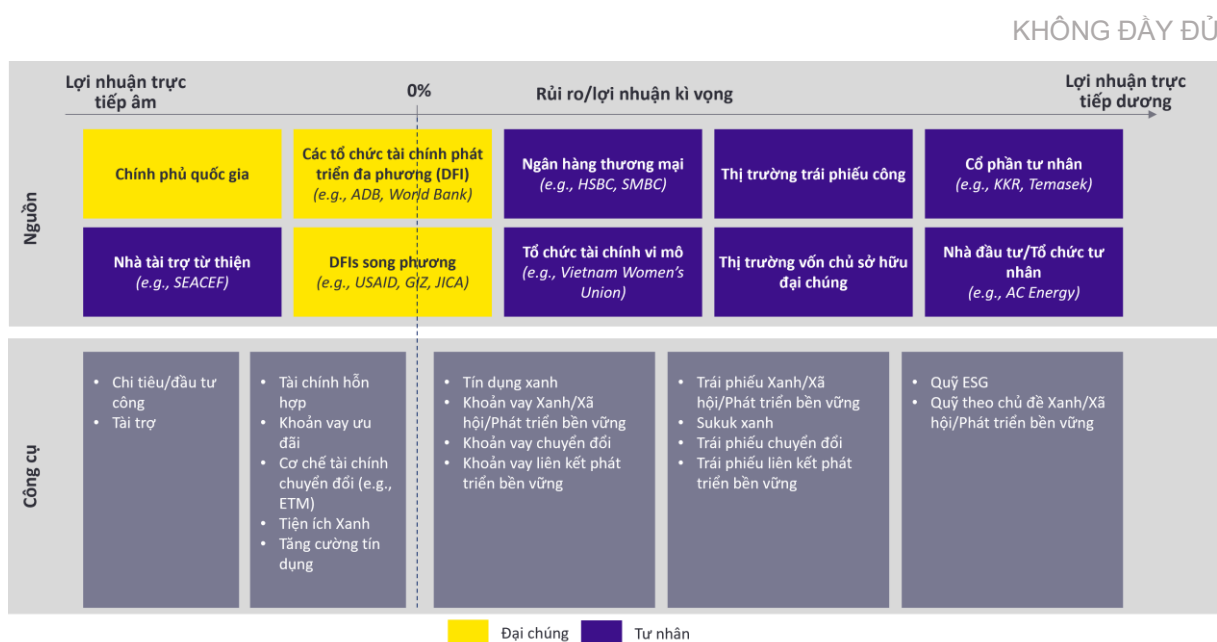
Hình 7: Giá trị phát hành của thị trường nợ tín dụng bền vững qua các năm tại Việt Nam⁷⁸



4.2. Một số công cụ tài chính bền vững

Khi thị trường trưởng thành, các loại sản phẩm tài chính bền vững cũng sẽ tăng lên. Hình 8 minh họa các nguồn và công cụ tài chính bền vững hiện có trên thị trường mà doanh nghiệp có thể lựa chọn. Doanh nghiệp tham khảo Phụ lục F để biết thêm chi tiết về mô tả và ví dụ của các công cụ tài chính bền vững này.

Hình 8: Nguồn và công cụ về tài chính bền vững⁷⁹



4.3. Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững của một số tổ chức tài chính tại Việt Nam

Một số tổ chức tài chính nhất định, bao gồm các ngân hàng phát triển đa quốc gia (Multilateral Development banks), đã xây dựng hướng dẫn riêng về yêu cầu đối với các doanh nghiệp tìm kiếm

⁷⁸ Almeida, M., & Wong, C. X. (2023). ASEAN Sustainable Finance State of the Market 2022. Retrieved from Climate Bonds Initiative: climatebonds.net/asean-sustainable-finance-state-of-the-market-2022-021.pdf (climatebonds.net) – pg. 34

⁷⁹ EY adaptation from Asian Development Bank. (2023, June). Green Finance for Asian state-owned enterprises. Retrieved from ADB: <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/891471/green-finance-asian-state-owned-enterprises.pdf> – pg. 21 and Asian Development Bank. (2021, July 30). Financing clean energy in developing Asia-volume 1. Retrieved from <https://dx.doi.org/10.22617/ITCSP10206-2> – pg. 168

nguồn tài chính bền vững. Bảng dưới đây đưa ra tổng quan về một số các tổ chức tài chính đang hoạt động trên thị trường Việt Nam và những yêu cầu của họ:

Bảng 7: Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững theo định chế cụ thể trên thị trường Việt Nam

CHƯA ĐẦY ĐỦ

Tên tổ chức	Loại hình	Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	Định chế tài chính phát triển đa quốc gia	Nếu dự án đề xuất có thể mang tác động và rủi ro về môi trường, ADB yêu cầu bên vay/khách hàng thực hiện đánh giá bảo đảm về môi trường và xã hội. ⁸⁰ Đánh giá môi trường bao gồm một chuỗi báo cáo suốt vòng đời dự án, và có thể có: ⁸¹ • Kiểm tra Môi trường ban đầu • Đánh giá Tác động Môi trường • Báo cáo Theo dõi Môi trường và Xã hội • Báo cáo Tuân thủ Kiểm toán Môi trường và Xã hội
Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC)	Định chế tài chính phát triển đa quốc gia	Các dự án phải tuân thủ theo Tiêu chuẩn IFC ⁸² , bao gồm các tiêu chí về ⁸³ : • Đánh giá và quản lý rủi ro và tác động môi trường, xã hội (PS1) • Điều kiện lao động và làm việc (PS2) • Hiệu quả tài nguyên và ngăn chặn ô nhiễm (PS3) • Sức khỏe, an toàn và an ninh cộng đồng (PS4) • Thu mua đất và đền bù không tình nguyện (PS5) • Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên (PS6) • Người bản địa (PS7) • Di sản văn hóa (PS8)
Cục Hợp tác Quốc tế Nhật Bản/ Tập đoàn Ngân hàng Sumitomo Mitsui	Định chế tài chính phát triển liên quốc gia/ Ngân hàng thương mại	Năm 2021, JICA và SMBC hợp tác cho ra mắt Khung Tài chính bền vững. Khung này tuân thủ các tiêu chuẩn toàn cầu như Nguyên tắc Trái phiếu xanh, xã hội và bền vững của ICMA, Nguyên tắc Khoản vay xanh và bền vững của LMA. ⁸⁴
HSBC	Ngân hàng thương mại	Chương trình Khoản vay Xanh của HSBC hỗ trợ cho các doanh nghiệp và dự án đáp ứng điều kiện hoàn thành các mục tiêu liên quan đến lợi ích môi trường và phát triển bền vững. ⁸⁵ Các dự án cần phải đáp ứng tiêu chí để được thông qua – chẳng hạn vào năm 2022, HSBC đã khởi động Khoản vay Xanh cho Vingroup và công ty con của tập đoàn theo Nguyên tắc Khoản vay Xanh của LMA. ⁸⁶
KKR	Quỹ đầu tư tư nhân	Quỹ KKR đưa ra chính sách Đầu tư Trách nhiệm ⁸⁷ trong đó xem xét phát triển bền vững vào quy trình đầu tư thông qua: Trong giai đoạn trước khi đầu tư: • Rà soát các “Vấn đề trọng yếu (một danh mục các hoạt động, vận hành và ngành công nghiệp mang đến rủi ro quan trọng trong phát triển bền vững, địa chính trị hoặc danh tiếng). • Đánh giá rủi ro phát triển bền vững cụ thể theo ngành hoặc tài sản, ghi chép kết quả đánh giá về rủi ro và cơ hội. Trong giai đoạn sau khi đầu tư: • Theo dõi các xem xét về phát triển bền vững thường xuyên và tương tác với doanh nghiệp về kiến tạo giá trị và giảm nhẹ rủi ro khi cần thiết. • Ghi chép kết quả và theo dõi tiến độ và rủi ro tiềm tàng thường xuyên.

⁸⁰ Asian Development Bank. (2012, December). Environment safeguards: A good practice sourcebook (draft Working Document). Retrieved from <https://www.adb.org/sites/default/files/institutional-document/33739/files/environment-safeguards-good-practices-sourcebook-draft.pdf> - pg. 12

⁸¹ Asian Development Bank. (2023, August 3). Environment safeguards. Retrieved from <https://www.adb.org/who-we-are/safeguards/environment>

⁸² International Finance Corporation. (n.d.). How to apply for financing. IFC. Retrieved from <https://www.ifc.org/en/what-we-do/products-and-services/how-to-apply-for-financing>

⁸³ International Finance Corporation. (2012). IFC performance standards on environmental and social sustainability. Retrieved from <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/multi/ifc-performance-standards.pdf> - pg. 3

⁸⁴ Sumitomo Mitsui Banking Corporation. (2021, April 5). News release - Launch of the SMBC-JICA Sustainable Finance Framework. Retrieved from https://www.smbc.co.jp/news_e/pdf/e20230529_01.pdf - pg. 1, 2

⁸⁵ HSBC. (n.d.). Sustainability for business in Vietnam. HSBC Vietnam. Retrieved from HSBC: <https://www.business.hsbc.com/vn/en-gb/campaigns/sustainability>

⁸⁶ HSBC. (2022, March 4). New release - HSBC and Vingroup realise their green commitment with the first syndicated green loan. Retrieved from https://www.google.com/url?sa=t&ct=1&g=es&sc=s&source=web&cd=&cad=rja&uact=8&ved=2ahUKEwik-q-p5CBAXW_zDqGHdWeEeQFnoECB8OAO&url=https%3A%2F%2Fwww.about.hsbc.com.vn%2F%2Fmedia%2Fvietnam%2Fen%2Fnews-and-media%2F220311-hsbc-and-vingroup-realise-green-strategy-en.pdf&usq=Aovw0MOGZEnb2xGqCpZy-fn1&opi=89979449

⁸⁷ KKR ESG. (2023, June). Responsible investment policy. Retrieved from KKR: <https://www.kkr.com/files/pdf/responsible-investment-policy.pdf> - pg. 3, 4

Tên tổ chức	Loại hình	Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững
Temasek	Quỹ đầu tư tư nhân	Quỹ Temasek áp dụng khung đánh giá phát triển bền vững cho các khoản đầu tư. Việc này bao gồm thực hiện thẩm định các vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội và tối đa hóa kết quả tích cực. ⁸⁸

Các nhà đầu tư cũng đã bắt đầu tích hợp Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội (Gender Equality and Social Inclusion (GESI) vào chiến lược và quyết định tài chính của họ. Theo khảo sát của Lee, N., O'Donnell, M., & Ross, K. năm 2020 đối với 17 định chế tài chính phát triển (Development Financial Institutions) đầu tư vào lĩnh vực tư nhân, hầu hết các bên đã phản hồi là có chiến lược đầu tư hướng tới bình đẳng giới. Đồng thời, hầu hết các bên đều có chuyên gia về giới trong các nhóm thẩm định giao dịch và cung cấp đào tạo về giới cho các đối tác đầu tư. Cũng theo khảo sát này, hơn nửa dữ liệu thu thập được chia theo giới và được sử dụng để thông tin cho các khoản đầu tư trong tương lai.⁸⁹



Hộp 7: Tích hợp Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội vào tài chính bền vững

Một số định chế tài chính phát triển và chương trình hỗ trợ phát triển nhất định đang hoạt động ở Việt Nam cũng tích hợp Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội vào tài chính bền vững, chẳng hạn như:

- Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB cam kết với các mục tiêu 75% vận hành hỗ trợ chiến đổi khí hậu và 75% vận hành trên cơ sở công bằng giới hoặc bình đẳng giới vào 2030. ADB cũng tích hợp GESI vào thiết kế dự án khí hậu để đảm bảo rằng phụ nữ, người nghèo, người dễ bị tổn thương sẽ hưởng lợi từ các dự án khí hậu.⁹⁰
- Bên cạnh chiến lược giới và kế hoạch triển khai chiến lược giới nội bộ của Tập đoàn Ngân hàng thế giới, IFC đã thiết lập các KPI của tập đoàn thể theo rà soát “Gender Flag” cho các dự án tiềm năng tập trung vào giới. Tiêu chí cho các dự án tập trung vào giới bao gồm phân tích khoảng cách giới, can thiệp cụ thể về giới để giảm khoảng cách đã nhận dạng và khớp chỉ số tách biệt về giới vào khung kết quả.⁹¹ IFC có một số chương trình hướng tới hòa nhập kinh tế cho các nhóm ngoài lề, củng cố nâng cao các doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ sở hữu và lãnh đạo, đồng thời kinh doanh hòa hợp.⁹²

Từ 2021-2025, các chương trình Tài chính Khí hậu Quốc tế của Vương quốc Anh sẽ nhằm tăng tham vọng Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội, bao gồm cam kết với chính sách bình đẳng giới trong các danh mục đầu tư. Chương trình kỳ vọng biểu hiện của các cân nhắc về Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội trong phương án, thiết kế và các bước triển khai dự án.⁹³

4.4. Các kênh thông tin về ESG của doanh nghiệp để hỗ trợ nhà đầu tư tài chính bền vững ra quyết định

Doanh nghiệp cần thu thập các dữ liệu và thông tin ESG có thể so sánh, nhất quán và tin cậy để xác định đầy đủ các rủi ro phát triển bền vững mà doanh nghiệp phải đối mặt và tạo ra. Thông tin minh bạch cũng sẽ giúp doanh nghiệp công bố tới các bên liên quan về các bước chuyển đổi hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Những thông tin này tạo điều kiện cho nhà đầu tư hiểu rõ và đánh giá được tốt hơn các tác động về phát triển bền vững của dự án, cho phép các định chế tài chính ra quyết định cho vay hoặc cấp vốn trên cơ sở các đánh giá chính xác và kịp thời về các rủi ro liên quan khí hậu.

Dưới đây là 02 kênh thông tin về ESG của doanh nghiệp mà các nhà đầu tư tài chính bền vững thường tham chiếu tới để ra quyết định cho vay/cấp vốn.

⁸⁸ Temasek Corporate. (n.d.). Sustainability in our investments. Temasek Corporate Website. Retrieved from: <https://www.temasek.com.sg/en/sustainability/sustainability-in-our-investments/embedding-esg>

⁸⁹ Lee, N., O'Donnell, M., & Ross, K. (2020, September). Gender Equity in Development Finance Survey. Retrieved from Center for Global Development: <https://www.cgdev.org/sites/default/files/gender-equity-in-development-finance-survey.pdf> - pg. 2,10

⁹⁰ Asian Development Bank. (2023a, April 24). 2022 development effectiveness review. Retrieved from ADB: <https://www.adb.org/documents/development-effectiveness-review-2022-report> - pg. 18, 34, 36, 73

⁹¹ Agence Française de Développement, & UN Women. (2021). Public Development Banks driving gender equality. Retrieved from: <https://financeincommon.org/sites/default/files/2021-10/PublicDevelopmentBanks-Driving-gender-equality.pdf> - pg. 45,46

⁹² IFC. (n.d.). IFC's work on gender equality and economic inclusion. Retrieved from IFC: <https://www.ifc.org/en/what-we-do/sector-expertise/gender>

⁹³ UKPACT. (2021, April). Guidance on gender equality and social inclusion (GESI). Retrieved from <https://l1.hubspotusercontent-na01.net/hubfs/7376512/cp/general/UK%20PACT%20GESI%20Guidance.pdf?hsCtaTracking=2b59d319-333f-4053-a9ab-52492b2353a1%7C023f06ea-5c31-408a-99cd-c43abc2262b9> - pg.3

4.4.1. Báo cáo ESG

Nhằm hỗ trợ các tổ chức tài chính thực hiện đánh giá, so sánh và đưa ra quyết định đầu tư, đã có các tiêu chuẩn và khung công bố thông tin ESG được xây dựng và công nhận trên thế giới – tham khảo Hình 6 - phần 1 – mục 3.1. Các nỗ lực gần đây để đồng nhất hệ thống báo cáo phát triển bền vững cũng đang được triển khai trên toàn cầu – như đề cập trong phần 1 – mục 3.1.

Để duy trì tiếp cận nguồn vốn, các doanh nghiệp sẽ cần phải tìm hiểu rõ bối cảnh về yêu cầu báo cáo phát triển bền vững đang thay đổi. Các doanh nghiệp tại Việt Nam để cạnh tranh nguồn đầu tư trên các thị trường tài chính quốc tế nên hướng tới liên tục cải thiện kế hoạch về công bố thông tin ESG – hướng tới đáp ứng cả các yêu cầu nằm ngoài phạm vi quốc gia, bởi doanh nghiệp có thể bị ràng buộc bởi các tiêu chuẩn và kỳ vọng quốc tế.⁹⁴

4.4.2. Xếp hạng ESG (ESG Rating) và Danh mục ESG (ESG Index)

Một trong những cách thức chính để nhà đầu tư và các đối tượng tham gia thị trường tài chính sử dụng thông tin phát triển bền vững là thông qua xếp hạng ESG từ các bên xếp hạng có uy tín. Các doanh nghiệp có thể đăng ký xếp hạng ESG từ các tổ chức xếp hạng uy tín (xem Hình 9) để đưa thông tin tới nhà đầu tư hiện có và tiềm năng về cách thức mà doanh nghiệp ứng phó với các vấn đề phát triển bền vững trong dự án hoặc hoạt động kinh doanh.⁹⁵

Hình 9: Một số công ty xếp hạng ESG trên thị trường



Mỗi bên đánh giá xếp hạng phát triển bền vững có tiêu chí, thang điểm và phương pháp tính điểm riêng, và việc lựa chọn bên đánh giá xếp hạng phụ thuộc và bối cảnh và nhu cầu các bên liên quan của doanh nghiệp. Phương pháp tính điểm cho xếp hạng đánh giá ESG bắt đầu với việc xem xét từng tiêu chí liên quan trong mỗi nhân tố Môi trường, Xã hội và Quản trị - được đưa ra trong Bảng 8 dưới đây.

Bảng 8: Các tiêu chí đánh giá ESG⁹⁶

Nhân tố môi trường	Nhân tố xã hội	Nhân tố quản trị
Sử dụng tài nguyên thiên nhiên	Lực lượng lao động	Sự độc lập của Hội đồng Quản trị
Phát thải khí các-bon	Nhân quyền	Sự đa dạng của Hội đồng Quản trị
Hiệu quả năng lượng	Đa dạng	Quyền lợi cổ đông
Ô nhiễm/chất thải	Chuỗi cung ứng	Đãi ngộ đối với ban Điều hành
Cơ hội môi trường		Đạo đức doanh nghiệp

Các bên đánh giá xếp hạng tín dụng (Credit Rating Agencies) cũng hỗ trợ bên cho vay và nhà đầu tư xác định chi phí nợ và ra quyết định đầu tư vào trái phiếu và các công cụ tín dụng khác. Các CRA đang gia tăng tích hợp rủi ro ESG vào xếp hạng hiện có của họ và xây dựng những thang xếp hạng ESG mới.⁹⁷

⁹⁴ Na, B. C., & Venugopal, L. (2023). 2022 Asia Pacific Corporate Governance and ESG Survey Results. Retrieved from AON: 2022 Asia Pacific Corporate Governance and ESG Survey Results (aon.com)

⁹⁵ A4S Essential Guide to Debt Finance. (2019, May). Retrieved from: <https://www.accountingforsustainability.org/content/dam/a4s/corporate/home/KnowledgeHub/Guide-pdf/A4S%20Essential%20Guide%20to%20Debt%20Finance1.pdf.downloadasset.pdf>

⁹⁶ Boffo, R., and R. Patalano. (2020). ESG Investing: Practices, Progress and Challenges. Retrieved from OECD Paris: www.oecd.org/finance/ESG-Investing-Practices-Progress-and-Challenges.pdf

⁹⁷ A4S Essential Guide to Debt Finance. (2019, May). Retrieved from: <https://www.accountingforsustainability.org/content/dam/a4s/corporate/home/KnowledgeHub/Guide-pdf/A4S%20Essential%20Guide%20to%20Debt%20Finance1.pdf.downloadasset.pdf>

PHẦN 2: HƯỚNG DẪN KHUNG TRIỂN KHAI ESG TRONG QUẢN TRỊ VÀ VẬN HÀNH DOANH NGHIỆP

Các doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận đang phải đối mặt với các vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận, thành công, và thậm chí sự tồn tại của tổ chức trong dài hạn. Các vấn đề ESG này bao gồm cả các vấn đề cấp thiết ở mức độ toàn cầu và các bài toán cụ thể theo từng ngành, từ đó, đặt ra yêu cầu có sự nhất quán trong quản lý chức năng toàn doanh nghiệp.

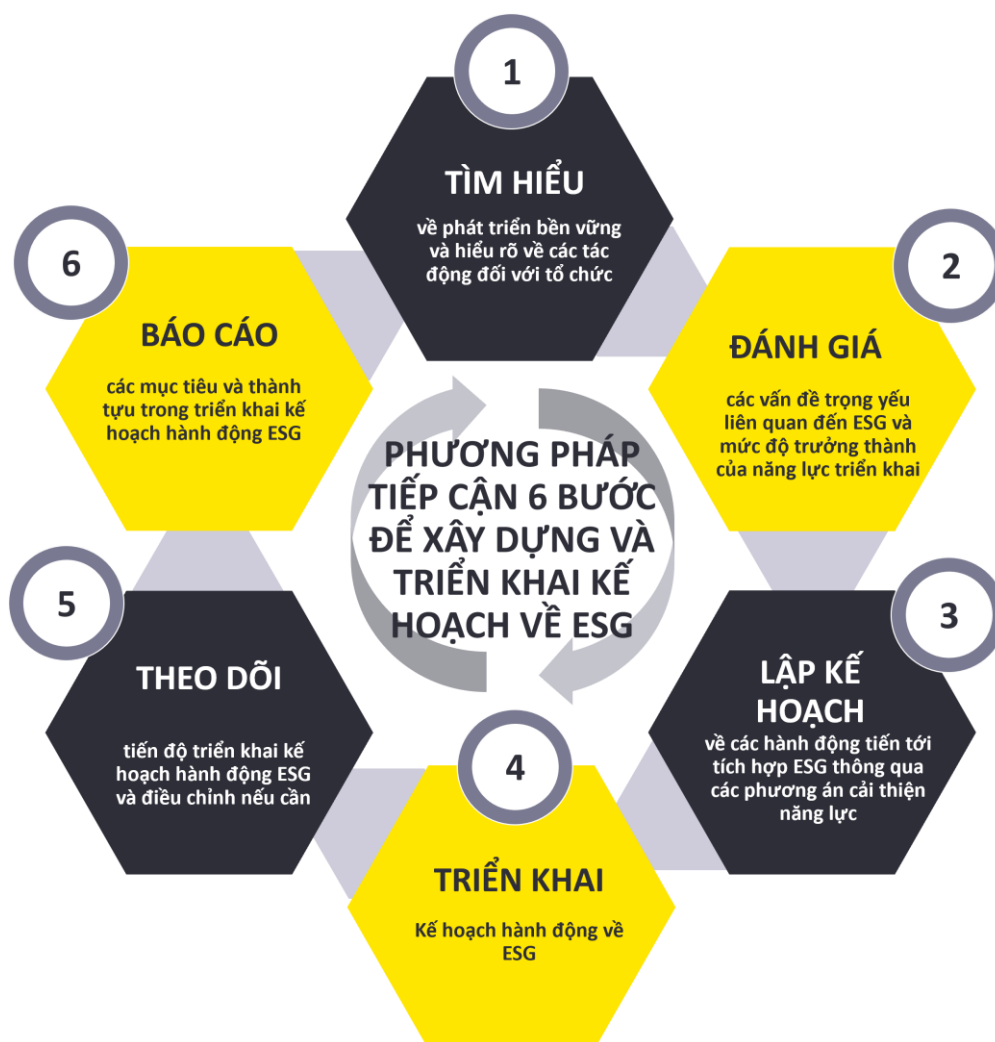
Các doanh nghiệp cần hành động để ứng phó với các tác động ngày càng gia tăng của các vấn đề này, đồng thời tận dụng các lợi thế và cơ hội tiềm năng lớn mà chuyển đổi theo hướng ESG có thể mang lại trong hiệu quả chi phí, cạnh tranh và tiềm năng lợi nhuận, ngay từ việc thực hiện các chuyển đổi nhỏ nhất.

Phần này đưa ra phương pháp tiếp cận và khung mô hình hướng dẫn cho doanh nghiệp chuyển đổi ESG về quản trị, chiến lược, vận hành và chuỗi giá trị. Việc áp dụng theo khung hướng dẫn triển khai ESG sẽ hỗ trợ doanh nghiệp đạt được những lợi thế về định vị thương hiệu, xây dựng giá trị dài hạn, tạo lập vị thế khác biệt trên thị trường và tính bền vững trong vận hành.

1. Phương pháp tiếp cận 6 bước xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động về ESG

Phương pháp tiếp cận 6 bước để **xây dựng và triển khai kế hoạch hành động về ESG** được mô tả trong Hình 10 dưới đây sẽ là một công cụ hỗ trợ hữu ích cho doanh nghiệp bắt đầu hành trình chuyển đổi ESG:

Hình 10: Phương pháp tiếp cận 6 bước để xây dựng và triển khai kế hoạch hành động về ESG



VỀ MÔ HÌNH CỦA PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN: QUY TRÌNH THEO VÒNG LẶP, LINH HOẠT, HỖ TRỢ CHO VIỆC CẢI TIẾN LIÊN TỤC

Khả năng chuyển đổi ESG của doanh nghiệp có thể phát triển và thay đổi theo thời gian, và không có cách tiếp cận chung nào phù hợp cho tất cả các doanh nghiệp trong việc thực hiện tích hợp và chuyển đổi ESG. Do đó, phương pháp tiếp cận này đã được thiết lập theo hướng một quy trình lặp đi lặp lại và liên tục (Hình 10), mô phỏng theo một vòng đời dự án. Đồng thời, khó có thể ấn định điểm khởi đầu cũng như điểm kết thúc đối với hành trình phát triển bền vững của một doanh nghiệp, cũng như không có cách tiếp cận nào đảm bảo doanh nghiệp sẽ thực hiện chính xác và toàn diện theo chiến lược ngay trong lần thử đầu tiên. Phương pháp tiếp cận này đã được xây dựng dựa trên cơ sở lập luận này, cùng với việc tham chiếu tới một số hướng dẫn về tích hợp phát triển bền vững bao gồm:

- UN Global Compact Management model - Framework for Implementation: Human Rights, Labour, Environment, Anti-Corruption (Mô hình Quản trị của UN Global Compact: Khung triển khai về: Nhân quyền, Lao động, Môi trường, Chống tham nhũng);⁹⁸

⁹⁸ UN Global Compact Management Model. Retrieved from: https://d306pr3pise04h.cloudfront.net/docs/news_events%2F9.1_news_archives%2F2010_06_17%2FUN_Global_Compact_Management_Model.pdf

- Malaysia's SME Sustainability Action Guide developed by UN Global Compact Malaysia & Brunei (Hướng dẫn thực hành bền vững cho SME của Malaysia – được xây dựng bởi UN Global Compact Malaysia và Brunei);⁹⁹
- UN Global Compact Network UK Sustainable Development Goals – Playbook For Small-Medium Enterprises (UN Global Compact – Vương quốc Anh – Các mục tiêu phát triển bền vững – Sổ tay cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa);¹⁰⁰
- Exponential Roadmap Initiative - The 1.5°C Business Playbook (Sáng kiến Exponential Roadmap – Sổ tay doanh nghiệp hướng tới mục tiêu 1,5°C);¹⁰¹
- TPT Delivery Group's Transition Planning Cycle (Vòng đời kế hoạch chuyển đổi của TPT Delivery Group)¹⁰².

Mô hình tiếp cận có tính linh hoạt và có thể được sử dụng để lồng ghép các nỗ lực chuyển đổi ESG vào việc lập kế hoạch chiến lược hàng năm, hỗ trợ đưa ra phương án xử lý các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, hoặc sử dụng kết hợp cho tất cả các mục đích này. Do đó, phương pháp này có thể được áp dụng cho các chu kỳ hàng năm, nửa năm hoặc trong các trường hợp phát sinh đột ngột.

Mặc dù mỗi bước của Phương pháp tiếp cận là một thành phần quan trọng để hỗ trợ hành trình bền vững của doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể thay đổi thứ tự của các bước này tùy thuộc vào hoàn cảnh của mình. Ví dụ: doanh nghiệp có thể báo cáo kết quả đánh giá hiện trạng triển khai ESG trước khi xây dựng kế hoạch chuyển đổi ESG của mình. Thêm vào đó, doanh nghiệp có thể thực hiện đồng thời hai hoặc nhiều bước.

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ 6 BƯỚC THỰC HIỆN



- Để bắt đầu, doanh nghiệp thực hiện tìm hiểu, nâng cao kiến thức và nhận thức về ESG liên quan đến công tác vận hành kinh doanh



- Doanh nghiệp xác định các vấn đề ESG trọng yếu đối với doanh nghiệp, hiểu rõ tác động của doanh nghiệp đến các vấn đề ESG này và ngược lại (tác động 2 chiều).
- Tiếp theo, doanh nghiệp đánh giá hiệu quả triển khai hiện tại trong quản lý và ứng phó với các vấn đề ESG này, thông qua đánh giá cấp độ trưởng thành trong triển khai ESG vào từng cấu phần năng lực của doanh nghiệp - có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi:
 - mô hình kinh doanh, chuỗi giá trị
 - quản trị và chiến lược
 - con người và văn hóa
 - tương tác với các bên liên quan
 - dữ liệu và công nghệ

⁹⁹ Resources & Tools | UN Global Compact Network Malaysia & Brunei. (2016). Retrieved from UNGCMYB:

<https://www.ungcmbyb.org/resources-tools>

¹⁰⁰ Sharpe, E. (2023). Sustainable Development Goals Playbook for Small-Medium Enterprises. Retrieved from Global Compact Network UK: <https://www.unglobalcompact.org.uk/sdg-playbook-for-smes/>

¹⁰¹ 1.5°C Business Playbook. (2023, September). Retrieved from Exponential Road Map: <https://exponentialroadmap.org/1-5-business-playbook/>

¹⁰² Transition Task Force. (2024, April). Transition Planning Cycle. Retrieved from: <https://transitiontaskforce.net/the-transition-planning-cycle/>

- quản trị rủi ro
- báo cáo và giám sát.

- **Lưu ý:** Đối với các DNNVV, việc đánh giá mức độ trưởng thành về ESG có thể tương đối phức tạp, tốn thời gian và nguồn lực. Do đó, đối với bước này, DNNVV có thể xem xét chỉ thực hiện đánh giá các vấn đề trọng yếu mà không thực hiện đánh giá mức độ trưởng thành trong triển khai ESG.

3

LẬP KẾ HOẠCH

về các hành động tiến tới tích hợp ESG thông qua các phương án cải thiện năng lực

- Doanh nghiệp xác định kỳ vọng về hiệu quả triển khai tương lai trong quản lý và ứng phó với các vấn đề ESG này.
- Đối với các doanh nghiệp đã đánh giá mức độ trưởng thành trong triển khai ESG hiện tại, doanh nghiệp thực hiện xác định cấp độ trưởng thành kỳ vọng trong chuyển đổi ESG ở mỗi cấu phần năng lực và xây dựng **kế hoạch hành động** để đạt đến mức độ đó.
- Đối với các doanh nghiệp DNNVV không thực hiện đánh giá mức độ trưởng thành trong triển khai ESG, kế hoạch triển khai ESG sẽ được xây dựng nhằm ứng phó với vấn đề ESG trọng yếu đã xác định theo mục tiêu của doanh nghiệp.
- Nói một cách khác, doanh nghiệp cần đưa ra quyết định về mức độ và cách thức để chuyển đổi ESG trong hoạt động kinh doanh trong tương lai.
- **Lưu ý:**
 - Do những tác động đáng kể của biến đổi khí hậu, tất cả các doanh nghiệp, kể cả các DNNVV, nên thực hiện giảm thiểu các-bon trong hoạt động vận hành kinh doanh. Theo đó, các doanh nghiệp nên ưu tiên quản lý phát thải, trước tiên ưu tiên tiến hành đo lường Phạm vi 1 và Phạm vi 2 của phát thải các-bon.
 - Doanh nghiệp có thể thực hiện chủ động ứng phó và xử lý các tác động khí hậu hiện tại và dự đoán trong tương lai thông qua cả các biện pháp giảm thiểu phát thải và thích ứng.

4

TRIỂN KHAI

Kế hoạch hành động về ESG

- Doanh nghiệp triển khai kế hoạch đã lập bằng cách tận dụng những nguồn lực nội bộ và tìm kiếm, tiếp nhận các nguồn lực bên ngoài.

5

THEO DÕI

tiến độ triển khai kế hoạch hành động ESG và điều chỉnh nếu cần

- Để đảm bảo triển khai kế hoạch hiệu quả, doanh nghiệp nên thực hiện theo dõi, giám sát và thực hiện báo cáo về tiến độ và thành tựu của Kế hoạch Hành động ESG.

6

BÁO CÁO

các mục tiêu và thành tựu trong triển khai kế hoạch hành động ESG

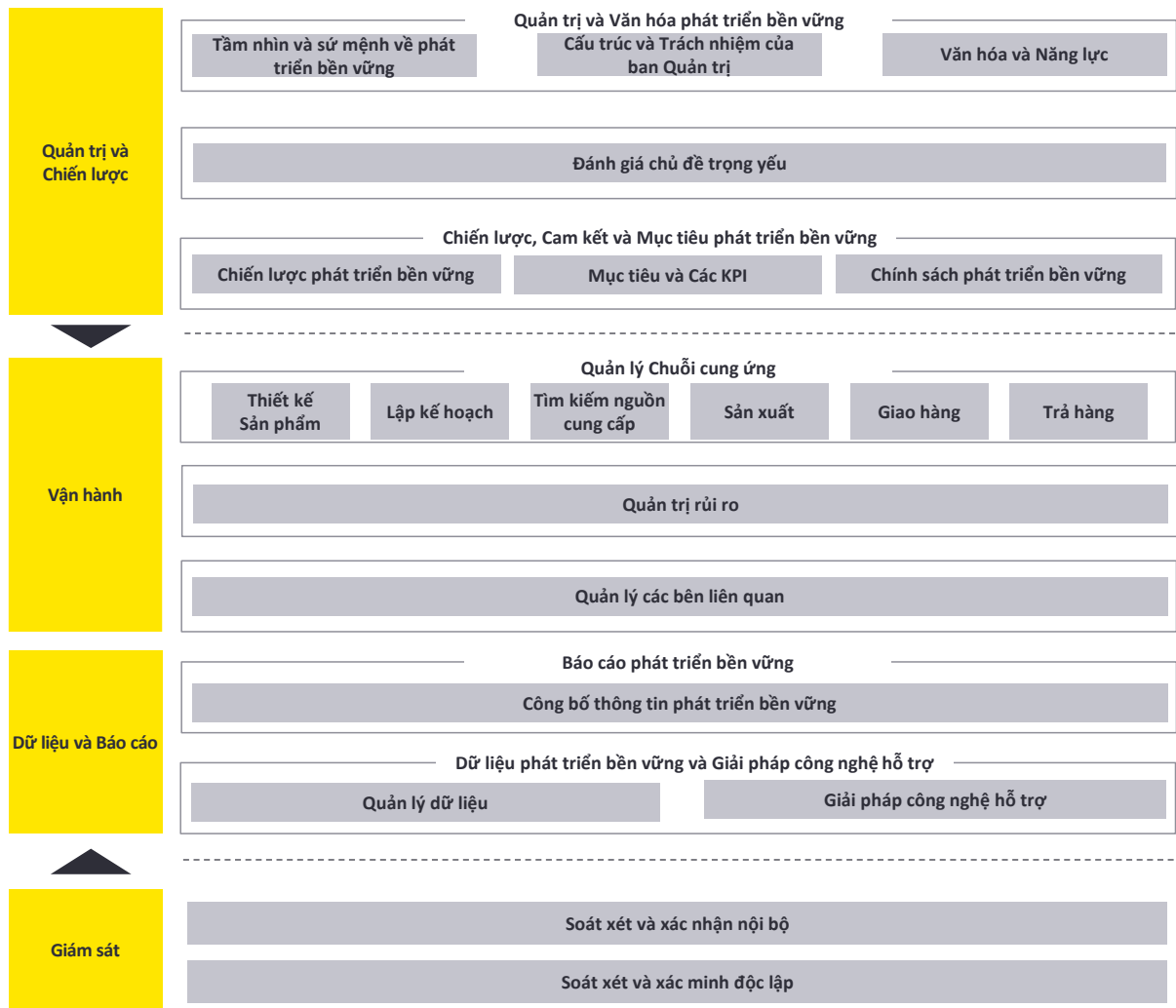
KHUNG MÔ HÌNH NĂNG LỰC CHO TÍCH HỢP ESG

Trong Sổ tay này sẽ giới thiệu **Khung mô hình Năng lực cho Tích hợp ESG** (gọi tắt là ‘Khung Mô hình tích hợp ESG’) được điều chỉnh từ Mô hình Năng lực Chương trình ESG – được xây dựng và phát triển bởi EY - là công cụ hỗ trợ cho doanh nghiệp khi thực hiện phương pháp tiếp cận 6 bước để xây dựng và triển khai kế hoạch hành động ESG.

Để thực hiện chuyển đổi ESG, doanh nghiệp có thể đánh giá và xem xét thực hiện ESG trong từng cấu phần năng lực được đưa ra trong Khung mô hình tích hợp ESG, bao gồm **bốn nhóm năng lực chính**: (1) Quản trị và Chiến lược, (2) Vận hành, (3) Dữ liệu và Báo cáo, và (4) Giám sát (Xem hình dưới):

1. **Quản trị và Chiến lược**: thiết lập mục tiêu về phát triển bền vững từ lớp quản trị trên cùng, quyết định những vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững đối với doanh nghiệp.
2. **Vận hành**: chú trọng đưa các yếu tố phát triển bền vững vào tầng vận hành của doanh nghiệp, bao gồm Quản lý Chuỗi giá trị, Quản trị rủi ro và Quản lý Các bên liên quan, xây dựng và củng cố khả năng chống chịu và phục hồi, từ đó cho phép doanh nghiệp tạo ra những giá trị dài hạn, bền vững.
3. **Dữ liệu và Báo cáo**: đảm bảo ý nghĩa và tính hữu dụng của báo cáo phát triển bền vững, đi kèm với đảm bảo về dữ liệu, giải pháp công nghệ hỗ trợ, từ đó, giúp theo dõi và đánh giá hiệu quả quá trình triển khai ESG của doanh nghiệp.
4. **Giám sát**: đảm bảo tính tuân thủ và soát xét cuối cùng trong việc thực thi tất cả các cấu phần nói trên.

Hình 11: Khung Tích hợp ESG



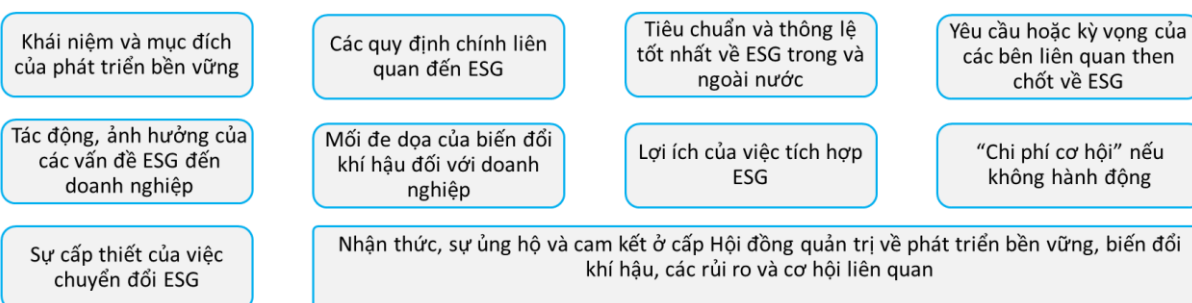
Lưu ý:

- Mô tả chi tiết về Phương pháp 6 bước thực hiện sẽ được đưa ra trong Mục 1.1 đến 1.6 dưới đây.
- Cách sử dụng Khung tích hợp ESG cùng phương pháp tiếp cận 6 bước sẽ được đưa ra trong mục 1.1 đến 1.6 của phần này.
- Đồng thời, mô tả chi tiết về các năng lực thành phần này, kèm theo các thông lệ hàng đầu và cách để tích hợp ESG vào mỗi năng lực thành phần sẽ được miêu tả ở Phần 2 - Mục 2. Các công cụ hỗ trợ và nguồn tham chiếu hướng dẫn tích hợp ESG.

1.1 BƯỚC 1: TÌM HIỂU

1.1.1 Mục tiêu: Tìm hiểu, công nhận và cam kết về “tính cấp thiết của ESG”

Doanh nghiệp thực hiện tìm hiểu và hình thành sự ủng hộ và cam kết đối với ESG, đặc biệt ở cấp Hội đồng quản trị.



1.1.2 Phương pháp thực hiện

- Tham gia các chương trình đào tạo, xây dựng năng lực có liên quan và tìm đọc các nguồn tài liệu liên quan phát triển bền vững.
- Liên hệ, làm việc và tham vấn với các chuyên gia, doanh nghiệp cùng ngành, các kênh cung cấp thông tin và các bên liên quan khác.
- Sự tham gia và năng lực của Hội đồng Quản trị có thể được xây dựng thông qua việc cung cấp đào tạo nội bộ hoặc bên ngoài và các buổi báo cáo thường xuyên, cũng như thông qua các buổi đánh giá về hiệu quả hoạt động của Hội đồng.
- Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể tham khảo **Phần 1: Bối cảnh ESG** của sổ tay này.

1.2 BƯỚC 2: ĐÁNH GIÁ

1.2.1 Bước 2.1: Đánh giá và xác định chủ đề ESG trọng yếu

1.2.1.1 Mục tiêu – Xác định những tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu liên quan đến ESG của doanh nghiệp

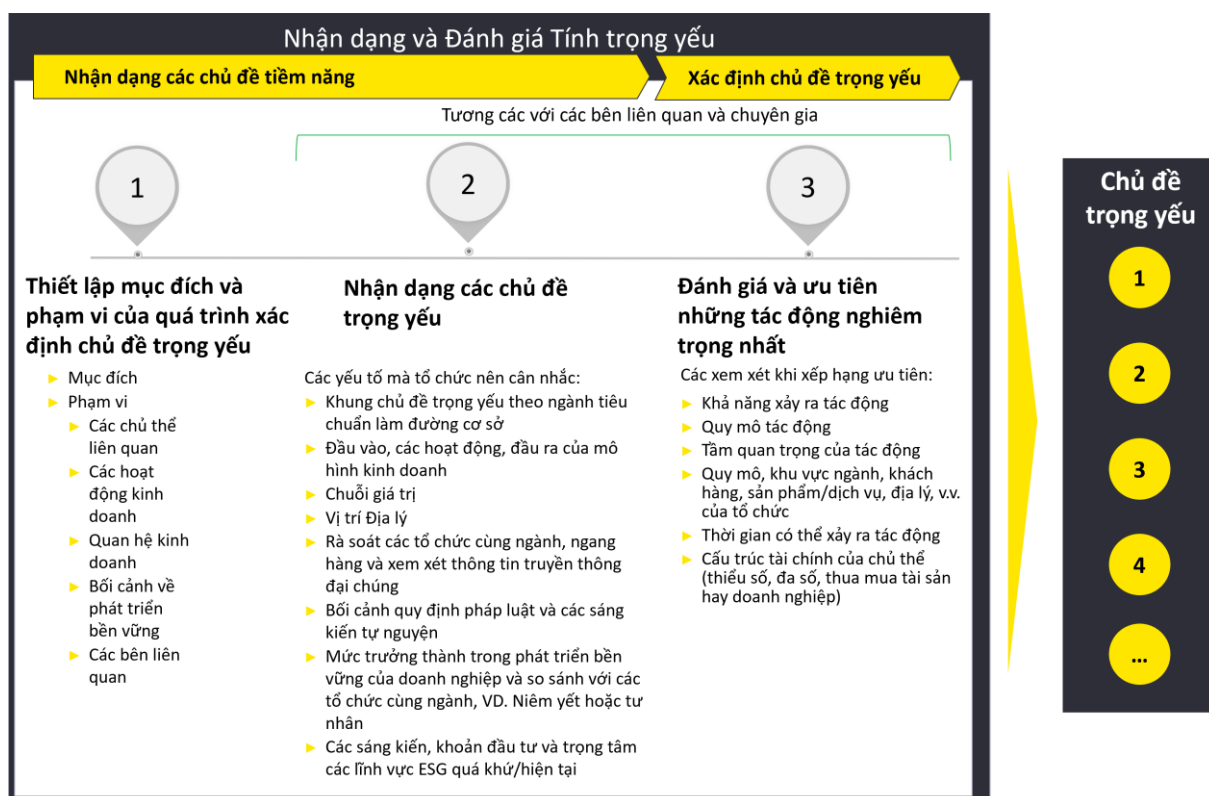
- Do tính chất phức tạp và phạm vi ảnh hưởng lớn của các vấn đề ESG, để thực hiện chuyển đổi ESG hiệu quả, doanh nghiệp cần xác định **các vấn đề ESG trọng yếu nhất đối với doanh nghiệp**, hình thành cơ sở cho việc xây dựng chiến lược, phân bổ nguồn lực hướng đến chuyển đổi bền vững.
- **Các vấn đề hay chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững** đối với doanh nghiệp bao gồm rủi ro, tác động và cơ hội ESG đến từ vận hành và thực hành chuỗi giá trị của doanh nghiệp. Để xác định các chủ đề trọng yếu, doanh nghiệp cần:
 - đánh giá và xếp hạng ưu tiên những rủi ro tới con người và môi trường

- xác định những tác động tiêu cực tiềm tàng và trên thực tế
- tìm hiểu những sản phẩm, dịch vụ và khoản đầu tư đem lại lợi ích liên quan ESG mà doanh nghiệp có thể thực hiện bằng cách áp dụng kiến thức, kỹ năng và năng lực của mình.
- Việc công bố thông tin trong báo cáo phát triển bền vững theo đó nên là sự phản ánh đúng và thực chất về những tác động quan trọng đã được ưu tiên và xử lý nội bộ và định hình phương hướng của doanh nghiệp.

1.2.1.2 Phương pháp thực hiện

Một quy trình điển hình thường gặp để đánh giá trọng yếu trong phát triển bền vững, dựa trên hướng dẫn của GRI¹⁰³, <IR>¹⁰⁴ and EY¹⁰⁵ được mô tả trong hình dưới đây:

Hình 12: Cách tiếp cận Đánh giá chủ đề trọng yếu



- Để bắt đầu, các DNNVV có thể xem xét các tác động, rủi ro và cơ hội chính của mình trong các chủ đề tiềm năng sau về các khía cạnh môi trường và xã hội:

Môi trường	Xã hội
Phát thải khí nhà kính	Thực hành lao động
Quản lý năng lượng	Sức khỏe và an toàn của người lao động
Quản lý nước và nước thải	Sự gắn kết, đa dạng và hòa nhập của người lao động
Quản lý chất thải	
Đa dạng sinh học và tác động tới sinh thái	

¹⁰³ GRI 3: Material Topics 2021. Retrieved from: <https://globalreporting.org/pdf.ashx?id=12453>

¹⁰⁴ IFAC. (2015, November). Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports. Retrieved from: [1315_MaterialityinIR_Doc_4a_Interactive.pdf](https://www.ifac.org/~/media/Files/2015/11/1315_MaterialityinIR_Doc_4a_Interactive.pdf) ([integratedreporting.org](https://www.ifac.org/~/media/Files/2015/11/1315_MaterialityinIR_Doc_4a_Interactive.pdf))

¹⁰⁵ EY. (2022, June). ESG due diligence, Methodology playbook version 1.0

Môi trường	Xã hội
Nguồn cung và hiệu quả về nguyên vật liệu	

- Chi tiết về thực hiện đánh giá trọng yếu được đưa ra tại *Phần 2 – Mục 2.1.2* của Sổ tay này.

1.2.2 Bước 2.2: Đánh giá mức độ trưởng thành của hiệu quả năng lực triển khai ESG hiện tại

1.2.2.1 Mục tiêu

Bước này nhằm đánh giá **hiệu quả triển khai phát triển bền vững hiện tại** của doanh nghiệp, và cách thức **doanh nghiệp thiết lập quản lý và ứng phó với các vấn đề trọng yếu** (rủi ro, cơ hội và tác động) **hiệu quả đến đâu**. Doanh nghiệp sẽ đánh giá tính bền vững trong quản trị và vận hành, hay mức độ triển khai ESG trong các cấu phần năng lực của doanh nghiệp và từ đó, xác định cấp độ trưởng thành của doanh nghiệp trong triển khai ESG.

Về mặt tổng quan, nếu toàn bộ hệ thống của doanh nghiệp chưa đạt mức độ trưởng thành:

- Có khả năng cao các rủi ro ESG sẽ xảy ra và các cơ hội ESG bị bỏ lỡ.
- Khi các vấn đề ESG xảy ra, doanh nghiệp sẽ mất nhiều thời gian hơn để nhận dạng và sẽ không thể xử lý toàn diện.
- Danh tiếng và lợi nhuận bị ảnh hưởng trong dài hạn.

1.2.2.2 Phương pháp thực hiện

Việc đánh giá có thể bao gồm xem xét các khía cạnh định tính và định lượng chính trong hệ thống quản lý và ứng phó với các vấn đề phát triển bền vững của doanh nghiệp và so sánh chúng với các doanh nghiệp cùng ngành tương đương và dẫn đầu.

Có 2 lựa chọn để thực hiện đánh giá mức độ trưởng thành, được quyết định dựa trên nhu cầu riêng của doanh nghiệp – chẳng hạn như yêu cầu về mức độ toàn diện, khung thời gian, quy mô của doanh nghiệp, v.v.

- Lựa chọn 1 – **Khung Mô hình Mức độ Trưởng thành ESG – trên cấp độ doanh nghiệp, toàn diện và bao quát**: Đánh giá mức độ trưởng thành tổng quan của doanh nghiệp trên các khía cạnh khác nhau;
- Lựa chọn 2 – **Mức độ Trưởng thành theo chủ đề ESG – trên cấp độ chủ đề, hoàn thành nhanh chóng hơn**: Đánh giá mức độ trưởng thành của các khía cạnh khác nhau của doanh nghiệp **theo từng chủ đề trọng yếu được xác định**.

Dù phương án nào được lựa chọn, mức độ trưởng thành của doanh nghiệp nên được đánh giá trên các khía cạnh khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn ở mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị, quản trị và chiến lược, con người và văn hóa, quản trị rủi ro, tương tác với các bên liên quan, dữ liệu và công nghệ, báo cáo và theo dõi – tham khảo Khung tích hợp ESG (Hình 11). Doanh nghiệp được khuyến nghị thực hiện đánh giá với sự tham gia của các bên liên quan chính – cả nội bộ và bên ngoài.

Công cụ đánh giá mức độ trưởng thành ESG

Hiện nay, doanh nghiệp có thể truy cập một số công cụ sẵn có về đánh giá mức độ trưởng thành trong triển khai phát triển bền vững. Bằng cách trả lời một chuỗi các câu hỏi về tình hình thực hành phát triển bền vững, doanh nghiệp có thể thu được kết quả đánh giá về cấp độ trưởng thành hiện tại và vị trí trên lộ trình ESG tiến tới trở thành đơn vị tiên phong và dẫn đầu. Những công cụ này sẽ có các câu hỏi và thang điểm đánh giá trưởng thành khác nhau tùy theo phương pháp tiếp cận và nền tảng dữ liệu được sử dụng để so sánh với các doanh nghiệp dẫn đầu và ngang hàng (tương quan với kích cỡ, doanh thu và thời gian hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp) với mỗi ngành/lĩnh vực.

Doanh nghiệp có thể tham khảo Bộ công cụ đánh giá kinh doanh bền vững trên trang thông tin điện tử chính thức của Cục phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và đầu tư (nay là Cục Phát triển Doanh nghiệp Tư nhân và Kinh tế Tập thể, Bộ Tài chính) về áp dụng kinh doanh bền vững tại <https://esg.business.gov.vn/evaluate>.

1.3 BƯỚC 3: LẬP KẾ HOẠCH

1.3.1 Mục tiêu

Mục đích của hoạt động này là để xây dựng lộ trình từng bước cho việc liên tục cải thiện hiệu quả triển khai về phát triển bền vững của doanh nghiệp, thông qua nâng cao triển khai ESG trong mỗi cấu phần năng lực quản trị, vận hành, dữ liệu & báo cáo, và giám sát của doanh nghiệp.

1.3.2 Phương pháp thực hiện

Dựa trên chu trình lập kế hoạch chuyển đổi của TCFD,¹⁰⁶ để xây dựng kế hoạch hành động ESG, doanh nghiệp nên thực hiện theo các bước sau:

STT	Mô tả và lưu ý trong từng bước thực hiện
1	Bước 1: Xác định các bên liên quan và xây dựng nhóm dự án để thực hiện kế hoạch hành động ESG
	Các lưu ý: - Doanh nghiệp cần xem xét: Ai sẽ giám sát việc thực hiện kế hoạch? Ai sẽ thực hiện phê duyệt tại mỗi giai đoạn quan trọng? Ai sẽ chịu trách nhiệm thực hiện triển khai? - Với sự đồng thuận và ủng hộ từ cấp Hội đồng Quản trị, kế hoạch hành động ESG nên được giao trách nhiệm thực hiện ở cấp quản lý. - Ngoài ra, việc chịu trách nhiệm về kế hoạch hành động ESG cần được tích hợp trong toàn doanh nghiệp: Xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động ESG sẽ cần có thông tin đầu vào và phối hợp từ các chức năng, bộ phận, với các vai trò và trách nhiệm được xác định rõ ràng.
2	Bước 2: Xác định tham vọng chiến lược trong ứng phó và đóng góp vào quá trình chuyển đổi theo hướng bền vững , đặc biệt là hướng tới nền kinh tế phát thải thấp và có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Tham vọng chiến lược của doanh nghiệp nên hướng tới giải quyết và ứng phó với các chủ đề trọng yếu đã được xác định đối với doanh nghiệp.
2.1	Xác định tham vọng chiến lược cấp tổng thể: Kế hoạch chuyển đổi ESG hiệu quả sẽ yêu cầu có sự chuyển đổi trên toàn bộ doanh nghiệp, do đó tham vọng chiến lược về ESG nên được tích hợp vào cùng chiến lược chung của doanh nghiệp.
2.2	Xác định mục tiêu và ưu tiên đối với từng chủ đề trọng yếu
	i. Cân nhắc từ trên xuống: Doanh nghiệp xem xét các mục tiêu ngành, lĩnh vực về phát triển bền vững mà doanh nghiệp cần đạt được theo luật hoặc quy định, để xác định các mục tiêu và ưu tiên cho mình, đặc biệt là các mục tiêu về giảm phát thải và ứng phó với biến đổi khí hậu.
	ii. Cân nhắc từ dưới lên: Rút ra từ bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp, có thể bao gồm: - Mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị; - Các tiêu chuẩn doanh nghiệp và ngành có liên quan; - Các mối quan hệ hợp đồng mà doanh nghiệp đã tham gia, ví dụ với nhà cung cấp, khách hàng tại các thị trường khác nhau, v.v.; - Hiện trạng các công nghệ hiện có; - Tính sẵn có của các nguồn lực hiện tại (ví dụ: khả năng tiếp cận các nguồn lực kỹ thuật, nguồn nguyên vật liệu, nhân lực, tài chính, v.v.).
3	Bước 3: Xây dựng các sáng kiến triển khai để chuyển đổi hoạt động kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp nhằm đạt được tham vọng chiến lược và các mục tiêu, ưu tiên liên quan.
3.1	Xác định các thay đổi chính trong mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị: Để đạt được các mục tiêu đã định, xác định những thay đổi lớn và các lựa chọn khả thi cho những thay đổi cần thiết trong mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị trong ngắn, trung và dài hạn. Những thay đổi này có thể bao gồm: Danh mục sản phẩm và dịch vụ cung cấp

¹⁰⁶ Retrieved from Transition Taskforce: <https://transitiontaskforce.net/>

STT	Mô tả và lưu ý trong từng bước thực hiện
	- Tham gia thị trường mới hoặc rút khỏi thị trường hiện tại - Chiến lược đầu tư hướng tới các giải pháp xanh - Chính sách và quy trình chuỗi cung ứng - Công nghệ sản xuất hoặc phân phối.
3.2	- Xác định và đánh giá, xếp thứ tự ưu tiên các năng lực quan trọng về quản trị, vận hành, dữ liệu, báo cáo & giám sát cần cải thiện để triển khai tham vọng chiến lược xác định ở bước 2 và những thay đổi chính xác định ở bước 3.1 – có thể bao gồm một hoặc nhiều năng lực được liệt kê trong khung tích hợp ESG (Hình 11). - Đối với các doanh nghiệp đã đánh giá mức độ trưởng thành hiện tại về triển khai ESG, xác định mức độ trưởng thành mục tiêu cho các năng lực đã chọn. - Các doanh nghiệp, bao gồm DNNVV, có thể xem xét lập kế hoạch hành động và lộ trình chuyển đổi đối với các cấu phần năng lực chính như sau, trên cơ sở đánh giá các ưu tiên và sự phù hợp với nguồn lực sẵn có và trong tương lai:
3.2.1	Cơ cấu quản trị: - Trách nhiệm quản lý các vấn đề ESG được xác định rõ ràng ở cấp Hội đồng Quản trị. - Hội đồng Quản trị có nhân sự có kiến thức và kinh nghiệm về các vấn đề ESG.
3.2.2	Chính sách Hoàn thiện và thực thi các chính sách, hướng dẫn và các yêu cầu liên quan đến ESG, nhằm định hướng cho việc quản lý và các chức năng kinh doanh khác trong việc triển khai hiệu quả các chiến lược và thực hành về ESG, để giải quyết các vấn đề ESG quan trọng.
3.2.3	Nhân sự - Đảm bảo các kỹ năng, năng lực và kiến thức phù hợp được trang bị trên toàn doanh nghiệp để xây dựng, phát triển, thực thi và quản trị kế hoạch hành động ESG một cách hiệu quả: Triển khai chương trình đào tạo và đảm bảo tuyển dụng cho các năng lực mới cần thiết. - Đảm bảo gắn kết người lao động với việc triển khai kế hoạch hành động ESG để người lao động hiểu được kế hoạch liên quan đến vai trò của người lao động như thế nào và người lao động có thể ảnh hưởng đến kế hoạch như thế nào. - Đưa ESG, đặc biệt là biến đổi khí hậu, thành một phần của thương hiệu và giá trị doanh nghiệp, đem đến ý nghĩa thiết thực cho nhân viên. - Liên kết các chương trình đãi ngộ và khuyến khích với kế hoạch hành động ESG để đảm bảo trách nhiệm giải trình và phù hợp với lợi ích của cấp điều hành và các nhân viên liên quan đến sự thành công trong việc triển khai kế hoạch.
3.2.4	Chuỗi cung ứng Để ứng phó với các vấn đề phát triển bền vững, việc quản lý chuỗi cung ứng nên cân nhắc thay đổi theo các hướng chính sau: - Đảm bảo nguồn cung bền vững và đa dạng - Cho phép truy xuất, hiển thị và công bố thông tin rõ ràng - Giảm thiểu phát thải các-bon trong chuỗi giá trị - Đưa tính tuần hoàn vào mô hình kinh doanh.
3.3	Xác định các sáng kiến và hành động cải thiện để nâng cao mức độ chuyển đổi ESG trong các năng lực đã chọn. - Vui lòng tham khảo Phần 2 - Mục 2: CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ NGUỒN THAM KHẢO HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI VÀ CHUYỂN ĐỔI ESG để tìm nội dung tham khảo tương ứng với từng cấu phần về quản trị, vận hành, dữ liệu & báo cáo, giám sát để hiểu rõ hơn về thông lệ hàng đầu và cách tiếp cận chung để thực hiện chuyển đổi ESG cho mỗi cấu phần này. Đây có thể là điểm khởi đầu cho các doanh nghiệp để xác định các hành động và sáng kiến cần thực hiện trong Kế hoạch hành động ESG. - Đầu ra của bước này sẽ bao gồm một danh sách các sáng kiến và hành động cải thiện tương ứng với mỗi năng lực đã chọn.
3.4	Đánh giá và xếp thứ tự ưu tiên các sáng kiến cải thiện thành các bước thực hiện trong ngắn, trung và dài hạn để xây dựng lộ trình và kế hoạch hành động chuyển đổi ESG. Trong bước này, doanh nghiệp cũng nên tham vấn và lấy ý kiến từ các bên liên quan - nhà cung cấp, nhân viên, cộng đồng địa phương, cơ quan quản lý, khách hàng, nhà đầu tư và những bên khác.
4.	Bước 4: Tích hợp kế hoạch hành động ESG vào kế hoạch tài chính

STT	Mô tả và lưu ý trong từng bước thực hiện
4.1	Doanh nghiệp cần đánh giá các tác động về tài chính của kế hoạch hành động ESG thông qua, phân tích các khía cạnh sau: - Nhu cầu về nguồn lực tài chính để thực hiện kế hoạch chuyển đổi; - Những ảnh hưởng tổng thể của kế hoạch chuyển đổi đến vị thế tài chính, kết quả hoạt động tài chính và dòng tiền của doanh nghiệp trong ngắn, trung và dài hạn. Ví dụ: chi phí vốn bổ sung, chi phí đầu tư nghiên cứu và phát triển, dự báo doanh thu do thay đổi các sản phẩm và dịch vụ hoặc gia nhập/rút khỏi thị trường; - Khả năng tiếp cận nguồn tài chính bền vững và các chương trình khuyến khích do các cơ quan chính phủ và tổ chức tài chính liên quan cung cấp.
4.2	Một số lưu ý bổ sung: - Để đảm bảo rằng các kế hoạch chuyển đổi ESG đi kèm một kế hoạch tài chính hợp lý, điều quan trọng là các chức năng tài chính phải được tham gia ngay từ giai đoạn đầu xây dựng kế hoạch. Trong hầu hết các trường hợp, các nhóm tài chính nên đồng hành và dẫn dắt quá trình lập kế hoạch này. - Doanh nghiệp có thể tích hợp việc lập kế hoạch chuyển đổi ESG vào các quy trình lập kế hoạch và ngân sách tài chính thường xuyên.
5	Bước 5: Xây dựng các chỉ số đo lường hiệu quả để đo lường tiến độ và đánh giá thành công của việc thực hiện kế hoạch. Các KPI (Chỉ số đo lường chính) này phải cụ thể, có thể đo lường, có liên quan, có thời hạn và có thể so sánh giữa các giai đoạn. Ngoài ra, dữ liệu chuẩn dùng để so sánh tham chiếu hoặc dữ liệu cơ sở cần được thiết lập để so sánh theo thời gian và các đối thủ cùng ngành. Doanh nghiệp nên: - thu thập dữ liệu trong một khoảng thời gian để có thể đánh giá hiệu quả thực hiện so với mức chuẩn cơ sở; - xác định mức chuẩn tham chiếu và so sánh hiệu quả thực hiện đối với các cơ sở. Chỉ nhánh khác nhau để cùng nhau cải thiện hiệu quả trong toàn bộ doanh nghiệp; - các doanh nghiệp cùng ngành cũng có thể đem lại những góc nhìn sâu hơn về hiệu quả và các thực hành thực tiễn tốt. Dữ liệu và thống kê về hiệu quả thường có thể lấy được từ các hiệp hội ngành hoặc hiệp hội thương mại và một số đối thủ cạnh tranh cũng có báo cáo công khai về hiệu quả các hoạt động của họ theo nhiều chỉ số đa dạng; - khi sử dụng dữ liệu từ các nguồn khác, hãy đảm bảo rằng các phương pháp được thực hiện theo cách tương tự và dữ liệu bên ngoài có thể cung cấp cơ sở phù hợp để so sánh.

1.3.3 Nguồn tham khảo và Công cụ hỗ trợ

- Trong Sổ tay này, Phần 2 – Mục 2 đã mô tả chi tiết các thông lệ dẫn đầu và phương án tiếp cận chung để triển khai và chuyển đổi ESG đối với mỗi cấu phần năng lực về quản trị, vận hành, dữ liệu & báo cáo, giám sát. Dựa vào nhu cầu của doanh nghiệp, nguồn lực và mục tiêu mong muốn ở tương lai, phương án tiếp cận nên được tùy chỉnh và thay đổi để đưa ra các sáng kiến cải tiến phù hợp với doanh nghiệp.

1.4 BƯỚC 4: TRIỂN KHAI

1.4.1 Mục tiêu

Trong bước này, doanh nghiệp sẽ thực hiện triển khai các phương án, sáng kiến và hoạt động cải tiến đã được lên kế hoạch cho các năng lực liên quan đến ESG.

1.4.2 Phương pháp thực hiện

Để thực hiện hiệu quả các sáng kiến chuyển đổi (hay Kế hoạch Hành động ESG), doanh nghiệp cần tiến hành tài liệu hóa các chính sách, thủ tục liên quan cũng như cần có các nhân lực được đào tạo, cam kết tuân thủ theo các quy trình thường xuyên để đảm bảo việc thực hiện nhất quán, liên tục và liên tục cải thiện trong toàn bộ doanh nghiệp. Vì thế, doanh nghiệp nên:

- Đảm bảo có sự tham gia và hỗ trợ của cấp Điều hành: cấp Điều hành cần thiết lập định hướng từ trên xuống toàn doanh nghiệp;
- Đào tạo cho nhân viên: Giải thích tại sao doanh nghiệp đang thực hiện các hành động về phát triển bền vững. Tương tác và giải quyết các câu hỏi, thắc mắc. Cần nhắc đưa ra các KPIs liên quan đến ESG cho mỗi phòng ban, hoặc khuyến khích nhân viên đề xuất và thực hiện các sáng kiến phát triển bền vững;

- Thông tin cho các nhà cung cấp: Giải thích cho các nhà cung cấp của doanh nghiệp về kế hoạch hành động phát triển bền vững và các yêu cầu đối với các nhà cung cấp, cho họ thời gian thực hiện chuyển đổi hợp lý và phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp.
- Thông tin cho khách hàng: Truyền đạt kế hoạch hành động phát triển bền vững cho khách hàng để thu hút người tiêu dùng có ý thức về môi trường.
- Với mỗi sáng kiến cải thiện & chuyển đổi, doanh nghiệp cần xây dựng thủ tục, quy trình đi kèm rõ ràng và chi tiết để cung cấp hướng dẫn từng bước cho người lao động, người giám sát, quản lý và đồng thời cho phép mọi người có chung hiểu biết về cách thực thi.

1.5 BƯỚC 5: GIÁM SÁT TIẾN ĐỘ VÀ ĐÁNH GIÁ

1.5.1 Mục tiêu

Việc giám sát sẽ giúp doanh nghiệp xác định xem liệu kế hoạch hành động và các sáng kiến cải tiến có đạt được các mục tiêu đã thiết lập hay không.

1.5.2 Phương pháp thực hiện

Sau khi thiết lập bộ chỉ số báo cáo, doanh nghiệp sẽ cần thu thập dữ liệu ESG liên quan và có ý nghĩa để theo dõi tiến độ. Dữ liệu đáng tin cậy rất quan trọng để chứng minh các khẳng định của doanh nghiệp về phát triển bền vững và giúp xác định (có thể định lượng) các vấn đề nào có thể xảy ra. Dữ liệu để đánh giá hiệu quả có thể được thu thập thông qua quan sát trực quan, đo lường và thử nghiệm, bảng câu hỏi, khảo sát, phỏng vấn nhân viên và các bên liên quan bên ngoài cũng như rà soát tài liệu.

Bước tiếp theo là tìm ra những cách khác nhau để đánh giá và phân tích thông tin do các chỉ số thể hiện nhằm xác định phương án cải thiện. Các vấn đề và thách thức cũng có thể được phát hiện kịp thời để can thiệp. Ngoài ra, trong một số trường hợp, doanh nghiệp có thể nhận thấy các mục tiêu đạt được đang vượt tiến độ hoặc chậm tiến độ so với kế hoạch, hoặc những thay đổi về tính sẵn có của dữ liệu khiến cho các mục tiêu đặt ra không sát thực tế. Theo đó, doanh nghiệp cần xem xét và điều chỉnh kế hoạch cũng như mục tiêu cho phù hợp. Trong trường hợp phải thiết lập lại mục tiêu, doanh nghiệp cần trao đổi với các bên liên quan chính (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, nhà đầu tư, nhóm xã hội dân sự và người lao động) để giải thích lý do đằng sau việc điều chỉnh.

1.6 BƯỚC 6: BÁO CÁO

1.6.1 Mục tiêu

Việc công bố thông tin minh bạch và thường xuyên là không thể thiếu để xây dựng lòng tin của các bên liên quan đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện Báo cáo và truyền thông về các mục tiêu và thành tựu đạt được của doanh nghiệp đối với kế hoạch hành động ESG có thể gia tăng các giá trị quan trọng cho các bên liên quan, đặc biệt với các bên cung cấp tài chính.

1.6.2 Phương pháp thực hiện

- Đưa ra và công bố các cam kết và kế hoạch hành động chính thức về phát triển bền vững của doanh nghiệp;
- Liệt kê các mục tiêu và thành tựu đạt được tương ứng, đưa ra giải thích đối với các mục tiêu không đạt được và nêu rõ cách thức đạt được chúng trong tương lai. Ghi lại dữ liệu liên quan để chứng minh sự tiến bộ theo thời gian.
- Nhận dạng các bên liên quan cả trong nội bộ và bên ngoài cần tiếp cận thông tin này. Thường xuyên truyền thông tiến độ đạt được cho các bên liên quan then chốt (điều này có thể bao gồm việc chia sẻ các dữ liệu ESG quan trọng) thông qua các kênh giao tiếp họ yêu cầu.
- Cân nhắc công bố các nỗ lực và/hoặc hiệu quả triển khai công tác ESG thông qua trang web của doanh nghiệp, xuất bản báo cáo phát triển bền vững hoặc sử dụng nền tảng số về công bố về phát triển bền vững.

1.6.3 Nguồn tham khảo và Công cụ hỗ trợ

- Chi tiết về báo cáo Phát triển bền vững (ESG) có thể tìm thấy trong **Phần 3** của cuốn Sổ tay này.

2. CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ NGUỒN THAM KHẢO HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI VÀ CHUYỂN ĐỔI ESG TRONG QUẢN TRỊ, VẬN HÀNH, DỮ LIỆU & BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT

Nội dung của phần này mang tính bổ trợ cho phương pháp tiếp cận 6 bước được đưa ra ở *Phần 2 – Mục 1* ở trên, nhằm mục đích cung cấp tài liệu tham khảo về hướng dẫn tích hợp ESG cho **mỗi cấu phần về quản trị, vận hành, dữ liệu và báo cáo, giám sát**. Phần này sẽ mô tả và chi tiết, các thông lệ hàng đầu và phương pháp tiếp cận, phương pháp luận để chuyển đổi ESG vào mỗi cấu phần năng lực. Đây sẽ là thông tin đầu vào cho doanh nghiệp để hiểu rõ hơn về các cấu phần năng lực, đồng thời xác định các hành động và phương án, sáng kiến trong kế hoạch hành động ESG của doanh nghiệp tương ứng với cấu phần năng lực đang được xem xét.

Phương pháp tiếp cận và phương pháp luận được giới thiệu trong từng năng lực đều có thể áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp, tuy nhiên, mục tiêu và kết quả khi thực hiện phương pháp tiếp cận sẽ thay đổi giữa các doanh nghiệp, tùy thuộc vào tham vọng và cấp độ trưởng thành của thực hành phát triển bền vững trong các doanh nghiệp. Tương tự, các thông lệ hàng đầu được đưa ra nhằm tạo ra động lực cho sự cải tiến liên tục và tham vọng hướng tới mục tiêu dài hạn. Điều này sẽ phù hợp với các doanh nghiệp đã có kinh nghiệm triển khai. Các doanh nghiệp mới bắt đầu hành trình ESG của mình chỉ nên xem những thông lệ hàng đầu này như những cột mốc để hướng dẫn lộ trình trưởng thành của mình trong việc áp dụng triển khai thực hành bền vững. Hành trình ESG nên được phát triển từng bước một và được tái đánh giá định kỳ để phù hợp với chiến lược và nguồn lực của doanh nghiệp.

2.1. Quản trị và Chiến lược

Cấu phần Năng lực về Quản trị và Chiến lược nằm ở tầng trên cùng và có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ mô hình. Cấu phần này bao gồm bộ máy quản trị, phương hướng chiến lược, các nguyên tắc về giá trị và văn hóa của doanh nghiệp, và các cơ chế ra quyết định chặt chẽ mà nhờ đó, doanh nghiệp thiết lập và đảm bảo thực hiện những cam kết về phát triển bền vững với các bên liên quan chính và những cộng đồng tại nơi doanh nghiệp hoạt động.

Hội đồng Quản trị và các cấp quản lý có trách nhiệm dẫn đầu trong xác lập các giá trị và tính phù hợp của ESG đối với doanh nghiệp, và theo đó, đưa vào trong tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của doanh nghiệp.



Hộp 8: Các Mục tiêu Phát triển Bền vững

Liên Hợp Quốc đã phát triển một danh sách gồm 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Ngày nay, nhiều công ty sử dụng các SDGs để đánh giá tác động của hoạt động của họ và các nhà đầu tư sử dụng các SDGs như một ma trận để cấu trúc phương pháp tiếp cận ESG của họ.

Các SDGs cung cấp các mục tiêu tham vọng cho người dùng, dù là quốc gia hay doanh nghiệp, để vẽ ra tầm nhìn, chiến lược và lộ trình, mục tiêu và biện pháp đo lường hiệu suất ESG, từ đó thúc đẩy các thực hành bền vững.



2.1.1. Quản trị và Văn hóa của tổ chức

2.1.1.1. Tầm nhìn và sứ mệnh về phát triển bền vững

Doanh nghiệp cần đảm bảo tầm nhìn và sứ mệnh chú trọng tới việc **tạo ra giá trị dài hạn cho tất cả các bên liên quan**, từ nhân sự, nhà cung ứng cho tới khách hàng và các cộng đồng. Tầm nhìn của doanh nghiệp cần được truyền thông một cách nhất quán trong toàn bộ doanh nghiệp và tới các bên liên quan.

Như vậy, doanh nghiệp cần phải cân nhắc:

- Trong tầm nhìn, có sự xem xét kỹ lưỡng tất cả các quy định pháp luật cùng với các rủi ro và cơ hội về môi trường, xã hội được xem là trọng yếu đối với doanh nghiệp.
- Thiết lập những mục tiêu cụ thể hướng tới “ảnh hưởng ròng bằng 0” (tức những ảnh hưởng tích cực doanh nghiệp đem lại có thể bù trừ cho những ảnh hưởng tiêu cực lên nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả những ảnh hưởng về nhân quyền). Những mục tiêu này sẽ dẫn đường cho doanh nghiệp trong chú trọng tạo ra những đóng góp tích cực bền vững.
- tầm nhìn về phát triển bền vững được xây dựng riêng và đồng thời được kết nối chặt chẽ với tầm nhìn và sứ mệnh kinh doanh tổng thể.

2.1.1.2. Cấu trúc và Trách nhiệm quản trị

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hiệu quả và hoạt động của doanh nghiệp, trong đó bao gồm công tác về phát triển bền vững và giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực của doanh nghiệp lên môi trường và xã hội.

Do đó, doanh nghiệp nên cân nhắc các yếu tố sau:

Cấu trúc tổng quan và Năng lực của Hội đồng Quản trị

- Tiến cử ít nhất một thành viên ban Giám đốc với kỹ năng về PTBV để hỗ trợ HĐQT trong triển khai PTBV và giám sát cấp quản lý.
- Đào tạo cho thành viên HĐQT về PTBV.
- Tùy thuộc vào mức độ rủi ro của doanh nghiệp hay ngành về ESG, doanh nghiệp nên thành lập một ban/tiểu ban chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về ESG trong Hội đồng Quản trị và các ủy ban trực thuộc, ví dụ như ủy Hội đồng Quản trị rủi ro, để giám sát thực hiện phát triển bền vững.
- Bên cạnh ủy ban chuyên trách, các doanh nghiệp cũng có thể thiết lập các nhóm dự án hoặc diễn đàn thảo luận về PTBV để theo sát phương hướng chiến lược và giám sát việc thực thi cũng như tiến độ PTBV.

Sự giám sát của Hội đồng Quản trị

- Những rủi ro hoặc vấn đề liên quan đến PTBV nên được đưa vào Bộ Điều lệ hoạt động của HĐQT – văn bản chính thống quy định các trách nhiệm giám sát rủi ro và vấn đề liên quan PTBV của thành viên Hội đồng và các ủy ban. Từ đó, nhà đầu tư và các bên liên quan khác có thể thấy cam kết của doanh nghiệp đối với PTBV.
- Thiết lập một quy trình để các thành viên Hội đồng và ủy ban trực thuộc được thông tin về các vấn đề liên quan đến PTBV, từ đó giám sát và thúc đẩy tiến độ triển khai, đảm bảo cam kết cùng các bên liên quan.

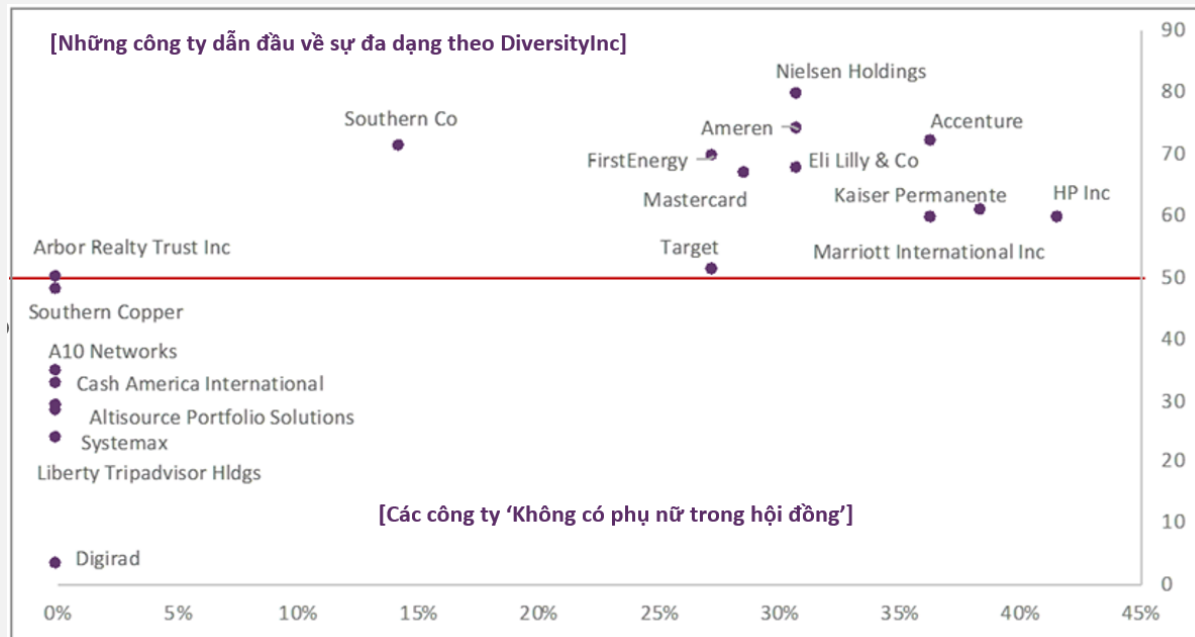


Hộp 9: Thiết lập quan điểm ủng hộ của cấp lãnh đạo với Bình đẳng Giới và Hòa nhập Xã hội (GESI) trong doanh nghiệp

Tính đa dạng có thể mang ý nghĩa về nhiều khía cạnh khác nhau, từ đa dạng trong tuổi tác, dân tộc, giới tính cho đến kinh nghiệm và chuyên ngành. Có rất nhiều lợi ích trực tiếp và gián tiếp khác nhau đối với một doanh nghiệp trong việc xây dựng một tập hợp đa dạng các thành viên trong Hội đồng, nghĩa là các góc nhìn đa ngành, văn hóa bình đẳng trong doanh nghiệp, thu hút nhân tài, hay thậm chí là tuân thủ các quy định quản trị trên cơ sở nhiều quốc gia trên thế giới đã thông qua luật đảm bảo tính đa dạng - bắt buộc phải có đại diện nữ giới ở các cấp bậc lãnh đạo.

Một nghiên cứu được thực hiện bởi nhà phân tích dữ liệu về phát triển bền vững Richa Joshi chỉ ra rằng doanh nghiệp với mức độ cao trong Gắn kết nhân viên, Đa dạng, Hòa nhập (Employee Engagement, Diversify, and Inclusion – EEDI), mà một phần trong đó là có sự đại diện của nữ giới, có mức hiệu quả kinh doanh cao hơn các doanh nghiệp xếp hạng dưới trung bình ở khía cạnh này.

Hình 13: Kết quả thể hiện về EEDI cho thấy sự chênh lệch về tính đa dạng giữa các công ty dẫn đầu với các công ty 'Không có phụ nữ trong hội đồng': Các công ty lớn có tính đa dạng cao hơn so với các công ty nhỏ ¹⁰⁷



Một yếu tố có thể cân nhắc để tạo điều kiện cho nâng cao sự đa dạng trong các thành viên Hội đồng là cần tránh việc thực hiện mang tính hình thức, tượng trưng hay đưa ra các sáng kiến để “đối phó”. Các thành viên hội đồng cần hiểu mức độ quan trọng của đa dạng góc nhìn và khơi dậy hay đánh giá điều này thường xuyên để hưởng lợi từ đa dạng thay vì chỉ đơn giản thực hiện một thủ tục quản trị mang tính đối phó.

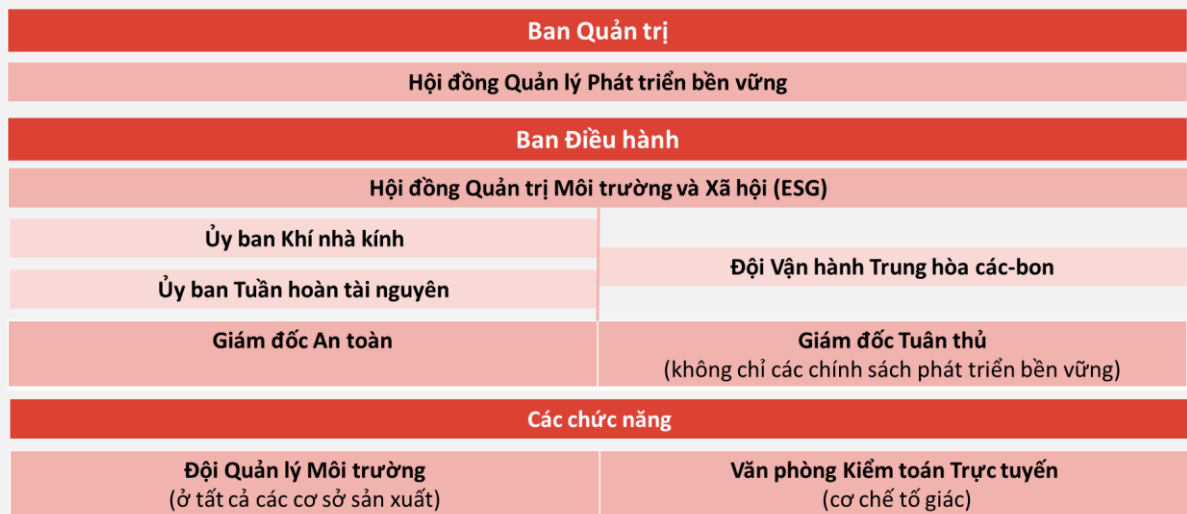
¹⁰⁷ DiversityInc, Truvalue Labs (data as of 20 August 2020)



Hộp 10: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Hyundai Motor

- Sơ đồ cấu trúc doanh nghiệp của Hyundai bao gồm một số Hội đồng cố vấn và phòng ban có mắng trách nhiệm cụ thể trong phát triển bền vững, ví dụ như Khí nhà kính, Tuần hoàn tài nguyên và Trung hòa Các-bon. Sự chuyên môn hóa ở các ban nói trên tạo môi trường thuận lợi cho các biện pháp hiệu quả, kịp thời. Thêm vào đó, có những đội chuyên trách Môi trường ở từng nhà xưởng sản xuất của Hyundai để đảm bảo thực thi phát triển bền vững ở nhóm nhân sự tiền tuyến.
- 9 trên tổng số 12 thành viên của Ban Giám đốc có sơ yếu lý lịch kinh nghiệm hoặc chuyên môn về các chủ đề phát triển bền vững, trong đó hầu hết là liên quan tới khía cạnh pháp lý, chính sách hoặc kỹ năng toàn cầu. Các khía cạnh khác được bổ sung thông qua quá trình tập huấn phát triển bền vững bắt đầu từ năm 2021.
- Về mối quan hệ đối với doanh nghiệp, có 7 trên 12 Giám đốc là thành viên độc lập không tham gia quản lý.

Hình 14: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Hyundai Motor trên toàn cầu



Hộp 11: Ví dụ - Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons¹⁰⁸

- Coteccons là một trong số những doanh nghiệp dẫn đầu về phát triển bền vững trong ngành công nghiệp xây dựng ở Việt Nam.
- Ủy ban chuyên trách Phát triển bền vững của Coteccons thể hiện chuyên môn cao trong lĩnh vực được giao, với bằng cấp và kinh nghiệm từ ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển nông thôn cho tới nhân quyền và đánh giá ảnh hưởng xã hội. Những nỗ lực cam kết với phát triển bền vững của họ được xem như đã tuyên truyền hiệu quả tới các Tuyển phòng ngự ở các tầng thấp hơn.
- Một trong số những vùng trọng yếu của phát triển bền vững đối với Coteccons là nỗ lực giảm thiểu áp lực lên bộ máy quản lý và vận hành thông qua thực hiện phân tán quá trình ra quyết định. Các quản lý công trình được trao quyền lãnh đạo và đưa ra quyết định bao quát bên ngoài lĩnh vực kỹ thuật.
- Trên tổng số 10 thành viên của Hội đồng Quản trị, có 2 thành viên độc lập không tham gia bộ máy quản lý.

Hình 15: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons tại Việt Nam

¹⁰⁸ COTECONNS. (2023, May). Annual Report 2022. Retrieved from: https://www.coteccons.vn/wp-content/uploads/2023/04/Full_AR2022-CTD_ENG_23-May.pdf

Ban Quản trị	
Hội đồng Quản trị Môi trường và Xã hội (ESG)	
Ban Điều hành	
Đội đặc nhiệm Phát triển bền vững	Hội đồng Rủi ro Quản trị Môi trường và Xã hội (ESG)
Các chức năng	
Chương trình IMPACTD (Tập huấn quản trị môi trường và xã hội, Các sáng kiến xanh)	Chương trình Trao quyền cho Các giám đốc Dự án
Phi tập trung hóa cấu trúc	

2.1.1.3. Văn hóa và Năng lực

2.1.1.3.1. Văn hóa doanh nghiệp

Trong dài hạn, hình thành nền tảng ESG trong văn hóa doanh nghiệp sẽ giúp các nhân sự sẽ có nhận thức tự giác về ESG trước khi hành động và ra quyết định.

Sự kết nối của văn hóa doanh nghiệp với phát triển bền vững thường mang lại mức độ gắn kết nội bộ cao về ESG, bám sát với các giá trị của doanh nghiệp, đảm bảo tính liên tục trong thực hiện các cam kết ESG và duy trì “giấy phép xã hội để kinh doanh” (Social License to Operate).

Như được đưa ra bởi Mạng lưới Kinh doanh bền vững (Network for Business Sustainability) về “Tích hợp phát triển bền vững vào văn hóa doanh nghiệp”¹⁰⁹, các doanh nghiệp có thể đưa ESG vào văn hóa doanh nghiệp thông qua:

- **Làm rõ quan điểm và kỳ vọng** về ESG trong chiến lược và quy trình cốt lõi của doanh nghiệp; phân công trách nhiệm rõ ràng về phát triển bền vững; đo lường, theo dõi và báo cáo tiến độ thực hiện ESG của cả doanh nghiệp.
- **Thúc đẩy thực hiện cam kết về ESG** bằng cách ủng hộ, cổ vũ những cá nhân đang nỗ lực để thực hiện các hoạt động về phát triển bền vững.
- **Truyền đạt tư duy và năng lực đổi mới thông qua đào tạo và phát triển nhân lực** về ESG
- **Tạo ra bước đà động lực cho đổi mới** thông qua truyền cảm hứng và niềm tin cho nhân lực, cho phép họ thử nghiệm với cái mới và phát triển trên nền tảng ý tưởng của lẫn nhau.



Hộp 12: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp đem lại giá trị cho cộng đồng – EY Ripples¹¹⁰

EY Ripples là một diễn đàn chung về Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được thiết lập bởi EY, qua đó tạo ra những sáng kiến cho nhiều hoạt động chuyển đổi khác nhau, không chỉ dừng ở các chủ đề phát triển bền vững. EY Ripples có ba lĩnh vực trọng tâm: (1) Hỗ trợ thể hệ tiếp theo của nguồn nhân lực; (2) Làm việc với các doanh nghiệp khởi nghiệp có sức ảnh hưởng; (3) Hỗ trợ đẩy nhanh phát triển bền vững liên quan đến môi trường.

Thông qua các chương trình trên EY Ripples, các nhân viên EY dành thời gian của họ cho các dự án tập trung vào mục tiêu phát triển bền vững, cùng nhau đem lại các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm của mạng lưới EY toàn cầu để theo đuổi một tầm nhìn chung: đem lại tác động tích cực cho 1 tỉ cuộc sống vào năm 2030.

¹⁰⁹ Network for Business Sustainability. (2010). Embedding sustainability in organisational culture. Retrieved from: [EP-Embedding-Sustainability-in-Organizational-Culture.pdf \(embeddingproject.org\)](https://www.embeddingproject.org/Embedding-Sustainability-in-Organizational-Culture.pdf)

¹¹⁰ EY. Corporate responsibility. Retrieved from: https://www.ey.com/en_gl/corporate-responsibility

Nhân lực ở tất cả các cấp có thể đăng ký tham gia hoặc khởi tạo hoạt động môi trường, xã hội và quản trị như chiến dịch dọn dẹp công ích, buổi chia sẻ kinh nghiệm môi trường, v.v. thông qua trang EY Ripples. Thông tin về thời lượng yêu cầu, ngày giờ, địa điểm và chương trình làm việc được cung cấp cho mỗi hoạt động nói trên.

The screenshot displays the EY Ripples interface. On the left, under 'Role selection', there are two roles: 'Workshop Attendee' and 'Workshop Facilitator'. Each role has a description, requirements, and a 'Register' button. On the right, under 'Showing results for "sustainability"', there are two search results: 'Zooniverse - Penguin Watch EY' and 'Zooniverse - Snapshots at Sea'. Each result shows a time commitment, dates, location, and availability for virtual roles.

2.1.1.3.2. Kiến thức và Năng lực doanh nghiệp

Phát triển văn hóa và năng lực là hai nhiệm vụ cần tiến hành song song, đảm bảo có các kỹ năng liên quan đến PTBV trong tuyển dụng và quản lý nguồn nhân lực:

- Đảm bảo tính đa dạng trong quan điểm và kỹ năng trong toàn doanh nghiệp, bao gồm cả đa dạng quan điểm ở tầng Hội đồng Quản trị (như đã đề cập ở mục 2.1.1.2 Cấu trúc và Trách nhiệm quản trị) và các cấp nhân sự. Mục tiêu của việc này là tối đa hóa sáng tạo và cải tiến trong xử lý những vấn đề ESG đa dạng.
- Nâng cao kỹ năng và kiến thức đối với các vấn đề về khí hậu và phát triển bền vững qua các chương trình đào tạo và trao đổi kiến thức cho các nhân sự hiện tại, đồng thời, tuyển dụng riêng các chuyên gia ESG, và hợp tác với các chuyên gia từ bên ngoài.
- Thiết lập những hệ thống và quy trình mang tính đổi mới, sáng tạo để chia sẻ kiến thức, bồi dưỡng năng lực, thu thập phản hồi và cung cấp thông tin cho các bên liên quan để hỗ trợ và củng cố văn hóa phát triển bền vững.

2.1.1.3.3. Các chế độ đãi ngộ khuyến khích trong doanh nghiệp

Một nhân tố quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ những giá trị dài hạn cho các bên liên quan là việc bao gồm các khía cạnh về phát triển bền vững trong các chỉ số, chế độ khuyến khích và mô tả vai trò của tất cả các thành viên ban lãnh đạo, quản lý – tức là mọi thành viên đều có trách nhiệm giải trình về phát triển bền vững.

Chính sách đãi ngộ cần gắn với ESG trên cơ sở:

- Thiết lập đa dạng các phương án khuyến khích theo hình thức tài chính hoặc phi tài chính để đạt được những mục tiêu ESG rõ ràng.
- Đảm bảo cơ chế và cấu trúc hợp lý được áp dụng trong việc xây dựng các gói lương thưởng để liên kết với tiến độ cam kết thực hiện phát triển bền vững; bên cạnh đó cũng đảm bảo tính cân bằng, đa dạng và liên quan của các chỉ số về phát triển bền vững.
- Chế độ lương thưởng của cấp Điều hành nên được cấu trúc nhằm tối ưu giá trị tạo ra và thúc đẩy các hành vi hướng tới phát triển bền vững.



Hộp 13: Chế độ Đãi ngộ đối với cấp Điều hành ở Unilever¹¹¹

¹¹¹ Unilever. (2020). Annual report and accounts 2020. - pg. 81

Kế hoạch khuyến khích dài hạn, hay còn gọi là Kế hoạch chia sẻ hiệu suất tại Unilever có bao gồm bảng chỉ số Tiến độ Phát triển bền vững SPI (Sustainability Progress Index). Chỉ số SPI là một bảng cân đối những thành tựu của thành viên Ban Điều hành trong việc tạo ra ảnh hưởng tích cực trong lĩnh vực môi trường, xã hội và các bên liên quan dựa trên 17 Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Chỉ số SPI nằm trong khoảng 0-100 và chiếm tới 25% của cả Kế hoạch Chia sẻ hiệu suất tại doanh nghiệp này.



Hộp 14: Giải quyết sự chênh lệch về giới trong cơ hội nghề nghiệp và đãi ngộ ở các Doanh nghiệp Việt Nam

Mặc dù Việt Nam là một trong các quốc gia tiến bộ nhất trong ASEAN về bình đẳng giới và phụ nữ được trao quyền,¹¹² tại Việt Nam vẫn tồn tại trở ngại đối với phụ nữ trong việc tiếp cận các vị trí quản lý cấp cao cũng như lương thưởng ngang bằng với nam giới có cùng trình độ. Doanh nghiệp hướng tới việc khuyến khích GESI và cải thiện hồ sơ phát triển bền vững có thể tiến hành các biện pháp khác nhau để loại bỏ những trở ngại này và xây dựng một môi trường làm việc tốt hơn.

- Ưu tiên đầu tư vào tăng tỉ lệ đào tạo kỹ thuật cho tất cả người lao động, loại bỏ định kiến về giới gây cản trở khả năng tiếp cận đến một số ngành nghề và công việc nhất định.”¹¹³
- “Thúc đẩy phụ nữ đăng ký các chứng chỉ và đào tạo ở các vai trò phi truyền thống để tạo điều kiện cho họ thăng tiến lên các vai trò cấp trung và cấp cao ngoài nhân sự, tài chính, quản lý và bán hàng.”¹¹⁴
- Làm rõ các điều khoản và tham số chi trả có thể giúp ích nhiều trong việc thu hẹp chênh lệch đãi ngộ, không chỉ phụ nữ mà còn cho nhiều nhóm nhạy cảm (như người khuyết tật, lao động trẻ, thành viên trong cộng đồng LGBTI+, v.v). Ví dụ, một nền tảng tuyển dụng trực tuyến dành cho kỹ sư đã loại bỏ chênh lệch về lương theo giới cho những người mới tuyển dụng chỉ đơn giản bằng cách liệt kê mức lương trung bình cho mọi vị trí.¹¹⁵
- Những nỗ lực thêm của phụ nữ trong việc giúp đỡ các đồng nghiệp đang bị coi nhẹ, theo báo cáo về Phụ nữ trong Môi trường làm việc năm 2021¹¹⁶. Phụ nữ thường can thiệp để đảm bảo sức khỏe hay hòa hợp của đồng nghiệp và tạo ra giá trị cho doanh nghiệp, một việc nên được ghi nhận và khen thưởng.¹¹⁷



Cuối cùng, như được nêu trong **Hộp 9: Thiết lập quan điểm ủng hộ của cấp lãnh đạo với Bình đẳng Giới và Hòa nhập Xã hội (GESI) trong doanh nghiệp**, thông qua việc có một nữ giám đốc trong Hội đồng Quản trị là có thể tạo ảnh hưởng trong tuyển dụng, trao quyền và giữ chân nhân tài là nữ trong doanh nghiệp.

2.1.2. Đánh giá chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững

a. Sự cần thiết của việc đánh giá chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững

Đánh giá chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững là các quy trình doanh nghiệp cần thực hiện thường xuyên để chắc chắn rằng những chủ đề chủ chốt trong phát triển bền vững của mô hình kinh doanh được nhận dạng và giám sát đầy đủ. Quá trình này sẽ giúp doanh nghiệp tập trung nguồn lực vào những chủ đề cần ưu tiên, qua đó cải thiện khả năng tạo ra giá trị và xác định được thông tin liên quan đến phát triển bền vững để báo cáo.

Quá trình này cũng sẽ thúc đẩy Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tiến hành đánh giá chính xác các xu thế, các mối quan hệ phụ thuộc, cùng với rủi ro và cơ hội có khả năng ảnh hưởng đến phương

¹¹² Country Gender Equality Profile Viet Nam 2021. (2021, October 26). Retrieved from: [vn-CGEP_Full.pdf \(unwomen.org\)](#)

¹¹³ Country Gender Equality Profile Viet Nam 2021. (2021, October 26). Retrieved from: [vn-CGEP_Full.pdf \(unwomen.org\)](#)

¹¹⁴ Country Gender Equality Profile Viet Nam 2021. (2021, October 26). Retrieved from: [vn-CGEP_Full.pdf \(unwomen.org\)](#)

¹¹⁵ How to Close the Gender Gap. (2021, May). Retrieved from Harvard Business Review: [How to Close the Gender Gap \(hbr.org\)](#)

¹¹⁶ McKinsey & Company & LeanIn.Org. (2021). Women are setting a new standard for leadership. Retrieved from: [Women are setting a new standard for leadership \(leanin.org\)](#)

¹¹⁷ Bateman, K. (2022, March 3). 15 strategies helping to close the gender gap around the world. Retrieved from World Economic Forum: [How is the world helping women bridge the gender gap? | World Economic Forum \(weforum.org\)](#)

hướng phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy, quá trình có tính chất đặc thù theo từng doanh nghiệp và phụ thuộc vào các điều kiện bên trong lẫn bên ngoài, các yếu tố đặc thù ngành và quan điểm các bên liên quan, cùng với những cân nhắc cần đến sự thảo luận của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành¹¹⁸.

b. Định nghĩa “Tính trọng yếu”

Nhiều chuyên gia trong lĩnh vực đã đề cập đến **tính trọng yếu hai chiều** khi cân nhắc về các chủ đề phát triển bền vững: Tại châu Âu, hướng dẫn của ban Điều hướng Báo cáo Phi tài chính (Non-Financial Reporting Directive) đã áp dụng góc nhìn trọng yếu hai chiều, tức là bao gồm chiều ảnh hưởng của các yếu tố ESG lên doanh nghiệp và chiều ảnh hưởng của doanh nghiệp đối với các yếu tố ESG.

Cách tiếp cận được gợi ý ở đây là sự cân nhắc với cả hai chiều của tính trọng yếu khi đánh giá chủ đề phát triển bền vững.

Hình 16: Cách tiếp cận tính trọng yếu hai chiều¹¹⁹



c. Cách tiếp cận

- Một quy trình điển hình thường gặp để đánh giá trọng yếu trong phát triển bền vững, dựa trên hướng dẫn của GRI¹²⁰, <IR>¹²¹ and EY¹²² được mô tả trong hình dưới đây:

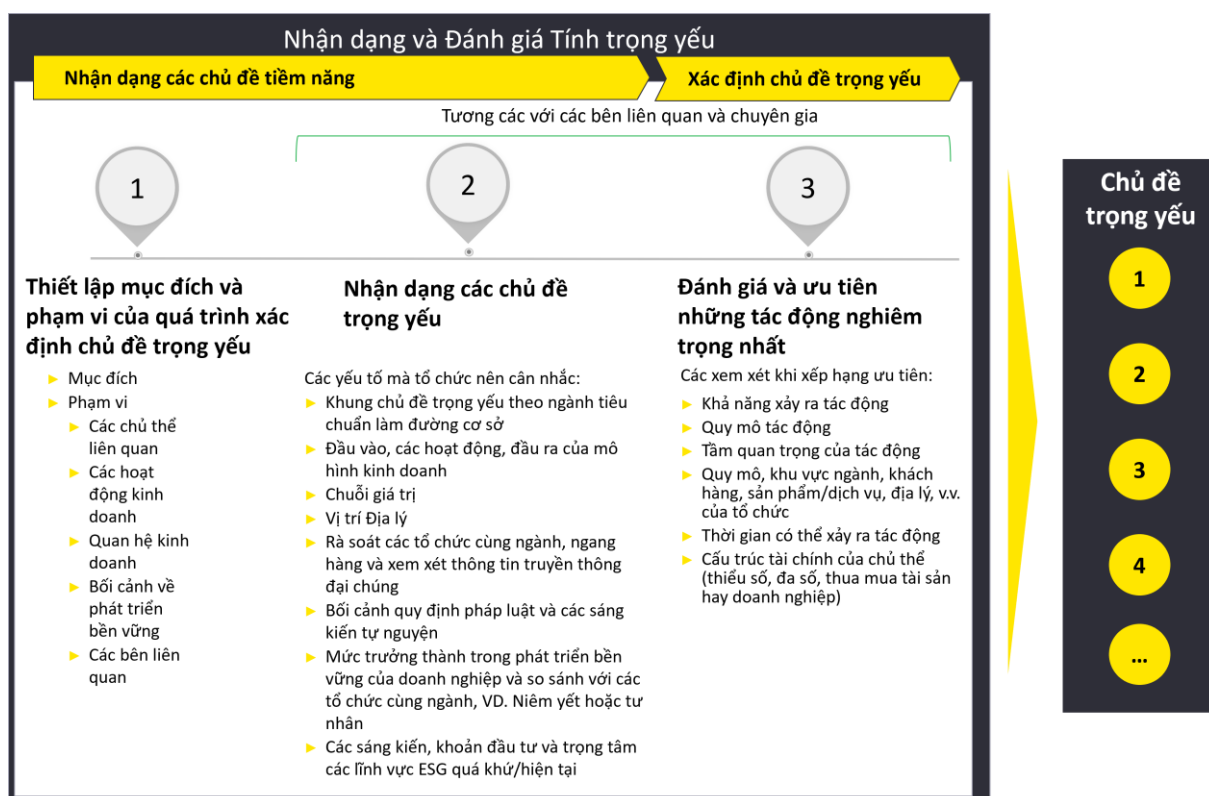
¹¹⁸ IFAC. (2015, November). Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports. Retrieved from: [1315_MaterialityinIR_Doc_4a_Interactive.pdf \(integratedreporting.org\)](#)

¹¹⁹ European Commission. (2019). Guidelines on reporting climate-related information. Retrieved from: [Guidelines on reporting climate-related information \(europa.eu\)](#)

¹²⁰ GRI 3: Material Topics 2021. Retrieved from: <https://globalreporting.org/pdf.ashx?id=12453>

¹²¹ IFAC. (2015, November). Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports. Retrieved from: [1315_MaterialityinIR_Doc_4a_Interactive.pdf \(integratedreporting.org\)](#)

¹²² EY. (2022, June). ESG due diligence, Methodology playbook version 1.0



i. Xác định và đánh giá các chủ đề trọng yếu theo định kỳ

BƯỚC 1: THIẾT LẬP MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI CỦA QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Để chuẩn bị cho việc thu thập các thông tin chính về các tác động thực tế và tiềm tàng đối với doanh nghiệp, trong bước này doanh nghiệp sẽ thực hiện xác định:

- Mục đích: Xác lập mục tiêu của quá trình đánh giá chủ đề trọng yếu
- Phạm vi:
 - Xác định tất cả các chủ thể, bao gồm nhưng không giới hạn, mà doanh nghiệp kiểm soát hoặc có lợi ích liên quan (VD. Công ty con, công ty liên doanh, chi nhánh), bao gồm cả những có quyền lợi thiểu số.
 - Đối với tất cả những chủ thể nói trên, xem xét tổng thể các hoạt động kinh doanh, quan hệ kinh doanh và bối cảnh về phát triển bền vững.
 - Xác định tổng quan các bên liên quan: Xem thêm chi tiết về Quản lý các bên liên quan tại Phần 2 – mục 2.2.3.

BƯỚC 2: XÁC ĐỊNH CÁC CHỦ ĐỀ TIỀM NĂNG

Doanh nghiệp nên xây dựng một danh mục tổng hợp toàn bộ các chủ đề liên quan có tiềm năng mang tính trọng yếu trong phát triển bền vững để cấu trúc và phân loại. Theo khung báo cáo <IR>, doanh nghiệp nên cân nhắc những chủ đề hoặc vấn đề:

- Có thể ảnh hưởng đáng kể đến giá trị tạo ra của doanh nghiệp.
- Có liên kết với chiến lược, quản trị, hiệu quả kinh doanh và bối cảnh tương lai.
- Có tầm quan trọng đối với các bên liên quan.
- Là nội dung nổi cộm cho những thảo luận trong Hội đồng Quản trị và Điều hành.
- Có khả năng gia tăng mức độ nghiêm trọng hoặc dẫn đến mất mát cơ hội nếu không được kiểm soát.

Hiện nay, đã có nhiều công cụ hỗ trợ và và nguồn tham khảo cho việc xác định và phân loại các chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững, bao gồm:

- Hướng dẫn từ các tiêu chuẩn và khung quốc tế về những chủ đề điển hình ở các lĩnh vực ngành, sản phẩm, vị trí địa lý và các doanh nghiệp cụ thể. Xem chi tiết ở hình bên dưới.

Hình 18: Một số nguồn tham chiếu cho công tác đánh giá trọng yếu được tổng hợp bởi COSO và WBCSD.¹²³

Khung, hướng dẫn và tiêu chuẩn	Mô tả
Bài kiểm tra Tính trọng yếu năm phần của AccountAbility	Được thiết kế để giúp các doanh nghiệp nhận dạng: - Những vấn đề nào là trọng yếu, liên quan nhất đến doanh nghiệp và các bên liên quan. - Thông tin nào nên được công bố và báo cáo trong báo cáo phát triển bền vững và báo cáo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.¹²⁴
Lộ trình Phát triển bền vững 2010 của Ceres	Tài nguyên hỗ trợ các doanh nghiệp tái cơ cấu để thành công trong bối cảnh những thách thức về môi trường và xã hội chưa từng có tiền lệ đang đe dọa đến nền kinh tế và các cộng đồng địa phương; được thiết kế để hướng dẫn các doanh nghiệp dẫn đầu về trách nhiệm xã hội và đến cùng, hỗ trợ tăng tiến sự chuyển dịch lên nền kinh tế toàn cầu bền vững. ¹²⁵
Các đánh giá tác động Môi trường và Xã hội	Dù được hoàn thiện riêng lẻ hay tổng hợp, các đánh giá này được thiết kế để nhận dạng và định lượng tác động của các hoạt động, dự án kinh doanh đến môi trường và xã hội; các tác động được đo đạc trên một đường cơ sở thông qua nhận dạng và đánh giá nguyên do tác động – trên cả bối cảnh độc lập và tương quan. ¹²⁶
Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI)	Các hướng dẫn chung và cụ thể từng khu vực ngành để báo cáo đầy đủ các tác động kinh tế và phát triển bền vững của hoạt động vận hành. ¹²⁷
Thẩm định nhân quyền	Thẩm định nhân quyền được Khung Hướng dẫn Báo cáo Liên Hợp Quốc mô tả là “một quá trình quản trị rủi ro liên tục...nhằm nhận dạng, ngăn chặn, giảm nhẹ và chịu trách nhiệm với cách giải quyết các tác động tiêu cực đến nhân quyền.” Quá trình này bao gồm 4 bước then chốt: Đánh giá tác động thực và tác động tiềm tàng đến nhân quyền; Tích hợp và hành động dựa trên kết quả đánh giá; Theo dõi phản hồi; Giao tiếp về cách các tác động được giải quyết. ¹²⁸
Khung báo cáo Tích hợp <IR>	Khung nhằm chuẩn bị một báo cáo tích hợp để giải trình với các nhà đầu tư về cách doanh nghiệp kiến tạo giá trị theo thời gian. Khung cung cấp một quy trình để nhận dạng rủi ro dựa trên bối cảnh pháp lý, thương mại, xã hội, môi trường và chính trị ảnh hưởng đến khả năng kiến tạo giá trị trong ngắn, trung và dài hạn của chủ thể. ¹²⁹
Tiêu chuẩn của Hội đồng Kế toán Phát	Các tiêu chuẩn gợi ý các vấn đề trọng yếu theo ngành và hạng mục với mục tiêu là tập trung vào nhà đầu tư: môi trường, nguồn lực xã hội, nguồn nhân lực, mô hình kinh doanh, phát minh, lãnh đạo và quản trị. Bài kiểm

¹²³ COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: <https://www.wbcsd.org/erm>

¹²⁴ AccountAbility. Retrieved from: <https://www.accountability.org/standards/>

¹²⁵ Ceres. The Ceres Roadmap for Sustainability. Retrieved from Ceres: <https://www.ceres.org/roadmap>

¹²⁶ WBCSD. (2016, August). Guidelines for Environmental and Social Impact Assessment (ESIA). Retrieved from: <https://www.wbcsd.org/Sector-Projects/Cement-Sustainability-Initiative/Resources/Guidelines-for-Environmental-and-Social-Impact-Assessment-ESIA>

¹²⁷ GRI Standards. Retrieved from GRI: <https://www.globalreporting.org/standards/>

¹²⁸ Business & Human Rights Resource Center. Retrieved from Business & Human Rights Resource Centre: <https://business-humanrights.org/en/un-guiding-principles/implementation-tools-examples/implementation-by-companies/type-of-step-taken/human-rights-due-diligence>

¹²⁹ Integrated Reporting. (2016, October). Creating value: The cyclical power of integrated thinking and reporting. Retrieved from International Integrated Reporting Council: http://integratedreporting.org/wp-content/uploads/2017/05/CreatingValue_IntegratedThinkingK1.pdf

Khung, hướng dẫn và tiêu chuẩn	Mô tả
triển bền vững (SASB)	tra năm nhân tố của SASB cho phép doanh nghiệp cân nhắc mỗi chủ đề một cách có hệ thống, từ đó rút ra hiểu biết về các chủ đề tiềm tàng tác động trọng yếu. ¹³⁰

- Thông tin từ chính đánh giá của doanh nghiệp hoặc từ bên thứ ba về các tác động của doanh nghiệp lên nền kinh tế, môi trường, con người; từ kết quả rà soát của cơ quan pháp lý, hệ thống quản lý tuân thủ về phòng chống tham nhũng, kiểm toán tài chính, thanh tra an toàn vệ sinh lao động và hồ sơ cổ đông.¹³¹
- Thông tin từ các nguồn bên ngoài, chẳng hạn như các tổ chức tin tức và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xã hội.¹³²
- Tham vấn với các bên liên quan, chuyên gia bên ngoài và nội bộ, chẳng hạn như các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xã hội hoặc học thuật.



Hộp 15: Ví dụ tham khảo về SASB – làm đánh giá cơ sở cho đánh giá chủ đề trọng yếu¹³³

Sơ đồ đánh giá chủ đề trọng yếu của SASB (**SASB Materiality Map**) được biết tới là khung thông lệ tốt trong đánh giá tính trọng yếu và được sử dụng như khung tham khảo để tiến hành rà soát thẩm định (due diligence). Tuy nhiên có một số chủ đề ESG có tính trọng yếu đối với các doanh nghiệp sẽ chưa được bao hàm trong khung này. Vì vậy, cách tiếp cận đánh giá chủ đề trọng yếu nên linh hoạt và không nhất thiết phải giới hạn ở các chủ đề đưa ra trong danh mục của SASB.

Tổng quan về SASB

- Về nguyên tắc, đây là khung báo cáo ESG được thiết kế để xác định những chủ đề ESG có tác động trọng yếu nhất đến giá trị tài chính của một doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể truy cập cổng tra cứu chủ đề trọng yếu và sơ đồ trọng yếu tại [Exploring Materiality – SASB](#).
- Dưới cấp sơ đồ tổng quát, SASB đưa ra khung các vấn đề ESG ở mức độ cụ thể hơn do những khung này gắn liền vào một ngành nhất định. Chẳng hạn, trong chuyên ngành công nghệ sinh học và dược phẩm, chủ đề “nhân quyền và quan hệ cộng đồng” được cụ thể hóa là “sự an toàn của các thành viên tham gia thử nghiệm lâm sàng”

Công cụ này cũng cung cấp một bộ chỉ tiêu hữu dụng cho việc đánh giá hiệu quả trên mỗi chủ đề cũng như miêu tả lý do vì sao chủ đề lại mang tính trọng yếu đối với ngành và cách nó gắn liền với giá trị.

SASB hoạt động ra sao?

MINH HỌA

Hình 19: Sơ đồ và hướng dẫn của SASB

Sơ đồ chủ đề trọng yếu của SASB cung cấp tổng quan các rủi ro trọng yếu theo khu vực ngành:

¹³⁰ Sustainability Accounting Standards Board Standards. Retrieved from Sustainability Accounting Standards Board (SASB): <https://www.sasb.org/>

¹³¹ GRI 3: Material topics

¹³² GRI 3: Material topics

¹³³ EY. (2022, June). ESG due diligence - Methodology playbook version 1.0

ESG Dimension	General Issue Category*	Consumer Goods	Extractives & Minerals Processing	Financials	Food & Beverage	Health Care	Infrastructure	Renewables & Alternative Energy	Resource Transformation	Services
Environment	GHG Emissions									
	Air Quality									
	Energy Management									
	Water & Wastewater Management									
	Waste & Hazardous Materials Management									
Social Capital	Ecological Impacts									
	Human Rights & Community Relations									
	Customer Privacy									
	Data Security									
	Access & Affordability									
Human Capital	Product Quality & Safety									
	Customer Welfare									
	Selling Practices & Product Labelling									
	Labor Practices									
	Employee Health & Safety									
Business Model & Innovation	Employee Engagement, Diversity & Inclusion									
	Product Design & Lifecycle Management									
	Business Model Resilience									
	Supply Chain Management									
	Materials Sourcing & Efficiency									
Leadership & Governance	Physical Impacts of Climate Change									
	Business Ethics									
	Competitive Behavior									
	Management of the Legal & Regulatory Environment									
	Critical Incident Risk Management									
	Systemic Risk Management									

Issue is likely to be material for more than 50% of industries in sector

Issue is likely to be material for fewer than 50% of industries in sector

Issue is not likely to be material any industries in sector

Sơ đồ có thể được mở rộng để thấy các rủi ro trọng yếu chia nhỏ theo phân ngành (VD. Phân ngành Thực phẩm, đồ uống):

ESG Dimension	General Issue Category*	Food & Beverage							
		Agricultural Products	Alcoholic Beverages	Food Retailers & Distributors	Meat, Poultry & Dairy	Non-Alcoholic Beverages	Processed Foods	Restaurants	Tobacco
Environment	GHG Emissions								
	Air Quality								
	Energy Management								
	Water & Wastewater Management								
	Waste & Hazardous Materials Management								
Social Capital	Ecological Impacts								
	Human Rights & Community Relations								
	Customer Privacy								
	Data Security								
	Access & Affordability								
Human Capital	Product Quality & Safety								
	Customer Welfare								
	Selling Practices & Product Labelling								
	Labor Practices								
	Employee Health & Safety								
Business Model & Innovation	Employee Engagement, Diversity & Inclusion								
	Product Design & Lifecycle Management								
	Business Model Resilience								
	Supply Chain Management								
	Materials Sourcing & Efficiency								
Leadership & Governance	Physical Impacts of Climate Change								
	Business Ethics								
	Competitive Behavior								
	Management of the Legal & Regulatory Environment								
	Critical Incident Risk Management								
	Systemic Risk Management								

SASB cũng cung cấp sẵn hướng dẫn về rủi ro theo phân khu ngành để triển khai từng hạng mục rủi ro cụ thể:

Agricultural Products

► SASB provides guidance for how specific ESG issues are understood to impact the financial performance of a business within each sub-sector, as well as suggested metrics that can be used to assess performance on those topics. Some examples of these for the 'Agricultural Products' sector are shown below:

Generic category	Sub-sector specific risk	Guidance
GHG Emissions	Greenhouse Gas Emissions	Companies in the Agricultural Products industry generate direct greenhouse gas (GHG) emissions from the processing and transportation of goods via land and sea freight operations. Emissions regulations may increase the cost of capital, operational costs, and affect the operational efficiency of companies that do not have strategies in place to manage GHG emissions. Employing innovative technologies that use alternative fuels and energy inputs—including biomass waste generated from internal processes—and improving fuel efficiency are ways companies can limit exposure to volatile fuel pricing, supply disruptions, future regulatory costs, and other potential consequences of GHG emissions.
Water & Wastewater Management	Water Management	The Agricultural Products industry relies on water for processing activities, and companies in the industry also typically generate wastewater, or effluent. The availability of water, due to physical availability and/or regulatory access, directly impacts the industry's ability to efficiently operate processing facilities. Companies in the industry are increasingly exposed to water-related risks and regulations, which may increase capital expenditure costs, operating costs, remediation costs, and/or potential fines. Companies can manage water-related risks and opportunities and mitigate long-term costs through capital investments and assessment of facility locations relative to water scarcity risks, improvements to operational efficiency, and work with regulators and communities on issues related to water access and effluent. Risks related to crop production that are driven by water availability and access are addressed in a separate supply chain-oriented topic, Ingredient Sourcing.
Product Quality & Safety	Food Safety	Agricultural products are either sold directly to consumers in raw form or are further processed before reaching consumers. Maintaining product quality and safety is critical, as contamination by pathogens, chemicals, or spoilage presents serious human and animal health risks. Contamination may result from poor farming, transport, storage, or handling practices. Food quality and safety issues can lead to consumer-driven demand changes and regulatory action. Product recalls can harm brand reputation, reduce revenues, and lead to costly fines. Obtaining food safety certifications or ensuring suppliers meet food safety guidelines may help companies in the industry safeguard against product safety risks and communicate the quality of their products to buyers.
Employee Health & Safety	Workforce Health & Safety	Industrial processes used in the Agricultural Products industry present significant occupational hazards. Employees are engaged in many labor-intensive activities. Common hazards include falls, transportation accidents, equipment-related accidents, and heat-related illness or injury, among others. Violations of health and safety standards could result in monetary penalties and costs for corrective actions. High injury rates, particularly fatality rates, may indicate a weak governance structure and a weak workplace safety culture, as well as lead to significant reputational harm. Strong performance on managing workforce health and safety can help build brand image while promoting worker morale, which may lead to increased productivity, reduced worker turnover, and enhanced community relations.
Supply Chain Management	Environmental & Social Impacts of Ingredient Supply Chain	Agricultural products companies source agricultural inputs from a large number of suppliers. How companies in the industry screen, monitor, and engage with suppliers on environmental and social topics may impact consumer demand, reputational risks, and the ability of companies to effectively manage their crop supply and respond to price fluctuations. Supply chain management issues related to labor, environmental practices, ethics, or corruption may result in regulatory fines and/or increased long-term operational costs for companies. Similarly, agricultural products companies may face reputational damage if their suppliers perform poorly on environmental or social issues. Companies can mitigate these risks and potentially increase consumer demand or capture new market opportunities by engaging with key suppliers to implement sustainable

Có những giới hạn nhất định đối với khung SASB, vì vậy doanh nghiệp nên tham khảo những khung khác nữa để **làm cơ sở** cho việc đánh giá chủ đề trọng yếu.

BƯỚC 3: ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG ƯU TIÊN

Những tham số cần cân nhắc trong đánh giá và ưu tiên chủ đề trọng yếu có thể bao gồm:

- Khả năng xảy ra tác động
- Quy mô tác động
- Tầm quan trọng của tác động
- Quy mô, khu vực ngành, khách hàng, sản phẩm/dịch vụ, địa lý, v.v. của doanh nghiệp
- Thời gian có thể xảy ra tác động
- Cấu trúc tài chính của chủ thể (thiếu số, đa số, thu mua tài sản hay mua lại doanh nghiệp).

Các bước để đánh giá và xếp hạng ưu tiên các chủ đề trọng yếu bao gồm:

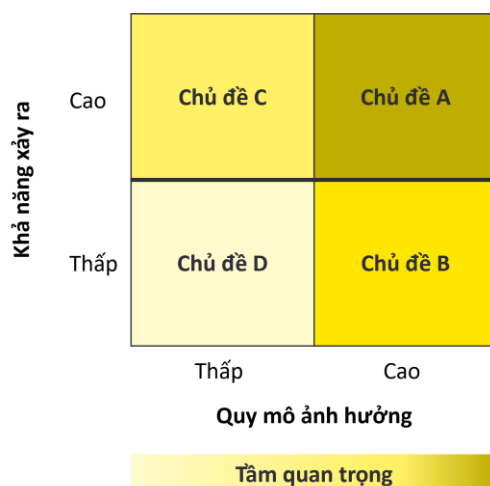
- Tương tác với các bên liên quan chủ chốt để tham vấn quan điểm và ưu tiên hoặc xếp hạng của họ với mỗi chủ đề được nhận dạng là trọng yếu dựa trên các tham số, ví dụ như tầm quan trọng và tác động của chúng lên xã hội (với các bên thứ ba) hoặc lên tương lai kinh doanh của doanh nghiệp (các bên liên quan nội bộ). Các cuộc phỏng vấn riêng lẻ có thể được áp dụng với các bên thứ ba quan trọng nhất để tìm hiểu và nhận biết những xu thế có thể tác động đến tương lai doanh nghiệp.¹³⁴
- Xác lập một ngưỡng giới hạn để quyết định chủ đề nào là trọng yếu: Doanh nghiệp nên sắp xếp các tác động từ nghiêm trọng nhất đến ít nghiêm trọng nhất, và xác định một điểm dừng hoặc ngưỡng giới hạn để quyết định sẽ tập trung vào các tác động ở mức độ nào.¹³⁵

Hình 20: Ví dụ về Hướng dẫn đánh giá chủ đề trọng yếu của <IR>: Đánh giá tầm quan trọng của chủ đề. Nguồn: Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports¹³⁶

¹³⁴ IFC ESG Guidebook

¹³⁵ GRI 3: Material topics

¹³⁶ Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports. (2015, November).



Hình 21: Công cụ hỗ trợ sản xuất bền vững - OECD – Minh họa: Ma trận đánh giá ưu tiên vấn đề. Nguồn: OECD. Science, technology and innovation ¹³⁷

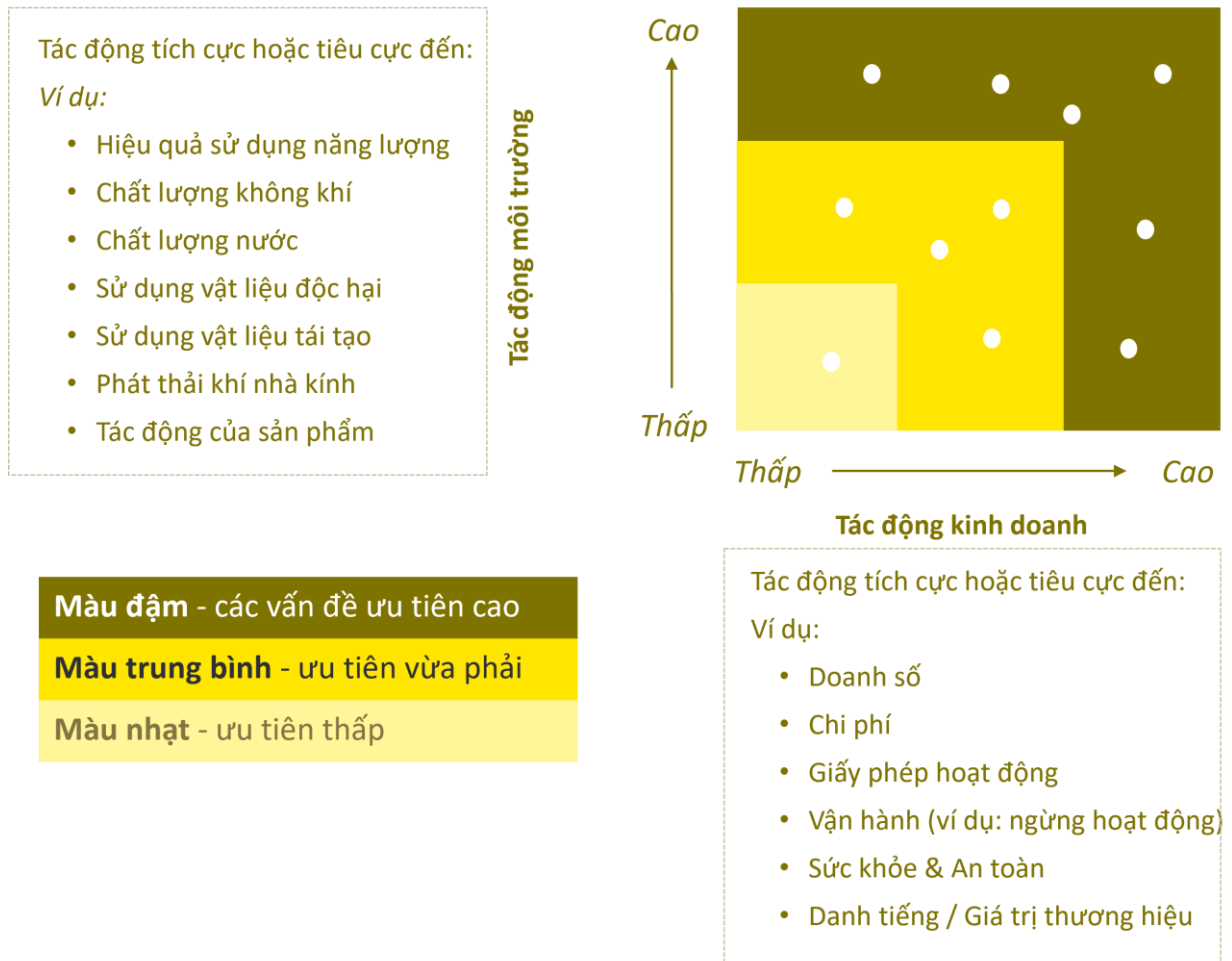
Đánh giá mức độ tác động đối với các vấn đề ưu tiên

Mức độ tác động	Tác động đối với môi trường	Tác động đối với kinh doanh
Cao	Dẫn đến thiệt hại hoặc cải thiện đáng kể cho môi trường và là mối quan tâm lớn của các bên liên quan	Tác động đáng kể đến kinh doanh và danh tiếng, có khả năng dẫn đến tổn thất hoặc lợi nhuận lớn.
Trung bình	Dẫn đến thiệt hại hoặc cải thiện ở mức độ nhất định cho một số yếu tố môi trường và thu hút sự quan tâm của một số bên liên quan	Tác động ở mức độ trung bình đến kinh doanh và danh tiếng
Thấp	Dẫn đến thiệt hại hoặc cải thiện ở mức độ không đáng kể, với sự quan tâm hạn chế từ các bên liên quan	Tác động ở mức độ không đáng kể đến kinh doanh và danh tiếng



¹³⁷ OECD. Science, technology and innovation. Retrieved from: <https://www.oecd.org/innovation/green/toolkit/aboutsustainablemanufacturingandthetoolkit.htm>

Ma trận đánh giá ưu tiên vấn đề



2.1.3. Các Cam kết và Mục tiêu về ESG

2.1.3.1. Chiến lược phát triển bền vững

Một chiến lược ESG toàn diện sẽ đảm bảo quản lý sản phẩm hiệu quả, tăng trưởng hướng tới ESG, và luôn thách thức, củng cố doanh nghiệp nhận thức chuyển đổi ở cả nội bộ và bên ngoài để đạt tới vị trí dẫn đầu thị trường.

Hình 22: Các khía cạnh trong chiến lược phát triển bền vững. Nguồn: EY



CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ PHÁT THẢI CÁC-BON THẤP

Phát thải khí nhà kính (KNK) hiện là vấn đề được quan tâm nhất đối với các doanh nghiệp và để thực hiện cam kết giảm lượng phát thải KNK, các doanh nghiệp cần xây dựng một kế hoạch chuyển đổi phù hợp.

Các bên liên quan, bao gồm các nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến những kế hoạch này để đánh giá mức độ tin cậy của cam kết liên quan đến khí hậu của các doanh nghiệp và hiểu rõ các thay đổi trong chiến lược hoặc mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp, bao gồm các biện pháp được thực hiện để giảm thiểu rủi ro và tận dụng cơ hội trong chuyển đổi hướng đến kinh tế xanh.

Các đặc điểm quan trọng của kế hoạch chuyển đổi hiệu quả:

Hướng dẫn năm 2021 của TCFD về Chỉ số, Mục tiêu và Kế hoạch Chuyển đổi ¹³⁸ đã xác định các đặc điểm quan trọng của kế hoạch chuyển đổi như sau:

- Phù hợp với Chiến lược và các lộ trình khoa học (science-based) ở quy mô quốc gia hoặc ngành, lĩnh vực nhằm hướng tới một nền kinh tế phát thải các-bon thấp.
- Được thiết kế để giúp đạt được các mục tiêu liên quan đến khí hậu và được theo dõi thường xuyên thông qua các chỉ số phù hợp.
- Tuân theo quy trình Quản trị Hiệu quả: Một kế hoạch chuyển đổi nên mô tả quy trình phê duyệt, trách nhiệm giám sát và chịu trách nhiệm trong một doanh nghiệp, bao gồm vai trò của Hội đồng Quản trị và quản lý cấp cao trong việc giám sát kế hoạch.
- Có các sáng kiến cụ thể và khả thi: Một kế hoạch chuyển đổi nên nêu rõ các sáng kiến và biện pháp cụ thể mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để thực hiện kế hoạch chuyển đổi một cách hiệu quả, bao gồm các mốc thời gian định kỳ.
- Chứa đủ thông tin để người dùng đánh giá tính đáng tin cậy của nó.
- Nên được rà soát ít nhất mỗi năm một lần và cập nhật nếu cần thiết.
- Được báo cáo hàng năm cho các bên liên quan.

2.1.3.2. Mục tiêu và Chỉ số

Việc phân bổ các mục tiêu chiến lược từ trên xuống tất cả các phòng ban, bộ phận và tới từng nhân sự, thông qua các chỉ số và mục tiêu phù hợp và đo lường được, sẽ khuyến khích nhân sự ở tất cả các cấp áp dụng và triển khai các giá trị về ESG,

Doanh nghiệp nên hình thành một quy trình rõ ràng dành cho việc xác định và giám sát các mục tiêu và chỉ số về ESG, liên kết với lợi ích bền vững của các bên liên quan và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp, đảm bảo tính cụ thể, đo lường được, có thể đạt được, phù hợp và trong khoảng thời gian xác định, đồng thời song hành với các mục tiêu chiến lược quốc gia, quốc tế cùng với các động thái toàn cầu như các Mục tiêu Khoa học (Science-based targets).



Hộp 16: Sáng kiến Nước tại Heineken¹³⁹

Năm 2019, hãng bia Heineken khởi động chiến dịch toàn cầu “Every Drop” – cam kết của họ cho giai đoạn đến 2030 thể theo Mục tiêu Phát triển Bền vững số 6 của Liên Hợp Quốc. Chiến lược này kết nối tới các lo ngại toàn cầu và hợp lý với bối cảnh kinh doanh của tập đoàn sản xuất bia.

Chiến dịch bao gồm 3 mục tiêu cấp cao: Quản lý nước, Tuần hoàn nước và Sử dụng nước hiệu quả. 3 mục tiêu này lại được chia thành các mục tiêu cụ thể hơn để áp dụng với từng vùng và cơ sở. Chẳng hạn, Sử dụng nước hiệu quả bao gồm giảm lượng nước cần sử dụng xuống mức trung bình là 2,8 Héc-tô-lít nước trên 1 Héc-tô-lít bia (từ mức 3,2 hl/hl) đối với việc sản xuất tại các khu vực có áp lực về nguồn nước, và xuống mức 3,2 Héc-tô-lít nước trên 1 Héc-tô-lít bia (từ mức 3,5 hl/hl) cho các cơ sở trên toàn cầu.

¹³⁸ TCFD. (2021, October). Task Force on Climate-related Financial Disclosures Guidance on Metrics, Targets, and Transition Plans. Retrieved from: https://assets.bbhub.io/company/sites/60/2021/07/2021-Metrics_Targets_Guidance-1.pdf

¹³⁹ Heineken. (2019, March). Heineken announces Every Drop – water ambition for 2030.

2.1.3.3. Chính sách về phát triển bền vững

Doanh nghiệp xem xét xây dựng một bộ chính sách về ESG để truyền đạt định nghĩa, thông điệp và vị trí của doanh nghiệp đối với phát triển bền vững, cũng như các mục đích dài hạn và những nguyên tắc dẫn đường cho việc đưa ra quyết định, thực hành trong các chủ đề phát triển bền vững.

Thiết kế chính sách phát triển bền vững

- Doanh nghiệp có thể thành lập một chính sách mới hoặc điều chỉnh những chính sách sẵn có.
- Các chính sách phát triển bền vững có tham khảo các tiêu chuẩn và khung chính về ESG (VD. Chứng chỉ ISO 26000, Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, tiêu chuẩn ngành, v.v.) và song hành với các chủ đề phát triển bền vững trọng yếu của doanh nghiệp.

Triển khai chính sách phát triển bền vững

- Chính sách được thông qua bởi Hội đồng Quản trị và được ký xác nhận bởi thành viên Hội đồng Quản trị.
- Chính sách được truyền thông, hiểu rõ và áp dụng thống nhất xuyên suốt trong doanh nghiệp; được xem xét lại thường xuyên để cập nhật phù hợp với những thay đổi trong chiến lược, mục tiêu doanh nghiệp và các yêu cầu khác (VD. Các thay đổi về hành chính).
- Chính sách được giám sát bằng các mục tiêu và chỉ tiêu/KPI định trước kèm theo vai trò và trách nhiệm rõ ràng.



Hộp 17: IFC FOCUS 15: Hội đồng phát triển bền vững: Cấu trúc và Triển khai¹⁴⁰

Mục 4.2.1. Chính sách Phát triển bền vững

“Dựa trên Tiêu chuẩn Công tác số 1 của tổ chức IFC về Đánh giá và Quản trị rủi ro và Tác động Môi trường Xã hội, đoạn 6 “Chính sách cung cấp khung cho quá trình đánh giá và quản lý môi trường xã hội, cũng như cụ thể hóa rằng ... các hoạt động kinh doanh ... sẽ tuân thủ các luật và quy định có liên quan...”

Một chính sách tốt xây dựng dựa trên nền tảng của đánh giá về rủi ro phát triển bền vững, cơ hội và tác động của doanh nghiệp, cũng như cách doanh nghiệp đó phản ứng để khai thác cơ hội và giảm thiểu rủi ro hay tác động.

Các tài liệu đi kèm chính sách thường bao gồm cấu trúc, chức năng và các hoạt động (bao gồm việc đưa ra quyết định) có liên quan tới phát triển bền vững trong nội bộ doanh nghiệp. Như đã nói ở trên, cấu trúc có thể bao gồm các chức năng quản lý, các hội đồng và các thành viên hội đồng.

Một nhiệm vụ cơ bản của thành viên hội đồng phát triển bền vững là việc phát triển bộ chính sách phát triển bền vững, hoặc nếu đó là một hội đồng quản lý thì nhiệm vụ là thông qua bộ chính sách. Trong cả 2 trường hợp, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm cuối cùng đối với việc thông qua bộ chính sách phát triển bền vững.

Bộ chính sách phát triển bền vững có thể bao gồm một tài liệu, hay từ hai tài liệu trở lên bao gồm các khung, quy trình phụ trợ, hướng dẫn và quy tắc thực hành. Hình thức bộ chính sách sẽ không quan trọng bằng nội dung cuối cùng.”



Hộp 18: Những nhân tố cần cân nhắc khi xây dựng chính sách Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội (GESI)¹⁴¹

¹⁴⁰ IFC (2021, June 16). Focus 15: Sustainability Committees: Structure and Practices. Retrieved from: [Focus 15: Sustainability Committees: Structure and Practices \(ifc.org\)](https://www.ifc.org/focus-15-sustainability-committees-structure-and-practices)

¹⁴¹ International Development Partners Group, Nepal. (2017). A Common Framework for Gender Equality & Social Inclusion. Retrieved from: [GESIframeworkReportFinal2017compressed.pdf \(unwomen.org\)](https://www.unwomen.org/-/media/Attachments/6300/630001main-report-en-2017.pdf)

Vào năm 2017, Nhóm làm việc GESI (một trong các nhóm làm việc dưới quyền *Cụm Xã hội của Nhóm đối tác Phát triển quốc tế IDPG – đồng giám bởi Liên Hợp Quốc Phụ nữ và tổ chức Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ*) xuất bản “**Khung chung cho Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội**”. Theo đó, khi phát triển bộ chính sách phản hồi tích cực với GESI, các khía cạnh sau đây nên được đưa vào cân nhắc:

- “Các khả năng và giới hạn mà phụ nữ, người nghèo, đối tượng nhạy cảm và bên lề xã hội phải đối mặt khi tiếp cận và sử dụng dịch vụ”
- “Tác động của giới tính, thu nhập, giai cấp/dân tộc, vị trí địa lý đối với nhu cầu, truy cập và sử dụng dịch vụ, cùng với những điều kiện và ưu tiên của nhóm mục tiêu”
- “Các chiến lược và cách tiếp cận khác biệt cần thiết để nâng cao tiếp cận và sử dụng bởi các nhóm mục tiêu khác nhau, và khi không có nhóm mục tiêu, bởi phụ nữ, người nghèo và đối tượng nhạy cảm và bên lề xã hội.”
- “Cách tiếp cận dựa trên nhân quyền nên được phổ thông hóa để đảm bảo rằng các nhóm không có quyền lực hay tiếng nói được định vị là nhân tố chủ chốt và quyền lợi của họ được bảo vệ và nâng cao.”

2.2. Vận hành

2.2.1. Quản lý chuỗi cung ứng

Các yêu cầu thay đổi đối với chuỗi cung ứng của doanh nghiệp nhằm đáp ứng các vấn đề mang tính bền vững:

- Đảm bảo nguồn cung đa dạng và bền vững
- Cho phép khả năng truy xuất, hiển thị và công bố thông tin
- Giảm thiểu các-bon trong chuỗi giá trị
- Đưa tính tuần hoàn vào mô hình kinh doanh

PHƯƠNG PHÁP ỨNG PHÓ VỚI CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TÍNH BỀN VỮNG CỦA CHUỖI CUNG ỨNG

Theo những đề xuất bởi BSR¹⁴² trong việc giải quyết các rủi ro trọng yếu liên quan đến tính bền vững của chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp có thể đi theo 3 bước sau:

Hình 23: 3 bước giải quyết các vấn đề liên quan đến tính bền vững của chuỗi cung ứng.



Doanh nghiệp tham khảo chi tiết phương pháp thực hiện ở BSR. (2018, September). Climate + Supply Chain, The Business Case for Action - https://www.bsr.org/reports/BSR_Climate_and_Supply_Chain_Management.pdf

NHỮNG CÂN NHẮC QUAN TRỌNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TOÀN BỘ VÒNG ĐỜI CỦA CHUỖI CUNG ỨNG

¹⁴² BSR. (2018, September). Climate + Supply Chain, The Business Case for Action. Retrieved from: https://www.bsr.org/reports/BSR_Climate_and_Supply_Chain_Management.pdf

Phát triển bền vững chuỗi cung ứng yêu cầu quản lý các hoạt động về môi trường, xã hội và quản trị trong suốt vòng đời của hàng hóa hoặc dịch vụ - như được miêu tả dưới đây:

Hình 24: Vòng đời chuỗi cung ứng. Nguồn: EY¹⁴³



2.2.1.1. Thiết kế sản phẩm

Danh mục sản phẩm cần đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp về dấu chân carbon và môi trường. Đây là một yếu tố quan trọng trong thiết kế sản phẩm cần được cân nhắc ngay từ giai đoạn đầu khi lập kế hoạch cho các sản phẩm mới.

Các sáng kiến về sản phẩm nên xem xét:

- Thiết kế với tuổi thọ cao và hướng tới thiết kế theo cấu phần mô-đun.
- Quy trình thiết kế tuần hoàn – Thiết kế hướng tới chuẩn hóa, có khả năng tương thích cao, dễ dàng tháo dỡ và tái sử dụng.
- Chuyển dịch từ sản phẩm sang dịch vụ: Sự thay đổi từ hình thức sở hữu sang hình thức sử dụng dịch vụ là trọng tâm của khái niệm kinh tế tuần hoàn.

2.2.1.2. Lập kế hoạch

Một kế hoạch chuỗi cung ứng bền vững sẽ đáp ứng được linh hoạt và nhất quán các yêu cầu của khách hàng, đồng thời, giảm lãng phí nguồn lực.

Doanh nghiệp khi lập kế hoạch chuỗi cung ứng bền vững cần xem xét:

- Nhu cầu về bền vững của khách hàng:
 - Nhấn mạnh tiếp thị “xanh” để đáp ứng nhu cầu của khách hàng về các sản phẩm bền vững.
 - Liên kết nhu cầu với lập kế hoạch, lịch trình cung cấp và các quyết định về nguyên vật liệu trong chuỗi cung ứng.
- Tối ưu hóa kế hoạch phân phối, mạng lưới phân phối từ đó cải thiện các chỉ số ESG về giảm dấu chân carbon trong chuỗi cung ứng.
- Giảm thiểu rủi ro hết hàng tồn kho do hạn chế từ nguồn cung thông qua hình thành mạng lưới đa dạng các nhà cung cấp.
- Giảm thiểu thay đổi đột ngột trong dây chuyền sản xuất so với kế hoạch thông qua tối ưu hóa kế hoạch và lịch trình cung ứng, từ đó cắt giảm lượng phát thải carbon.
- Hợp tác chặt chẽ với nhà cung cấp nhằm chủ động ứng phó với các biến động về đơn hàng hoặc các sự kiện bất ngờ.

2.2.1.3. Tìm kiếm nguồn cung cấp

Doanh nghiệp nên xây dựng mối quan hệ lâu dài với tất cả các nhà cung cấp ở mọi cấp của chuỗi cung ứng, xử lý rủi ro và đảm bảo các yếu tố về xã hội, đạo đức và môi trường trong công tác vận hành của nhà cung cấp.

Quản lý bền vững nhà cung cấp

- Xây dựng và đưa các tiêu chí đánh giá hiệu quả của nhà cung cấp về môi trường và xã hội vào trong quy trình quản lý nhà cung cấp. Các yêu cầu hoặc quy tắc ứng xử của nhà cung cấp cần

thống nhất với các tiêu chuẩn quốc tế dẫn đầu như Hiệp ước toàn cầu của Liên hợp quốc (UNGC) và Liên minh doanh nghiệp có trách nhiệm (RBA).

- Doanh nghiệp chủ động tác động và cải thiện việc thực hành bền vững của nhà cung cấp thông qua các sáng kiến hợp tác và khuyến khích để đáp ứng các tiêu chuẩn về sử dụng lao động và bảo vệ môi trường hiện hành, ví dụ như cung cấp chương trình đào tạo cho các nhà cung cấp chính, có chế độ khen thưởng, công khai ghi nhận hoặc ưu tiên cho các nhà cung cấp thực hành bền vững.

Mua sắm và tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu bền vững

- Xây dựng chiến lược nguồn cung thay thế để giải quyết các rủi ro về suy giảm nguồn cung, chất lượng và biến động giá của các nguyên vật liệu cốt lõi.
- Tìm kiếm các cơ hội về nguồn cung nguyên vật liệu đã qua sử dụng, đóng góp vào nền kinh tế tuần hoàn.

2.2.1.4. Sản xuất

Sản xuất bền vững hướng tới tối ưu hóa vòng đời của hệ thống sản xuất, sản phẩm và dịch vụ. Doanh nghiệp nên nhìn vào các khía cạnh sau:

Cơ sở sản xuất

- Đánh giá tác động của hoạt động vận hành của cơ sở/nhà máy sản xuất đến cộng đồng;
- Đánh giá tính bền vững của các cơ sở sản xuất mới và kế hoạch cải tạo cơ sở sản xuất đang hoạt động.

Hoạt động sản xuất

- Tối ưu hóa quy trình để cắt giảm chất thải và tác động đến môi trường.
- Áp dụng cách tiếp cận tuần hoàn cho sản xuất.
- Đổi mới trong sản xuất.

Bảo trì

- Xây dựng kế hoạch về quản lý sự cố và sửa chữa, bảo trì hiệu quả;
- Đào tạo và triển khai các thông lệ về bền vững trong quản lý sửa chữa, bảo trì thiết bị.

Nhân lực

- Triển khai đào tạo về quy trình, các biện pháp, phương án phù hợp để đảm bảo an toàn và ngăn ngừa thương tích;
- Sử dụng KPI để theo dõi, giám sát nhân sự;
- Đảm bảo tính đa dạng và hòa nhập trong doanh nghiệp để thu hút nhân tài.

2.2.1.5. Giao hàng

Khi giao sản phẩm và dịch vụ, doanh nghiệp có thể cân nhắc các sáng kiến sau:

- Tối ưu hóa tuyến vận chuyển để giảm lượng vận chuyển và thời gian chờ không cần thiết, từ đó, giảm tiêu hao nhiên liệu;
- Xem xét các phương án vận tải xanh hơn. ví dụ: xe chạy bằng điện;
- Tránh lãng phí năng lượng do không tối đa hóa công suất – Giảm không gian và năng lượng lãng phí bằng cách đảm bảo rằng các kho chứa và phương tiện vận chuyển được lấp đầy công suất tối đa;
- Kho chứa được thiết kế thân thiện với môi trường;
- Sử dụng năng lượng hoặc công nghệ tái tạo - Khám phá khả năng kết hợp nhiều nguồn năng lượng hoặc công nghệ xanh hoặc tái tạo hơn vào chiến lược logistics;
- Bao bì tiện dụng, an toàn và thân thiện với môi trường.

2.2.1.6. Trả hàng và thanh lý

Doanh nghiệp có thể cân nhắc các sáng kiến:

- Quản lý hoàn trả: Đảm bảo tính bền vững trong quy trình hậu cần đảo ngược (reverse logistics) có thể cải thiện hiểu biết về khách hàng, tăng năng suất và cải thiện khả năng phản hồi khách hàng. Trong mọi trường hợp, dù doanh nghiệp quyết định tái chế, tân trang hay bán lại sản phẩm bị trả lại, cách tiếp cận tốt nhất là phòng tránh trả hàng ngay từ ban đầu - điều này sẽ phụ thuộc vào các cấu phần khác trong chuỗi cung ứng.
- Cải thiện quy trình tái chế và hướng tới nền kinh tế tuần hoàn.
 - Tăng tỷ lệ tái chế sau khi kết thúc quá trình sử dụng.
 - Tối ưu nguồn lực cần thiết cho việc tái chế.
- Tăng tỉ lệ thành phần tái chế trong nguyên vật liệu thô và tận dụng các nguyên vật liệu có thể tái chế nhiều lần.



Hộp 19: Tăng cường Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội trong chuỗi cung ứng thông qua cung cấp đầu vào, đầu ra và dịch vụ¹⁴⁴

Để triển khai GESI xuyên suốt các chức năng của chuỗi cung ứng có nghĩa là cần cải thiện khả năng tiếp cận của phụ nữ và các nhóm nhạy cảm khác trong quá trình đưa ra quyết định nhằm nâng cao vai trò của họ trong sản xuất và gia tăng thu nhập. Trong bản “Hướng dẫn tăng cường Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội”, tổ chức Aus4Vietnam gợi ý một số biện pháp để triển khai GESI khi cung cấp đầu vào, đầu ra và dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, bao gồm:

- “Hợp đồng thu mua đầu vào, đầu ra và dịch vụ nên minh bạch, thông tin về các cơ chế, chi tiết cụ thể và tiêu chuẩn về giá nên được phổ cập cho các thành viên của doanh nghiệp.”
- “Tham vấn nữ giới, nam giới và người khuyết tật trong vai trò người cung cấp dịch vụ, nhà cung cấp hay người sử dụng dịch vụ và chuyên gia trong thiết kế và triển khai cơ sở hạ tầng để đảm bảo chức năng, hiệu quả và khả năng tiếp cận, phù hợp với mọi đối tượng, bao gồm phụ nữ và người khuyết tật (VD. Có nhà vệ sinh an toàn và chia rõ giới tính, mặt phẳng nghiêng dành cho xe lăn trên vỉa hè, nhà vệ sinh chuyên dụng cho người khuyết tật).”
- “Cân nhắc nhu cầu về các dịch vụ tài chính có lợi cho phụ nữ, bao gồm người rất nghèo, các rào cản để tiếp cận mà họ gặp phải và tạo điều kiện tiếp cận cho các bên cung cấp tài chính có thể cho họ các chính sách vay nợ ưu tiên (VD. Nghiệp đoàn Phụ nữ, Ngân hàng chính sách xã hội).”

2.2.2. Quản trị rủi ro

Đưa những cân nhắc về ESG vào khung quản trị rủi ro sẵn có của doanh nghiệp sẽ hỗ trợ đạt được những mục tiêu kinh doanh trong chiến lược và vận hành của doanh nghiệp nói chung và cả về ESG nói riêng. Các doanh nghiệp có thể tham khảo Khung Quản trị rủi ro Doanh nghiệp ERM – Khung ESG của Hội đồng Các tổ chức Tài trợ của Ủy ban Treadway (COSO), để đảm bảo các rủi ro phát triển bền vững được xác định và ưu tiên, gắn kết với vận hành kinh doanh.

Cấu phần cốt lõi của một khung kiểm soát rủi ro

Để quản lý những rủi ro liên quan tới phát triển bền vững tốt hơn và tiến tới các mục đích, cam kết phát triển bền vững, các doanh nghiệp nên đi theo một khung được cấu trúc bao gồm các thành phần liệt kê bên dưới nhằm tích hợp các cân nhắc phát triển bền vững vào thực hành quản lý rủi ro hiện hành và nâng cao khả năng ứng phó với các quy định về phát triển bền vững.

Hình 25: Cấu phần cốt lõi của một khung kiểm soát rủi ro.

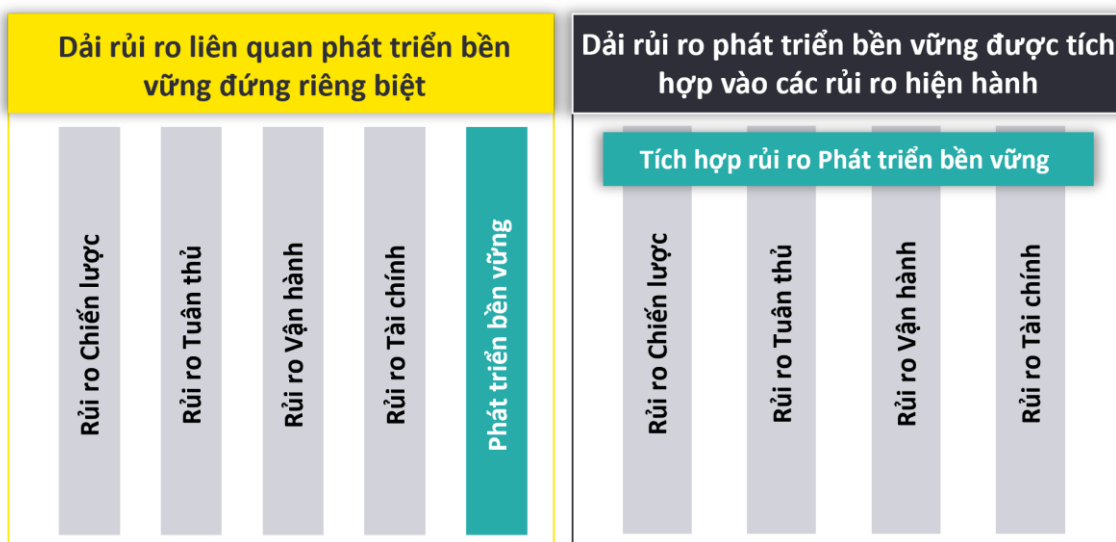
¹⁴⁴ [18102019-GESI-Mainstreaming-Guidelines EN Final.pdf \(aus4vietnam.org\)](#)



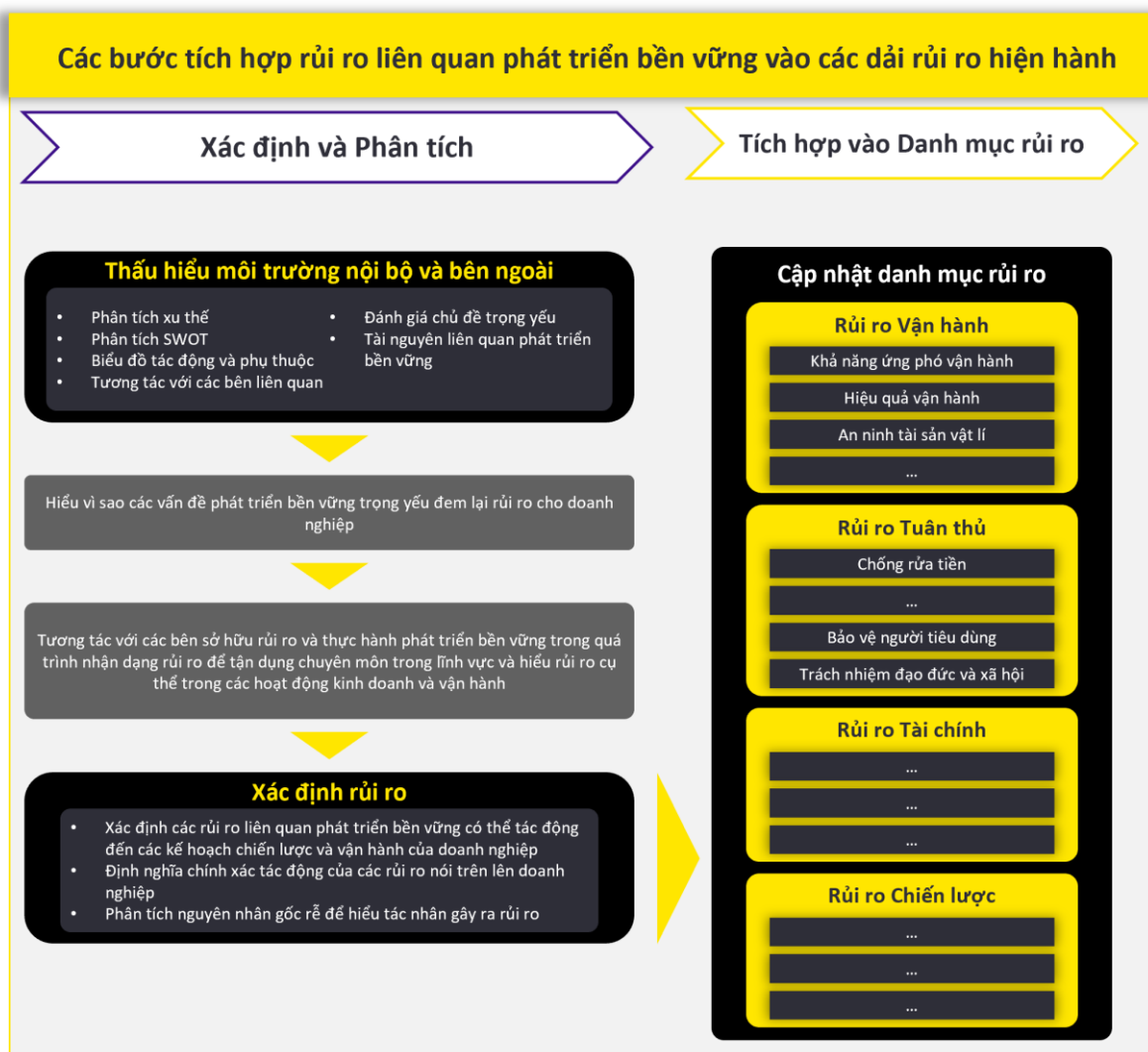
a. Cấu phần 1: Danh mục rủi ro

- Cũng giống như bất kỳ rủi ro nào khác, các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững nên được xác định và ghi nhận khi doanh nghiệp thực hiện xác định và lập danh sách rủi ro, từ đó, sẽ bắt đầu các quy trình kế tiếp của vòng đời quản trị rủi ro.
- Hai hoạt động triển khai phổ biến trong cách thức tích hợp các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững vào kiểm kê rủi ro là:

Hình 26: Lập danh mục rủi ro liên quan phát triển bền vững.



- Các rủi ro nên được xác định ở tất cả các cấp độ kinh doanh – đánh giá cho từng cấp chiến lược, bao gồm cấp độ chủ thể, đơn vị kinh doanh, sản phẩm và thị trường/khu vực.
- Các bước để đưa các rủi ro về phát triển bền vững vào danh mục rủi ro có sẵn được miêu tả ở Hình dưới đây.



b. Cấu phần thứ hai: Đánh giá rủi ro

a. Phương pháp Tiếp cận đánh giá rủi ro

Quy trình hiện tại về đánh giá rủi ro nên được rà soát để đảm bảo doanh nghiệp hiểu rõ hơn về cách các chủ đề trọng yếu về phát triển bền vững chuyển đổi thành các rủi ro tác động lên doanh nghiệp và cách định lượng các tác động riêng biệt của các rủi ro đó với xuyên suốt các bộ phận kinh doanh trong doanh nghiệp.

¹⁴⁵ COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: <https://www.wbcsd.org/erm>



Hộp 20: Các cân nhắc để đánh giá mức độ nghiêm trọng của các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững – Nguồn: Khung Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp ERM của COSO¹⁴⁶

a. Tiêu chí đánh giá

Mặc dù các tiêu chí chung để đánh giá và xếp hạng ưu tiên rủi ro là tác động và khả năng xảy ra của rủi ro, nhưng việc cân nhắc bổ sung các tiêu chí khác về rủi ro (ngoài tác động và khả năng xảy ra) có thể hữu ích trong hiểu biết về bản chất và mức độ rủi ro của chủ thể (Xem bảng bên dưới)

Bảng 9: Áp dụng các tiêu chí ưu tiên đối với rủi ro phát triển bền vững – Nguồn: Khung Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp ERM của COSO

Tiêu chí	Mô tả
Khả năng thích ứng	Khả năng của chủ thể để thích nghi và phản ứng với rủi ro
Mức độ phức tạp	Phạm vi và tính chất của rủi ro đối với thành bại của chủ thể
Tốc độ ảnh hưởng	Tốc độ mà rủi ro tác động đến chủ thể
Mức độ kéo dài	Quãng thời gian rủi ro tác động đến chủ thể
Khả năng phục hồi	Khả năng chủ thể quay lại mức độ chấp nhận được rủi ro

b. Các phương pháp tiếp cận để đánh giá mức độ nghiêm trọng của rủi ro liên quan đến ESG

Có bốn phương pháp tiếp cận thường dùng để đo lường mức độ nghiêm trọng của rủi ro liên quan đến phát triển bền vững theo định tính hoặc định lượng như trong Bảng 10. Danh sách dưới đây là chưa đầy đủ và vẫn còn nhiều công cụ khác có thể hỗ trợ về phương pháp tiếp cận để đánh giá mức độ rủi ro dựa trên các bằng chứng, chẳng hạn như phân tích đối thủ cạnh tranh, đánh giá từ các bên liên quan và so sánh ngang hàng cũng như các phương pháp tiếp cận dựa trên dữ liệu cụ thể được hỗ trợ bởi công nghệ và dữ liệu lớn.

Bảng 10: Các phương pháp đánh giá mức độ nghiêm trọng của rủi ro về ESG – Nguồn: Khung Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp ERM của COSO

Cách tiếp cận	Mô tả
Ý kiến của chuyên gia	Phương pháp dự báo dựa trên một hội đồng các chuyên gia (VD. Phương pháp Delphi) hoặc phỏng vấn và thảo luận với các chuyên viên trong lĩnh vực.
Dự báo và Đánh giá	Dự báo và đánh giá đưa ra ước tính tác động của một sự kiện trong tương lai dựa trên dữ liệu quá khứ và hiện tại.
Phân tích kịch bản	Phân tích kịch bản đưa ra và xây dựng các hướng đi khả thi khi mô tả trạng thái tương lai.
Công cụ chuyên dụng về ESG	Công cụ và các phương pháp trong Bộ công cụ phương thức Vốn tự nhiên (Natural Capital Protocol Toolkit) và Bộ công cụ Phương thức Vốn xã hội & nhân lực (Social & Human Capital Protocol Toolkit).

b. Cân nhắc về dữ liệu, tham số và giả định trong Quản trị rủi ro

Việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của rủi ro yêu cầu dữ liệu, tham số và giả định liên quan, khi đó nên dựa trên những cân nhắc sau đây – Xem Bảng 11 bên dưới. Doanh nghiệp được khuyến nghị ghi chép về những cân nhắc đã sử dụng để đảm bảo minh bạch và dễ dàng tái sử dụng cho quá trình đánh giá rủi ro trong tương lai.

Bảng 11: Cân nhắc về dữ liệu, tham số và giả định¹⁴⁷

Khía cạnh	Cân nhắc
Bộ dữ liệu	Có thể thu thập dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp nào để làm đầu vào cho công cụ đo lường?

¹⁴⁶ COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: <https://www.wbcsd.org/erm>

¹⁴⁷ COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: <https://www.wbcsd.org/erm>

Khía cạnh	Cần nhắc
	- Công cụ và khung nào có thể được áp dụng để hỗ trợ đánh giá rủi ro liên quan phát triển bền vững? - Những giả thiết nào đi kèm dữ liệu mà doanh nghiệp lựa chọn? - Dữ liệu đáng tin cậy đến mức nào? - Dữ liệu có áp dụng với phạm vi rủi ro đã định hình không?
Thời gian	Phân tích nên cân nhắc về khoảng thời gian nào? (VD. Kế hoạch chiến lược; 5, 15 hay 30 năm?)
Phạm vi	Phân tích nên áp dụng với cấp độ nào của doanh nghiệp (VD. Phòng ban, chức năng và đơn vị vận hành) và chuỗi giá trị (VD. Nguồn cung, vận hành và thị trường)?
Lãi suất chiết khấu	- Xác suất của các sự kiện tương lai và thời gian của dòng tiền được sử dụng trong các ước tính về tiền tệ? - Những ước tính nói trên có được thiết lập với đủ chuyên môn trong lĩnh vực hay dẫn chứng trong quá khứ để áp dụng lãi suất chiết khấu hay không?

Đánh giá mức độ nghiêm trọng của rủi ro yêu cầu các bộ dữ liệu chất lượng, việc này có thể là một thách thức đối với các doanh nghiệp thực hiện định lượng rủi ro liên quan phát triển bền vững lần đầu. Hướng dẫn của Tổ chức COSO và WBCSD về mô hình Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp (ERM) cho các rủi ro liên quan phát triển bền vững vào 2018 cung cấp các nguồn dữ liệu ví dụ dưới đây làm khởi điểm cho doanh nghiệp nhận dạng dữ liệu sơ cấp và thứ cấp có thể thu thập cho đánh giá rủi ro.

Bảng 12: Nguồn dữ liệu gợi ý cho đánh giá rủi ro phát triển bền vững¹⁴⁸

	Nguồn dữ liệu	Ví dụ
Sơ cấp	Dữ liệu nội bộ doanh nghiệp	Chi tiêu cho nhà cung cấp, công tác bán hàng, tiêu thụ nước, phát thải khí nhà kính
	Kết quả khảo sát	Khảo sát nhân viên, nhà cung cấp hoặc khách hàng
	Phỏng vấn hoặc các nhóm tập trung	Đối thoại sâu với các nhóm có nguy cơ rủi ro, như nhân viên, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng
Thứ cấp	Dữ liệu lớn (Big data) và Chỉ số lớn (Big indicators)	Các chỉ số toàn cầu với độ chi tiết cao và được sản xuất liên tục để theo dõi thay đổi trong sức khỏe của các hệ thống quan trọng nhất của Trái đất trên thời gian thực
	Nghiên cứu học thuật	Nghiên cứu tin cậy về thiên nhiên và quy mô của một vấn đề phát triển bền vững, như rác thải nhựa hoặc rác thải điện tử
	Phỏng vấn với bên thứ ba hoặc chuyên gia trong lĩnh vực	Phỏng vấn có thể áp dụng phần mềm Delphi để thảo mô hình; các tổ chức phi chính phủ có thể cung cấp hiểu biết về các cộng đồng mà doanh nghiệp không tiếp cận được
	Dữ liệu từ chính phủ hoặc viện nghiên cứu	Dữ liệu mở, khảo sát ngân sách hộ gia đình, khảo sát sức khỏe theo nhân khẩu hoặc các nền tảng dữ liệu thu thập khác
	Dữ liệu hoặc báo cáo ngành hoặc các doanh nghiệp cùng ngành	Dữ liệu cụ thể chuyên ngành như năng lượng, dữ liệu về tuân thủ hay chi phí, hoặc các giả thiết suy ra từ thông tin đại chúng

¹⁴⁸ COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: <https://www.wbcsd.org/erm>

	Nguồn dữ liệu	Ví dụ
	Phân tích có sẵn	Phân tích được hoàn thiện nội bộ hoặc từ bên ngoài cho các mục đích khác, chẳng hạn về các gián đoạn trong chuỗi cung ứng hoặc chi phí đi kèm với các vấn đề an toàn thực phẩm
	Sản phẩm đầu ra từ các công cụ đề cập trong Bộ công cụ Phương thức Vốn tự nhiên (Natural Capital Protocol Toolkit) và Bộ công cụ Phương thức Vốn xã hội & nhân lực (Social & Human Capital Protocol Toolkit)	Thông tin hoặc kết quả sử dụng công cụ (VD. Dấu chân đa dạng sinh học) có thể được sử dụng làm đầu vào cho đánh giá rủi ro tiền tệ
	Giá trị xã hội quốc tế (SVI) Trao đổi giá trị toàn cầu	Nền tảng dữ liệu mở về giá trị, hệ quả, chỉ báo kỹ thuật và các bên liên quan tập trung vào xã hội và môi trường

c. Cấu phần thứ ba: Giảm thiểu và kiểm soát rủi ro

Khi doanh nghiệp đã xác định và đánh giá được các rủi ro trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững, cần phải xây dựng các hành động giảm thiểu và kiểm soát rủi ro đó một cách liên tục (như đã được thực hiện đối với các rủi ro khác).

Cần lựa chọn các biện pháp ứng phó với rủi ro một cách phù hợp dựa vào các nhân tố cụ thể theo từng chủ thể (VD: chi phí, lợi ích và khẩu vị rủi ro). Doanh nghiệp nên nghiên cứu và tận dụng hướng dẫn từ các tổ chức phi chính phủ (như các Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh và Nhân quyền của Liên Hợp Quốc¹⁴⁹), các tiêu chuẩn đã được công bố (như Tiêu chuẩn ISO về Chất lượng Không khí¹⁵⁰ hoặc Phát thải khí nhà kính¹⁵¹) và các nguyên tắc (như bộ Nguyên tắc Xích đạo¹⁵², bộ Nguyên tắc về Đầu tư có Trách nhiệm¹⁵³ và bộ nguyên tắc của các nhóm ngành hoặc được chứng nhận).

Các khuyến nghị cho việc giảm thiểu và kiểm soát rủi ro:

- Thành lập và phân công các vai trò, trách nhiệm mới để hỗ trợ chủ thể rủi ro và kiểm soát rủi ro liên quan đến phát triển bền vững.
- Thành lập các kênh giao tiếp và mô hình tương tác rõ ràng giữa các chức năng phát triển bền vững với rủi ro và kiểm soát rủi ro về phát triển bền vững để chia sẻ kiến thức và hợp tác trong kiểm soát triển khai.
- Phát triển hoặc cập nhật các chính sách và thủ tục về cách tiếp cận các vấn đề về phát triển bền vững, đồng thời triển khai quản lý thay đổi nghiêm ngặt.
- Tích hợp các rủi ro trọng yếu về phát triển bền vững và kiểm soát cơ chế đền bù vào trong các chương trình và thử nghiệm hiện hành.

d. Cấu phần thứ tư: Các chỉ số và báo cáo

Doanh nghiệp nên cân nhắc:

- Xây dựng các chỉ số có tính bao quát để theo dõi các rủi ro về PTBV ngày càng tăng.
- Truyền đạt thông tin rủi ro liên quan đến PTBV cho các bên liên quan ở cả nội bộ và bên ngoài doanh nghiệp qua các kênh truyền thông khác nhau.

¹⁴⁹ Shift and Institute for Human Rights and Business (IHRB) (2013). Oil and Gas Sector Guide on Implementing the UN Guiding Principles on Business and Human Rights. European Commission. Retrieved from IHRB: https://www.ihrb.org/pdf/eu-sector-guidance/EC-Guides/O&G/EC-Guide_O&G.pdf

¹⁵⁰ ISO/TC 46. Retrieved from <https://www.iso.org/committee/52702.html>

¹⁵¹ ISO 14054. Retrieved from <https://www.iso.org/standard/38381.html>

¹⁵² Equator Principles. Retrieved from Equator Principles: <http://www.equator-principles.com/>

¹⁵³ PRI. Retrieved from UN Principles for Responsible Investment: <https://www.unpri.org/>

- Tận dụng hệ thống thông tin và công nghệ trong doanh nghiệp để hỗ trợ quản lý rủi ro. Các hệ thống hiện hành phải được điều chỉnh để thu thập và tổng hợp dữ liệu do nhiều rủi ro về phát triển bền vững có tính chất đặc thù.
- Liên tục xác định các cơ hội cho việc cải thiện chất lượng dữ liệu về phát triển bền vững được báo cáo từ cả trong và ngoài doanh nghiệp.

2.2.3. Tương tác với các bên liên quan

Tương tác với các bên liên quan là yếu tố then chốt để tích hợp phát triển bền vững vào chiến lược và vận hành của doanh nghiệp. Đó cũng là công cụ quan trọng để xác định các chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững, rủi ro về phát triển bền vững và phát triển các chiến lược để đảm bảo kiến tạo giá trị và lợi nhuận bền vững, dài hạn¹⁵⁴. Vì vậy, tương tác với các bên liên quan có thể diễn ra trong hoạt động kinh doanh thường xuyên ví dụ như liên lạc hàng ngày với khách hàng và nhà cung cấp hoặc tương tác rộng hơn và liên tục như một phần của việc lập kế hoạch chiến lược và đánh giá rủi ro.

2.2.3.1. Xác định và lập bản đồ các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Có 2 cách để xác định và phân loại các bên liên quan bao gồm:

- Dựa trên tác động: Xác định các vùng tác động, ngắn hạn và dài hạn, đến môi trường, xã hội và kinh tế trong thiết kế dự án hoặc hoạt động vận hành.
- Dựa trên lợi ích: Xác định các bên có quan tâm đến doanh nghiệp, mặc dù nằm ngoài vùng chịu tác động trực tiếp từ doanh nghiệp, thông qua tìm hiểu động cơ hoặc khả năng ảnh hưởng đến các dự án hoặc hoạt động vận hành của doanh nghiệp.

Xếp hạng ưu tiên

Doanh nghiệp có thể ưu tiên các nhóm khác nhau dựa trên tính chất và mức độ nghiêm trọng của tác động cũng như khả năng ảnh hưởng của các nhóm này đến kinh doanh. Mức độ tương tác nên được đẩy mạnh và thường xuyên hơn với các nhóm bị ảnh hưởng nặng nề cùng với các nhóm có khả năng tác động lớn đến doanh nghiệp.¹⁵⁵

2.2.3.2. Cách thức tương tác với các bên liên quan

Tương tác với các bên liên quan nên được thực hiện trong dài hạn và lập kế hoạch từ sớm để giảm nhẹ các rủi ro về kinh doanh và danh tiếng. Để đảm bảo tính bền vững trong quan hệ với các bên liên quan, doanh nghiệp nên thực hiện:

- Công bố thông tin một cách khách quan, có ý nghĩa và nhất quán
- Lựa chọn cách thức và địa điểm trao đổi phù hợp
- Tạo cơ hội giao tiếp hai chiều

2.2.3.3. Hệ thống quản lý tương tác

Tương tác với các bên liên quan là quy trình phức tạp, diễn ra liên tục, đòi hỏi phải có các hệ thống rõ ràng, nhân viên chuyên nghiệp dưới sự giám sát của quản lý cấp cao tương tự các chức năng kinh doanh khác. Doanh nghiệp nên xem xét thiết lập các hệ thống và công cụ bao gồm:

- Hệ thống ghi nhận cam kết và ghi nhận vấn đề
- Hệ thống quản lý khiếu nại
- Công cụ, kỹ thuật và phương pháp tham vấn

¹⁵⁴ International Finance Corporation (2021). IFC ESG Guidebook

¹⁵⁵ IFC. (2015, November). Environmental and Social Management System Implementation Handbook – General.

Doanh nghiệp tham khảo thêm chi tiết về cách thức quản lý các bên liên quan trong Sổ tay về **Stakeholder Engagement: A Good Practice Handbook for Companies Doing Business in Emerging Markets** của IFC.¹⁵⁶

2.3. Dữ liệu và báo cáo

2.3.1. Công bố thông tin phát triển bền vững

Xem Phần 3 của Sổ tay.

2.3.2. Dữ liệu về ESG và Giải pháp công nghệ hỗ trợ

2.3.2.1. Quản lý dữ liệu

Việc thiết lập dữ liệu về ESG nhằm phục vụ doanh nghiệp tự đánh giá triển khai công tác phát triển bền vững và đáp ứng với các yêu cầu báo cáo phát triển bền vững hoặc các kỳ vọng của bên liên quan, chẳng hạn như nhà đầu tư, khách hàng, kiểm toán viên và đối tác. Tích hợp dữ liệu phát triển bền vững vào hệ thống dữ liệu toàn doanh nghiệp sẽ cung cấp một cái nhìn xuyên suốt từ nguồn dữ liệu đến khâu sử dụng dữ liệu.

Thách thức đối với Quản lý dữ liệu về ESG¹⁵⁷

- ESG yêu cầu tích hợp dữ liệu mới từ các nguồn bên ngoài và đưa ra những tình huống sử dụng mới cho dữ liệu nội bộ từ các hệ thống vận hành và quản lý nguồn nhân lực.
- Dữ liệu về ESG cuối cùng sẽ được sử dụng bởi toàn bộ doanh nghiệp, không chỉ bộ phận Rủi ro hay Phát triển bền vững.
- Mọi dữ liệu về ESG phải có dẫn chứng và giải trình được.
- Sẽ có sự khác biệt trong chất lượng dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu nội bộ và có thể có lỗ hổng trong cả bộ dữ liệu nội bộ và bên ngoài.
- Những giải pháp mang tính “công thức” sẽ trở nên lạc hậu nhanh chóng do các luật lệ và yêu cầu sẽ còn tiếp tục thay đổi trong tương lai.

Doanh nghiệp cần xem xét các khía cạnh sau trong quản lý dữ liệu phát triển bền vững

a. Cần nhắc về quản trị dữ liệu

- Quản trị dữ liệu phát triển bền vững nên là một phần của công tác quản trị dữ liệu toàn doanh nghiệp nhằm cải thiện hiệu suất và hiệu quả công việc.
- Doanh nghiệp nên xác định quyền và chủ sở hữu dữ liệu, các tiêu chuẩn và chính sách, quy trình và thủ tục cho việc khởi tạo, di chuyển, sử dụng, lưu trữ, duy trì và loại bỏ thông tin.

b. Cần nhắc về quản lý dữ liệu

- Doanh nghiệp cần phải hiểu các mục tiêu và mục đích chiến lược kinh doanh để định nghĩa cách thức sử dụng dữ liệu ESG cho báo cáo và hỗ trợ các hoạt động phân tích đối với tất cả các phòng ban chức năng, bao gồm quản lý, tài chính, vận hành và rủi ro. Yêu cầu của các nhóm người dùng khác nhau cũng nên được hiểu rõ.
- Một nền tảng duy nhất dành cho việc thu nhập, kiểm định và kiểm soát dữ liệu sẽ giảm thiểu rủi ro dữ liệu, đảm bảo hiệu quả và thiết lập nguồn dữ liệu đáng tin cậy.
- Dữ liệu mới dẫn tới các công cụ sử dụng mới, yêu cầu doanh nghiệp cần phải truyền thông hoặc tập huấn về các giải pháp công nghệ (VD. Hệ thống quản lý và phân tích dữ liệu) cho người dùng.

¹⁵⁶ IFC. (2007, April). Stakeholder Engagement: A Good Practice Handbook for Companies Doing Business in Emerging Markets.

¹⁵⁷ EY. (2022, June). ESG Data Operating Model Key Design Considerations (Playbook).

- Doanh nghiệp nên đánh giá độ hoàn thiện, chuẩn xác, thống nhất, kịp thời và chính xác của dữ liệu từ nguồn dữ liệu đến khâu báo cáo. Các vấn đề về dữ liệu nên được xử lý qua các điểm kiểm soát đã thiết lập.

2.3.2.2. Giải pháp công nghệ cho Quản lý dữ liệu

Công nghệ nên được cân nhắc toàn diện trong toàn bộ chu trình báo cáo, từ khâu chuẩn bị, phân phối đến sử dụng.

Các hệ thống quản lý dữ liệu

Dựa trên bức tranh đặc thù của doanh nghiệp về giá trị, có nhiều hệ thống khác nhau để áp dụng vào việc tích hợp thông tin tài chính và phi tài chính, từ đó cải thiện tính truy xuất, tiếp cận và hiệu quả trong sử dụng thông tin. Chẳng hạn, hệ thống Quản lý Metadata tập trung vào dẫn xuất dữ liệu và hình dung dữ liệu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp chia sẻ kiến thức và báo cáo hiệu quả.

Các kỹ thuật sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)

Trên lộ trình phân tán hóa việc xử lý dữ liệu và củng cố tập trung hóa quyết định, máy học (Machine Learning (ML) cùng với các thuật toán minh bạch của trí tuệ nhân tạo (AI) và xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) có thể đánh dấu các vấn đề trọng yếu, thông tin trùng lặp hay những rủi ro và cơ hội đang gia tăng trong khối lượng lớn dữ liệu cần xử lý.

Bên cạnh hai khuyến nghị nổi bật trên đây, có rất nhiều giải pháp công nghệ cụ thể theo ngành có thể sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác và báo cáo phát triển bền vững. Dưới đây là một số gợi ý của Hội đồng Tư vấn Báo cáo Tài chính Châu Âu (EFRAG).

Hình 28: Giải pháp công nghệ cụ thể theo ngành có thể sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác và báo cáo phát triển bền vững. nguồn: Hội đồng Tư vấn Báo cáo Tài chính Châu Âu (EFRAG).¹⁵⁸

Giải pháp công nghệ	Đóng góp về thông tin tương ứng với giải pháp công nghệ							
Công nghệ chuỗi khối Blockchain	Tính tin cậy trong biểu đạt	Khả năng so sánh	Tính trọng yếu/liên quan					
Hình ảnh vệ tinh	Tính tin cậy trong biểu đạt	Khả năng kiểm định/Độ tin cậy	Tính trọng yếu/liên quan					
Dữ liệu có cấu trúc (XBRL)	Tính tin cậy trong biểu đạt	Khả năng so sánh	Khả năng kết nối	Dễ hiểu				
ESAP	Khả năng kiểm định/Độ tin cậy	Tính kịp thời	Hòa hợp các bên liên quan	Khả năng so sánh				
Đa nền tảng	Tính tin cậy trong biểu đạt	Tính kịp thời	Hòa hợp các bên liên quan	Khả năng kết nối	Dễ hiểu			
Quản lý dữ liệu	Tính tin cậy trong biểu đạt	Khả năng kiểm định/Độ tin cậy	Tính kịp thời	Tính trọng yếu/liên quan	Tính mạch lạc			
Trí tuệ nhân tạo	Tính tin cậy trong biểu đạt	Khả năng so sánh	Khả năng kiểm định/Độ tin cậy	Khả năng kết nối	Tính kịp thời	Hòa hợp các bên liên quan	Tính trọng yếu/liên quan	Tính mạch lạc

2.4. Giám sát

2.4.1. Soát xét và xác nhận nội bộ

Chức năng kiểm toán nội bộ cần xem xét đầy đủ các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững. Các rủi ro này cần được đánh giá lại thường xuyên, kịp thời và sau các sự kiện không mong muốn.

Đội ngũ kiểm toán nội bộ cần có kỹ năng và kinh nghiệm toàn diện trong phát triển bền vững; các chuyên gia về các vấn đề ESG trọng yếu ở nội bộ và từ bên ngoài cần tham gia vào một số hoạt động kiểm toán theo yêu cầu.

¹⁵⁸ EFRAG. (2021, October). Towards Sustainable Businesses: Good Practices in Business Model, Risks and Opportunities Reporting in the EU.

2.4.2. Soát xét và xác minh độc lập bởi bên thứ ba

Doanh nghiệp cũng nên cân nhắc các yêu cầu về soát xét và xác minh độc lập bởi bên thứ ba bao gồm:

- Soát xét và xác minh độc lập được thực hiện bởi bên thứ ba cung cấp dịch vụ với kiến thức và kinh nghiệm phát triển bền vững toàn cầu.
- Sự soát xét và xác minh độc lập được thực hiện đối với tất cả các KPI và các thông tin công bố tới một mức độ phù hợp.
- Kiểm định độc lập bởi bên thứ ba dựa trên phương pháp phổ biến trong kế toán (VD. ISAE 3000) và tiêu chuẩn (VD. ISO 14065); các quy trình kiểm soát nội bộ cùng các tiêu chuẩn kiểm định độc lập.

PHẦN 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG

1. Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững

Dưới đây là lộ trình hướng dẫn các bước để xây dựng báo cáo phát triển bền vững, được đưa ra dựa trên các khuyến nghị của Khung Báo cáo Tích hợp (Integrated Reporting Framework (<IR>)).¹⁵⁹

Hình 29: Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững.

1. Thiết lập nguồn lực cho công tác lập báo cáo ESG



2. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi



3. Xác định nội dung báo cáo



4. Đánh giá hệ thống thông tin và các kiểm soát



5. Tổng hợp báo cáo ESG hoàn thiện



6. Lên kế hoạch cải thiện

1.1 Thiết lập nguồn lực cho công tác lập báo cáo ESG

Cần thành lập một nhóm công tác chuyên trách về xây dựng báo cáo phát triển bền vững với vai trò và trách nhiệm rõ ràng, được ủy quyền để tiến hành triển khai thực tế, đối với toàn bộ các công tác bao gồm chuẩn bị nội dung, kiểm tra chất lượng, cải thiện liên tục và cập nhật tiến độ.

Nhóm công tác chuyên trách nói trên cần tương tác và tham vấn các đại diện từ các phòng ban chức năng trong suốt quá trình lập báo cáo.

Doanh nghiệp nên thành lập một cơ sở lưu trữ thông tin phát triển bền vững chung, với chức năng như một công cụ chia sẻ kiến thức. Thêm vào đó, tất cả lịch sử phiên bản của thông tin nên được lưu trữ để tham chiếu về sau, đặc biệt trong trường hợp cần đính chính và điều chỉnh thông tin báo cáo phát triển bền vững.

1.2 Xây dựng kế hoạch chuyển đổi

Tùy thuộc vào lựa chọn về cách tiếp cận trong lập báo cáo ESG của doanh nghiệp (xây dựng một báo cáo riêng hay kết hợp vào báo cáo thường niên hiện hành), cần xây dựng một kế hoạch chuyển đổi phù hợp, bao gồm các hoạt động thực hiện, trách nhiệm của các bên, thời gian triển khai và sản phẩm đầu ra liên quan cho báo cáo ESG.

Doanh nghiệp thực hiện đánh giá các khoảng cách, thiếu sót hiện có trong công tác báo cáo phát triển bền vững để xác định những điểm cần thay đổi, dựa trên danh mục các nội dung báo cáo theo thông lệ trong mục 3. Các thông tin sẵn có nên được đánh giá về độ tin cậy và mức độ hoàn thiện.

¹⁵⁹ Value Reporting Contents Foundation, Integrated Reporting Framework (2021, September). Transition to integrated reporting, A guide to getting started. Retrieved from: https://www.integratedreporting.org/wp-content/uploads/2022/08/Transition-to-integrated-reporting_A-Getting-Started-Guide.pdf

Dựa trên các đánh giá này, doanh nghiệp xác định các nguồn dữ liệu và nhóm công tác chuyên trách tương ứng với các thông tin cần có. Đối với các trường thông tin chưa được báo cáo theo yêu cầu, cần điều tra rõ nguyên nhân cụ thể. Nếu thông tin chưa từng được thu thập trước đó, nhóm công tác phát triển bền vững sẽ cần phối hợp với các chức năng để thiết lập một hệ thống thu thập thông tin.

1.3 Xác định nội dung báo cáo

Đầu tiên, doanh nghiệp có thể dự thảo các nội dung báo cáo tổng quát dựa trên danh mục các nội dung báo cáo theo thông lệ trong Mục 3.

Tiếp theo, doanh nghiệp sẽ phải lựa chọn những chủ đề ở cấp độ chi tiết - được xem là quan trọng nhất đối với doanh nghiệp và các bên liên quan. Để xác định các chủ đề trọng yếu, doanh nghiệp có thể sử dụng nhiều phương thức, bao gồm thông qua trao đổi với các bên liên quan, so sánh tham chiếu với các doanh nghiệp khác (benchmark), hoặc phân tích rủi ro. Cách đánh giá chủ đề trọng yếu được hướng dẫn chi tiết trong *Phần 2 - mục 2.1.2* của Sổ tay này.

Khi các nội dung báo cáo đã được quyết định, nhóm công tác chuyên trách phát triển bền vững sẽ cần xác định cách thức trình bày thông tin tối ưu cho các bên sử dụng báo cáo. Thông tin định lượng và định tính sẽ được sử dụng cùng các công cụ trực quan như biểu đồ và đồ họa thông tin để tối ưu hiệu quả.

Xuyên suốt quá trình lập báo cáo phát triển bền vững, cần lưu ý về phản hồi từ các bên liên quan để chắc chắn rằng nội dung báo cáo đang đi đúng hướng. Để biết thêm chi tiết, xem thêm ở *Phần 2 - mục 2.2.3* của Sổ tay.

1.4 Đánh giá hệ thống thông tin và các kiểm soát

Nhóm công tác chuyên trách phát triển bền vững có trách nhiệm thu thập dữ liệu từ các hệ thống sẵn có và thiết lập các quy trình thu thập thông tin mới nếu cần. Nhóm công tác cũng cần chủ động thực hiện kiểm tra chất lượng của các nguồn dữ liệu, bao gồm tính toàn vẹn và nhất quán của các hệ thống thông tin để đảm bảo độ chính xác và tin cậy của thông tin. Các bước kiểm soát liên quan đến xử lý, báo cáo và rà soát quá trình của dữ liệu nên được soát xét thường xuyên để đảm bảo tính chặt chẽ. Xuyên suốt quá trình, tất cả các cơ hội cải thiện cần được xác định và triển khai nếu khả thi.

Doanh nghiệp có thể tham vấn bên xác minh độc lập thứ ba cho việc soát xét và kiểm định. Phạm vi soát xét có thể khác nhau với từng doanh nghiệp, được áp dụng triển khai cho các hệ thống, quy trình và kiểm soát, bao gồm các công tác và hoạt động để xác minh và tính toán lại dữ liệu. Việc có một bên độc lập soát xét sẽ đóng góp vào tạo dựng niềm tin trong mối quan hệ với các bên liên quan và củng cố cam kết của doanh nghiệp đối với việc cải thiện liên tục báo cáo phát triển bền vững.

1.5 Tổng hợp báo cáo ESG

Quá trình tổng hợp thông tin vào báo cáo liên hệ chặt chẽ tới công tác báo cáo quản trị hàng năm của doanh nghiệp, vì vậy, vào thời điểm trước kỳ cuối năm, sẽ có một khối lượng lớn công việc chuẩn bị cần được triển khai. Để đảm bảo các dữ liệu trọng yếu về phát triển bền vững ở trạng thái sẵn sàng đưa vào trong báo cáo, các dữ liệu này cần được rà soát và thông qua các cấp phê duyệt theo chính sách phân quyền, cũng như được xem xét lại nếu cần thiết để đảm bảo tính ứng dụng và tính chính xác. Khi các thông tin định lượng được cập nhật, các nội dung tường thuật mô tả và biểu đồ đi kèm cũng cần được cập nhật tương ứng.

Việc thông tin được trình bày dưới nhiều hình thức báo cáo khác nhau theo yêu cầu của các bên liên quan cần được chú trọng. Ví dụ, nếu có thể truy cập cả thông tin tài chính và thông tin phi tài chính trong một báo cáo tổng hợp, sẽ thuận tiện hơn cho các nhà đầu tư để có bức tranh toàn cảnh về vận hành của doanh nghiệp.

1.6 Lên Kế hoạch cải thiện

Để cải thiện quy trình và chất lượng của các báo cáo theo thời gian, doanh nghiệp nên thiết lập một cơ chế tiếp nhận phản hồi. Điều này có nghĩa là cả nhóm chuyên trách phát triển bền vững và các chức năng khác nên ghi nhận bất cứ vấn đề nào xuất hiện trong và sau quá trình báo cáo, rút kinh nghiệm từ các vấn đề và tìm ra giải pháp tốt nhất. Ở mức tối thiểu, các phản hồi nên được thu thập ở 2 khía cạnh: các vướng mắc làm chậm quy trình báo cáo và các yếu tố chính ảnh hưởng đến thời gian hoàn thành báo cáo và thứ tự triển khai các hoạt động.

Thời gian và công sức bỏ ra bởi các phòng ban chức năng kinh doanh cho việc thu thập và kiểm định dữ liệu phát triển bền vững cần được đo lường và đánh giá so với dự kiến để xác định các điểm thiếu hiệu quả trong quy trình.

2. Các Nguyên tắc hướng dẫn đối với công tác lập báo cáo

Dựa trên hướng dẫn của các tổ chức quốc tế GRI, ISSB, IIRC và FESE, phần này sẽ đưa ra khuyến nghị về những nguyên tắc hướng dẫn trong lập báo cáo ESG.

2.1 Các Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo

Đảm bảo trọng tâm về chiến lược và dài hạn

Báo cáo phát triển bền vững cần đưa ra các diễn giải về chiến lược của doanh nghiệp và chỉ ra mối liên kết giữa chiến lược với mô hình kinh doanh, các rủi ro, cơ hội, các chỉ số vận hành và hiệu quả tài chính.

Báo cáo PTBV đóng vai trò như một kênh truyền thông với các bên liên quan về cách doanh nghiệp kiến tạo giá trị theo thời gian, về cách doanh nghiệp phản hồi kỳ vọng từ các bên liên quan và cách doanh nghiệp thích ứng với những thay đổi trong thị trường.

Đảm bảo tính liên kết của thông tin

Nguyên tắc này yêu cầu mọi cấu phần của báo cáo phát triển bền vững – đánh giá chủ đề trọng yếu, chiến lược, quản trị, rủi ro và cơ hội, chỉ số và mục tiêu – được trình bày một cách mạch lạc, có cơ sở và toàn diện nhằm thể hiện mối liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau. Nguyên tắc này có thể được thực hiện thông qua nhiều cách khác nhau như:

1. Phân tích hiệu suất quá khứ - hiện tại làm cơ sở để đánh giá tính tin cậy của kết quả báo cáo cho giai đoạn hiện tại – tương lai.
2. Phân tích ảnh hưởng của ESG tới các quyết định và hiệu quả tài chính, ví dụ như cắt giảm chi phí nhờ các cơ hội kinh doanh mới về hiệu quả năng lượng.
3. Sử dụng các chỉ số đo lường hiệu quả chính (KPI) trong phần giải trình để liên kết thông tin định lượng và định tính.
4. Liên kết thông tin tài chính với thông tin phát triển bền vững.
5. Đảm bảo tính nhất quán trong thông tin điều hành, quản trị và các thông tin được báo cáo ra bên ngoài.

Đảm bảo góc nhìn toàn diện về các bên liên quan

Báo cáo phát triển bền vững nên đưa ra thông tin về mức độ tương tác với các bên liên quan đối với các chủ đề phát triển bền vững. Điều này thể hiện nỗ lực của doanh nghiệp để xây dựng niềm tin và khả năng chống chịu và phục hồi trong mối quan hệ với các bên liên quan.

Đảm bảo Tính trọng yếu và phù hợp của nội dung báo cáo

Thông tin phát triển bền vững được coi là phù hợp khi các thông tin này ảnh hưởng đến lựa chọn của người sử dụng thông tin dựa trên phương thức xem xét tính trọng yếu. Thông tin được báo cáo được kỳ vọng sẽ phản ánh mức độ ưu tiên của các chủ đề trọng yếu dựa trên tầm quan trọng của chúng với doanh nghiệp và các bên liên quan.

Đảm bảo tính toàn vẹn

Thông tin được báo cáo cần đảm bảo tính toàn vẹn trên 3 phương diện: bao trùm các chủ đề trọng yếu, trong phạm vi giới hạn đối với chủ đề, và trong khoảng thời gian xác định. Đầu tiên, danh sách các chủ đề được báo cáo nên phản ánh các vấn đề phát triển bền vững quan trọng đối với doanh nghiệp. Thứ hai, đối với mỗi chủ đề trọng yếu được báo cáo, các tác động đối với doanh nghiệp và sự tham gia của doanh nghiệp với các tác động cần được công bố, có thể thông qua các hoạt động trực tiếp hoặc tác động gián tiếp từ hoạt động với bên thứ ba. Thứ ba, tất cả các thông tin báo cáo cần được hoàn thiện đúng trong khung thời gian được định sẵn trong báo cáo.

2.2 Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo

Đảm bảo Tính chính xác và chuẩn xác

Thông tin được báo cáo cần đảm bảo mức độ chính xác và chuẩn xác đủ để cho phép các bên liên quan đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp.

Mức độ chính xác nên được lựa chọn tùy theo tầm quan trọng của thông tin đối với quá trình ra quyết định của các bên liên quan. Đối với thông tin định tính, mức độ chính xác tùy thuộc vào độ rõ ràng và mức độ chi tiết yêu cầu của thông tin công bố. Đối với thông tin định lượng, điều này phụ thuộc vào kỹ thuật sử dụng để thu thập, tính toán và phân tích thông tin. Việc sử dụng các ước lượng trong tính toán nên được công bố và giải trình.

Đảm bảo Tính cân bằng

Thông tin báo cáo cần đảm bảo tính khách quan trong đưa ra góc nhìn về doanh nghiệp bằng cách trình bày các dữ liệu về hiệu quả triển khai ESG – cả về phương diện tích cực và tiêu cực – đảm bảo đúng với tính trọng yếu tương ứng. Báo cáo cũng cần nêu rõ về việc các thông tin đưa ra là sự kiện thực tế hay là các suy luận của doanh nghiệp trên cơ sở sự kiện thực tế, theo đó, cho phép các bên liên quan đưa ra đánh giá chính xác hơn.

Đảm bảo tính rõ ràng

Thông tin báo cáo cần đảm bảo tính dễ hiểu, dễ tiếp cận và hữu dụng đối với người dùng, đặc biệt là đối với các bên liên quan đã có một số hiểu biết nhất định đối với hoạt động của doanh nghiệp. Điều này có thể thực hiện bằng cách sử dụng:

- Các công cụ dữ liệu trực quan bao gồm các biểu đồ và bảng tổng hợp dữ liệu.
- Văn phong mạch lạc, tránh sử dụng các cụm từ mang tính kỹ thuật chuyên sâu, từ viết tắt, từ lóng không quen thuộc đối với các bên liên quan.
- Mục lục, sơ đồ, liên kết và chú thích rõ ràng xuyên suốt báo cáo.
- Các dạng báo cáo khác nhau phù hợp và dễ tiếp cận với các đối tượng có nhu cầu truy cập đặc thù hoặc gặp rào cản ngôn ngữ.

Đảm bảo khả năng so sánh

Thông tin báo cáo nên đảm bảo cho phép các bên liên quan có thể so sánh, đối chiếu kết quả và đánh giá tiến độ cả với nội bộ và bên ngoài. Phương pháp được sử dụng để tính toán dữ liệu, dạng dữ liệu và các giả định sử dụng cần đảm bảo tính nhất quán theo thời gian để cho phép so sánh, đối chiếu qua các năm. Nếu có thông tin nào không được thu thập trong kỳ báo cáo trước và không thể tính từ các dữ kiện quá khứ, doanh nghiệp nên công bố rõ ràng. Doanh nghiệp cũng nên đưa ra các diễn giải về các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động vào những thay đổi trong kết quả triển khai ESG. Những chỉ số được lựa chọn báo cáo nên đảm bảo cho phép so sánh với các tiêu chuẩn trong ngành và những doanh nghiệp tương đương cùng ngành.

Đảm bảo Độ tin cậy

Doanh nghiệp nên thiết lập các quy trình và kiểm soát nội bộ để thu thập, tổng hợp, tính toán và phân tích thông tin báo cáo phát triển bền vững. Doanh nghiệp cần đảm bảo khả năng cung cấp dẫn chứng để củng cố các giả định, dữ liệu đầu vào và các tính toán, thậm chí thực hiện tính toán nhiều lần nếu cần thiết.

Bên soát xét độc lập thứ ba có thể được thuê để đánh giá và đảm bảo độ tin cậy của thông tin tới một phạm vi và mức độ nhất định.

Đảm bảo Tính kịp thời

Tính kịp thời của thông tin báo cáo có tác động trực tiếp đến độ hữu dụng của thông tin đối với các bên liên quan. Báo cáo phát triển bền vững cần tuân theo mốc thời gian xác định và được triển khai theo kỳ báo cáo tương tự báo cáo tài chính, hoặc một mốc thời gian cụ thể khác một cách nhất quán. Tất cả các đỉnh chính đối với các thông tin công bố trước đó cũng cần được đưa ra kịp thời.

3. Cấu trúc báo cáo phát triển bền vững

Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác xây dựng báo cáo phát triển bền vững, phần này sẽ được cấu trúc theo 8 cấu phần nội dung nên được bao gồm trong một báo cáo phát triển bền vững – Xem Hình 30 dưới đây.

Hình 30: Cấu trúc báo cáo phát triển bền vững



Mỗi mục trong phần này sẽ liên kết với 1 trong 8 cấu phần và đưa ra mô tả về các nội dung chủ chốt trong công bố thông tin liên quan đến cấu phần đó. Cụ thể, đối với 4 cấu phần cốt lõi là **Chiến lược**, **Quản trị**, **Quản trị rủi ro**, **Chỉ số và mục tiêu**, hướng dẫn sẽ được chia thành **3 phần** (cấu trúc theo bảng):

- Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững.
- Căn nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu.
- Quy định pháp luật về báo cáo thông tin phát triển bền vững tại Việt Nam.

Nội dung báo cáo phát triển bền vững của một doanh nghiệp nên được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu cụ thể của doanh nghiệp. Dựa trên các Nguyên tắc Hướng dẫn, doanh nghiệp cần tự đánh giá và xác định thông tin cần báo cáo, và cách thức báo cáo.

Thứ tự của các Cấu phần nội dung như được mô tả ở Hình 30 không phải là cách duy nhất để sắp xếp các nội dung trong báo cáo PTBV. Thông tin của một báo cáo phát triển bền vững nên được trình bày theo phương thức phù hợp nhằm thể hiện rõ liên kết giữa các Cấu phần nội dung.

3.1 Tuyên bố về tuân thủ các tiêu chuẩn và khung báo cáo quốc tế

3.1.1 Tuyên bố về tuân thủ

3.1.1.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin Tuyên bố tuân thủ là nhằm đưa ra thông báo về việc đáp ứng tuân thủ các nguyên tắc và yêu cầu của một tiêu chuẩn hoặc khung báo cáo về PTBV được công nhận và mức độ đáp ứng.

3.1.1.2 Nội dung báo cáo thông tin

Doanh nghiệp nên đưa ra tuyên bố ngay ở phần đầu bản báo cáo về việc xác nhận báo cáo được lập theo các yêu cầu của các tiêu chuẩn và khung cụ thể, nếu có, và kỳ báo cáo được áp dụng. Nếu đã có một bên độc lập thứ ba kiểm định, doanh nghiệp cũng nên đề cập.

Doanh nghiệp cũng cần nêu rõ các khác biệt so với các yêu cầu báo cáo của Tiêu chuẩn áp dụng, và lý do tại sao lại có các khác biệt này.

Các doanh nghiệp chưa thực hành tuân thủ có thể đưa ra tuyên bố về ý định tuân thủ với một tiêu chuẩn hoặc khung báo cáo vào một năm nhất định trong tương lai, cùng với phần mô tả sơ lược về tiến trình và lộ trình để đạt được ý định nói trên đến thời điểm hiện tại.

Theo thông lệ tốt, một báo cáo nên bao gồm một phần liệt kê từng tiêu chuẩn và khung được doanh nghiệp tuân thủ, đặc biệt là với các doanh nghiệp đồng thời áp dụng nhiều tiêu chuẩn và khung báo cáo PTBV. Phần này sẽ liệt kê các yêu cầu của mỗi khung và tiêu chuẩn theo một cấu trúc mạch lạc, dưới dạng mục lục để dễ dàng truy xuất thông tin công bố liên quan cho từng yêu cầu.

3.1.2 Soát xét và xác minh độc lập

3.1.2.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin về Soát xét và xác minh độc lập là nhằm đưa ra thông báo về việc các thông tin báo cáo đã được bên thứ ba tham gia soát xét và xác minh độc lập tuân theo nguyên tắc và yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc khung báo cáo PTBV được công nhận, và mức độ của công tác soát xét độc lập.

3.1.2.2 Nội dung báo cáo thông tin

Nếu thông tin phát triển bền vững trong báo cáo đã được soát xét độc lập, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc và yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc khung, doanh nghiệp cần đề cập trong Tuyên bố tuân thủ.

Doanh nghiệp nên phối hợp với bên cung cấp dịch vụ soát xét độc lập để thống nhất về cách tiếp cận soát xét và xác minh phù hợp.

3.2 Phạm vi báo cáo

3.2.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của nội dung báo cáo này là nhằm đưa ra thông báo về giới hạn và phạm vi mà doanh nghiệp đặt ra đối với việc lập báo cáo phát triển bền vững, bao gồm phạm vi thông tin hợp nhất và chuỗi giá trị.

3.2.2 Nội dung báo cáo thông tin

Doanh nghiệp cần phải xác định các chủ thể và hoạt động được bao gồm hoặc loại trừ trong báo cáo. Cơ sở để doanh nghiệp xác định phạm vi báo cáo cũng cần được mô tả cụ thể.

Có 3 phương pháp chính để xác định phạm vi và giới hạn báo cáo, cũng như xác định các hạn chế hoặc giả định có thể ảnh hưởng đến phạm vi báo cáo:

Bảng 13: Phương pháp chính để xác định phạm vi và giới hạn báo cáo

Phạm vi Kiểm soát tài chính	Phạm vi Kiểm soát vận hành	Đánh giá chủ đề trọng yếu
Phạm vi báo cáo thông tin tài chính liên quan đến phát triển bền vững sẽ tương đồng với phạm vi báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Điều này được xác định trên cơ sở về tầm kiểm soát đối với việc ra quyết định tài chính và rủi ro. Phương pháp này sẽ đảm bảo nhất quán xuyên suốt các báo cáo của doanh nghiệp.	Phạm vi báo cáo dựa trên các hoạt động vận hành của chủ thể doanh nghiệp. Điều này được xác định trên cơ sở tầm kiểm soát đối với việc triển khai các chính sách, quy trình và các hoạt động tương ứng. Phương pháp này phản ánh chính xác nhất về trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp đối với các tác động và hiệu quả của công tác triển khai phát triển bền vững trong hoạt động vận hành của doanh nghiệp.	Phạm vi báo cáo được xác định dựa trên tác động và tầm quan trọng tương đối của các chủ đề môi trường, xã hội, quản trị (ESG) đối với doanh nghiệp và các bên liên quan. Công tác đánh giá chủ đề trọng yếu được áp dụng để xác định và ưu tiên các chủ đề ESG trọng yếu đối với hiệu suất kinh doanh, chiến lược, kiến tạo giá trị và kỳ vọng của các bên liên quan của doanh nghiệp.

Trên thực tế, có những hạn chế trong việc thu thập thông tin từ các chủ thể hoặc hoạt động nằm ngoài tầm kiểm soát tài chính và kiểm soát vận hành, chẳng hạn như từ các doanh nghiệp liên kết, liên doanh hay các công ty con chưa hợp nhất. Tất cả các hạn chế cần được công bố đầy đủ trong phần chú thích về phạm vi báo cáo. Cụ thể, tiêu chuẩn ISSB cho phép doanh nghiệp có sự linh hoạt trong báo cáo về các chủ thể và hoạt động này, tùy thuộc vào khả năng thu thập và độ tin cậy của dữ liệu, mức độ của tác động và kỳ vọng của các bên liên quan.

Doanh nghiệp nên công bố bất cứ thay đổi nào về phạm vi báo cáo so với kỳ báo cáo trước và lý do thay đổi – nguyên nhân có thể là thay đổi để cải thiện khả năng thu thập và độ tin cậy của dữ liệu.

3.3 Đánh giá chủ đề trọng yếu

3.3.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin về Đánh giá chủ đề trọng yếu là nhằm cung cấp hiểu biết về cách doanh nghiệp xác định các chủ đề cần thiết đưa vào báo cáo phát triển bền vững và cách các chủ đề nói trên được định lượng và đánh giá thông qua quy trình xác định tính trọng yếu.

3.3.2 Nội dung báo cáo thông tin

Nội dung báo cáo thông tin đánh giá chủ đề trọng yếu nên bao gồm:

- Một danh mục các chủ đề trọng yếu liên quan phát triển bền vững.
- Mô tả quá trình xây dựng danh mục nói trên (về các bước xây dựng, xác định mức độ ưu tiên, rút gọn danh sách các chủ đề), bao gồm cả quá trình tương tác với các bên liên quan, cụ thể về bên chịu trách nhiệm, giải trình, được tham vấn, được thông tin trong suốt quy trình đánh giá chủ đề trọng yếu.
- Mô tả những quy trình hiện hành trong việc quản lý các chủ đề này.

3.4 Quản trị

3.4.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin Quản trị là để cung cấp hiểu biết về cách thức Hội đồng Quản trị và ban Điều hành tiếp cận và ứng phó với các vấn đề liên quan phát triển bền vững – có thể thông qua ban hành Điều lệ hoạt động, các chính sách quản trị, các cơ chế về phân công phân nhiệm và ra quyết định được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

3.4.2 Nội dung báo cáo thông tin

3.4.2.1 Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững

Dựa vào tham chiếu tới các tiêu chuẩn và khung quốc tế bao gồm TCFD, ISSB, CDP, WEF, SASB, ESRS và bảng xếp hạng phát triển bền vững quốc tế như MSCI, doanh nghiệp nên thực hiện báo cáo những nội dung sau đây.

Bảng 14: Quản trị – Yêu cầu chung trong báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
1	Giám sát của Hội đồng Quản trị Doanh nghiệp nên báo cáo các thông tin về Hội đồng Quản trị (có thể bao gồm Hội đồng Quản trị, Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị hoặc một bộ phận tương đương được trao quyền quản trị) hoặc (các) cá nhân có trách nhiệm giám sát những rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững. Cụ thể, các nội dung báo cáo sẽ gồm: - Vai trò và trách nhiệm, cấu trúc, thành phần của Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững - được thể hiện trong quy chế hoạt động, vai trò chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc và các chính sách áp dụng cho bộ phận hoặc cá nhân đó: - Cơ cấu thành phần và tính đa dạng: Cơ cấu thành phần giữa thành viên điều hành và thành viên không điều hành; đại diện nhân sự và người lao động khác; kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực ngành, sản phẩm và vị trí địa lý; tỉ lệ giới tính và các khía cạnh khác liên quan đến tính Đa dạng; tỉ lệ thành viên độc lập trong Hội đồng Quản trị. - Vai trò và trách nhiệm: Mô tả chủ thể hoặc cá nhân có trách nhiệm chính trong quản lý các vấn đề phát triển bền vững cùng với vai trò và trách nhiệm tương ứng ở cấp Hội đồng Quản trị.

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
	• Chất lượng và chuyên môn của Hội đồng Quản trị hoặc mức độ tiếp cận của Hội đồng Quản trị với các chuyên gia và các chương trình tập huấn để đảm bảo các kỹ năng và chuyên môn phù hợp cho việc giám sát các vấn đề phát triển bền vững. • Cấu trúc doanh nghiệp/Hội đồng chuyên trách về quản lý phát triển bền vững (nếu có). • Sự giám sát của Hội đồng Quản trị hoặc Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững: • Quy trình và tần suất mà Hội đồng Quản trị hoặc Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị được thông tin về các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững. • Cách thức các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững được xem xét trong công tác giám sát chiến lược, quyết định các giao dịch lớn, quy trình quản trị rủi ro và các chính sách liên quan của doanh nghiệp. • Cơ chế giám sát việc thiết lập mục tiêu và theo dõi tiến độ liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững. • Khác (nếu chưa được đề cập ở trên): • Đạo đức kinh doanh: Mô tả các chính sách liên quan đến đạo đức kinh doanh và quy trình để xử lý các thách thức về vấn đề đạo đức. • Mâu thuẫn lợi ích: Công bố các mâu thuẫn về lợi ích và quy trình hiện hành để xử lý mâu thuẫn lợi ích. • Hành vi cạnh tranh: Mô tả chính sách và sáng kiến liên quan đến hành vi cạnh tranh.
2	Vai trò của ban Điều hành trong các quy trình, kiểm soát và thủ tục quản trị được áp dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững
	Doanh nghiệp nên báo cáo các thông tin về vai trò của ban Điều hành trong các quy trình, kiểm soát và thủ tục về quản trị được áp dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề liên quan phát triển bền vững, bao gồm thông tin về: • Phân quyền vai trò và trách nhiệm cho một vị trí cụ thể trong cấp điều hành hoặc ủy ban cấp điều hành. • Cách thức thực thi giám sát với vị trí hoặc ủy ban đó, bao gồm tuyên báo cáo và các kiểm soát, thủ tục áp dụng để giám sát các vấn đề phát triển bền vững và cách vị trí/ủy ban này tương tác với các chức năng nội bộ khác.
3	Tích hợp đánh giá hiệu quả triển khai công tác phát triển bền vững vào hệ thống lương thưởng đãi ngộ
	Mô tả các chính sách đãi ngộ liên quan đến phát triển bền vững, cùng với tỷ lệ cơ cấu trong chế độ đãi ngộ được liên kết với các mục tiêu phát triển bền vững.

3.4.2.2 Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu

Khi những vấn đề liên quan khí hậu được đánh giá là trọng yếu, doanh nghiệp cần báo cáo các vấn đề về khí hậu theo yêu cầu chung về Nội dung báo cáo thông tin được liệt kê trong mục 3.4.2.1. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên xem xét bổ sung nội dung thông tin công bố về quản trị liên quan đến khí hậu theo các khuyến nghị sau đây – dựa trên hướng dẫn của TCFD và ISSB (tiêu chuẩn IFRS S2).

Bảng 15: Quản trị – Cân nhắc bổ sung về yêu cầu công bố thông tin liên quan đến khí hậu

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu liên quan đến khí hậu
1	Giám sát của Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề liên quan đến khí hậu
	Vai trò, trách nhiệm, cấu trúc và thành phần trong quản trị liên quan đến biến đổi khí hậu:

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu liên quan đến khí hậu
	- Mô tả rõ ràng về tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm chính trong việc quản lý rủi ro khí hậu ở cấp độ Hội đồng Quản trị - Mô tả rõ ràng về vai trò và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc xác định các cam kết của doanh nghiệp liên quan đến tác động của biến đổi khí hậu - Kinh nghiệm của thành viên hội đồng về biến đổi khí hậu - Các ủy ban cụ thể của hội đồng giám sát rủi ro khí hậu, thành viên và tần suất họp - Các cơ cấu/ủy ban cụ thể về khí hậu (nếu có) và các quy trình ra quyết định liên quan.
2	Vai trò của ban Điều hành trong các quy trình, kiểm soát và thủ tục quản trị được áp dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững
	Mô tả về cấu trúc tổ chức và báo cáo của ban điều hành về các vấn đề liên quan đến khí hậu, bao gồm: - Các chức năng hoặc ủy ban ESG cụ thể và các chức năng cụ thể về khí hậu, các ủy ban liên quan hoặc cá nhân được chỉ định chịu trách nhiệm quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu; - Mô tả về cấu trúc của ủy ban ESG hoặc ủy ban khí hậu cụ thể, và xem xét việc báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc một Ủy ban của Hội đồng Quản trị. - Mô tả về sự tương tác giữa các lĩnh vực kinh doanh, tài chính, quản lý rủi ro và chức năng cụ thể của ESG.
3	Tích hợp đánh giá hiệu quả triển khai các công tác liên quan đến khí hậu vào hệ thống lương thưởng đãi ngộ
	Doanh nghiệp nên cung cấp thông tin chi tiết về cơ cấu lương thưởng đãi ngộ gắn với các sáng kiến khí hậu, kèm theo mô tả tiêu chí trong chế độ khuyến khích đãi ngộ, bao gồm liên kết tới các chỉ số đo lường cụ thể.

3.5 Chiến lược

3.5.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích nhằm làm rõ:

- các vấn đề phát triển bền vững, mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị của doanh nghiệp kết nối như thế nào với chiến lược, từ đó, cung cấp thông tin về các tác động, rủi ro, cơ hội mà doanh nghiệp có thể phải đối mặt với và nguồn gốc phát sinh của chúng;
- ý kiến của các bên liên quan đóng vai trò như thế nào trong hình thành chiến lược và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp; và
- kết quả đánh giá rủi ro và cơ hội trọng yếu về phát triển bền vững của doanh nghiệp, cùng với các tác động tới chiến lược và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cũng cần báo cáo cách ứng phó với các vấn đề về phát triển bền vững được đưa vào công tác chiến lược, lập kế hoạch và phân tích tài chính của doanh nghiệp như thế nào.

3.5.2 Nội dung báo cáo thông tin

3.5.2.1 Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững

Tham chiếu từ các tiêu chuẩn và khung quốc tế bao gồm TCFD, ISSB và ESRS, doanh nghiệp nên thực hiện báo cáo những chủ đề sau đây.

Bảng 16: Chiến lược – Các yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
1	Định vị trên thị trường, chiến lược, mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
	Doanh nghiệp nên công bố những thông tin sau đây về mô hình kinh doanh và chiến lược có liên quan hoặc ảnh hưởng đến các vấn đề về phát triển bền vững: • Định vị trên thị trường: Các nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ quan trọng, thị trường và nhóm khách hàng doanh nghiệp phục vụ, số nhân viên đầu người theo khu vực địa lý; cơ cấu doanh thu và các khu vực ngành quan trọng. • Các mục tiêu liên quan phát triển bền vững theo nhóm sản phẩm và dịch vụ, phân nhóm khách hàng, khu vực địa lý, quan hệ với các bên liên quan và đánh giá vị trí hiện tại trên thị trường trong tương quan với mục tiêu của doanh nghiệp. • Phương hướng chiến lược dự kiến về phát triển bền vững - bao gồm những thách thức chính trước mắt, các giải pháp hoặc dự án quan trọng cần triển khai • Mô tả mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị: nguồn cung đầu vào, hoạt động kinh doanh, sản phẩm đầu ra, bao gồm mô tả các tác nhân kinh doanh chính (nhà cung cấp chính, kênh phân phối khách hàng và người dùng cuối cùng) và mối quan hệ của họ với doanh nghiệp.
2	Lợi ích và quan điểm của các bên liên quan
	Doanh nghiệp nên báo cáo thông tin về việc lợi ích và quan điểm của các bên liên quan được xem xét như thế nào trong chiến lược và mô hình kinh doanh, cụ thể về: • Các nội dung trao đổi với các bên liên quan đã được áp dụng trong xây dựng chiến lược và kế hoạch nguồn lực. • Cách doanh nghiệp phản hồi với các yêu cầu chính đáng của các bên liên quan chính thông qua điều chỉnh chiến lược và mô hình kinh doanh, bao gồm trong dài hạn.
3	Các tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu và mối liên kết với chiến lược và mô hình kinh doanh
	• Mô tả các rủi ro và cơ hội trọng yếu liên quan phát triển bền vững trong ngắn, trung và dài hạn, và mối liên kết với việc xây dựng chiến lược theo từng kỳ kế hoạch Đối với mỗi rủi ro hoặc cơ hội liên quan phát triển bền vững tiềm tàng, được đánh giá có khả năng ảnh hưởng đến tương lai của doanh nghiệp, doanh nghiệp nên thực hiện báo cáo các thông tin, bao gồm nhưng không giới hạn: • Nguồn gốc của rủi ro/cơ hội • Tác động tiềm tàng • Khả năng xảy ra • Thời hạn: ngắn, trung và dài hạn. Thời hạn này nên được định nghĩa rõ ràng và được liên kết với phân kỳ kế hoạch trong phát triển chiến lược. Nếu phù hợp, doanh nghiệp nên báo cáo về cách thức phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá và đưa ra thông tin về các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững. • Ảnh hưởng tới mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị Doanh nghiệp nên đưa ra mô tả về các ảnh hưởng hiện tại và dự kiến của rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững lên mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị, cùng với mô tả về việc các rủi ro và cơ hội phát triển bền vững tập trung ở đâu trong mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị, ví dụ theo khu vực địa lý, cơ sở hay loại hình tài sản. • Ảnh hưởng tới chiến lược và công tác ra quyết định Doanh nghiệp báo cáo về: • Biện pháp ứng phó và kế hoạch ứng phó với các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững trong chiến lược và công tác ra quyết định.

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
	- Tiến độ triển khai những kế hoạch mà doanh nghiệp đã công bố trong các kỳ báo cáo trước, bao gồm cả thông tin định tính và định lượng. - Sự đánh đổi về rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững mà doanh nghiệp đã cân nhắc. Ảnh hưởng tới vị thế tài chính, hiệu quả tài chính và dòng tiền Doanh nghiệp nên báo cáo các thông tin định tính và định lượng về: - Các ảnh hưởng tài chính hiện tại của các rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững lên vị thế tài chính, hiệu quả tài chính và dòng tiền trong kỳ báo cáo. - Các ảnh hưởng tài chính dự kiến của các rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững lên vị thế tài chính, hiệu quả tài chính và dòng tiền trong ngắn, trung và dài hạn, trong đó có xem xét biện pháp đưa rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững vào trong xây dựng kế hoạch tài chính của doanh nghiệp. Khả năng chống chịu và phục hồi của chiến lược với các rủi ro liên quan phát triển bền vững - Doanh nghiệp nên báo cáo thông tin về khả năng chống chịu và phục hồi của chiến lược và mô hình kinh doanh trên trước các rủi ro liên quan phát triển bền vững và tận dụng những cơ hội trọng yếu. - Doanh nghiệp nên báo cáo về các phân tích định tính và, nếu phù hợp, định lượng về khả năng chống chịu và phục hồi, bao gồm biện pháp thực hiện phân tích áp dụng.

3.5.2.2 Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu

Khi những vấn đề liên quan khí hậu được đánh giá là trọng yếu, doanh nghiệp cần báo cáo các vấn đề về khí hậu theo yêu cầu chung về Nội dung báo cáo thông tin được liệt kê trong mục 3.5.2.1.. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên xem xét bổ sung nội dung thông tin công bố về quản trị liên quan đến khí hậu theo các khuyến nghị sau đây – dựa trên hướng dẫn của TCFD và ISSB (tiêu chuẩn IFRS S2).

Bảng 17: Chiến lược – Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu liên quan khí hậu
3	Các tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu và mối liên kết với chiến lược và mô hình kinh doanh
	Ảnh hưởng của các tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu về khí hậu tới chiến lược và công tác ra quyết định: Doanh nghiệp cần thực hiện báo cáo các thông tin chính về kế hoạch chuyển đổi của doanh nghiệp để thực hiện các cam kết giảm phát thải khí nhà kính (nếu có) và/hoặc ứng phó với các tác động, rủi ro và cơ hội đáng kể về khí hậu, hướng tới nền kinh tế phát thải các-bon thấp. Cụ thể, các nội dung công bố thông tin về kế hoạch chuyển đổi này bao gồm: - Hiện trạng phát thải khí nhà kính doanh nghiệp; - Tác động của việc chuyển đổi sang phát thải thấp đối với mô hình kinh doanh, chiến lược và kế hoạch tài chính; - Các hoạt động thực hiện hỗ trợ chuyển đổi; bao gồm các chỉ tiêu giảm phát thải khí nhà kính – kèm theo phạm vi, mốc thời gian và các thay đổi dự kiến đối với mô hình kinh doanh và chiến lược; - Các giả định, các điều kiện không chắc chắn, các phương pháp chính sử dụng trong kế hoạch chuyển đổi; - Tiến độ triển khai kế hoạch chuyển đổi hàng năm. Mô tả các rủi ro và cơ hội trọng yếu liên quan khí hậu trong ngắn, trung và dài hạn, và mối liên kết với việc xây dựng chiến lược theo từng kỳ kế hoạch

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu liên quan khí hậu
	Doanh nghiệp có thể phân loại các rủi ro liên quan khí hậu thành rủi ro vật lý và rủi ro chuyển đổi theo định nghĩa của TCFD và hướng dẫn của NGFS: - Rủi ro vật lý bao gồm các hư hại gây ra bởi các sự kiện môi trường như lũ lụt, giông bão, hạn hán, đợt khí nóng, cháy rừng; - Rủi ro chuyển đổi là tác động gây ra bởi các thay đổi trong chính sách, công nghệ và hành vi tiêu dùng để giảm thiểu phát thải các-bon và biến đổi khí hậu. Khả năng chống chịu và phục hồi của chiến lược với các rủi ro liên quan khí hậu - Doanh nghiệp nên mô tả khả năng chống chịu và phục hồi của chiến lược và mô hình kinh doanh trên phương diện biến đổi khí hậu, bao gồm: (a) Phạm vi của phân tích về khả năng chống chịu và phục hồi. (b) Biện pháp tiến hành phân tích khả năng chống chịu và phục hồi, bao gồm việc áp dụng phân tích kịch bản (Xem Phần 2 – mục 2.2.2 về phân tích kịch bản). (c) Kết quả của phân tích khả năng chống chịu và phục hồi bao gồm kết quả áp dụng phân tích kịch bản. - Doanh nghiệp có thể bắt đầu với việc mô tả phân tích kịch bản định tính và chuyển dần sang phân tích định lượng. Theo thông lệ tốt, doanh nghiệp nên rà soát ít nhất hai kịch bản khác nhau đi kèm với phân tích độ nhạy để so sánh. Phân tích kịch bản lúc này có thể được áp dụng để đánh giá và cải thiện khả năng chống chịu và phục hồi trong chiến lược kinh doanh.

3.6 Quản trị rủi ro

3.6.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin Quản trị rủi ro là để cung cấp thông tin về biện pháp xác định, đánh giá, ưu tiên và theo dõi các rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững của doanh nghiệp và cách thức các rủi ro, cơ hội này được đưa vào hệ thống quản trị rủi ro của cả doanh nghiệp.

3.6.2 Nội dung báo cáo thông tin

3.6.2.1 Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan phát triển bền vững

Dựa trên các tiêu chuẩn và khung quốc tế bao gồm TCFD, ISSB, CDP, ESRS và IIRC, doanh nghiệp nên công bố những thông tin sau đây.

Bảng 18: Quản trị rủi ro - Yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan phát triển bền vững

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
1	Mô tả các quy trình và chính sách liên quan đến xác định, đánh giá và ưu tiên các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của doanh nghiệp Doanh nghiệp nên báo cáo những thông tin sau đây: - Mô tả phương pháp, giả định và các công cụ riêng áp dụng trong các quy trình xác định, đánh giá và ưu tiên các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của doanh nghiệp, bao gồm cả cơ chế cập nhật, kiểm định và xác nhận công cụ và phương pháp được sử dụng. - Tổng quan về quy trình xác định, đánh giá và ưu tiên các tác động tiềm tàng và thực tế của doanh nghiệp lên con người và môi trường, bao gồm phạm vi hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện rà soát, các bước trong quy trình, tần suất đánh giá, các phân kỳ được xem xét, và vai trò, trách nhiệm, tham vấn của các bên liên quan bị ảnh hưởng và các chuyên gia. - Tổng quan về quy trình xác định, đánh giá và ưu tiên các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững mà có hoặc có thể có ảnh hưởng tài chính. Các thông tin nên được báo cáo bao gồm: - Biện pháp đánh giá khả năng xảy ra và ảnh hưởng (ví dụ các nhân tố định tính, ngưỡng định lượng và các tiêu chí khác)

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
	• Biện pháp đánh giá ưu tiên các rủi ro liên quan phát triển bền vững so với các loại hình rủi ro khác, bao gồm việc sử dụng các công cụ đánh giá rủi ro.
2	Mô tả mức độ và phương pháp tích hợp các quy trình quản trị rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững vào quy trình quản trị rủi ro của cả doanh nghiệp
	Doanh nghiệp nên báo cáo những thông tin sau đây: • Quy trình xác định, đánh giá và quản trị rủi ro liên quan đến phát triển bền vững: cách thức quy trình này được tích hợp vào khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp và cách thức áp dụng quy trình để đánh giá danh mục rủi ro và quy trình quản trị rủi ro như thế nào. Cụ thể bao gồm: • Phương pháp đánh giá các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững trong các quy trình quản trị rủi ro của doanh nghiệp. • Phương pháp tích hợp các chỉ số phát triển bền vững vào dự án và quyết định kinh doanh. • Mô tả các thủ tục kiểm soát nội bộ có liên quan. • Phương pháp tích hợp quy trình xác định, đánh giá và quản lý cơ hội liên quan đến phát triển bền vững vào quy trình quản lý tổng thể của doanh nghiệp (nếu phù hợp). • Các thay đổi trong quy trình so với kỳ báo cáo trước (nếu có), thời điểm gần nhất quy trình được điều chỉnh và thời hạn rà soát đánh giá trọng yếu trong tương lai. • Chính sách và hành động được thi hành để xử lý các tác động và rủi ro trọng yếu, khai thác cơ hội trọng yếu (bao gồm mô tả các nội dung chính, phạm vi, cấp chịu trách nhiệm cao nhất, thời gian, các hành động chính và tiến độ thực hiện (nếu phù hợp)). Nếu không có chính sách hoặc hành động nào được thực thi, doanh nghiệp cần nêu rõ lý do.

3.6.2.2 Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan khí hậu

Khi những vấn đề liên quan khí hậu được đánh giá là trọng yếu, doanh nghiệp cần báo cáo các vấn đề về khí hậu theo yêu cầu chung về Nội dung báo cáo thông tin được liệt kê trong mục 3.6.2.1..

Nội dung công bố thông tin về quản trị rủi ro cần đưa ra diễn giải về cách thức mà doanh nghiệp xác định, giám sát, quản lý và báo cáo các rủi ro liên quan đến khí hậu, theo đó, thể hiện rõ cách thức các rủi ro liên quan đến khí hậu được tích hợp vào khung quản trị rủi ro của toàn doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên xem xét bổ sung nội dung thông tin công bố về quản trị liên quan đến khí hậu theo các khuyến nghị sau đây – dựa trên hướng dẫn của CDP, TCFD và ISSB (tiêu chuẩn IFRS S2).

Bảng 19: Quản trị rủi ro –Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan khí hậu

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu liên quan khí hậu
2	Mô tả mức độ và phương pháp tích hợp các quy trình quản trị rủi ro và cơ hội liên quan khí hậu vào quy trình quản trị rủi ro của cả doanh nghiệp
	Doanh nghiệp nên xem xét báo cáo các thông tin về: • Chính sách và biện pháp áp dụng trên các phương diện: giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng năng lượng hiệu quả; khai thác năng lượng tái tạo; các chính sách và biện pháp khác. • Các hành động và nguồn lực liên quan đến công tác giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.7 Chỉ số và mục tiêu

3.7.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin về Các chỉ số và mục tiêu là để cung cấp thông tin về cách doanh nghiệp theo dõi hiệu quả của các hành động triển khai nhằm quản lý và ứng phó với các vấn đề trọng

yếu trong phát triển bền vững, bao gồm tiến độ của quá trình hướng tới các mục tiêu doanh nghiệp đã đặt ra và các mục tiêu mà luật pháp hoặc quy định yêu cầu phải đáp ứng.

3.7.2 Nội dung báo cáo thông tin

3.7.2.1 Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững

Trong nội dung báo cáo này, doanh nghiệp nên đưa ra mô tả về các mục tiêu và chỉ số để đo lường và giám sát hiệu quả hoạt động trong các vấn đề trọng yếu về phát triển bền vững. Việc này cần được báo cáo đi kèm so sánh với kỳ trước và các mục tiêu đặt ra trong kỳ đó.

Bảng 20: Mục tiêu và chỉ số – Yêu cầu chung cho báo cáo thông tin về phát triển bền vững

#	Yêu cầu chung về Nội dung báo cáo thông tin
1	Các chỉ số liên quan đến các vấn đề trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững - Doanh nghiệp cần báo cáo tất cả các chỉ số mà doanh nghiệp sử dụng để đánh giá hiệu suất và hiệu quả liên quan đến các tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu, kèm theo giải thích về mức độ quan trọng và ý nghĩa của chúng. - Các chỉ số phải bao gồm: - Các chỉ số được xác định trong tiêu chuẩn báo cáo được lựa chọn bởi doanh nghiệp; - Các chỉ số được xác định dựa trên cơ sở đặc thù cụ thể của doanh nghiệp, được lấy từ các nguồn khác hay do chính doanh nghiệp tự phát triển. - Với mỗi chỉ số, doanh nghiệp cần: - báo cáo liệu việc đo lường của chỉ số có được xác nhận bởi bên thứ ba nào khác ngoài đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét độc lập, nếu có, nêu rõ bên thứ ba này; - cung cấp mô tả của các chỉ số bằng cách sử dụng miêu tả và tên một cách rõ ràng, có ý nghĩa và chính xác. - khi xác định đơn vị tiền tệ làm đơn vị đo lường thì sử dụng đơn vị tiền tệ được trình bày trong báo cáo tài chính; - Đối với các chỉ số do doanh nghiệp phát triển, cần báo cáo cách xác định chỉ số, phương pháp được sử dụng để tính toán chỉ số và dữ liệu đầu vào của phép tính, bao gồm các hạn chế của phương pháp được sử dụng và các giả định quan trọng được đưa ra.
2	Mục tiêu để theo dõi hiệu quả của chính sách và hành động Doanh nghiệp nên báo cáo tất cả các mục tiêu hướng đến kết quả và có thể đo lường mà doanh nghiệp đặt ra để đánh giá tiến độ thực hiện của các mục tiêu chiến lược và tất cả các mục tiêu theo quy định pháp luật yêu cầu. Đối với mỗi mục tiêu, việc báo cáo nên bao gồm các thông tin sau: - báo cáo liệu mục tiêu mang tính tuyệt đối hay tương đối dựa trên cường độ, khung thời gian liên quan mà mục tiêu được áp dụng và năm cơ sở để đo lường tiến độ; - mục tiêu định lượng hoặc định tính cụ thể mà doanh nghiệp đặt ra hoặc được yêu cầu đáp ứng; - các phương pháp và giả định quan trọng được sử dụng để xác định mục tiêu, bao gồm các trường hợp được lựa chọn, nguồn dữ liệu, mức độ tuân theo và song hành với các mục tiêu chính sách quốc gia, Việt Nam hoặc quốc tế và cách mục tiêu xem xét bối cảnh rộng hơn của phát triển bền vững và/hoặc tình hình địa phương nơi các tác động diễn ra; - kết quả thực hiện theo từng mục tiêu và phân tích xu hướng hoặc thay đổi trong kết quả triển khai của doanh nghiệp.

CÁC CHỦ ĐỀ CHUNG VỀ BÁO CÁO CÁC CHỈ SỐ VÀ MỤC TIÊU

Tùy thuộc vào đánh giá trọng yếu của mỗi doanh nghiệp, các chủ đề công bố có thể bao gồm:

Bảng 21: Các chỉ số và mục tiêu khuyến nghị thực hiện báo cáo

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các chủ đề chung về công bố thông tin về môi trường, xã hội và quản trị
Về môi trường	1	Chất lượng không khí Đề cập đến việc quản lý tác động đến chất lượng không khí do các nguồn cố định và nguồn di động, cũng như khí thải công nghiệp ngoại trừ khí nhà kính.
	2	Quản lý nước và nước thải Đề cập về việc sử dụng nước, tiêu thụ nước, tạo ra nước thải và các tác động khác của hoạt động kinh doanh sản xuất tới tài nguyên nước
	3	Tác động tới hệ sinh thái và đa dạng sinh học Đề cập đến việc quản lý các tác động của doanh nghiệp đối với hệ sinh thái và đa dạng sinh học thông qua các hoạt động bao gồm nhưng không giới hạn ở việc khai thác sử dụng đất, khai thác tài nguyên, trồng trọt, phát triển dự án và xây dựng. Các tác động bao gồm nhưng không giới hạn ở mất đa dạng sinh học, phá hủy môi trường sống và phá rừng ở mọi giai đoạn của vận hành. Không bao gồm tác động của biến đổi khí hậu.
	4	Quản lý chất thải và vật liệu nguy hiểm Đề cập đến việc quản lý chất thải rắn của doanh nghiệp trong sản xuất, nông nghiệp và các quy trình công nghiệp khác. Không bao gồm lượng khí phát thải vào không khí hoặc nước thải, và chất thải từ kết thúc vòng đời sản phẩm.
	5	Phát thải khí nhà kính Đề cập đến vấn đề phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (phạm vi 1) trong quá trình hoạt động của một công ty, bao gồm quản lý rủi ro pháp lý, tuân thủ môi trường, rủi ro và cơ hội về danh tiếng liên quan đến phát thải khí nhà kính trực tiếp.
	6	Quản lý năng lượng Đề cập đến việc quản lý năng lượng của công ty trong sản xuất và/hoặc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ có nguồn gốc từ các nhà cung cấp dịch vụ tiện ích (năng lượng lưới) không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của công ty.
	7	Thích ứng, phục hồi và khả năng chuyển đổi đối với biến đổi khí hậu Đề cập đến cách doanh nghiệp điều chỉnh trước các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu hiện tại và dự đoán, cũng như cách tổ chức đó đóng góp vào khả năng của xã hội và nền kinh tế trong việc chống chịu với các tác động đến từ biến đổi khí hậu.
	8	Nguồn cung và hiệu quả về nguyên vật liệu Đề cập đến các vấn đề liên quan đến khả năng chống chịu và phục hồi của chuỗi cung ứng nguyên vật liệu trước tác động của biến đổi khí hậu và các yếu tố môi trường và xã hội bên ngoài khác.
Về xã hội	1	Quyền con người và quan hệ cộng đồng Đề cập đến việc quản lý mối quan hệ giữa các doanh nghiệp và cộng đồng nơi họ hoạt động, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc quản lý tác động trực tiếp và gián tiếp đến các quyền con người cốt lõi và cách đối xử với người dân bản địa.
	2	Quyền riêng tư của khách hàng Đề cập đến việc quản lý rủi ro liên quan đến việc sử dụng thông tin nhận dạng cá nhân và dữ liệu khách hàng hoặc người dùng khác cho mục đích phụ bao gồm nhưng không giới hạn ở việc tiếp thị liên kết và không liên kết.
	3	An ninh dữ liệu Đề cập đến việc quản lý rủi ro liên quan đến việc thu thập, lưu trữ và sử dụng dữ liệu nhạy cảm, bí mật và/hoặc độc quyền của khách hàng hoặc người dùng.
	4	Khả năng tiếp cận và tính phù hợp về giá cả Đề cập đến khả năng của công ty trong việc đảm bảo khả năng tiếp cận rộng rãi đối với các sản phẩm và dịch vụ của mình, đặc biệt xét trong bối cảnh của các thị trường và/hoặc nhóm dân số chưa được đáp ứng đủ nhu cầu.

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các chủ đề chung về công bố thông tin về môi trường, xã hội và quản trị
	5	Chất lượng và an toàn của sản phẩm Đề cập đến các vấn đề liên quan đến các đặc tính ngoài ý muốn của sản phẩm được bán hoặc dịch vụ được cung cấp có thể mang lại rủi ro về sức khỏe hoặc an toàn cho người dùng. Đồng thời đề cập đến khả năng của doanh nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm/dịch vụ đáp ứng yêu cầu khách hàng về khía cạnh sức khỏe và an toàn
	6	Phúc lợi của khách hàng Đề cập tới các mối quan tâm về phúc lợi của khách hàng đối với các vấn đề bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, sức khỏe và dinh dưỡng từ thực phẩm và đồ uống, sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi, quản lý các chất bị kiểm soát. Đề cập tới khả năng của công ty trong việc cung cấp cho người tiêu dùng các sản phẩm phù hợp với mong đợi của xã hội.
	7	Thực hành bán hàng và ghi nhãn sản phẩm Đề cập tới các vấn đề xã hội được phát sinh do không quản lý được tính minh bạch, chính xác và dễ hiểu của các tuyên bố tiếp thị, quảng cáo và ghi nhãn sản phẩm và dịch vụ.
	8	Thực hành lao động Đề cập tới khả năng của công ty trong việc duy trì các tiêu chuẩn lao động được chấp nhận phổ biến tại nơi làm việc, bao gồm việc tuân thủ luật lao động cũng như các chuẩn mực và tiêu chuẩn được quốc tế chấp nhận. Điều này bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đảm bảo các quyền cơ bản của con người liên quan đến lao động trẻ em, lao động cưỡng bức hoặc ràng buộc, lao động bóc lột, tiền lương công bằng và trả lương làm thêm giờ cũng như các quyền cơ bản khác của người lao động. Nó cũng bao gồm các chính sách lương tối thiểu và cung cấp các phúc lợi, có thể ảnh hưởng đến cách thu hút, giữ chân và tạo động lực cho lực lượng lao động. Đề cập đến mối quan hệ của công ty với lao động có tổ chức và quyền tự do hiệp hội.
	9	Sức khỏe và an toàn của người lao động Đề cập đến khả năng của công ty trong việc tạo ra và duy trì môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, không có thương tích, tử vong và bệnh tật (mãn tính và cấp tính).
	10	Sự gắn kết, đa dạng và hòa nhập của người lao động Đề cập đến khả năng của công ty trong việc đảm bảo rằng văn hóa cũng như các phương pháp tuyển dụng và thăng tiến của công ty bao gồm việc xây dựng lực lượng lao động đa dạng và đảm bảo tính hòa nhập.
Về Quản trị	1	Quản lý thiết kế và vòng đời sản phẩm Đề cập đến việc kết hợp các cân nhắc về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) trong đặc tính của sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp hoặc kinh doanh.
	2	Khả năng chống chịu và phục hồi của mô hình kinh doanh Đề cập đến năng lực của một ngành trong việc quản lý rủi ro và cơ hội liên quan đến việc kết hợp các chuyển đổi xã hội, môi trường và chính trị vào việc lập kế hoạch mô hình kinh doanh dài hạn.
	3	Quản lý chuỗi cung ứng Đề cập đến việc quản lý các rủi ro về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) trong chuỗi cung ứng của công ty.
	4	Tác động vật lý của biến đổi khí hậu Đề cập đến khả năng của công ty trong việc quản lý rủi ro và cơ hội liên quan đến việc tài sản và hoạt động do công ty sở hữu hoặc kiểm soát khi phải đối mặt trực tiếp với các tác động vật lý thực tế hoặc tiềm ẩn của biến đổi khí hậu.
	5	Đạo đức kinh doanh Đề cập đến cách tiếp cận của công ty trong việc quản lý rủi ro và cơ hội xung quanh việc đảm bảo thực hiện đạo đức kinh doanh, bao gồm liên quan đến gian lận, tham nhũng, hối lộ và các khoản tiền dút lót, ủy thác trách nhiệm và các hành vi có thể bao gồm yếu tố đạo đức.
	6	Hành vi cạnh tranh Bao gồm các vấn đề xã hội liên quan đến sự tồn tại của độc quyền thị trường, có thể bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, mức giá quá cao, chất lượng dịch vụ kém, kém hiệu quả.

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các chủ đề chung về công bố thông tin về môi trường, xã hội và quản trị
	7	Quản lý pháp lý và quy định về môi trường Đề cập đến cách tiếp cận của công ty trong việc hợp tác với các cơ quan quản lý trong trường hợp xung đột lợi ích công ty và lợi ích cộng đồng có thể gây ra tác động tiêu cực lâu dài trực tiếp hoặc gián tiếp đến môi trường và xã hội.
	8	Quản lý rủi ro sự cố nghiêm trọng Đề cập đến việc công ty sử dụng các hệ thống quản lý và lập kế hoạch kịch bản để xác định, hiểu rõ và ngăn ngừa hoặc giảm thiểu khả năng xảy ra các sự cố và tình huống khẩn cấp có xác suất thấp nhưng tác động lớn, có thể gây ra các rủi ro môi trường và xã hội nghiêm trọng.
	9	Quản lý rủi ro hệ thống Đề cập đến các đóng góp của công ty hoặc cách quản lý các rủi ro hệ thống phát sinh từ việc suy yếu hoặc sụp đổ quy mô lớn của các hệ thống mà nền kinh tế và xã hội phụ thuộc vào.

3.7.2.2 Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu

Khi những vấn đề liên quan khí hậu được đánh giá là trọng yếu, doanh nghiệp cần báo cáo các vấn đề về khí hậu theo yêu cầu chung về Nội dung báo cáo thông tin được liệt kê trong mục 3.7.2.1.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng nên cân nhắc các khuyến nghị sau đây – dựa trên CDP, TCFD và ISSB (IFRS S2 guide).

Bảng 22: Chỉ số và Mục tiêu – Các cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo liên quan đến khí hậu

#	Yêu cầu công bố thông tin liên quan khí hậu
1	Các chỉ số về vấn đề trọng yếu liên quan đến khí hậu
	Doanh nghiệp nên công bố các phân loại chỉ số liên quan đến: • Khí thải nhà kính: Công bố Phạm vi 1, Phạm vi 2, và nếu phù hợp thì cả Phạm vi 3 về phát thải khí nhà kính (GHG) • Rủi ro chuyển đổi và rủi ro vật lý liên quan đến biến đổi khí hậu: số lượng và tỉ lệ tài sản hoặc hoạt động kinh doanh nhạy cảm với các rủi ro chuyển đổi và rủi ro vật lý về biến đổi khí hậu. Việc này nên bao gồm các chỉ số để đo lường rủi ro về biến đổi khí hậu cùng với việc quản lý nước, năng lượng, sử dụng đất đai và chất thải. • Các cơ hội về khí hậu: số lượng và tỉ lệ tài sản hoặc hoạt động kinh doanh phù hợp với các cơ hội về biến đổi khí hậu; • Triển khai vốn: lượng chi tiêu vốn, tài trợ hoặc đầu tư được triển khai cho các rủi ro và cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu; • Định giá các-bon nội bộ: giải thích về việc chủ thể có đang áp dụng định giá các-bon trong việc đưa ra quyết định hay không và như thế nào (ví dụ, quyết định đầu tư, chuyển đổi giá và phân tích tình huống); và giá cho mỗi tấn phát thải khí nhà kính mà chủ thể sử dụng để đánh giá chi phí phát thải khí nhà kính của mình; • Thù lao: tỷ lệ thù lao của quản lý điều hành liên quan đến các cân nhắc về biến đổi khí hậu
2	Mục tiêu cho các rủi ro và cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu
	• Mục tiêu nên đề cập đến các lĩnh vực liên quan đến biến đổi khí hậu sau: phát thải khí nhà kính, sử dụng nước và năng lượng. Nó cũng có thể bao trùm các mục tiêu khác, bao gồm mục tiêu tài chính về môi trường, khả năng chịu tổn thất tài chính, tránh phát thải khí nhà kính trong toàn bộ vòng đời sản phẩm, và mục tiêu doanh thu ròng từ các sản phẩm được thiết kế cho nền kinh tế ít các-bon hơn; • Mỗi liên kết rõ ràng giữa thù lao cho đội ngũ quản lý và các mục tiêu cụ thể.

3.8 Cơ sở báo cáo

3.8.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin về Cơ sở báo cáo là để trình bày về cách tiếp cận và phương pháp doanh nghiệp sử dụng cho việc tính toán và thu thập dữ liệu về phát triển bền vững, cũng như kiểm soát nội bộ xung quanh dữ liệu đầu vào và đầu ra.

3.8.2 Nội dung báo cáo thông tin

Doanh nghiệp nên thực hiện báo cáo:

- Mô tả các giả định làm nền tảng cho thông tin được báo cáo, bao gồm các phương pháp và kỹ thuật được sử dụng để đo lường và ước tính các chỉ số về phát triển bền vững;
- Mô tả về nguồn dữ liệu và phương pháp được sử dụng để chuẩn bị thông tin báo cáo, và đánh giá về độ tin cậy, khả năng so sánh và tính nhất quán của dữ liệu;
- Mô tả về các ước tính và hạn chế liên quan đến việc tính toán, như chênh lệch dữ liệu, lỗi đo lường, sai lệch ước tính;
- Giải thích về sự thay đổi trong các giả định tính toán từ kỳ báo cáo trước và ảnh hưởng của những thay đổi đó.

4. Hướng dẫn đơn giản hóa về Công bố thông tin cho các DNNVV

Phần này nhằm cung cấp cho các DNNVV (với vai trò là bên chuẩn bị dữ liệu) một bộ thông tin công bố đơn giản để theo dõi và báo cáo.

Các chủ đề công bố thông tin được bao gồm trong phần này có thể áp dụng cho tất cả các ngành công nghiệp, với các mức độ quan trọng và ưu tiên khác nhau. Mỗi doanh nghiệp cần xác định và báo cáo về các chủ đề trọng yếu.

Môi trường	Xã hội	Quản trị
Phát thải khí nhà kính	Thực hành lao động	Quản trị
Quản lý năng lượng	Sức khỏe và an toàn người lao động	Chiến lược
Quản lý nước và nước thải	Đa dạng, hòa nhập và hợp tác của người lao động	Quản lý rủi ro
Quản lý chất thải	Cộng đồng bị ảnh hưởng	Kế hoạch hành động ESG
Đa dạng sinh học và tác động đến sinh thái	Người tiêu dùng và người dùng cuối	
Nguồn cung và hiệu quả về nguyên vật liệu		

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
Phát thải khí nhà kính (KNK)	Phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1)	GRI 305-1 Direct (Scope 1) GHG emissions https://globalreporting.org/pdf.ashx?id=12510&page=9
	Phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	GRI 305-2 Energy indirect (Scope 2) GHG emissions https://globalreporting.org/pdf.ashx?id=12510&page=9
	Phát thải gián tiếp khác (Phạm vi 3)	GRI 305-3 Other indirect (Scope 3) GHG emissions https://globalreporting.org/pdf.ashx?id=12510&page=9
Quản lý năng lượng	Quản lý năng lượng tiêu thụ trong doanh nghiệp	GRI 302-1 Energy consumption within the organization https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12467&page=8
		GRI 302-4 Reduction of energy consumption https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12467&page=8
Quản lý nước và nước thải	Lượng nước rút từ các nguồn sử dụng	GRI 303-3 Water withdrawal https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12488
	Lượng nước thải	GRI 303-4 Water discharge https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12488
Quản lý chất thải	Tổng trọng lượng chất thải sinh ra, tính bằng tấn mét	GRI 306-3 Waste generated

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
		https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12521
	Tổng trọng lượng chất thải được chuyển hướng khỏi việc tiêu hủy, tính bằng tấn mét	GRI 306-4 Waste diverted from disposal https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12521
	Tổng trọng lượng chất thải được hướng đến việc tiêu hủy, tính bằng tấn mét	GRI 306-5 Waste directed to disposal https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12521
Đa dạng sinh học và tác động đến sinh thái	a. Bản chất của những tác động đáng kể trực tiếp và gián tiếp lên đa dạng sinh học; b. Tác động đáng kể trực tiếp và gián tiếp tích cực và tiêu cực	GRI 304-2 Significant impacts of activities, products and services on biodiversity https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12499
Nguồn cung và hiệu quả về nguyên vật liệu	Tổng khối lượng hoặc thể tích nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo	GRI 301-1 Materials used by weight or volume https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12456&page=1
	Tỷ lệ nguyên liệu đầu vào được tái chế và được sử dụng để sản xuất các sản phẩm và dịch vụ chính của doanh nghiệp	GRI 301-2 Recycled input materials used https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12456&page=1

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ XÃ HỘI

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
Thực hành lao động	Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của doanh nghiệp đã thực hiện trong giai đoạn báo cáo	GRI 404-1 Average hours of training per year per employee https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12576&page=7
	Các hoạt động và nhà cung cấp được coi là có rủi ro đáng kể về lao động cưỡng ép.	GRI 409-1 Operations and suppliers at significant risk for incidents of forced or compulsory labor https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12633&page=7
	Các hoạt động và nhà cung cấp được coi là có rủi ro đáng kể về bóc lột trẻ em	GRI 408-1 Operations and suppliers at significant risk for incidents of child labor https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12622&page=7
Sức khỏe và an toàn của người lao động	i. Số lượng và tỷ lệ tử vong do chấn thương liên quan đến công việc; ii. Số lượng và tỷ lệ chấn thương liên quan đến công việc có thể ghi nhận;	GRI 403: Occupational Health and Safety 2018 https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21
Gắn kết, đa dạng, và hòa nhập đối với người lao động	Tỷ lệ % cá nhân trong cấp quản trị của doanh nghiệp trong mỗi phân loại sau: i. Giới tính; ii. Nhóm tuổi: dưới 30 tuổi, từ 30-50 tuổi, trên 50 tuổi; iii. Các chỉ số đa dạng khác nếu có liên quan (như nhóm thiểu số hoặc nhóm dễ bị tổn thương).	GRI 405-1 Diversity of governance bodies and employees https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12587&page=9

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
	Tỷ lệ % người lao động theo từng phân loại người lao động trong mỗi phân loại sau: i. Giới tính; ii. Nhóm tuổi: dưới 30 tuổi, từ 30-50 tuổi, trên 50 tuổi; iii. Các chỉ số đa dạng khác nếu có liên quan (như nhóm thiểu số hoặc nhóm dễ bị tổn thương).	GRI 405-1 Diversity of governance bodies and employees https://www.globalreporting.org/pdf.a.shx?id=12587&page=9
Cộng đồng bị ảnh hưởng	Các chương trình phát triển cộng đồng địa phương dựa trên nhu cầu của cộng đồng.	GRI 413-1 Operations with local community engagement, impact assessments, and development programs https://www.globalreporting.org/pdf.a.shx?id=12666
Người tiêu dùng và Người dùng cuối	Tổng số khiếu nại được xác nhận liên quan đến vi phạm quyền riêng tư của khách hàng, được phân loại theo: i. khiếu nại nhận được từ bên ngoài và được doanh nghiệp xác nhận; ii. khiếu nại từ các cơ quan quản lý.	GRI 418-1 Substantiated complaints concerning breaches of customer privacy and losses of customer data https://www.globalreporting.org/pdf.a.shx?id=12721
	Tổng số ca rò rỉ, trộm cắp hoặc mất dữ liệu khách hàng được xác định.	GRI 418-1 Substantiated complaints concerning breaches of customer privacy and losses of customer data https://www.globalreporting.org/pdf.a.shx?id=12721
	Tổng số sự cố không tuân thủ quy định và/hoặc các quy tắc tự nguyện liên quan đến tác động về sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong giai đoạn báo cáo.	GRI 416-2 Incidents of non-compliance concerning the health and safety impacts of products and services https://www.globalreporting.org/pdf.a.shx?id=12699&page=1

CÔNG BỐ THÔNG TIN QUẢN TRỊ

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố
Quản trị	- Cơ cấu quản trị - Bảng cấp và kinh nghiệm của Hội đồng Quản trị và/hoặc tiểu sử cá nhân - Danh sách các chính sách liên quan đến ESG hoặc rủi ro khí hậu
Chiến lược, Mô hình kinh doanh và Chuỗi giá trị	- Các mục tiêu chính của doanh nghiệp bao gồm các mục tiêu về bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) - Chiến lược của doanh nghiệp trong trung và dài hạn - Mô tả về Mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị: Đầu vào, Hoạt động kinh doanh, Đầu ra, Kết quả, bao gồm mô tả về các chủ thể thành phần kinh doanh chính (như nhà cung cấp chính, khách hàng, kênh phân phối và người dùng cuối chính) và mối quan hệ của họ với doanh nghiệp - Mô tả về các thực hành phát triển bền vững được phản ánh qua sản phẩm và dịch vụ, phân loại khách hàng, các khu vực địa lý và mối quan hệ với các bên liên quan.

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố
Quản lý rủi ro	- Danh sách các rủi ro và cơ hội liên quan đến ESG hoặc khí hậu - Các chính sách và hành động được áp dụng để giải quyết các tác động và/hoặc rủi ro trọng yếu và/hoặc để theo đuổi các cơ hội trọng yếu
Kế hoạch hành động ESG	Mô tả về kế hoạch và chương trình đang diễn ra hoặc được lên kế hoạch trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ thực hành phát triển bền vững: - Hiệu quả triển khai hiện tại về các vấn đề ESG, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến khí hậu, ví dụ: lượng phát thải khí nhà kính hiện tại; - Tác động lên mô hình kinh doanh, chiến lược, và kế hoạch tài chính từ việc chuyển đổi ESG; - Các hành động, hoạt động và sáng kiến hỗ trợ quá trình chuyển đổi, bao gồm các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính - với thời gian và phạm vi mục tiêu, và các thay đổi dự kiến đối với mô hình kinh doanh và chiến lược; - Tiến độ triển khai kế hoạch chuyển đổi hàng năm.

Phụ lục A: Tổng hợp tiêu chuẩn và khung báo cáo ESG tham chiếu

STT	Khung, Tiêu chuẩn Báo cáo ESG	Tham Chiếu
1	Tiêu chuẩn Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI Standards)	GRI - Standards
2	Khung Báo cáo Tích hợp (IIRC - Integrated Reporting Framework)	Integrated Reporting Framework Integrated Reporting
3	Tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững Châu Âu (European Sustainability Reporting Standards – ESRS)	Double Materiality Guidelines
		ESRS implementation guidance documents EFRAG
4	Tiêu chuẩn ISSB (ISSB Standards)	IFRS - IFRS Sustainability Standards Navigator
5	TCFD	Task Force on Climate-Related Financial Disclosures TCFD
6	CDP	Guidance & questionnaires - CDP
7	WEF	Embracing the New Age of Materiality: Harnessing the Pace of Change in ESG World Economic Forum
8	SASB	IFRS - SASB Standards
9	Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên hợp Quốc (UN SDGs)	THE 17 GOALS Sustainable Development

Phụ lục B: Các Chiến lược và Kế hoạch hành động với trọng tâm về phát triển bền vững

Các Chiến lược và Kế hoạch hành động với trọng tâm về phát triển bền vững nói chung và các vấn đề về môi trường nói riêng có thể kể đến:

- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1658/QĐ-TTg) và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 (Quyết định 822/QĐ-TTg). Trong đó tăng trưởng xanh được coi là một phương thức quan trọng để thực hiện phát triển bền vững, đóng góp trực tiếp vào giảm phát thải khí nhà kính để hướng tới nền kinh tế trung hòa các-bon trong dài hạn. Các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về tăng trưởng xanh bao gồm nhiều khía cạnh của phát triển bền vững được cụ thể hóa thành 18 chủ đề trong Kế hoạch hành động quốc gia trong đó có các chủ đề chung về hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức; phát triển nguồn nhân lực; huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư, v.v. và các chủ đề riêng cho từng ngành như năng lượng, công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, v.v. Dựa trên Chiến lược và Kế hoạch Hành động Quốc gia, một số ngành đã xây dựng kế hoạch hành động của ngành như: ngân hàng, nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 450/QĐ-TTg) cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bao gồm các vấn đề về ô nhiễm môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và khai thác tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

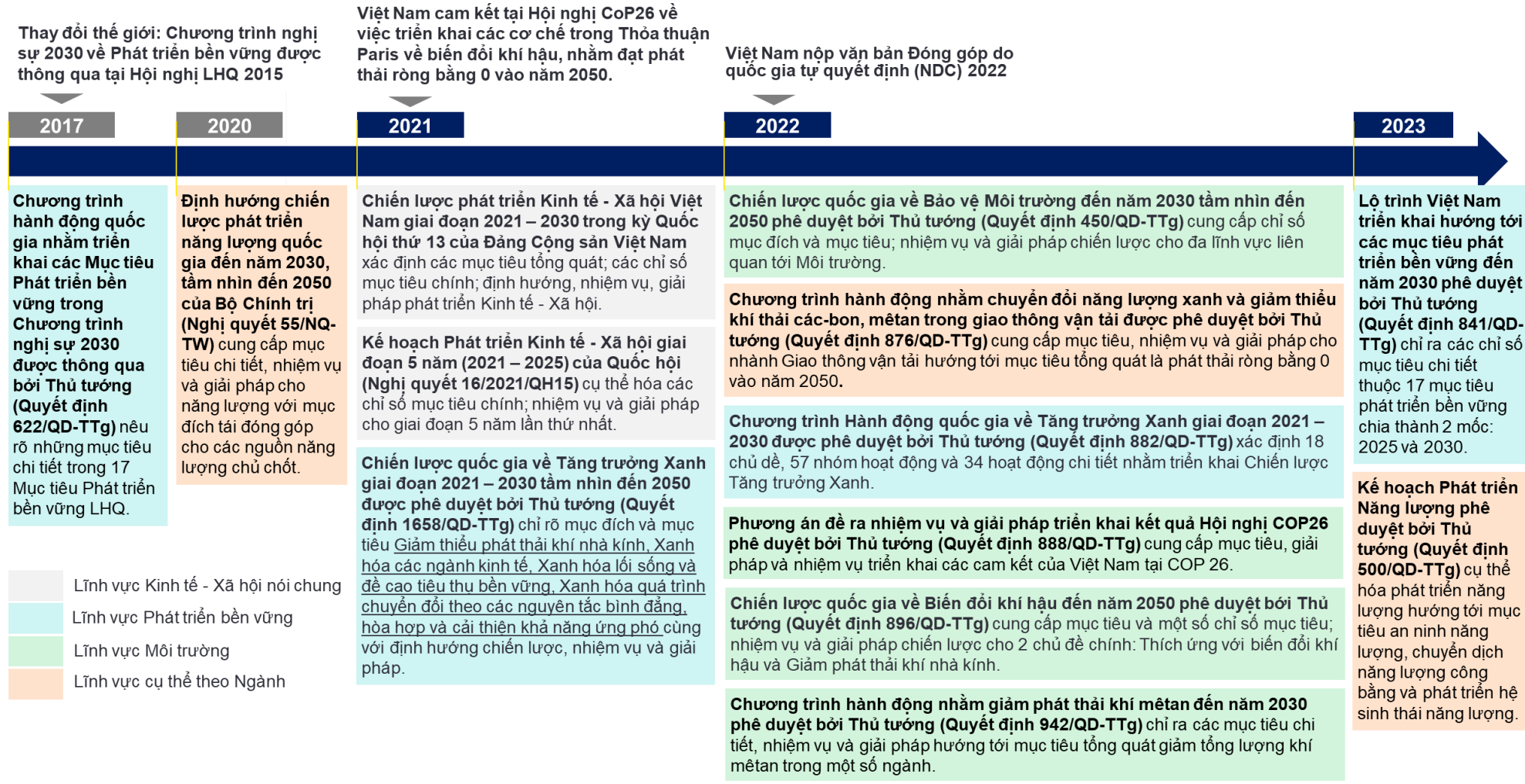
Đặc biệt, đối với **vấn đề biến đổi khí hậu**, sau khi Việt Nam cam kết triển khai các cơ chế trong Thỏa thuận Paris và đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều quyết định phê duyệt đề án, chiến lược, kế hoạch hành động như:

- Đề án về nhiệm vụ giải pháp triển khai COP26 (Quyết định 888/QĐ-TTg).
- Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 (Quyết định 896/QĐ-TTg) làm rõ hơn các mục tiêu và nhiệm vụ cho hai chủ đề chính là thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.
- Kế hoạch hành động giảm phát thải khí metan (Quyết định 942/QĐ-TTg).

Một số mục tiêu, chỉ tiêu về ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2030 giữa các văn bản liên quan đến biến đổi khí hậu như sau:

- Tỷ lệ che phủ rừng ở mức ổn định: 42 - 43%
- Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp: 15 - 20%
- Tỷ lệ giảm phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường: 43,5%
 - Tỷ lệ các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hàng năm từ 2000 tấn CO₂ tương đương trở lên xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính: 100%
 - Cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 15% so với năm 2014

Hình 31: Các văn bản mang tính chất định hướng, chiến lược và kế hoạch hành động của Việt Nam có liên quan đến các chủ đề về phát triển bền vững



Phụ lục C: Một số quy định ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp từ khi giai đoạn đầu tư đến khi vận hành

Bảng 23: Một số quy định ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp từ khi giai đoạn đầu tư đến khi vận hành.

Giai đoạn	Một số yêu cầu liên quan đến Bảo vệ môi trường ¹⁶⁰ , sử dụng năng lượng ¹⁶¹
Đầu tư	Tùy từng dự án theo quy định về phân loại dự án, chủ đầu tư cần thực hiện các hoạt động sau: - Thực hiện đánh giá tác động môi trường sơ bộ, và đánh giá tác động môi trường chuyên sâu, trong đó bao gồm thực hiện tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp từ dự án và các cơ quan, tổ chức có liên quan - Thực hiện đầu tư công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và bảo vệ môi trường - Xây dựng kế hoạch quản lý, giám sát, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường - Xin giấy phép môi trường
Vận hành	Tùy theo từng dự án, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các doanh nghiệp cần triển khai hoặc được khuyến khích triển khai các hoạt động sau: Xây dựng nền tảng, nguồn lực - Tổ chức, bố trí nhân sự có chuyên môn về bảo vệ môi trường - Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định về bảo vệ môi trường (có thể bao gồm hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001) - Áp dụng Mô hình quản lý năng lượng bao gồm: công bố mục tiêu, chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; có mạng lưới và người quản lý năng lượng; định kỳ tổ chức đào tạo, tập huấn cho người lao động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh - Thu gom, tái sử dụng, xử lý nước thải - Thu gom, xử lý khí thải - Quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động cần thiết liên quan đến chất thải từ: phát sinh - giảm thiểu - phân loại - thu gom - lưu trữ - trung chuyển - vận chuyển - tái sử dụng - tái chế - xử lý, tiêu hóa chất thải theo quy định đặc thù cho từng loại chất thải và trong từng lĩnh vực cụ thể, bao gồm nghiên cứu và áp dụng các giải pháp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo; áp dụng công nghệ, chương trình sản xuất sạch hơn, kiểm soát môi trường và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải - Thực hiện dán nhãn năng lượng phương tiện, thiết bị trước khi đưa ra thị trường - Tổ chức tái chế sản phẩm, bao bì hoặc đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam

¹⁶⁰ Luật Bảo vệ Môi trường Số. 55/2014/QH13. Retrieved from: [Luật bảo vệ môi trường 2014 số 55/2014/QH13 \(thuvienphapluat.vn\)](#) và các văn bản quy định, hướng dẫn liên quan

¹⁶¹ Luật Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng Số. 50/2010/QH12. Retrieved from: [Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 2010 số 50/2010/QH12 áp dụng 2024 \(thuvienphapluat.vn\)](#) và các văn bản quy định, hướng dẫn liên quan

Giai đoạn	Một số yêu cầu liên quan đến Bảo vệ môi trường ¹⁶⁰ , sử dụng năng lượng ¹⁶¹
	- Thực hiện đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì chứa chất độc hại, khó có khả năng tái chế hoặc gây khó khăn cho việc thu gom, xử lý Nghiên cứu và cải thiện công tác bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng - Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp kỹ thuật tốt nhất trong phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường - Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bụi, bức xạ nhiệt, khí thải, nước thải và xử lý ô nhiễm tại chỗ - Thực hiện kiểm toán năng lượng; xây dựng, triển khai và báo cáo về kế hoạch hàng năm và 5 năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường - Thực hiện quan trắc môi trường, nước thải, bụi, khí thải - Tổ chức kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ - Thực hiện kiểm toán môi trường Liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu - Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính - Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính Thực hiện các báo cáo về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (tham khảo thêm phần Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững chi tiết về một số thông tin, báo cáo của doanh nghiệp)

Bảng 24: Một số vấn đề chi tiết về Biến đổi khí hậu trong Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và Nghị định 06/2022.

Một số vấn đề chi tiết về Biến đổi khí hậu trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định 06/2022

Tiêu chí của các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính

- i. Có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 3.000 tấn CO₂ tương đương trở lên hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất công nghiệp có tổng lượng tiêu thụ năng lượng hằng năm từ 1.000 tấn dầu tương đương (TOE) trở lên;
 - b. Công ty kinh doanh vận tải hàng hóa có tổng tiêu thụ nhiên liệu hằng năm từ 1.000 TOE trở lên;
 - c. Tòa nhà thương mại có tổng tiêu thụ năng lượng hằng năm từ 1.000 TOE trở lên;
 - d. Cơ sở xử lý chất thải rắn có công suất hoạt động hằng năm từ 65.000 tấn trở lên.

Danh mục các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính được ban hành năm 2022, và sẽ được rà soát 2 năm một lần bao gồm 21 lĩnh vực thuộc 6 ngành vào hơn 2.166 cơ sở (*Quyết định 13/2024/QĐ-TTg*).

Lộ trình thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính: các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hạn ngạch; được phép trao đổi, mua bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong **giai đoạn 2026 – 2030**.

Lộ trình triển khai thị trường các bon trong nước bao gồm 2 giai đoạn, và chính thức vận hành trong **năm 2028**.

Phương pháp kiểm kê khí nhà kính được áp dụng theo hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính của Ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (ICCP). Việt Nam hiện tại đã công bố Danh mục hệ số phát thải

phục vụ kiểm kê khí nhà kính áp dụng cho các lĩnh vực (*Quyết định 2626/QĐ-BTNMT*) năm 2022 và ban hành hướng dẫn chi tiết cho một lĩnh vực là Quản lý chất thải (*Thông tư 17/2022/TT-BTNMT*).

Phụ lục D: Các Luật chính có liên quan đến một số nhóm chủ đề/chủ đề trong khía cạnh Xã hội

Bảng 25: Các Luật chính có liên quan đến một số nhóm chủ đề/chủ đề trong khía cạnh Xã hội

TT	Nhóm chủ đề / Chủ đề	Luật có liên quan	Tóm tắt nội dung
1	Lao động	Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	Quy định tiêu chuẩn lao động; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.
1.1	Quan hệ lao động (đối thoại và thương lượng tập thể giữa người lao động, tổ chức đại diện, người sử dụng lao động)	Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	- Quy định về xác lập quan hệ lao động qua đối thoại, thương lượng, thỏa thuận theo nguyên tắc tự nguyện, thiện chí, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. - Quy định về tổ chức, nội dung đối thoại tại nơi làm việc, nguyên tắc, nội dung, quyền, đại diện và quy trình thương lượng tập thể. - Công đoàn tham gia cùng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hỗ trợ xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định; giám sát việc thi hành quy định của pháp luật về lao động; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.
		Luật Công đoàn số: 12/2012/QH13	Quy định về quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn của người lao động; chức năng, quyền, trách nhiệm của Công đoàn; quyền, trách nhiệm của đoàn viên Công đoàn; trách nhiệm của tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động đối với Công đoàn; bảo đảm hoạt động của Công đoàn; giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật về công đoàn.
1.2	Điều kiện lao động (thời gian làm việc, tiền lương, bảo vệ thai sản, an toàn vệ sinh lao động, thanh tra lao động, v.v.)	Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14	Quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
		Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	Quy định thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, tiền lương, bảo vệ thai sản cho người lao động.
		Luật An toàn vệ sinh lao động số: 84/2015/QH13	Quy định việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; chính sách, chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động.
		Luật Bảo hiểm xã hội số: 58/2014/QH13	Quy định quyền và trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động liên quan đến bảo hiểm xã hội.

TT	Nhóm chủ đề / Chủ đề	Luật có liên quan	Tóm tắt nội dung
		Luật Bảo hiểm y tế số: 25/2008/QH12	Quy định về trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động liên quan đến chế độ bảo hiểm y tế.
1.3	Bóc lột lao động, bắt buộc, cưỡng ép lao động	Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14	Quy định một trong các nghĩa vụ của doanh nghiệp là không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động.
		Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	Nghiêm cấm các hành vi ngược đãi người lao động, cưỡng bức lao động.
1.4	Lao động trẻ em	Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14	Quy định một trong các nghĩa vụ của doanh nghiệp là không sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật.
		Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	Quy định về dụng lao động chưa thành niên, nguyên tắc sử dụng lao động chưa thành niên.
		Luật Trẻ em số: 102/2016/QH13	Quy định trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em.
1.5	Người lao động di cư	Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số: 69/2020/QH14	Quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động.
1.6	Bình đẳng	Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	- Quy định về bảo đảm thực hiện bình đẳng giới và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển dụng, bố trí, sắp xếp việc làm, đào tạo, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương và các chế độ khác. - Quy định về sử dụng lao động là người khuyết tật.
		Luật Người khuyết tật số: 51/2010/QH12	Quy định về việc làm đối với người khuyết tật và sử dụng lao động là người khuyết tật.
		Luật Bình đẳng giới số: 73/2006/QH11	Quy định nguyên tắc và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực kinh tế, lao động.
2	Bảo vệ người tiêu dùng	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số: 59/2010/QH12 ¹⁶²	Quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng; giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh.
		Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14	Quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp về cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà

¹⁶² Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 sẽ được thay thế bởi Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Số. 19/2023/QH12. Retrieved from: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Law/19-2023-QH15-Protection-of-Consumers-Rights-574669.aspx?tab=1> từ ngày 01/07/2024, trong đó bổ sung thêm một số quyền lợi của người tiêu dùng và các quy định về giao dịch từ xa.

TT	Nhóm chủ đề / Chủ đề	Luật có liên quan	Tóm tắt nội dung
			nước có thẩm quyền quy định; Bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi cho khách hàng; Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung ứng.
		Luật Thương mại số: 36/2005/QH11	Quy định thương nhân thực hiện hoạt động thương mại có nghĩa vụ thông tin đầy đủ, trung thực cho người tiêu dùng về hàng hoá và dịch vụ mà mình kinh doanh và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đó, chịu trách nhiệm về chất lượng, tính hợp pháp của hàng hoá, dịch vụ mà mình kinh doanh.
3	Phòng chống tham nhũng	Luật Phòng, chống tham nhũng số: 36/2018/QH14	Quy định về việc áp dụng luật phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước bao gồm các biện pháp phòng, chống tham nhũng, thanh tra, phát hiện tham nhũng.

Phụ lục E: Quy định về báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Bảng 26: Quy định về báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC¹⁶³

STT	Chủ đề	Nội dung công bố
1.	Tác động lên môi trường	- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp - Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính
2.	Quản lý nguồn nguyên vật liệu	- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm - Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức
3.	Tiêu thụ năng lượng	- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả - Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này
4.	Tiêu thụ nước	- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng - Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng
5.	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường
6.	Chính sách liên quan đến người lao động	- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động - Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động - Hoạt động đào tạo người lao động: - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp
7.	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng
8.	Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN	

¹⁶³ Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Retrieved from: [Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán mới nhất \(thuvienphapluat.vn\)](#)

Phụ lục F: Danh mục các công cụ tài chính bền vững

Bảng 27: Ví dụ về các kiểu công cụ tài chính bền vững

KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Loại	Loại phụ	Mô tả
Tài trợ		Hỗ trợ tài chính từ chính phủ hoặc cơ quan phát triển mà không cần hoàn trả. Các công cụ khác của chính phủ có thể gồm có trợ cấp vốn, tài trợ tiêu dùng, ưu đãi, hoặc thanh toán một lần. ¹⁶⁴
Tài chính ưu đãi		Nguồn tài chính thường được cung cấp bởi các ngân hàng phát triển song phương với lãi suất ưu đãi, thường là để hỗ trợ mục tiêu phát triển quốc gia. Tài chính ưu đãi có thể bao gồm các khoản tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật hoặc các khoản vay lãi suất thấp hơn thị trường. ¹⁶⁵
Tài chính hỗn hợp		Kết hợp của tài chính ưu đãi từ các nhà tài trợ hoặc bên thứ 3 với nguồn vốn DFI, và/hoặc nguồn tài chính thương mại từ các nhà đầu tư khác, để xây dựng thị trường tư nhân, đóng góp cho Mục tiêu Phát triển Bền vững, và huy động vốn tư nhân. ¹⁶⁶
Bảo đảm		Bảo đảm cho phép các nhà tài trợ cải thiện hoặc giảm thiểu rủi ro của khoản đầu tư, bằng cách chuyển đổi các rủi ro cụ thể cho người bảo đảm. ^{167,168} Bảo đảm có thể bao gồm toàn bộ hoặc một phần rủi ro hoặc tín dụng bảo đảm, thu tín dụng được bảo đảm, hoặc bảo đảm dựa trên chính sách
Khoản nợ ¹⁶⁹	Khoản vay/trái phiếu xanh	Nguồn vốn từ người cho vay (cho khoản vay) hoặc nhà đầu tư (cho trái phiếu) được cam kết cho các dự án về môi trường hoặc khí hậu, ví dụ như dự án về năng lượng tái tạo.
	Khoản vay/trái phiếu xã hội	Nguồn vốn từ người cho vay (cho khoản vay) hoặc nhà đầu tư (cho trái phiếu) được cam kết cho các dự án tác động xã hội, ví dụ như đào tạo việc làm cho người khuyết tật, xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc nhà ở cơ bản với giá cả vừa phải.
	Trái phiếu xanh bảo vệ biển & đại dương (Blue bonds)	Nguồn vốn từ các nhà đầu tư được cam kết cho các dự án về biển hoặc nước, ví dụ như nguồn vốn cho các hoạt động đánh bắt cá bền vững
	Khoản vay/trái phiếu chuyển đổi	Nguồn vốn từ người cho vay (cho khoản vay) hoặc nhà đầu tư (cho trái phiếu) được cam kết cho các dự án liên quan đến chuyển đổi khí hậu, ví dụ như nhà máy đồng phát điện hoặc kho lưu trữ các-bon.
	Khoản vay/trái phiếu phát triển bền vững	Nguồn vốn từ người cho vay (cho khoản vay) hoặc nhà đầu tư (cho trái phiếu) được cam kết cho các dự án tác động xã hội và xanh (như hiệu quả năng lượng, nhà ở giá rẻ).

¹⁶⁴ Asian Development Bank. (2021, July 30). Financing clean energy in developing Asia-volume 1. Retrieved from <https://dx.doi.org/10.22617/TCS210206-2> - pg. 62

¹⁶⁵ World Bank Group. (2021, September 27). Climate Explorer: Concessional Finance. World Bank. Retrieved from: <https://www.worldbank.org/en/news/feature/2021/09/16/what-you-need-to-know-about-concessional-finance-for-climate-action#:~:text=Concessional%20finance%20is%20an%20efficient,collective%20climate%20and%20development%20objectives>.

¹⁶⁶ Asian Development Bank. (2017, October 31). DFI working group on blended concessional finance for Private Sector Projects: Summary Report. Retrieved from <https://www.adb.org/documents/blended-concessional-finance-private-sector-projects> - pg. 3

¹⁶⁷ Asian Development Bank. (2023, August 16). Guarantees. Retrieved from ADB: <https://www.adb.org/what-we-do/private-sector-finance/guarantees>

¹⁶⁸ World Bank. (n.d.). Guarantees program. Retrieved from World Bank: <https://www.worldbank.org/en/programs/guarantees-program>

¹⁶⁹ EY analysis

Loại	Loại phụ	Mô tả
	Khoản vay/trái phiếu liên kết phát triển bền vững	Mọi loại công cụ cho vay/trái phiếu mà trong đó các đặc điểm tài chính và/hoặc cấu trúc có thể khác nhau phụ thuộc vào việc tổ chức phát hành có đạt được các mục tiêu phát triển bền vững/ESG hay không. ¹⁷⁰
	Khoản vay/trái phiếu giới tính	Nguồn vốn từ người cho vay (cho khoản vay) hoặc nhà đầu tư (cho trái phiếu) được cam kết cho tiêu chuẩn về giới tính cụ thể hoặc các sáng kiến được thiết kế để cải thiện hiệu suất về giới.
	Khác	Các sản phẩm tài chính bền vững khác gồm: • Sukuk xanh – Quỹ tuân thủ Shari’ah được cam kết với các dự án về môi trường hoặc khí hậu • Trái phiếu đại dịch – Trái phiếu chuyên dụng hỗ trợ tài chính trong đại dịch
Vốn chủ sở hữu		Vốn chủ sở hữu đại diện cho cổ phần của các cổ đông trong một doanh nghiệp.¹⁷¹ Các nhà đầu tư (như quỹ đầu tư, tập đoàn, công ty cổ phần tư nhân (PE), nhà đầu tư tổ chức, và cá nhân)¹⁷² cung cấp vốn cho doanh nghiệp để có khả năng thu lợi nhuận và cổ tức. Các nhà đầu tư tổ chức đang tích hợp ESG như một phần của quá trình thẩm định và đưa ra quyết định, cả từ góc độ quản lý rủi ro và giá trị trong dài hạn.¹⁷³

¹⁷⁰ ICMA. (2020, June). Sustainability-linked Bond Principles. Retrieved from ICMA: <https://www.icmagroup.org/assets/documents/Regulatory/Green-Bonds/June-2020/Sustainability-Linked-Bond-Principles-June-2020-171120.pdf>

¹⁷¹ Fernando, J. (2023, March 25). Equity for shareholders: How it works and how to calculate it. Investopedia. Retrieved from Investopedia: <https://www.investopedia.com/terms/e/equity.asp>

¹⁷² Infraction News. Investors. Retrieved from: [Investors | Infraction News](https://investors.infractionnews.com/)

¹⁷³ EY. (2023). The evolution of ESG investing. Retrieved from EY: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey.com/en_ca/topics/financial-services/pdf/ey-esg-asset-manager-survey-report.pdf - pg. 3

Phụ lục G: Tổng quan về các tiêu chuẩn và khung báo cáo phát triển bền vững phổ biến ở quốc tế

Bảng 28: Tổng quan về các tiêu chuẩn và khung báo cáo phát triển bền vững phổ biến ở quốc tế

Tiêu chuẩn/Khung	Mục đích	Cấu phần chính	Độc giả mục tiêu
ISSB	Cung cấp đường cơ sở toàn diện cho công bố thông tin phát triển bền vững doanh nghiệp mà cần đưa kèm các báo cáo tài chính.	- Các yêu cầu về công bố thông tin cho phép doanh nghiệp giao tiếp với nhà đầu tư về rủi ro và cơ hội phát triển bền vững, bao gồm khí hậu. - Xây dựng dựa trên các sáng kiến trọng tâm là phía nhà đầu tư như CDSB, TCFD, IIRC và SASB.	Nhà đầu tư, bên cho vay và các bên tín dụng khác.
EU ESRS	Cung cấp thông tin phát triển bền vững cho nhà đầu tư để hiểu về tác động phát triển bền vững của doanh nghiệp được đầu tư.	- Tính trọng yếu hai chiều (VD. Doanh nghiệp báo cáo về tác động của họ tới môi trường, xã hội và ngược lại). - Tương quan cao với ISSB và GRI.	Nhà đầu tư, bên cho vay, bên tín dụng và các bên sử dụng khác (VD. khách hàng, tổ chức cộng đồng).
SASB	Nhận dạng những yếu tố phát triển bền vững có khả năng cao tác động trọng yếu đến điều kiện tài chính và hiệu suất vận hành của doanh nghiệp. ¹¹⁰	Bộ các tiêu chuẩn dựa trên ngành cụ thể để giúp doanh nghiệp nhận dạng rủi ro, cơ hội phát triển bền vững và chỉ tiêu sử dụng trong công bố thông tin.	Nhà đầu tư.
GRI	Giao tiếp về tác động của các doanh nghiệp trên các chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững đến nhiều bên liên quan khác nhau.	- Bao trùm khối lượng lớn các chủ đề phát triển bền vững. - Bao gồm các tiêu chuẩn quốc tế và cụ thể theo ngành. - Có thể kết hợp được với IIRC, CDP và SASB.	Khối lượng lớn các nhóm bên liên quan.
TCFD	Cung cấp khuyến nghị cho doanh nghiệp để công bố thông tin về rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu.	Bao gồm 4 nhóm khuyến nghị - quản trị, chiến lược, quản trị rủi ro, chỉ tiêu và mục tiêu.	Nhà đầu tư, bên tư vấn bảo hiểm, bên cho vay.
CDP	Cung cấp hệ thống cho doanh nghiệp công bố thông tin về rủi ro và cơ hội với biến đổi khí hậu, nạn tàn phá rừng và an ninh nước. ¹¹⁴	- Một bảng câu hỏi cho phép doanh nghiệp công bố thông tin qua phản hồi yêu cầu của nhà đầu tư hoặc khách hàng. - Tương quan với TCFD.	Nhà đầu tư, khách hàng, các nhóm bên liên quan.
IIRC	Giao tiếp về các nhân tố ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng kiến tạo giá trị của doanh nghiệp theo thời gian. ¹¹⁷	Tập trung vào tài nguyên và mối quan hệ mà doanh nghiệp sử dụng hoặc tác động để kiến tạo, bảo tồn hoặc khai thác giá trị từ ngắn hạn đến dài hạn.	Nhà đầu tư.
UN SDGs	Kêu gọi hành động để chấm dứt đói nghèo, bảo vệ Trái Đất, đảm bảo hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 qua 17 mục tiêu. ¹¹⁹	Nhiều tài nguyên khác nhau để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện kinh doanh và đầu tư có trách nhiệm để triển khai các Mục tiêu Phát triển bền vững.	Các cơ quan chính phủ và thiết lập chính sách.

Phụ lục H: Nghiên cứu tình huống – Tiêu chuẩn báo cáo và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)

Bằng chứng cho thấy rằng biến đổi khí hậu là một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với phát triển bền vững, với những tác động cực kỳ lớn vào các nhóm yếu thế (ví dụ: các cộng đồng nghèo nhất, phụ nữ, trẻ em gái, người da màu)

Hành động về khí hậu và SDGs cũng có thể dẫn dắt sự phối hợp và đồng lợi ích (ví dụ: các hoạt động với mục đích cắt giảm khí nhà kính có thể tạo ra các lợi ích xã hội tích cực).^{174, 175} Công ty thể hiện được sự phối hợp này trong các hoạt động kinh doanh có thể truyền đạt tốt hơn tác động xã hội của họ tới các bên liên quan.

Một số tiêu chuẩn và khung (như GRI, SASB, và CDP) xác nhận mối liên kết lẫn nhau giữa hoạt động kinh doanh của công ty và chương trình phát triển bền vững và cung cấp hướng dẫn cho việc tích hợp SDG vào báo cáo công ty.¹⁷⁶ Bảng 29 bao gồm ví dụ của việc liên kết chọn lọc các tiêu chuẩn báo cáo về phát triển bền vững theo SDGs, đặc biệt là các tiêu chuẩn ủng hộ bình đẳng giới và giảm bất bình đẳng (SDGs 5 & 10).¹⁷⁷

KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Bảng 29: Liên kết các Mục tiêu SDG chọn lọc phù hợp với GESI theo GRI, SASB & CDP¹⁷⁸

SDG	Liên kết theo Báo cáo Công bố
	GRI: Lương cơ bản và đãi ngộ của phụ nữ so với nam giới theo loại công việc; nhân viên mới được tuyển dụng theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực; trung bình số giờ đào tạo được thực hiện theo giới tính SASB: Tuyển Dụng, Hòa nhập & Hiệu suất Nhân viên; Đa dạng và Hòa nhập trong Lực lượng Lao động
	GRI: Tích hợp bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ vào chiến lược kinh doanh; tương tác với các bên liên quan và quản lý các mối quan tâm của bên liên quan về thuế SASB: Thực thi Lao động, Tác động Môi trường & Xã hội của Chuỗi Cung ứng; Quản lý Rủi ro Hệ thống

Đến Tháng 9 năm 2023, Tiêu chuẩn IFRS của ISSB, bao gồm các tiêu chuẩn SASB, Khung <IR> và khuyến nghị TCFD (xem Hình 6), vẫn chưa đưa ra hướng dẫn về việc liên kết với SDGs.

¹⁷⁴ United Nations (2023). Synergy Solutions for a World in Crisis: Tackling Climate and SDG Action Together. Retrieved from: [UN Climate SDG Synergies Report-091223B_1.pdf](#) – pg. 27, 51

¹⁷⁵ UKPACT. (2021, April). UK PACT's GESI ambition. Retrieved from: [https://if.hubspotusercontent10.net/hubfs/7376512/cp/general/UK%20PACT%20GESI%20Ambition%20Statement.pdf](#) - pg. 6

¹⁷⁶ GRI & UNGC. (2022). An Analysis of the Goals and Targets 2022. Retrieved from: [info.unglobalcompact.org/591891/2022-07-28/4tqdtq/591891/1659023233WdpbKkHR/GRI_UNG_CSDG_Reportin_AnalysisOfGoalsAndTargets_update2022.pdf](#) – pg. 552

¹⁷⁷ UKPACT. (2021, April). Guidance on gender equality and social inclusion (GESI). Retrieved from: [UK PACT GESI Guidance.pdf \(hubspotusercontent10.net\)](#) – pg. 3

¹⁷⁸ GRI & UNGC. (2022). An Analysis of the Goals and Targets 2022. Retrieved from: [info.unglobalcompact.org/591891/2022-07-28/4tqdtq/591891/1659023233WdpbKkHR/GRI_UNG_CSDG_Reportin_AnalysisOfGoalsAndTargets_update2022.pdf](#) – pg. 104-122, pg. 288-306

Phụ lục I: Các yêu cầu chung về công bố thông tin tham chiếu với các tiêu chuẩn và khung công bố Quốc tế

Bảng 30: Quản trị - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững

#	Yêu cầu chung về nội dung công bố	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu	Chỉ số/xếp hạng về phát triển bền vững tham chiếu
1	Hội đồng Giám sát		
	Vai trò và trách nhiệm của quản trị, cấu trúc và thành phần	GRI, IIRC, ESRS, ISSB	-
	Giám sát của Hội đồng (hoặc ủy ban hoặc chủ thể tương đương) về các vấn đề phát triển bền vững	TCFD, ISSB, CDP, WEF, SASB, ESRS	MSCI
	Chất lượng của cơ quan quản trị	WEF, ISSB	-
	Tương tác với các bên liên quan	GRI, WEF	-
	Đạo đức kinh doanh	SASB, UN SDGs	MSCI
	Hành vi cạnh tranh	SASB, UN SDGs	-
	Mâu thuẫn về lợi ích	GRI	-
2	Vai trò của quản lý trong quy trình quản trị, biện pháp kiểm soát và thủ tục được sử dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững	GRI, TCFD, ISSB, CDP, WEF, IIRC, ESRS	MSCI
3	Phương án khuyến khích	GRI, CDP, IIRC, ESRS	MSCI

Bảng 31: Chiến lược - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững

	Yêu cầu Chung về Nội dung Công bố	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu
1	Vị thế thị trường, chiến lược, (các) mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị	ESRS, ISSB
2	Lợi ích và quan điểm của các bên liên quan	ESRS
3	Tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu và tương tác của chúng đối với chiến lược và (các) mô hình kinh doanh	
	Mô tả về rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và liên kết của chúng với việc lập kế hoạch trong phát triển chiến lược	TCFD, ISSB, ESRS, CDP, IIRC
	Ảnh hưởng đến mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị	TCFD, ISSB, ESRS
	Ảnh hưởng đến chiến lược và việc đưa ra quyết định	TCFD, ISSB, ESRS
	Ảnh hưởng đến hiệu quả và lập kế hoạch tài chính	TCFD, ISSB, ESRS
	Khả năng thích ứng của chiến lược đối với các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững	TCFD, ISSB

Bảng 32: Quản trị rủi ro - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững

#	Các Chủ đề Chung liên quan đến Công bố thông tin về Quản lý rủi ro	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu
1	Mô tả về các quy trình và chính sách liên quan mà doanh nghiệp sử dụng để nhận dạng, đánh giá, ưu tiên và theo dõi các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững	TCFD, ISSB, CDP, ESRS
2	Mô tả mức độ tích hợp của các quy trình quản lý rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững vào quy trình quản lý rủi ro toàn diện của doanh nghiệp	TCFD, ISSB

Bảng 33: Khuyến nghị chung về công bố thông tin về các chỉ tiêu và mục tiêu

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các Chủ đề chung về Công bố thông tin liên quan đến môi trường và xã hội	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu	Xếp hạng/chỉ số về phát triển bền vững tham chiếu
Về môi trường	1	Chất lượng không khí	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P, Moody's, Sustainalytics
	2	Quản lý nguồn nước và nước thải	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P, Moody's, Sustainalytics
	3	Tác động đa dạng sinh học và sinh thái	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P, Sustainalytics
	4	Quản lý chất thải và nguyên vật liệu nguy hại	GRI, WEF, SASB	MSCI, S&P, Moody's, Sustainalytics
	5	Phát thải khí nhà kính	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P, Moody's, Sustainalytics
	6	Quản lý năng lượng	GRI, SASB, ESRS	MSCI
	7	Khả năng thích ứng, phục hồi, chuyển đổi với biến đổi khí hậu	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P
	8	Nguồn cung ứng và sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu	GRI, SASB	-
Về xã hội	1	Nhân quyền và quan hệ cộng đồng	GRI, WEF, SASB, ESRS	Sustainalytics
	2	Quyền riêng tư của khách hàng	GRI, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
	3	Bảo mật dữ liệu	GRI, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
	4	Khả năng tiếp cận và chi trả	SASB, ESRS	-
	5	Chất lượng và an toàn sản phẩm	GRI, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
	6	Phúc lợi khách hàng	SASB, ESRS	-
	7	Thực tiễn bán hàng & Dán nhãn sản phẩm	GRI, SASB, ESRS	-
	8	Thực tiễn Lao động	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
	9	Sức khỏe và an toàn Nhân viên	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
	10	Sự gắn kết, đa dạng và hòa nhập của nhân viên	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
Quản trị	1	Quản lý thiết kế và vòng đời sản phẩm	SASB, WEF	-
	2	Khả năng phục hồi của mô hình kinh doanh	SASB	-
	3	Quản lý Chuỗi cung ứng	GRI, SASB, ESRS	-
	4	Tác động Vật lý của Biến đổi khí hậu	SASB	-
	5	Đạo đức kinh doanh	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P, Sustainalytics
	6	Hành vi cạnh tranh	GRI, SASB	-

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các Chủ đề chung về Công bố thông tin liên quan đến môi trường và xã hội	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu	Xếp hạng/chỉ số về phát triển bền vững tham chiếu
	7	Quản lý về pháp lý và quy định về môi trường	GRI, SASB, ESRS	MSCI, Moody's
	8	Quản lý rủi ro sự cố nghiêm trọng	GRI, SASB	-
	9	Quản lý rủi ro hệ thống	SASB, WEF	Moody's

Phụ lục K: Ví dụ về thực thi báo cáo tốt

Doanh nghiệp	Quốc gia hoạt động	Ngành	Hộp #	Tiêu đề tham chiếu	Mục tương ứng
Công ty Sữa	Việt Nam	Thực phẩm	21	Báo cáo phát triển bền vững 2022	Tuyên bố tuân thủ các khung và tiêu chuẩn báo cáo được quốc tế công nhận
Công ty Dầu khí	Anh, Mỹ, Canada, Úc, Trung Quốc ...	Dầu khí	22	Trung tâm Báo cáo	Tuyên bố tuân thủ các khung và tiêu chuẩn báo cáo được quốc tế công nhận
Tập đoàn Bất động sản	Việt Nam	Xây dựng và Bất động sản	23	Báo cáo Phát triển bền vững 2021	Phạm vi và giới hạn báo cáo
Công ty Thuốc lá	Toàn cầu	Thuốc lá	24	Báo cáo Trọng yếu về Phát triển bền vững 2021	Đánh giá Chủ đề trọng yếu
			25	Báo cáo Tích hợp 2021	Đánh giá Chủ đề trọng yếu
Công ty Hóa chất	Anh, Đức, Mỹ, Mexico ...	Hóa chất	26, 27	Báo cáo thường niên và báo cáo kế toán năm 2022	Quản trị
Công ty Sức khỏe và Dinh dưỡng	Mỹ, Úc ...	Sức khỏe và dinh dưỡng	28	Báo cáo thường niên 2018	Quản trị
Công ty Công nghệ	Toàn cầu	Công nghệ	29, 30	Báo cáo tích hợp 2022	Chiến lược
Ngân hàng	Pháp	Ngân hàng	31	Báo cáo Công bố thông tin liên quan đến Khí hậu 2019	Chiến lược
			32, 33	Báo cáo Công bố thông tin liên quan đến Khí hậu 2021	Quản trị rủi ro
Công ty Vận tải	Úc	Vận tải	34	Báo cáo phát triển bền vững 2023	Chiến lược
Công ty Xây dựng và Bất động sản	Úc	Xây dựng và bất động sản	35	Báo cáo thường niên 2023	Chiến lược
Công ty Vật liệu xây dựng	Thụy Điển, Phần Lan, Mỹ	Vật liệu xây dựng	36, 37	Báo cáo thường niên 2017	Chỉ tiêu và Mục tiêu
Ngân hàng	Anh	Ngân hàng	38	Cơ sở Báo cáo 2022	Cơ sở Báo cáo

1. Tuyên bố về tuân thủ với các tiêu chuẩn và khung báo cáo đã được quốc tế công nhận



Hộp 21: Nội dung xác nhận tuân thủ các tiêu chuẩn báo cáo toàn cầu và đảm bảo độc lập có giới hạn trong Báo cáo Phát triển bền vững của một doanh nghiệp trong ngành Thực phẩm¹⁷⁹

Mục nguyên tắc lập Báo cáo nêu rõ các chuẩn mực quốc tế và trong nước được sử dụng để tham chiếu khi chuẩn bị báo cáo.

Ngoài ra, còn có một mục riêng giải thích phạm vi đảm bảo có giới hạn.

NGUYÊN TẮC THIẾT LẬP BÁO CÁO

Báo cáo được lập tham chiếu theo Chuẩn mực Sáng kiến Báo cáo toàn cầu về lập báo cáo Phát triển bền vững (GRI Standards) được phát hành bởi Global Sustainability Standards Board (GSSB) vào năm 2016, điều chỉnh năm 2021. Đây là chuẩn mực quốc tế và phiên bản mới nhất về lập Báo cáo Phát triển bền vững. Bên cạnh đó, báo cáo còn trình bày một số chỉ tiêu được công bố bổ sung theo hướng dẫn của GRI dành riêng cho lĩnh vực thực phẩm (GRI Food Processing).

Ngoài ra, được trình bày trong báo cáo này, các mục tiêu và hoạt động chiến lược trong định hướng của Doanh nghiệp cũng gắn với các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (17 Sustainable Development Goals) và Khung Phát triển bền vững ngành sữa (Dairy Sustainability Framework).

ĐẢM BẢO ĐỘC LẬP CÓ GIỚI HẠN CHO BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhằm cung cấp thông tin chính xác và tin cậy về hiệu quả hoạt động PTBV đến các bên liên quan, Báo cáo PTBV năm 2022 của Doanh nghiệp tiếp tục được đảm bảo bởi đơn vị thứ ba tại Việt Nam. Doanh nghiệp khẳng định không tồn tại bất kỳ mẫu thuẫn nào về lợi ích trong việc chỉ định đơn vị thực hiện dịch vụ đảm bảo. Các chỉ số Phát triển bền vững được lựa chọn theo các lĩnh vực trọng yếu bao trùm các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội cụ thể như sau:

- Lượng sữa thu mua từ các hộ chăn nuôi địa phương (tấn) - GRI 203-2;
- Phần trăm (%) sản phẩm giảm đường, phần trăm (%) sản phẩm không bổ sung đường, phần trăm (%) sản phẩm giảm béo, phần trăm (%) sản phẩm bổ sung vitamin và khoáng chất, phần trăm (%) sản phẩm bổ sung chất xơ hòa tan, phần trăm (%) sản phẩm bổ sung lợi khuẩn, phần trăm (%) sản phẩm hữu cơ, phần trăm (%) sản phẩm men tự nhiên và phần trăm (%) sản phẩm từ hạt trong cơ cấu sản phẩm (Chất lượng dinh dưỡng và sức khỏe) - FP6;
- Tổng lượng phát thải nhà kính (kg CO₂) - GRI 305;
- Tổng năng lượng tiêu thụ (MJ) - GRI 302-1;
- Tổng lượng nước khai thác theo nguồn (m³) - GRI 303-3;
- Tổng lượng nước thải theo nguồn tiếp nhận (m³) - GRI303-4;
- Tổng lượng nước tiêu thụ (m³) - GRI 303-5;
- Tỷ lệ phần trăm (%) nước tuần hoàn và tái sử dụng trong sản xuất;
- Tổng lượng chất thải theo loại (kg) - GRI 306-3;
- Tổng lượng chất thải được tái sử dụng, tái chế và theo các phương pháp khác (kg) - GRI 306-4;
- Tổng lượng chất thải được đưa qua xử lý theo phương pháp thiêu hủy, chôn lấp và các phương pháp khác (kg) - GRI 306-5;
- Tổng số nhân công tham gia hệ thống quản trị an toàn và sức khỏe nghề nghiệp - GRI 403-8;
- Tỷ lệ tai nạn lao động - GRI 403-9;
- Tỷ lệ bệnh nghề nghiệp - GRI 403-10.

Hộp 22: Chi tiết các khung và tiêu chuẩn của một doanh nghiệp trong ngành Dầu khí đã áp dụng trong báo cáo và thông tin của từng khung và tiêu chuẩn được áp dụng.¹⁸⁰

Mục lục

Trung tâm Báo cáo

Báo cáo Phát triển bền vững 2022 – đọc nhanh

Lưu trữ

Năng lượng tái tạo

Đăng ký nhận tin tức

Dữ liệu và đảm bảo

Cơ sở báo cáo PDF / 573.6 KB

Lĩnh vực được bảo vệ PDF / 135.1 KB

Khung công bố thông tin tài chính: số dữ liệu nhóm

Đánh giá thống kê của dữ liệu Năng lượng Thế giới 1965-2021 XLSX / 3.2 MB

Tải xuống tất cả

Tiêu chuẩn và khung báo cáo

Bảng dữ liệu ESG PDF / 668.2 KB

Lực lượng đặc nhiệm về công bố tài chính liên quan đến khí hậu

Tiêu chuẩn GRI PDF / 259.1 KB

Hướng dẫn IPIECA

Chỉ số SASB PDF / 209.8 KB

Truyền thông tiến bộ của Hiệp ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc PDF / 173.3 KB

Báo cáo thường niên về Nguyên tắc Tự nguyện trong An ninh và Nhân Quyền PDF / 127.5 KB

2. Phạm vi báo cáo

Hộp 23: Phạm vi báo cáo phát triển bền vững năm 2021 của Tập đoàn trong ngành Xây dựng và Bất động sản ở Việt Nam¹⁸¹

PHẠM VI VÀ GIỚI HẠN

Nội dung trong báo cáo được xây dựng từ thông tin và dữ liệu của các hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn tại Việt Nam và thông tin thu thập được giới hạn trong Tập đoàn và các CT con mà Tập đoàn nắm giữ hơn 50% cổ phần. Thông tin chi tiết về tình hình tài chính và quản trị của Tập đoàn sẽ được công bố trong bản BCTN.

Tập đoàn cam kết nỗ lực mở rộng phạm vi và giới hạn báo cáo nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của CBLQ trong tương lai.

Tập đoàn công bố sử dụng phương pháp Kiểm soát vận hành để xác định ranh giới báo cáo.

Phương pháp này yêu cầu báo cáo từ các hoạt động vận hành mà doanh nghiệp hay một trong các công ty con của doanh nghiệp có quyền kiểm soát vận hành tại thị trường mà doanh nghiệp hoạt động chủ yếu, cụ thể là Việt Nam.

Tập đoàn cũng cam kết sẽ mở rộng phạm vi báo cáo trong tương lai để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan.

3. Đánh giá chủ đề trọng yếu

3.1. Mô tả quá trình xây dựng danh mục các chủ đề trọng yếu liên quan phát triển bền vững

¹⁸⁰ bp. Reporting centre. Retrieved from: [Reporting centre | Sustainability | Home \(bp.com\)](https://www.bp.com/content/dam/bp/pdf/reporting-centre/bp-reporting-centre-sustainability-home.pdf)

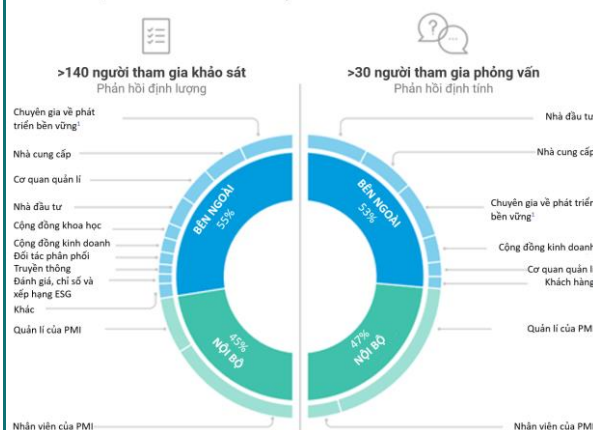
¹⁸¹ Novaland. (2021). Sustainable Development Report 2021. Retrieved from: [eng_bcpr2021.pdf \(novaland.com.vn\)](https://www.novaland.com.vn/en/bcpr2021.pdf); pg. 8



Hộp 24: Những vấn đề phát triển bền vững chủ chốt của một doanh nghiệp đa quốc gia trong ngành Thuốc lá vào năm 2021 được xác định thông qua đánh giá chủ đề trọng yếu¹⁸²

Doanh nghiệp cung cấp phần mô tả toàn diện về 5 bước trong quy trình đánh giá chủ đề trọng yếu. Doanh nghiệp này **bắt đầu từ bước 1** với một danh mục dài các chủ đề phát triển bền vững được rút ra từ các nghiên cứu dữ liệu nội bộ, sau đó đi từng bước trong quá trình xác định chủ đề trọng yếu.

Phân tích dữ liệu đầu vào của các bên liên quan



Trong **bước 3 và 4**, doanh nghiệp công bố các phân tích của họ trong việc tìm hiểu những chủ đề mà doanh nghiệp có thể có tác động lớn nhất ở cả bên trong và bên ngoài (trong chuỗi giá trị).

Tác động vào Chuỗi giá trị của chúng tôi

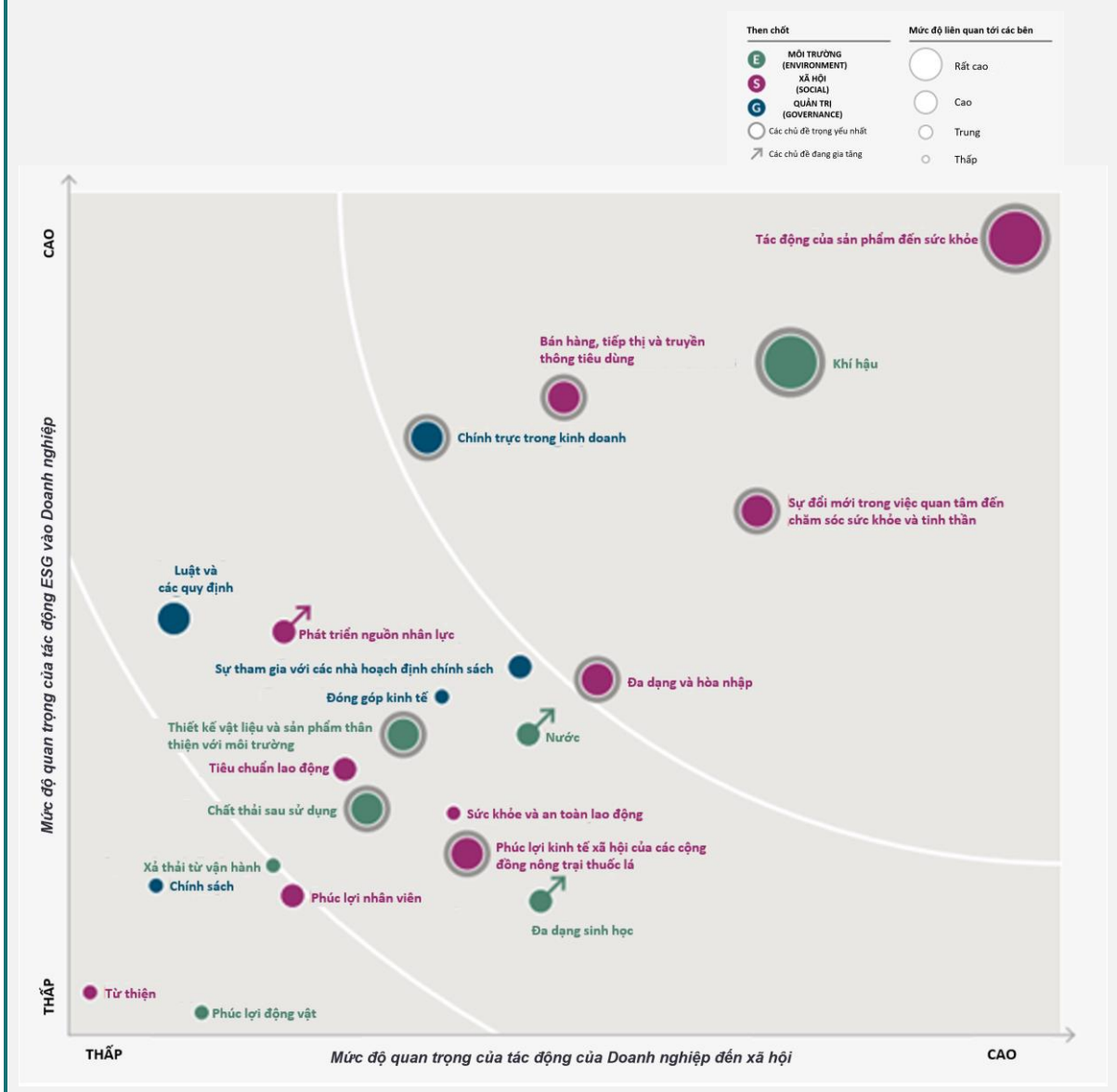
	Thượng nguồn	Vận hành của PMI	Hạ nguồn
MÔI TRƯỜNG			
Phúc lợi động vật	●	●	
Khí hậu	●	●	●
Đa dạng sinh học	●	●	●
Thiết kế vật liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường	●		●
Xả thải từ vận hành	●	●	●
Chất thải sau tiêu dùng			●
Nước	●	●	



Trong **bước 2** – Doanh nghiệp đưa ra các phương pháp thu thập ý kiến định tính và định lượng của các bên liên quan như khảo sát và phỏng vấn. Các phản hồi và hiểu biết được tổng hợp vào một bảng xếp hạng tổng quát các chủ đề phát triển bền vững để so sánh.

¹⁸² Philip Morris International. (2022, February). 2021 Sustainability Materiality Report. Retrieved from: [pmi-2021-sustainability-materiality-report.pdf](https://www.pmi.com/2021-sustainability-materiality-report.pdf)

Cuối cùng, trong **Bước 5**, doanh nghiệp công bố ma trận tính trọng yếu được áp dụng trong quá trình xác định các chủ đề trọng yếu quan trọng nhất cho năm báo cáo này.

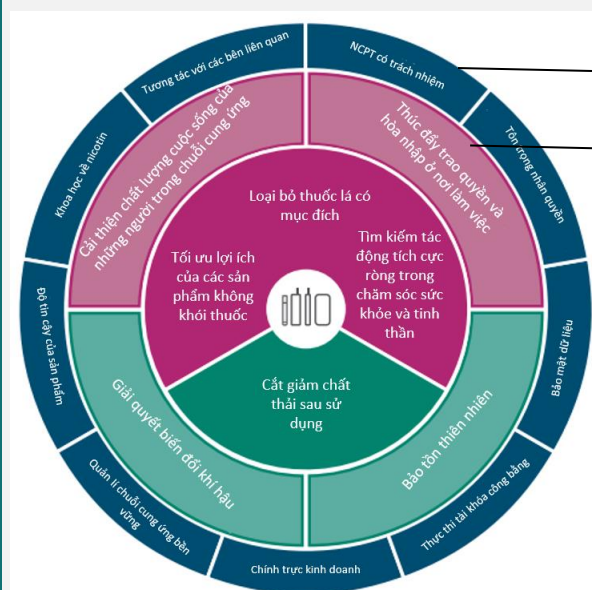


3.2. Mô tả quy trình hiện hành trong quản lý các chủ đề phát triển bền vững



Hộp 25: Biện pháp quản lý các chủ đề trọng yếu được nhận dạng năm 2021 của một doanh nghiệp đa quốc gia trong ngành Thuốc lá¹⁸³

Sau khi doanh nghiệp đã xác định được các chủ đề phát triển bền vững trọng yếu, các chủ đề này sẽ được sử dụng để rà soát chiến lược phát triển bền vững của họ.



Vòng ngoài: 8 chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững đã được xác định.

Các vòng trong: Phương án xử lý các tác động về phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp này cũng công bố tham vọng và mục tiêu của họ theo chiến lược đã điều chỉnh, được sử dụng như một công cụ để theo dõi tiến độ và đánh giá hiệu quả của phương án chiến lược. Bảng dưới đây trích một số mục tiêu và chỉ tiêu cho các tác động của sản phẩm doanh nghiệp.

Mục tiêu	Chủ đề ESG ưu tiên và SDGs chính
Loại bỏ thuốc lá có mục đích 	Tác động sản phẩm đến sức khỏe
Tối ưu hóa lợi ích của các sản phẩm không khói 	Tác động sản phẩm đến sức khỏe; Bán hàng, Tiếp thị, và truyền thông tiêu dùng
Tìm kiếm tác động tích cực rộng rãi đến chăm sóc sức khỏe và tinh thần 	Đổi mới trong chăm sóc sức khỏe và tinh thần
Cắt giảm chất thải sau sử dụng 	Nguyên liệu và sản phẩm thiết kế xanh; Chất thải sau sử dụng

Các chỉ số hiệu quả then chốt		2021 Kết quả	2025 Mục tiêu
	① Tỷ lệ vận chuyển sản phẩm không khói thuốc (Không khói thuốc/Tổng)	12.8%	>30%
	② Tỷ lệ doanh thu ròng của sản phẩm không khói thuốc đã điều chỉnh (Không khói thuốc/Tổng)	29.1%	>50%
	③ Số lượng thị trường các sản phẩm không khói thuốc của doanh nghiệp sẵn sàng để bán	71	100
	④ Phần trăm thị trường các sản phẩm không khói thuốc của doanh nghiệp sẵn sàng để bán là thị trường có thu nhập trung và thấp	43%	>50%
	⑤ Tổng số người dùng các sản phẩm không khói thuốc của doanh nghiệp (triệu người)	21.7	
	⑥ Phần trăm khối lượng vận chuyển bao trùm bởi thị trường với các chương trình ngăn chặn giới trẻ tiếp cận tại các kênh bán lẻ gián tiếp	91%	>90%
	⑦ Doanh thu ròng năm từ các sản phẩm chăm sóc sức khỏe và tinh thần (tỉ Đô-la Mỹ)	0.1	≥1
	⑧ Phần trăm khối lượng vận chuyển bao trùm bởi thị trường với các chương trình chống xả rác dành cho thuốc lá dễ cháy	n/a	≥80%
	⑨ Phần trăm khối lượng vận chuyển bao trùm bởi thị trường với các chương trình thu hồi cuối vòng đời sản phẩm cho hàng tiêu dùng không khói	9 thí điểm	≥80%
	⑩ Phần trăm thiết bị không khói thuốc của doanh nghiệp với chứng nhận thiết kế xanh	n/a	100%
	⑪ Số thiết bị điện tử không khói tích lũy được bảo trì và sửa chữa từ năm 2021 (nghìn)	62	1,000

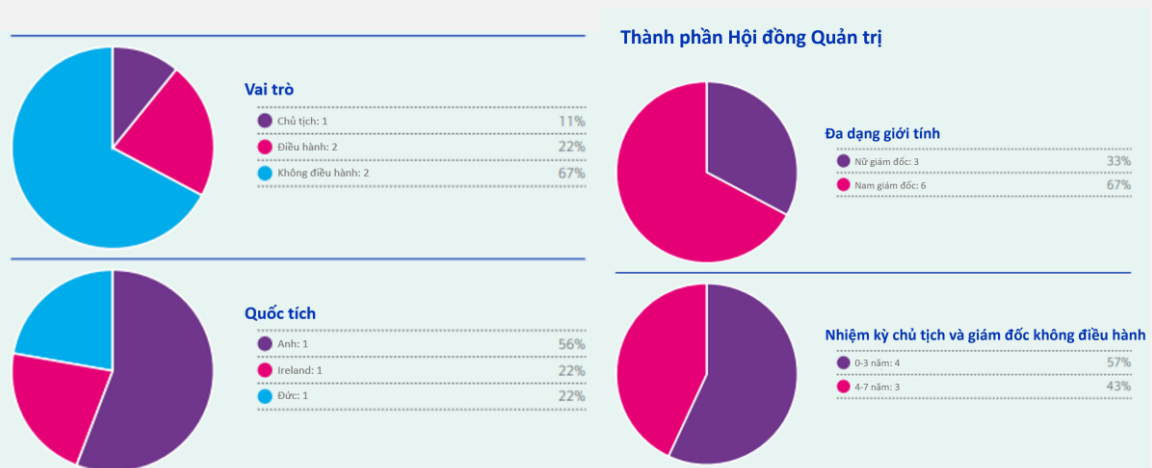
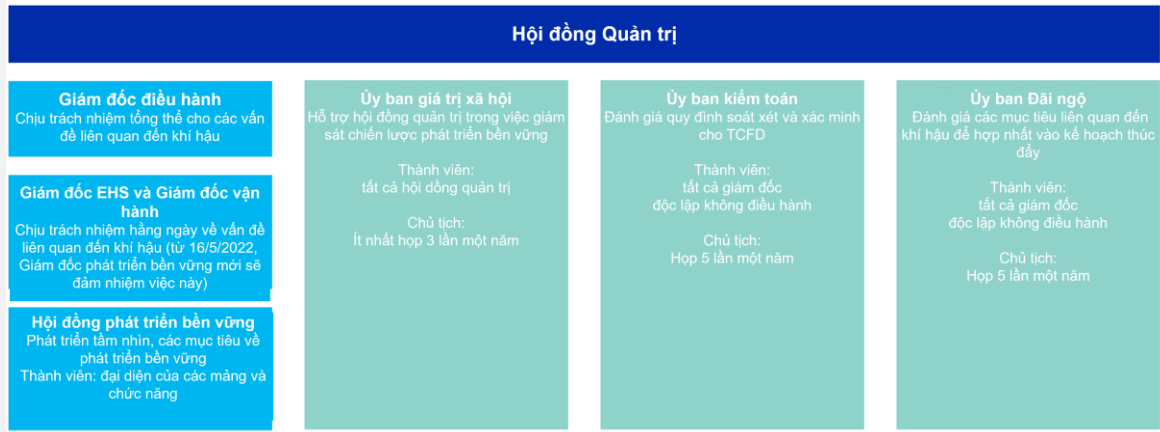
4. Quản trị

4.1. Giám sát của Hội đồng Quản trị



Hộp 26: Công bố thông tin về cấu trúc quản trị đối với phát triển bền vững của một doanh nghiệp trong ngành Hóa phẩm¹⁸⁴

Cấu trúc quản trị đối với vấn đề phát triển bền vững của doanh nghiệp bắt đầu từ cấp Hội đồng Quản trị và được phân bổ xuống các ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị, Hội đồng tư vấn Phát triển bền vững và ban Điều hành. Báo cáo chỉ rõ vai trò và trách nhiệm cụ thể trong quản lý các vấn đề phát triển bền vững, đặc biệt là đối với Hội đồng Quản trị, Ủy ban Giá trị Xã hội và Giám đốc Môi trường, Sức khỏe, An toàn lao động (EHS) và Vận hành.



Về cấu trúc quản trị, doanh nghiệp công bố số liệu về tính đa dạng trong thành phần của Hội đồng Quản trị, bao gồm đa dạng về giới tính, số năm kinh nghiệm và quốc tịch. Thêm vào đó, doanh nghiệp này cũng khẳng định một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị có kỹ năng và kinh nghiệm liên quan đến phát triển bền vững và cụ thể hóa nội dung này cho mỗi thành viên Hội đồng Quản trị để thể hiện chất lượng của Hội đồng Quản trị.

Giám đốc không điều hành có khả năng lãnh đạo và kinh nghiệm trong ngành

	Patrick Thomas	Rita Forst	Jane Griffiths	John O'Higgins	Xiaozhi Liu	Chris Mottershead	Doug Webb
Phát triển bền vững	●	●	●			●	

Trách nhiệm lớn nhất trong quản lý vấn đề liên quan phát triển bền vững thuộc về Hội đồng Quản trị. Doanh nghiệp đã công bố các phương thức để các ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị báo cáo và cập nhật cho Hội đồng Quản trị về các vấn đề này.

¹⁸⁴ Johnson Matthey. (2022). Annual Report and Accounts 2022. Retrieved from: [6e0c0d7d-7f21-0e5f-7746-1c46b1f161c2 \(matthey.com\)](https://www.matthey.com) – pg. 83

Vai trò của Hội đồng Quản trị và ủy ban của doanh nghiệp

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thiết lập và giám sát việc thực hiện chiến lược của tập đoàn, bao gồm ngân sách hàng năm và kế hoạch kinh doanh chi tiết. Trong đó, Hội đồng có cân nhắc các vấn đề liên quan đến khí hậu, bao gồm cả khi xét duyệt các yêu cầu cho chi phí vốn hoặc các sáng kiến mới.

Ủy ban Giá trị Xã hội (SVC) họp ít nhất 3 năm một lần. SVC hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong giám sát triển khai chiến lược được phát triển bền vững, theo dõi và giám sát quy trình để đạt được mục tiêu và chỉ tiêu, kèm theo các cập nhật thường xuyên từ Giám đốc Môi trường, Sức khỏe & An Toàn và Vận hành. Jane Griffiths, Chủ tịch Ủy ban Giá trị Xã hội, báo cáo với Hội đồng Quản trị sau mỗi cuộc họp, bao gồm trình bày các khuyến nghị từ Ủy ban. Xem xét sự gia tăng nhanh trong phản hồi của xã hội đối với biến đổi khí hậu, SVC liên tục cập nhật tài liệu về các vấn đề phát sinh mỗi buổi họp, như pháp lý và kỳ vọng từ các bên liên quan. SVC cũng mời các chuyên gia bên ngoài để ghi nhận góc nhìn từ bên ngoài đối với kế hoạch phát triển bền vững của chúng tôi, và các chủ đề mới nổi khác, mà trong năm nay bao gồm vấn đề về tính đa dạng và hòa nhập, và nhân quyền. Để biết thêm về công việc của SVC, vui lòng xem trang 98.

Trong năm, Hội đồng Quản trị mở rộng đã tiếp nhận báo cáo cập nhật pháp lý liên quan đến khí hậu và một buổi đào tạo trong việc thực hiện các khuyến nghị của TCFD.

Cùng với Ủy ban Tín cử, Hội đồng Quản trị đảm bảo rằng, trong các giám đốc, có kiến thức chuyên môn cần thiết liên quan đến phát triển bền vững và khí hậu. Để xem thêm thông tin về kỹ năng và kinh nghiệm của các giám đốc không điều hành của chúng tôi, vui lòng xem trang 86-87.

Cụ thể đối với các hoạt động của Ủy ban Giá trị Xã hội, doanh nghiệp này đã công bố các nhân sự thường xuyên tham gia vào các cuộc họp về giá trị xã hội và đóng góp ý kiến để làm tròn trách nhiệm của Ủy ban.

Những người thường xuyên tham gia các cuộc họp ủy ban:

- Giám đốc nhân sự
- Giám đốc EHS và Giám đốc vận hành
- Giám đốc Quan hệ Doanh nghiệp
- Cố vấn Chung và Thư kí Công ty
- Giám đốc Phát triển bền vững Tập Đoàn

Hội đồng Quản trị và Ủy ban tham dự

Hội đồng quản trị tham dự	Hội đồng quản trị	Ủy ban Giá trị Xã hội
Patrick Thomas	8/8	2/3
Robert MacLeod	8/8	3/3
Liam Condon	-	-
Stephen Oxley	8/8	3/3
Rita Forst	5/5	1/1
Jane Griffiths	8/8	3/3
John O'Higgins	8/8	3/3
Xiaozhi Liu	8/8	3/3
Chris Mottershead	8/8	3/3
Doug Webb	8/8	3/3

Trách nhiệm	Chúng tôi đã thực hiện	Kết quả
Phát triển bền vững	- Giám sát kế hoạch và hành động để thi hành chiến lược phát triển bền vững và các sáng kiến then chốt của tập đoàn, bao gồm khuyến khích lực lượng lao động để đảm bảo sự hiểu biết về tầm nhìn và để thúc đẩy sự tham gia nội bộ. - Thảo luận cách các công ty khác đã dẫn dắt và quản trị chiến lược về phát triển bền vững thế nào, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm. - Thảo luận về sự phát triển của chính sách định giá các-bon, để phát triển và thử nghiệm bắt đầu từ 01/04/2022 - Tiếp nhận các cập nhật thông tin về rà soát theo chiều ngang thường xuyên, bao gồm pháp lý và kiện tụng về biến đổi khí hậu	- Xác nhận hỗ trợ cho chiến lược phát triển bền vững của chúng tôi. - Nhất trí và đề xuất với Hội đồng Quản trị về định nghĩa mục tiêu phát triển bền vững của chúng tôi một cách chi tiết hơn, bao gồm mục tiêu cắt giảm về GHG and phát khí thải NOx thông qua sử dụng công nghệ.
Đa dạng và hòa nhập	- Đánh giá mục tiêu về đa dạng và hòa nhập giới tính cho 2030 và các sáng kiến để hỗ trợ đạt được các thành tích đó. - Tiếp nhận trình bày về các thử thách phải đối mặt xung quanh đa dạng và hòa nhập, đổi mới trong lĩnh vực này và cách ủy ban có thể thúc đẩy hành trình về đa dạng và hòa nhập của tập đoàn.	- Các mục tiêu về Đa dạng & Hòa nhập đã được cấp quản lý trình bày và giải trình với Hội đồng Quản trị (HĐQT). HĐQT đã cung cấp nhận xét về cách cải thiện đa dạng, hòa nhập và gắn kết trong doanh nghiệp. - Thống nhất với HĐQT kế hoạch hành động cho năm tài chính tiếp theo, tiếp tục xây dựng hành trình về đa dạng, hòa nhập và gắn kết của chúng tôi.
Đạo đức và tuân thủ	- Rà soát các hành động để tiếp tục xúc tiến văn hóa đạo đức trong tập đoàn, bao gồm chiến dịch 'đưa ra quyết định đúng' của tập đoàn - Tiếp nhận thông tin cập nhật chủ đề và xu hướng	Đề xuất với HĐQT phê duyệt cho Tuyên bố Chế độ nô lệ hiện đại và Công bố thông tin về Khoáng sản Xung đột.
Báo cáo	Tiếp nhận bản tóm tắt về các khuyến nghị của TCFD từ công ty tư vấn về phát triển bền vững, và công việc đang thực hiện đảm bảo sẵn sàng cho việc báo cáo TCFD	Đánh giá và đề xuất với Hội đồng Quản trị phê duyệt Mục Kinh doanh Bền vững của báo cáo thường niên 2022.

4.2. Vai trò của ban Điều hành trong các quy trình, kiểm soát và thủ tục quản trị được áp dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững



Hộp 27: Quản trị các vấn đề phát triển bền vững ở một doanh nghiệp trong ngành Hóa phẩm năm 2022 ¹⁸⁵

Vai trò của ban điều hành

Hội đồng quản trị giao trách nhiệm vận hành kinh doanh cho Giám đốc Điều hành; bao gồm chịu trách nhiệm chung cho các vấn đề liên quan khí hậu, được trợ giúp bởi Nhóm các thành viên cấp quản lý của Tập đoàn (Group Leadership Team (GLT)). Giám đốc Điều hành được hỗ trợ bởi Giám đốc Môi trường, Sức khỏe & An toàn (EHS) và Vận hành – người chịu trách nhiệm cho các vấn đề hàng ngày liên quan đến khí hậu và thực hiện cập nhật cho nhóm GLT về các bước đã thực hiện để phát triển và triển khai chiến lược phát triển bền vững của chúng tôi, bao gồm các tiêu chí then chốt, rủi ro và cơ hội. Giám đốc EHS và Vận hành cũng đồng thời được hỗ trợ bởi Hội đồng Phát triển bền vững. Hội đồng Phát triển bền vững được thành lập bao gồm các nhân sự cấp quản lý từ trong các lĩnh vực và khối chức năng của chúng tôi, cùng nhau xây dựng tầm nhìn, mục tiêu về phát triển bền vững của chúng tôi. Để ưu tiên thúc đẩy hành trình phát triển bền vững và xâu chuỗi tất cả yếu tố vào kinh doanh, chúng tôi đã bổ nhiệm Giám đốc Phát triển bền vững mới có hiệu lực từ 16/5/2022. Giám đốc Phát triển bền vững sẽ báo cáo cho Giám đốc Điều hành và là một thành viên của Nhóm GLT.

4.3. Tích hợp đánh giá hiệu quả triển khai công tác phát triển bền vững vào hệ thống lương thưởng đãi ngộ



Hộp 28: Chính sách đãi ngộ liên quan đến công tác phát triển bền vững đối với ban Điều hành năm 2018 của một doanh nghiệp trong ngành Sức khỏe và Dinh dưỡng¹⁸⁶

Doanh nghiệp công bố cả kế hoạch khuyến khích ngắn hạn và kế hoạch khuyến khích dài hạn trong đó có sự liên kết với mục tiêu và chỉ tiêu công tác phát triển bền vững.

Các chính sách khuyến khích ngắn hạn (Short term incentive (STI)) liên kết với phát triển bền vững và mục tiêu cá nhân

Một phần của STI được liên kết với các mục tiêu chung về phát triển bền vững cũng như mục tiêu cá nhân, chiếm 25% của lương cơ bản đối với hoàn thành hiệu quả công việc. Việc sàng lọc/điều chỉnh thêm về cách đo lường hiệu quả công việc trong các lĩnh vực phát triển bền vững và trọng số tương đối của chúng có thể được thực hiện sau khi đánh giá chính thức. Các chỉ số chung liên kết đến phát triển bền vững sau đây có thể áp dụng cho STI:

- Giải pháp Cuộc sống Tươi sáng hơn: % vận hành kinh doanh đáp ứng tiêu chuẩn ECO+ và Con người+ (các sản phẩm đem đến lợi ích môi trường và xã hội tốt hơn so với các giải pháp tham chiếu thường thấy)
- Chỉ số Tương tác Nhân viên: so sánh tương đối với Chuẩn hiệu quả công việc cao trong ngành
- Hiệu suất An toàn: được xác định dựa trên chỉ số về tần suất xảy ra thương tích ghi nhận được.

Bên cạnh các mục tiêu phát triển bền vững chung (15%), mục tiêu (10%), một số các chỉ tiêu (tài chính và phi tài chính) sẽ áp dụng

Lĩnh vực mục tiêu	Thưởng hoàn thành mục tiêu (% của lương cơ bản)
- Phát triển bền vững (ba mục tiêu với trọng số bằng nhau, 5% mỗi mục tiêu; Giải pháp Cuộc sống Tươi sáng hơn, Tương tác Nhân viên và An toàn)	15
- Cá nhân (tài chính và phi tài chính)	10
Tổng	25

Các chính sách khuyến khích dài hạn (Long-term Incentives (LTI))

Các thành viên của Hội đồng Quản trị được nhận cổ phiếu liên kết với hiệu quả và kết quả kinh doanh. Theo Kế hoạch về cổ phiếu theo kết quả kinh doanh, cổ phiếu sẽ được cấp có điều kiện cho các thành viên của Hội đồng Quản trị. Việc chuyển nhượng cổ phần này có điều kiện về hiệu quả công việc đạt được theo chỉ tiêu đã được xác định cho giai đoạn ba năm. Bốn chỉ số đo lường hiệu quả sau đây, với trọng số bằng nhau, có thể áp dụng để tính toán chuyển nhượng Cổ phiếu theo LTI: Hiệu suất Tổng Lợi nhuận của Cổ đông tương đối (relative total shareholder return) so với tập đoàn tương đương Tỷ suất Lợi nhuận trên Sử dụng Vốn (ROCE) Cải thiện Hiệu quả Năng lượng Cải thiện Hiệu quả Phát thải khí Nhà kính

5. Chiến lược

5.1. Định vị trên thị trường, chiến lược, mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị



Hộp 29: Mô hình kinh doanh và chiến lược sản phẩm năm 2022 của một doanh nghiệp trong ngành Công nghệ¹⁸⁷

Doanh nghiệp đã trình bày tổng quát về mô hình kinh doanh và các khía cạnh về phát triển bền vững trong chiến lược sản phẩm của họ.

Mô hình Kinh doanh của chúng tôi

Chúng tôi triển khai hiện thực hóa tầm nhìn và chiến lược thông qua mô hình kinh doanh của mình, có thể được tóm gọn như sau:

Chúng tôi tạo ra giá trị bằng cách nhận dạng nhu cầu của khách hàng, sau đó phát triển và chuyển giao các giải pháp đám mây, phần mềm, dịch vụ, và hỗ trợ giải quyết các nhu cầu này. Thông qua việc chủ động thu thập phản hồi của khách hàng thường xuyên, chúng tôi cố gắng để liên tục cải thiện giải pháp của mình, xác định các hoạt động kinh doanh cần thiết và mang lại giá trị tốt hơn cho khách hàng xuyên suốt vòng đời và nâng cao tính trung thành của khách hàng.

Doanh thu của chúng tôi đến từ lệ phí của khách hàng thông qua đăng ký sử dụng giải pháp đám mây. Giấy phép phần mềm, hỗ trợ tại chỗ, tư vấn, phát triển, đào tạo và các dịch vụ khác cũng đóng góp đáng kể vào doanh thu.

Phát triển bền vững

Chúng tôi đưa ra các giải pháp và dịch vụ về phát triển bền vững có thể giúp khách hàng thúc đẩy thực thi phát triển bền vững không chỉ bên trong tổ chức, mà còn thông qua toàn bộ chuỗi giá trị. **Đảm bảo cho Doanh nghiệp Bền vững** tập hợp một danh mục giải pháp toàn diện cho doanh nghiệp có mục tiêu, cho phép doanh nghiệp quản lý một cách toàn diện về phát triển bền vững. Đối mới sản phẩm bao gồm các giải pháp sau: **Tháp Kiểm soát Phát triển bền vững** cho việc chỉ đạo và báo cáo toàn diện thông qua chỉ số ESG, **Quản lý Dấu chân Sản phẩm** cho việc tính toán và quản lý phát thải, và **Thiết kế và Sản phẩm có Trách nhiệm** để cắt giảm rác thải và thúc đẩy kinh doanh tuần hoàn. Doanh nghiệp cũng lập kế hoạch để hoàn thiện thêm danh mục phát triển bền vững với các giải pháp hỗ trợ chủ đề về môi trường, xã hội và quản trị. Vào cuối năm, Doanh nghiệp và đơn vị tư vấn công bố một chiến lược hợp tác đối mới để đưa phát triển bền vững thành một phần không thể thiếu của vận hành kinh doanh tiêu chuẩn để giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu ESG và phát thải ròng bằng 0.

5.2. Lợi ích và quan điểm của các bên liên quan

¹⁸⁶ DSM. (2018). Royal DSM Integrated Annual Report 2018. Retrieved from: https://annualreport.dsm.com/assets/ar/2018/en_US/downloads/DSM-Annual-Report-2018.pdf - pg. 133

¹⁸⁷ SAP (2023). SAP Integrated Report. Retrieved from: [SAP Integrated Report 2022](https://www.sap.com/ir/2023) - pg. 52, 55



Hộp 30: Quản lý các bên liên quan trong báo cáo năm 2022 của một doanh nghiệp trong ngành Công nghệ¹⁸⁸

Doanh nghiệp công bố biện pháp phối hợp với các nhóm bên liên quan khác nhau trong quy trình phát minh và phát triển sản phẩm, dịch vụ của mình. Doanh nghiệp nhấn mạnh sự tham gia của Hội đồng Tư vấn Phát triển bền vững và Hội đồng Tư vấn Đạo đức trí tuệ nhân tạo.

Khách hàng

Chương trình Trải nghiệm toàn cầu xuyên suốt doanh nghiệp

Nhằm xử lý tốt hơn và cải thiện phản hồi của khách hàng thông qua nghiên cứu sử dụng giải pháp Qualtrics, chúng tôi phát triển **Chương trình Trải nghiệm toàn cầu xuyên suốt Doanh nghiệp (XM)**. Chương trình này nhằm đạt được trải nghiệm xuyên suốt nhất quán cho khách hàng, bao gồm các sáng kiến chuẩn hóa trải nghiệm và phương pháp giúp nhận dạng và cải thiện lỗi hỏng trải nghiệm ở Doanh nghiệp.

Nhân viên

Chúng tôi khảo sát nhân viên thường xuyên trong suốt năm. Để biết kết quả của khảo sát nhân viên gần đây nhất và các hành động theo đó, xem phần [Nhân viên](#).

Chúng tôi hướng tới quan hệ lao động mang tính xây dựng trên toàn cầu, làm việc với quy định của mỗi quốc gia. Chúng tôi đang có các đối tác xã hội trên 37 quốc gia ở châu Âu, châu Á, châu Phi và châu Mỹ. Những bộ phận đại diện nhân viên này bao gồm các thành viên nghiệp đoàn được bầu cử và các thành viên không thuộc nghiệp đoàn tham vấn bởi bộ phận quản lý ở Doanh nghiệp chủ yếu về các chủ đề định hình môi trường làm việc và quy trình làm việc. Thỏa thuận thương lượng tập thể với các nghiệp đoàn được đưa ra ở các quốc gia có quy định. Tổng thể, 50% nhân viên của chúng tôi được đại diện bởi hội đồng lao động hoặc một nghiệp đoàn độc lập, hoặc được bảo vệ bởi các thỏa thuận thương lượng tập thể. Điều kiện lao động và điều khoản lao động của những nhân viên còn lại không bị ảnh hưởng hoặc quyết định dựa trên những thỏa thuận thương lượng tập thể lao động khác. Để nuôi dưỡng mục tiêu mỗi nhân viên Doanh nghiệp trên toàn cầu đều được lắng nghe và lên tiếng mà không sợ hãi hay bị phản đối, chúng tôi thành lập Văn phòng Thanh tra toàn cầu, hoạt động trên tư cách là kênh thông tin độc lập, bí mật bên cạnh các cơ chế khiếu nại chính thống, bao gồm công cụ báo cáo tổ giác. Để biết thêm thông tin, xem mục [Ứng xử Kinh doanh](#).

Thêm vào đó, ban Điều hành trả lời các câu hỏi của nhân viên trong một cuộc họp đầy đủ hàng quý. Trong các buổi thảo luận thường ngày, các giám đốc Điều hành giải thích chiến lược cho nhân viên và trả lời câu hỏi của họ trực tiếp.

Phân tích viên tài chính và Nhà đầu tư

Để biết thêm thông tin về hội thoại của chúng tôi với cộng đồng tài chính (bao gồm phân tích viên tài chính, nhà đầu tư từ định chế và cổ đông lẻ), xem mục [Quan hệ nhà đầu tư](#).

¹⁸⁸ SAP (2023). SAP Integrated Report. Retrieved from: [SAP Integrated Report 2022](#) – pg. 275-276

Các chính phủ

Để biết thêm thông tin về hội thoại của chúng tôi với các chính phủ, xem mục [Chính sách Công](#).

Phân tích viên ngành

Nhóm Quan hệ phân tích viên, ban Điều hành và các nhà Điều hành của chúng tôi có quan hệ vững mạnh với các phân tích viên IT và tương tác với họ về các giải pháp chiến lược và dịch vụ của Doanh nghiệp một cách thường xuyên.

Đối tác

Với hơn 20,000 đối tác trên thế giới, hệ sinh thái Doanh nghiệp là tối quan trọng với sự thành công của chúng tôi. Chúng tôi áp dụng phương án tương tác đa phương diện, khởi đầu với Cổng truy nhập Đối tác chuyên dụng và kích thích tương tác. Các đối tác nhận được truyền thông thường xuyên bao gồm thư tin cá nhân hóa, gói tập huấn và hội thảo trực tuyến với những thông báo mới nhất và tư duy lãnh đạo liên quan đến loại quan hệ đối tác cụ thể. Ngoài ra, các sự kiện trực tuyến cũng được tổ chức trong suốt năm, trên toàn cầu và thu thập thêm phản hồi của đối tác về cách Doanh nghiệp có thể cải thiện liên tục.

Các tổ chức phi lợi nhuận (NPO) và học thuật

Hội thoại của chúng tôi với các NPO và viện nghiên cứu học thuật giúp chúng tôi hiểu cách xử lý những vấn đề cấp thiết nhất và những kỳ vọng ở chúng tôi với tư cách là một tập đoàn lớn. Ví dụ, Liên minh Đại học của Doanh nghiệp giới thiệu các sinh viên và khoa viện tới phần mềm Doanh nghiệp bằng cách cung cấp mạng lưới và hoạt động giáo dục và hợp tác để xây dựng kỹ năng công nghệ. Để biết thêm thông tin về cách chúng tôi tương tác với NPO, xem mục [Nhân viên và Đóng góp của chúng tôi cho Mục tiêu Phát triển bền vững của LHQ](#).

Hội đồng Tư vấn Phát triển bền vững

Hội đồng Tư vấn Phát triển bền vững của chúng tôi bao gồm các chuyên gia đại diện từ khách hàng, nhà đầu tư, đối tác, NPO và tổ chức học thuật. Vào năm 2022, hội đồng thảo luận về những sáng kiến then chốt liên quan đến các giải pháp quản lý phát triển bền vững, công tác môi trường và trách nhiệm xã hội.

Hội đồng Tư vấn đạo đức Trí tuệ nhân tạo

Hội đồng Tư vấn đạo đức Trí tuệ nhân tạo của chúng tôi bao gồm các chuyên gia học thuật, chính sách và ngành. Họ tư vấn cho về phát triển và vận hành các nguyên tắc hướng dẫn dành cho trí tuệ nhân tạo. Chẳng hạn, vào năm 2022, hội đồng thảo luận về cách để nhận dạng những rủi ro cao về đạo đức trí tuệ nhân tạo và cách để phát triển phương án sử dụng theo đó.

5.3. Các tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu và mối liên kết với chiến lược và mô hình kinh doanh



Hộp 31: Tác động của các vấn đề phát triển bền vững đến kinh doanh của một Ngân hàng Châu Âu năm 2018¹⁸⁹

Ngân hàng công bố 4 lĩnh vực chính của kinh doanh đã bị ảnh hưởng bao gồm: gói sản phẩm và dịch vụ; các hoạt động thích ứng và giảm thiểu trực tiếp; công tác đầu tư vào nghiên cứu và phát triển; và vận hành.

Hình 3: Tổng quan về việc cung cấp giải pháp phát triển bền vững của Ngân hàng



Ngân hàng này đã công bố đầy đủ các gói giải pháp tài chính để hỗ trợ sự chuyển dịch của khách hàng.

Thêm vào đó, ngân hàng tham gia vào các hoạt động trên thị trường các-bon cùng với các hoạt động nghiên cứu và phát triển liên quan tới rủi ro và cơ hội về khí hậu. Về vận hành, ngân hàng công bố việc áp dụng “các chính sách môi trường vào hoạt động độc quyền” và áp dụng cơ chế thuế các-bon nội bộ.

3.4.2. Các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ

Ngân hàng đã là một thành viên lâu năm của thị trường các-bon. Thông qua những bản giao dịch dành cho thị trường các-bon, Ngân hàng đã tham gia vào trung gian môi giới, đàm phán và tạo điều kiện cho giao dịch phát thải trong thể chế Hệ thống Giao dịch phát thải của châu Âu. Ngân hàng đã được xếp hạng Môi giới Phát thải số 2 bởi Rủi ro Năng lượng và hạng 1 cho nghiên cứu về chủ đề này năm 2018. Năng lực này đã cho phép Ngân hàng hỗ trợ khách hàng trong quản lý các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng, đáp ứng nhu cầu tuân thủ qua các cơ chế thu mua, kiểm tiền từ cân đối hạn ngạch thừa, cung cấp các dịch vụ bảo hiểm rủi ro bằng chi phí của cấp phép sử dụng khẩn cấp, hoặc trên quy mô rộng hơn xử lý cấu phần các-bon trong quản lý tài sản năng lượng của khách hàng.

3.4.3. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển

Ngân hàng đã tham gia tương đối vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển trong những năm vừa qua:

- **Rủi ro liên quan khí hậu.** Trong khuôn khổ Sáng kiến Tài chính – Chương trình Môi trường của LHQ, Tập đoàn đã đóng góp phát triển phương pháp toàn thị trường cho phép các định chế tài chính hiểu rõ hơn các rủi ro biến đổi khí hậu trong hoạt động của họ.
- **Cơ hội liên quan khí hậu.** Các vấn đề Trách nhiệm xã hội và Đầu tư theo tác động (SRI) cũng như các nhân tố Môi trường, Xã hội, Quản trị đã trở thành những điều hướng công tác quan trọng. Bên cạnh cân nhắc tài chính và kinh tế vĩ mô, các nhân tố ESG đã trở nên dễ dàng định lượng hơn và nên được cân nhắc khi đánh giá một doanh nghiệp. Từ 2016, nhóm nghiên cứu ESG của Ngân hàng đã giúp nhà đầu tư và quản lý tài sản tích hợp những tiêu chí này vào quyết định đầu tư. Đáng chú ý, Ngân hàng tiên phong tạo ra Sáng kiến Tác động tích cực của LHQ nhằm tạo ngôn ngữ chung và phát triển giải pháp mới để cung cấp vốn cho Mục tiêu Phát triển bền vững cùng với các khách hàng.
- **Quản lý tác động.** Sau Cam kết COP 21 của Ngân hàng năm 2015 nhằm giảm “hoạt động tập đoàn trong ngành than nhằm tuân thủ kịch bản 2 độ C vào 2020 của Cục Năng lượng Quốc tế”, Ngân hàng đã phát triển một phương pháp nội bộ để theo dõi các cơ sở sản xuất Khai thác mỏ và Nhiên liệu than và những thay đổi này đã được tích hợp vào chính sách của tập đoàn. Ngân hàng cũng thử nghiệm phương pháp điều chỉnh danh mục đầu tư tín dụng theo Sáng kiến đầu tư 2 độ C.
- **Các chủ đề khác.** Tập đoàn cũng tham gia vào một nghiên cứu của Hiệp hội Doanh nghiệp tư nhân Pháp (AFEP) về so sánh các kịch bản 2 độ C và một nghiên cứu khác của nhóm Doanh nghiệp vì Môi trường ZEN 2050 về phí các-bon hóa nền kinh tế Pháp vào năm 2050.

3.4.4. Vận hành (bao gồm các loại vận hành và vị trí cơ sở)

Ngân hàng cũng tạo ra các tác động môi trường qua các hoạt động kinh doanh. Nhận thức được các trách nhiệm của mình, Ngân hàng tiếp tục áp dụng chính sách môi trường vào các hoạt động độc quyền; những chính sách này bao gồm kiểm soát và cải thiện tác động trực tiếp của chúng tới môi trường với nhiều bên liên quan khác nhau.

Như một phần của phương án chủ động, 6 năm trước tập đoàn đã bắt đầu “Thuế các-bon nội bộ”, cơ chế được xây dựng vào mở rộng trên cơ sở giai đoạn cai thiệp. Mỗi năm, thuế các-bon được tính trên mỗi chủ thể thuộc tập đoàn dựa trên phát thải khí nhà kính (10 Euro/tấn CO2 tương đương) và tổng tiền thì được sẽ phân phối dưới dạng phần thưởng cho các sáng kiến tốt nhất về hiệu quả môi trường, thông qua “Giải Hiệu quả Môi trường”. Trong 6 năm qua, thuế các-bon nội bộ đã ủng hộ cho 305 sáng kiến ở 32 quốc gia tham gia trên 4 lục địa.

Ngân hàng cũng dành riêng một phần cho các tác động đến kế hoạch tài chính. Trích dẫn nội dung báo cáo này được trích ở đây.

3.5.1. Chi phí vận hành và doanh thu

Việc áp dụng các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến khí hậu, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển cùng với những thay đổi trong vận hành đã đem đến những thay đổi trong doanh thu và chi phí vận hành của Ngân hàng, tuy rằng những thay đổi này được kỳ vọng là cận biên.

Thực vậy, tập đoàn đã mang đến doanh thu từ việc tăng các giải pháp đầu tư và tài chính khác nhau, tuy rằng ở giai đoạn này các giải pháp chưa định lượng được. Doanh thu từ thuế các-bon nội bộ đã hỗ trợ 305 sáng kiến ở 32 quốc gia tham gia trên 4 lục địa. Tổng phân bổ trung bình hàng năm là 3 triệu Euro và đạt được 126 triệu Euro tiết kiệm định kỳ.

Tập đoàn có các nhóm chuyên trách áp dụng công cụ và phương pháp khí hậu để theo dõi tác động lên vận hành và tài chính. Ngoài ra còn có nhóm Chính sách Môi trường Xã hội, Nghiên cứu ESG, Trái phiếu xanh, xã hội và tác động tích cực, Sản phẩm bền vững và tác động tích cực cũng như các chuyên viên về ESG trong Quản lý tài sản và Dịch vụ chứng khoán. Tập đoàn cũng xây dựng năng lực quản trị rủi ro liên quan khí hậu. Tất cả nhân lực và chi phí liên quan có tác động đến chi phí vận hành của tập đoàn, tuy chi phí này chưa được định lượng.

3.5.2. Phân bổ vốn

Trong những năm gần đây Ngân hàng đã chuyển dịch phân bổ vốn sang các nguồn năng lượng xanh hơn và tách dần khỏi các nguồn phát thải cao nhất. Tuy rằng việc này tập trung chủ yếu vào gia tăng danh mục đầu tư năng lượng tái tạo và giảm danh mục than và chỉ đóng góp vào một phần nhỏ trong tổng tác động liên quan đến biến đổi khí hậu.

Vị trí dẫn đầu của Ngân hàng trên thị trường năng lượng tái tạo được xác nhận bởi Bảng xếp hạng của nền tảng tài chính Dealogic năm 2018, trong đó tập đoàn đã xếp số 2 trong Tư vấn Vay và Tài chính của thị trường năng lượng tái tạo EMEA. Năm 2018, ngân hàng tư vấn khách hàng về các khoản giao dịch lên tới 4.1 tỷ USD và đóng vai trò là Bên dẫn đầu sắp xếp được chỉ định cho 20 giao dịch với tổng giá trị nợ là 2.1 tỷ USD. Những xếp hạng này dựa trên phân tích của 105 ngân hàng quốc tế.

Để biến những cơ hội này thành tác động tài chính, vào Tháng 12 năm 2017, Ngân hàng cam kết gây quỹ 100 tỷ EUR dành cho chuyển đổi năng lượng. Từ năm 2016 đến 2020, Ngân hàng đã tự đặt mục tiêu gây quỹ biểu trưng 85 tỷ EUR trong phát hành trái phiếu xanh chủ trì hoặc đồng chủ trì bởi Ngân hàng. Bên cạnh đó là quỹ 15 tỷ EUR dưới dạng tư vấn và bắt buộc tài chính dành cho khu vực ngành năng lượng tái tạo.

3.5.3. Mua lại hoặc thoái vốn

Lumo là một công nghệ tài chính của Pháp cho phép kết hợp những kỹ năng mạnh mẽ trong tài chính tham gia và các năng lượng tái tạo và tăng tốc chuyển đổi năng lượng kể từ 2012. Nền tảng này cho phép các cộng đồng địa phương, cá nhân và doanh nghiệp tham gia vào rót vốn cho các dự án địa phương hỗ trợ năng lượng tái tạo tại Pháp.

Qua thu mua mô hình này, Ngân hàng trở thành một trong số những bên dẫn đầu cung cấp vốn cho năng lượng tái tạo, củng cố năng lực của tập đoàn để phục vụ những khách hàng năng lượng lớn của mình bằng cách cung cấp cho họ giải pháp cho giai đoạn khó khăn để gọi vốn nhóm cho việc phát triển các dự án, như được yêu cầu bởi "Kế hoạch Giải phóng năng lượng tái tạo" của chính phủ Pháp trong khuôn khổ "Kế hoạch Khí hậu".



Hộp 32: Phản ứng của một doanh nghiệp trong ngành Giao thông vận tải với rủi ro và cơ hội liên quan khí hậu¹⁹⁰

Trong bảng dưới đây, doanh nghiệp đã cụ thể hóa tác động tiềm tàng của mỗi rủi ro và cơ hội vật lý/chuyển đổi tới kinh doanh, cũng như phản ứng của doanh nghiệp thông qua sự thay đổi trong Kế hoạch chiến lược và Quản trị rủi ro.

Rủi ro	Mô tả	Loại rủi ro	Tác động tiềm tàng đến kinh doanh	Kế hoạch chiến lược và Quản trị rủi ro	Chỉ tiêu
Nhu cầu nhiệt than	Nhu cầu nhiệt than trên biển đối mặt với chính sách năng lượng và các quyết định về hỗn hợp nhiên liệu định hướng bởi chi phí năng lượng, an ninh năng lượng và quy định về phát thải khí nhà kính.	Chuyển đổi: Thị trường, Chính sách & Pháp lý, Công nghệ Cấp độ rủi ro: Cao	Khoảng 25% doanh thu từ Than & Xi than và 30% doanh thu từ Mạng lưới liên quan đến vận chuyển nhiệt than. Dòng thời gian: Trung và dài hạn	- Bản chất các hợp đồng của Doanh nghiệp đảm bảo sự chắc chắn lớn hơn cho các dòng doanh thu tương lai; 79% danh mục kinh doanh Than có thời lượng hợp đồng còn lại trên 3 năm (tính tại 30 Tháng 6 năm 2023). - Tiếp tục áp dụng phân tích kịch bản để kiểm tra khả năng ứng phó của đội phương tiện, các khoản đầu tư vốn, cơ hội vận chuyển và kiểm tra lỗi.	- Số lượng đội phương tiện hiện tại và dự kiến phục vụ sản xuất điện từ than và công suất thép tại các quốc gia nhập khẩu than. - Phát triển các dự án sản xuất thép dựa trên hydro (và các quy trình carbon thấp mới nổi khác), bao gồm yêu cầu về chi phí và cơ sở hạ tầng.
Nhu cầu than luyện kim	Nhu cầu than luyện kim trên biển đối mặt với phát triển kinh tế, phát triển chủ trọng thép, phương pháp sản xuất thép (bao gồm gia tăng quy trình các-bon thấp), độ tin cậy của hàng hóa nhập khẩu và quy định về phát thải khí nhà kính	Chuyển đổi: Thị trường, Chính sách & Pháp lý, Công nghệ Cấp độ rủi ro: Trung bình	Khoảng 30% doanh thu từ Than & Xi than và 70% doanh thu từ Mạng lưới liên quan đến vận chuyển than luyện kim. Dòng thời gian: Dài hạn	- Tiếp tục phát triển cơ hội vận chuyển Xi than và Chuyển chở Công-ten-nơ, bao gồm xác định (và điều hành) các cơ hội phân bổ đội xe để hỗ trợ phát triển Xi than. - Tham vọng của Doanh nghiệp để phát triển Xi than và Chuyển chở Công-ten-nơ (như đã chia sẻ vào Ngày Nhà đầu tư Tháng 7 năm 2023) có thể giảm 10-20% cổ phần doanh thu Vận hành từ nhiệt than vào năm 2030.	- Đầu tư vốn vào ngành than của Úc. - Phát triển (và phê duyệt theo quy định) các mỏ than mới của Úc.



Hộp 33: Khả năng ứng phó chiến lược dựa trên các kịch bản khí hậu tại của một doanh nghiệp trong ngành Xây dựng và Bất động sản năm 2023¹⁹¹

Doanh nghiệp đã công bố quy trình phân tích kịch bản kể từ năm 2011, đồng thời hàng năm tiếp tục rà soát và làm mới danh mục tác động liên quan khí hậu với 3 kịch bản khí hậu: Thời tiết tiêu cực (kịch bản nhiệt độ trung bình tăng 3 độ), Theo Hiệp định Paris (kịch bản nhiệt độ tăng 2 – 3 độ) và Chuyển dịch (kịch bản nhiệt độ tăng dưới 2 độ). Với mỗi tác động, doanh nghiệp đã xác lập mức độ hành động cần thiết để đạt được độ nhạy chống chịu bền vững. Phần dưới đây được trích từ báo cáo của doanh nghiệp đó.

Kịch bản	Tác động liên quan khí hậu	Ngưỡng nhạy cảm và Hành động		
		Khoản đầu tư	Phát triển	Xây dựng
Kịch bản Thời tiết tiêu cực (>3 độ C) Kịch bản Thời tiết tiêu cực nhìn vào thể giới nơi hành động vì khí hậu bị trì hoãn bởi sự chia rẽ. Sự trì hoãn này dẫn tới một thể giới nơi biến đổi khí hậu vật lý là lớn nhất trong cả 3 kịch bản dẫn đến sự gián đoạn nghiêm trọng. - Dưới những tác động vật lý cao hơn trong kịch bản này, Doanh nghiệp nhận cần thay đổi chiến lược trong tất cả các doanh nghiệp để quản lý rủi ro chuỗi cung ứng toàn cầu và nguồn cung nhân lực. Ngay cả vậy, doanh nghiệp vẫn sẽ đối mặt với mức điểm nhạy cảm tương đối tiêu cực. - Việc tích hợp "Vị thế dẫn đầu phát triển bền vững" như một ưu tiên chiến lược và các mục tiêu Phát thải ròng và tuyệt đối bằng 0) đem lại những điểm tích cực cao hơn mà không cần thêm hành động nào bên ngoài chiến lược hiện hành của chúng tôi.	Tác động của biến đổi khí hậu đến tài sản, cộng đồng và các thành phố	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Tiếp cận và chi phí nguồn vốn	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Sự sẵn có của sản phẩm, nguyên liệu và tài nguyên quốc tế	Thay đổi	Thay đổi	Thay đổi
	Sự sẵn có và chi phí của nguồn lao động	Thích ứng	Thích ứng	Thích ứng
	Dẫn đầu ngành về giá trị phi các-bon hóa	Thích ứng	Hấp thụ	Hấp thụ
	Chi phí tuân thủ pháp luật phát triển bền vững/khí hậu	Hấp thụ	Hấp thụ	Hấp thụ
Kịch bản theo Hiệp định Paris (2-3 độ C) Kịch bản theo Hiệp định Paris: Sự chuyển đổi theo thị trường hướng tới tương lai các-bon thấp qua các cam kết của chính phủ toàn cầu với Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu, dẫn tới nhiều quy định pháp luật về hành động vì khí hậu hơn và tác động vật lý của biến đổi khí hậu thấp hơn so với Kịch bản Thời tiết tiêu cực. - Vị thế dẫn đầu trong phát triển bền vững và các mục tiêu Nhiệm vụ Zero tạo ra các điểm tích cực dẫn tới tăng chi phí các-bon và chi phí tuân thủ với phát triển bền vững/quy định khí hậu. - Mặc dù có rất nhiều sản phẩm và nguyên vật liệu "khó khử các-bon" trong chuỗi cung ứng của chúng tôi, bao gồm bê tông, thép, nhôm, việc đạt được mục tiêu này sẽ đem lại kết quả rất tích cực cho Doanh nghiệp.	Tăng chi phí các-bon	Thích ứng	Thay đổi	Thay đổi
	Sự phát triển của thay đổi nhu cầu tránh xây mới	Thay đổi	Thay đổi	Thay đổi
	Nhu cầu phi các-bon hóa chuỗi cung ứng	Thích ứng	Thay đổi	Thay đổi
	Gia tăng kiểm định các hành động và thương hiệu dẫn tới dẫn đầu ngành về giá trị phi các-bon hóa	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Tăng tốc độ thay đổi trong tác động liên quan khí hậu	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
Kịch bản Chuyển dịch (<2 độ C) Kịch bản Chuyển dịch: Một lộ trình khử các-bon nhanh chóng khi mức phát thải toàn cầu đã gần bằng 0 vào năm 2040, được thúc đẩy bởi toàn xã hội. - Tốc độ thay đổi cần thiết để hạn chế nóng lên toàn cầu ở ngưỡng dưới 1.5 độ có khả năng tăng mức độ nhạy cảm trong chuỗi cung ứng của chúng tôi, do nhu cầu chuyển dịch theo hướng nội địa hóa; đồng thời sẽ đặt ra yêu cầu phải thay đổi và có các hoạt động thích ứng để giảm thiểu tác động. - Vị thế dẫn đầu của chúng tôi về tính bền vững và các mục tiêu của Sự mệnh Zero tạo ra tác động tích cực để chuyển dịch kỳ vọng về "giấy phép hoạt động xã hội" và sẽ đem đến điểm tích cực cho Doanh nghiệp nếu chúng tôi điều chỉnh chiến lược thông qua tăng tốc lộ trình khử các-bon.	Ưu chuộng công ty và sản phẩm địa phương hơn quốc tế	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Thay đổi kỳ vọng về giấy phép hoạt động xã hội dẫn tới dẫn đầu ngành về giá trị phi các-bon hóa	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Kỳ vọng về đầu tư nghiên cứu phát triển để phi các-bon hóa	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Nhu cầu người tiêu dùng thay đổi vì sinh hoạt tác động thấp hơn	Thay đổi	Thay đổi	Thích ứng
	Cấp độ hành động yêu cầu để đạt được ngưỡng nhạy cảm	Ngưỡng nhạy cảm Nhạy cảm tiêu cực cao hơn Nhạy cảm tích cực cao hơn		
	Hấp thụ: Chiến lược hiện hành hấp thụ tác động của rủi ro khí hậu Thích ứng: Cần thay đổi chiến lược hiện hành để phản ứng với rủi ro Thay đổi: Cần chiến lược mới hoặc thay đổi hoàn toàn để phản ứng với rủi ro			

6. Quản trị rủi ro

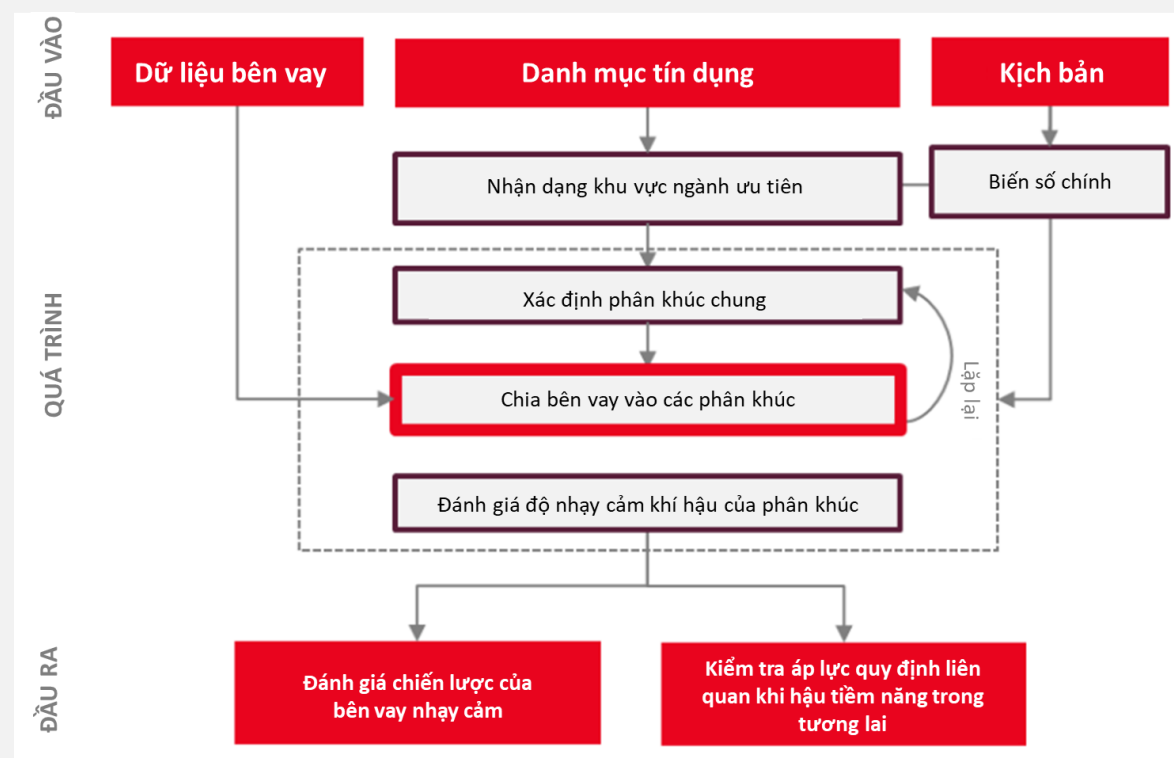
¹⁹¹ Iendlease. (2023, August 14). Iendlease Group 2023 Annual Report. Retrieved from: [2590033.pdf \(iendlease.com\)](#) - pg. 48, 49

6.1. Mô tả các quy trình và chính sách liên quan đến xác định, đánh giá và ưu tiên các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của doanh nghiệp



Hộp 34: Các quy trình và công cụ để nhận dạng, ưu tiên và quản lý rủi ro liên quan khí hậu của một Ngân hàng ở châu Âu vào năm 2021¹⁹²

Ngân hàng miêu tả 6 công cụ then chốt sử dụng cho nhận dạng và quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu trên danh mục của họ, dựa trên mức độ trưởng thành. Dưới đây là một ví dụ của công cụ Chỉ số Nhạy cảm về Khí hậu doanh nghiệp. Công cụ này đo lường tác động của rủi ro chuyển đổi trên rủi ro tín dụng của các khách hàng là doanh nghiệp tại Ngân hàng. Ngân hàng đã giải thích mỗi bước của quy trình đánh giá rủi ro chuyển đổi, bao gồm trách nhiệm được giao của từng vị trí cụ thể.



Phần đánh giá này được rà soát bởi bộ phận quản trị phù hợp: Chỉ số CCVI tính toán dựa theo phương pháp này được đề xuất bởi Tuyến phòng thủ Đầu tiên (first line of defense), có thể tùy chỉnh theo yêu cầu đánh giá (và sau đó điều chỉnh CCVI) theo yêu cầu cụ thể của bên vay. Sau đó, chỉ số được thẩm định bởi Bộ phận Rủi ro ở Tuyến phòng thủ Thứ hai (second line of defense). Chỉ số CCVI được rà soát mỗi năm một lần cùng với rà soát đánh giá xếp hạng nội bộ. Thêm vào đó, Hội đồng Rủi ro đánh giá hàng năm việc sử dụng công cụ CCVI và phân tích kết quả trong các lĩnh vực khả dụng.

Chỉ số CCVI xác định những khách hàng nhạy cảm với rủi ro chuyển đổi và sẽ kiểm tra chiến lược chuyển đổi của họ. Đối với những bên vay được đánh giá ở mức nhạy cảm hoặc nhạy cảm cao, giám đốc quản lý quan hệ khách hàng đưa ra ý kiến đánh giá chính thức đối với chiến lược của khách hàng liên quan đến rủi ro chuyển đổi kèm theo một cuộc thảo luận với khách hàng. Đối với các ảnh hưởng về dài hạn, trọng tâm sẽ được dành cho rủi ro tài chính đến hạn. Đánh giá cũng tăng cường trọng tâm đối với tính kịp thời của việc thực hiện chuyển đổi chiến lược của khách hàng so với kịch bản. Quả thực, trong trường hợp thích ứng chậm, bên vay có thể gặp khó khăn trong tăng thanh khoản cần thiết để cấp nguồn tài chính cho các kế hoạch chuyển đổi.

Ngân hàng cũng công bố các chính sách Môi trường và Xã hội về việc giám sát tác động của rủi ro chuyển đổi lên rủi ro danh tiếng.

¹⁹² Societe Generale. (2021, December). Climate Disclosure. Retrieved from: <https://www.societegenerale.com/sites/default/files/documents/CSR/societe-generale-climate-disclosure-report-december-2021-en.pdf> - pg. 23-30

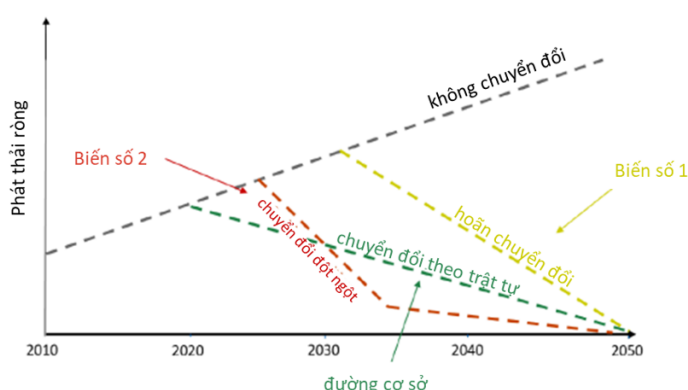
1) Xác định rủi ro Môi trường và Xã hội: Bước này bao gồm nhận dạng liệu hoạt động hoặc giao dịch liên quan đến hoạt động của đối tác có đem lại rủi ro tiềm tàng về Môi trường và Xã hội không. Cụ thể, việc này dựa trên phân tích nhằm xác nhận xem các đối tác hoặc hoạt động nói trên có nằm trong danh mục loại trừ hay nhận dạng rủi ro Môi trường và Xã hội không, và liệu họ có phải tuân theo chính sách của ngành hay vướng phải các mâu thuẫn về Môi trường và Xã hội. Quy trình này tạo điều kiện để rà soát tuân thủ với tiêu chí loại trừ của các chính sách của các ngành khác nhau.

2) Đánh giá Môi trường và Xã hội (của đối tác hoặc giao dịch được nhận dạng là có rủi ro về môi trường và xã hội (E&S)): Khi một rủi ro E&S đã được xác định, bộ phận kinh doanh thực hiện đánh giá tuân thủ với tiêu chí của các chính sách Môi trường Xã hội áp dụng và tầm nghiêm trọng của bất cứ mâu thuẫn nào. Đánh giá này có thể bao gồm phân tích về xu hướng dự đoán của các tiêu chí. Đánh giá Môi trường Xã hội có thể có kết quả tích cực, tùy điều kiện (điều kiện hợp đồng, kế hoạch hành động, ràng buộc) hoặc tiêu cực.

3) Hành động Môi trường và Xã hội: Các hành động giảm nhẹ có thể được khuyến nghị để giảm nhẹ rủi ro đã xác định.

Một công cụ then chốt khác để đánh giá khả năng ứng phó của ngân hàng là các bài tập kiểm tra sức chịu đựng (stress test). Ngân hàng công bố kết quả của việc tự nguyện tham gia vào một bài kiểm tra sức chịu đựng về mặt pháp lý được chủ trì bởi Ngân hàng Trung ương châu Âu như sau.

Hình 12. Khái quát mô hình kịch bản chuyển đổi được sử dụng trong bài tập thí điểm của ACPR



Bài tập này được thực hiện dưới giả định bảng cân đối kế toán cơ động. Theo giả định này, rủi ro của các tổ chức sẽ thay đổi theo thời gian cùng với phát triển kinh tế và xu hướng thay đổi trong ngành, đồng thời sẽ điều chỉnh theo các cam kết đặc thù của tổ chức nhằm tạo điều kiện thực hiện chuyển đổi: Tập đoàn đã tích hợp chiến lược khí hậu với các dự báo thay đổi của bảng cân đối tài chính. Ví dụ, cam kết theo danh mục đầu tư bao gồm giảm dần nhiệt than và giảm nguy cơ rủi ro trong ngành dầu khí ở upstream.

Sự tham gia của Tập đoàn vào bài tập này (với phạm vi rộng hơn các bài diễn tập kịch bản nội bộ đã được áp dụng cho tới nay) đã đem lại nhiều giá trị.

Đầu tiên, việc này tạo điều kiện xây dựng những phương án mới để ứng phó với các rủi ro khí hậu (trong khung dài hạn và cụ thể cho từng ngành) và là một cơ hội để kiểm tra khả năng thích ứng của hệ thống stress testing đối với các đặc tính này, kể cả khi việc phân tích tác động trong dài hạn (đến 2050) vẫn còn nhiều thách thức.

Đây là một cơ hội tốt để tiếp tục tăng nhận thức trong bộ phận Rủi ro và các chức năng, đơn vị kinh doanh hỗ trợ trong rủi ro khí hậu. Cuối cùng, đây là một bước nổi hữu ích để chuẩn bị cho các bài tập stress test về khí hậu trong tương lai và việc áp dụng các bài tập đó để ghi nhận phương hướng chiến lược kinh doanh (theo kỳ vọng của các bên tư vấn như đã đề cập trong Hướng dẫn rủi ro môi trường của ECB).

6.2. Mô tả mức độ và phương pháp tích hợp các quy trình quản trị rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững vào quy trình quản trị rủi ro của cả doanh nghiệp



Hộp 35: Tích hợp rủi ro liên quan khí hậu vào khung đánh giá rủi ro tiêu chuẩn ở một Ngân hàng ở Châu Âu năm 2021¹⁹³

Ngành: Ngân hàng

Ngân hàng công bố rằng “rủi ro liên quan khí hậu không hình thành một hạng mục rủi ro mới nhưng góp phần làm nghiêm trọng hơn các hạng mục sẵn có như rủi ro tín dụng, thị trường, vận hành, phát hành và thanh khoản” trong khung quản trị rủi ro của họ. Điều này phù hợp với khuyến nghị thực hành tốt của bên quản lý ngành Ngân hàng Pháp và Ngân hàng Trung ương Châu Âu. Ngân hàng cũng trình bày tác động của những rủi ro liên quan khí hậu đã được nhận dạng lên các hạng mục rủi ro có sẵn. Dưới đây là ví dụ được trích dẫn.

Rủi ro	Vật lý	Chuyển đổi
Rủi ro tín dụng và Rủi ro tín dụng đối tác	Rủi ro vật lý có thể tăng xác suất default của khách hàng do trực tiếp làm hư hại tài sản của họ ở các khu vực bị ảnh hưởng (các sự kiện vật lý có thể ảnh hưởng tới các cơ sở sản xuất, nhà xưởng, trung tâm dịch vụ và quản lý) và gián tiếp tác động đến mô hình kinh doanh của họ do làm gián đoạn chuỗi cung ứng, lộ trình thương mại hoặc thị trường. Trong trường hợp khách hàng default, rủi ro vật lý cũng có thể khiến khả năng thu hồi một phần các tài sản thế chấp cam kết khó khăn hơn, ví dụ như làm giảm định giá khoản cọc trên các danh mục bất động sản vì rủi ro lũ lụt tăng cao.	Rủi ro chuyển đổi, đối với những ngành bị ảnh hưởng bởi chính sách chuyển đổi các-bon thấp (VD. giá các-bon cao), có thể tác động đến khả năng tạo ra doanh thu và thực hiện các cam kết tài chính của khách hàng nếu họ không thực hiện các biện pháp thích ứng mô hình kinh doanh hoặc nếu họ không thể cấp vốn cho các biện pháp thích ứng cần thiết (chẳng hạn như nghiên cứu và phát triển để triển khai các sản phẩm và dịch vụ các-bon thấp thay thế). Rủi ro chuyển đổi cũng có thể ảnh hưởng gián tiếp đến định giá tài sản của khách hàng, ví dụ qua tác động đến định giá trữ lượng nhiên liệu hóa thạch như than hay dầu mỏ - với giá trị có khả năng giảm trong nền kinh tế các-bon thấp (hiện tượng tài sản bị mắc kẹt). Điều này có thể đặc biệt tác động đến định giá khoản cọc.
Rủi ro thị trường	Các sự kiện vật lý nghiêm trọng có thể dẫn đến thay đổi trong kỳ vọng thị trường và có thể gây ra biến đổi giá bất ngờ. Chẳng hạn, lốc xoáy ảnh hưởng đến bất động sản của doanh nghiệp ở một số khu vực có thể tác động đến kỳ vọng về khả năng tạo ra doanh thu cũng như giá trị cổ phiếu của doanh nghiệp.	Rủi ro chuyển đổi có thể tạo ra biến đổi giá đột ngột của chứng khoán và chứng khoán phái sinh, ví dụ như các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp bị ảnh hưởng bởi các tài sản bị mắc kẹt.

7. Chỉ tiêu và mục tiêu

7.1. Các chỉ tiêu liên quan đến vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững

¹⁹³ Societe Generale, (2021, December), Climate Disclosure. Retrieved from: <https://www.societegenerale.com/sites/default/files/documents/CSR/societe-generale-climate-disclosure-report-december-2021-en.pdf> - pg. 23-30 and Lendlease, (2023, August 14), Lendlease Group 2023 Annual Report. Retrieved from: [2590033.pdf](https://www.lendlease.com/~/media/2590033.pdf) (lendlease.com) - pg. 48, 49



Hộp 36: Ví dụ về báo cáo các chỉ tiêu phát triển bền vững của một doanh nghiệp ngành Vật liệu và Công trình tại châu Âu năm 2017¹⁹⁴

Ngành: Vật liệu và Công trình

Doanh nghiệp công bố rõ các chỉ tiêu công tác về vấn đề phát triển bền vững trong vòng 5 năm trở lại đây.

305-1, 305-2: PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Nghìn tấn	2017	2016	2015	2014	2013
305-1: Phát thải khí nhà kính trực tiếp (Phạm vi 1)					
Sản xuất thép bằng quặng sắt ở Bắc Âu	9,117	9,323	8,850	8,910	8,643
Sản xuất thép bằng vụn sắt ở Mỹ	690	644	581	651	651
Các cơ sở báo cáo khác	21	22	18	17	17
Tổng	9,828	9,989	9,448	9,578	9,311
Phát thải gián tiếp từ phát điện năng được mua, nhiệt năng hoặc hơi nước (Phạm vi 2)					
Sản xuất thép bằng quặng sắt ở Bắc Âu	167	185	182	193	194
Sản xuất thép bằng vụn sắt ở Mỹ	1,032	964	934	1,009	1,234
Các cơ sở báo cáo khác	17	17	17	18	18
Tổng	1,216	1,166	1,133	1,220	1,447

305-3: PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH GIÁN TIẾP (PHẠM VI 3)

Nghìn tấn	2017	% PHẠM VI 3
Hàng hóa và dịch vụ mua	1,827	65%
Các hoạt động liên quan nhiên liệu và năng lượng	395	14%
Vận chuyển và phân phối hạ nguồn	512	18%
Chất thải từ vận hành	51	2%
Di chuyển trong công tác	7	0%
Di chuyển của nhân viên	36	1%
Tổng phát thải phạm vi 3	2,826	100%

¹⁹⁴ SSAB. (2017). Annual Report. Retrieved from: <https://ssabwebsitesitecdn.azureedge.net/-/media/files/company/investors/annual-reports/2017/ssab-annual-report-2017-en.pdf?m=20180319123646> – pg. 120-126

305-4: CƯỜNG ĐỘ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Nghìn tấn phát thải các-bon/tấn thép thô	2017	2016	2015	2014	2013
Sản xuất thép bằng quặng sắt ở Bắc Âu	1.7	1.7	1.7	1.6	1.7
Sản xuất thép bằng vụn sắt ở Mỹ	0.7	0.7	0.7	0.7	0.8
Trung bình	1.4	1.4	1.4	1.3	1.4

305-4: NƯỚC RÚT TỪ NGUỒN

Triệu mét khối	2017	2016	2015	2014	2013
Nước bề mặt (trong đất liền)	203	203	160	179	180
Nước bề mặt (trên biển)	226	225	204	199	205
Nước máy	2	1	1	1	1
Tổng lượng nước rút	431	429	365	379	386

XẢ THẢI RA CÁC ĐƯỜNG NƯỚC

Tấn	2017	2016	2015	2014	2013
Chất rắn lơ lửng	322	286	228	616	423
Dầu khoáng	6	6	9	12	18

302-1 TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG DOANH NGHIỆP

GWh/TJ	2017	2016	2015	2014	2013
Nhiên liệu					
Khí tự nhiên	3,099/11,157	3,073/11,063	2,754/9,914	2,596/9,345	2,574/9,266
Pro-ban	1,172/4,220	1,099/3,956	1,043/3,756	1,034/3,722	934/3,361
Dầu nhiên liệu	207/746	279/1,003	204/733	635/2,288	785/2,824
Tổng nhiên liệu không tái tạo	4,479/16,123	4,451/16,023	4,001/14,404	4,265/15,355	4,292/15,451
Điện năng, Nhiệt năng và Hơi nước					
Điện năng, được thu mua	3,302/11,887	3,319/11,948	3,243/11,677	3,469/12,490	3,475/12,510
Nhiệt năng, được thu mua	30/108	26/93	23/83	24/87	27/98
Hơi nước tạo ra từ xử lý các loại khí	1,400/5,040	1,195/4,302	1,114/4,010	1,033/3,720	974/3,506
Tổng tiêu thụ năng lượng	9,210/33,158	8,990/32,366	8,381/30,172	8,792/31,652	8,768/31,565
Điện năng và Nhiệt năng được bán					
Nhiệt năng được bán	1,169/4,207	1,101/3,965	1,006/3,620	1,081/3,893	1,086/3,910
Năng lượng tiêu thụ ròng	8,042/28,950	7,889/28,400	7,376/26,552	7,711/27,759	7,682/27,655

7.2. Mục tiêu để theo dõi hiệu quả của chính sách và hành động



Hộp 37: Ví dụ về báo cáo các mục tiêu phát triển bền vững của một doanh nghiệp chuyên sản xuất thép tại châu Âu năm 2017¹⁹⁵

Ngành: Vật liệu và Công trình

Doanh nghiệp công bố mục tiêu về giảm phát thải khí nhà kính và các biện pháp được triển khai thành công để đạt được mục tiêu.

305-5 Giảm phát thải khí nhà kính

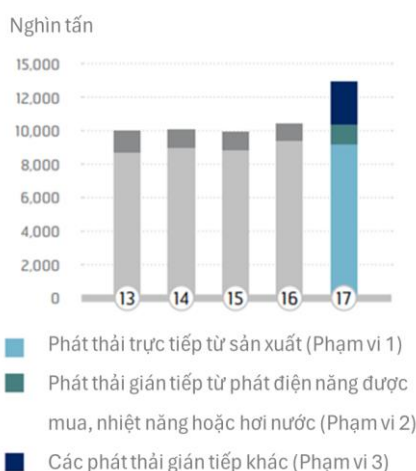
Doanh nghiệp đã đặt mục tiêu giảm phát thải các-bon trực tiếp từ vận hành. Mục tiêu là để đạt được phần giảm bớt lâu dài là 300,000 tấn phát thải CO₂ tính đến cuối năm 2020, so với đường cơ sở là năm 2014. Phần giảm bớt này tương đương 3.1% tổng lượng phát thải các-bon của doanh nghiệp năm 2014.

Phát thải các-bon có thể được giảm bớt bằng cách tuần hoàn dỡ vụn và thừa vào quy trình làm thép, tối ưu việc sử dụng nguyên vật liệu (than cốc và than) trong sản xuất sắt và bằng cách cải thiện hiệu quả năng lượng của nhiên liệu. Tính đến cuối 2017, doanh nghiệp đạt được 218,000 hoặc 73% của mục tiêu.

Những biện pháp tiết kiệm các-bon quan trọng nhất là:

- Chuyển từ dầu nặng nhiên liệu sang khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) ở Borlange, đạt hiệu năng đầy đủ của các-bon vào năm 2015
- Khởi động lò đun ở Oxelosund vào 2015, làm tăng nhiệt nó và dẫn đến giảm phát thải nhờ giảm tiêu thụ than cốc
- Giảm tỉ lệ nhiên liệu luyện kim và phát thải các-bon qua giảm lượng hơi ẩm trong bị sắt ở Raahe vào 2016
- Tăng sản lượng trong sản xuất bê tông cốt thép ở Lulea vào 2016 nhờ cải thiện tận dụng nguyên liệu thô
- Các bể chứa mới ở Raahe năm 2017 với khối lượng tăng, nâng cao sản lượng nhờ bớt sáo
- Mọi tiết kiệm năng lượng từ giảm tiêu thụ nhiên liệu cũng giảm phát thải các-bon

Phát thải các-bon



Trong một ví dụ khác, Doanh nghiệp công bố mục tiêu trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và kết quả tiến độ trong năm báo cáo.

¹⁹⁵ SSAB. (2017). Annual Report. Retrieved from: <https://ssabwebsitesitecdn.azureedge.net/-/media/files/company/investors/annual-reports/2017/ssab-annual-report-2017-en.pdf?m=20180319123646> – pg. 120-126

MỤC TIÊU TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Tương tác nhân viên vượt qua ngưỡng trung bình của các công ty công nghiệp toàn cầu (ngưỡng này được đo hàng năm, gần đây nhất vào năm 2017)

KẾT QUẢ NĂM 2017

- Tổng thể, chỉ số Tương tác Nhân viên (được đo bằng "Tiếng nói" - khảo sát nhân viên của Doanh nghiệp trên toàn cầu) đạt dưới tiêu chuẩn toàn cầu và hơi dưới ngưỡng "Tiếng nói" 2015
- Doanh nghiệp: 69 (70 vào năm 2015)
- Tiêu chuẩn toàn cầu: 72

8. Cơ sở báo cáo



Hộp 38: Cơ sở báo cáo của các tiêu chí phát triển bền vững đã công bố của một Ngân hàng tại Châu Âu đối với Tổng phát thải các-bon phạm vi 1, 2, 3 trong vận hành năm 2022¹⁹⁶

Ngành: Ngân hàng

Chỉ tiêu và Đơn vị báo cáo	Phạm vi và loại trừ	Phương pháp	Báo cáo và Kiểm soát nội bộ
Tổng phạm vi phát thải các-bon (CO ₂) trong vận hành (không bao gồm phát thải tài chính)	Phát thải các-bon trực tiếp từ vận hành của chúng tôi là tổng hợp tương đương các bon từ tiêu thụ và sử dụng: • Phạm vi 1: khí tự nhiên, nhiên liệu hóa thạch lỏng, thất thoát khí flo hóa và phương tiện sở hữu/cho thuê. • Phạm vi 2: điện năng, làm ấm và làm mát các cơ sở của Ngân hàng (dựa trên thị trường và vị trí). • Phạm vi 3: giấy và nước, hạng mục 5: chất thải (chỉ ở Vương quốc Anh và Ai-len), hạng mục 6: di chuyển trong công tác bao gồm đường hàng không, đường sắt, đường bộ, hạng mục 7: nhân viên di chuyển tới chỗ làm và làm việc tại gia. Phát thải các-bon trong vận hành chuỗi giá trị của chúng tôi là tổng hợp tương đương các-bon từ tiêu thụ và sử dụng Phạm vi 3, mọi phát thải thượng nguồn và hạ nguồn ngoại trừ hạng mục 8, 10 và 14. Giải thích kĩ hơn có ở trang 69 của Báo cáo công bố thông tin liên quan khí hậu của Ngân hàng năm 2021. Thời gian báo cáo về phát thải và các chỉ tiêu vận hành khác là 12 tháng, kết thúc tại ngày 30 Tháng 9 mỗi năm.	Ranh giới báo cáo phát thải được xác định là mọi chủ thể và cơ sở do Ngân hàng sở hữu hoặc kiểm soát vận hành. Nếu không có dữ liệu trực tiếp, chúng tôi tính toán ngoại suy – phần này chiếm 1,46% tổng phát thải Phạm vi 1, 2, 3 trực tiếp từ vận hành trong năm 2022. Phát thải được tính toán dựa trên Giao thức Khí nhà kính theo Tiêu chuẩn doanh nghiệp và hướng dẫn đi kèm bao gồm tất cả khí nhà kính, được báo cáo trên đơn vị tấn các-bon tương đương và tiềm tàng giá trị nóng lên toàn cầu. Khi chuyển đổi dữ liệu sang phát thải các-bon, chúng tôi sử dụng Nhân tố Phát thải từ Nhân tố chuyển đổi Phát thải của chính phủ Vương quốc Anh dành cho báo cáo doanh nghiệp (Bộ phận Kinh doanh, Chiến lược Năng lượng & Công nghiệp, 2021) hoặc từ các nhà cầm quyền địa phương theo yêu cầu. Tập đoàn tận dụng phần mềm bên thứ ba để ghi nhận tác động môi trường của tập đoàn và đảm bảo rằng yêu cầu về khung kiểm soát và soát xét/xác minh được đáp ứng. Mọi dữ liệu được tổng hợp trên cấp độ khu vực để phản ánh tiêu thụ tổng hợp theo vùng. Kết quả tiêu thụ theo khu vực sẽ được tổng hợp để phản ánh tổng phát thải của Ngân hàng. Các giá trị tương đương các-bon được ghép với nguồn thông qua mô-đun chuyển đổi tự động trong hệ thống của bên thứ ba.	Dữ liệu phát thải các-bon và tương đương được kiểm định bởi dịch vụ bên thứ ba mỗi tháng. Kiểm tra kĩ hơn hàng tháng và hàng quý được tiến hành trên độ hoàn thiện và biến thiên của dữ liệu.

¹⁹⁶ NatWest Group. (2023). Basis of Reporting 2022. Retrieved from: <https://investors.natwestgroup.com/-/media/Files/R/RBS-IR-V2/results-center/17022023/nwg-2022-sustainability-basis-of-reporting.pdf> - pg. 2

LỜI CẢM ƠN

Sổ tay hướng dẫn khung triển khai ESG và lập báo cáo ESG, được phát hành bởi Bộ Tài chính – Cục Phát triển Doanh nghiệp Tư nhân và Kinh tế Tập thể, là sản phẩm hợp tác giữa nhóm chuyên gia tư vấn thuộc Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam) và Quỹ Châu Á (The Asia Foundation), và nằm trong Hoạt động ‘Thúc đẩy tài chính xanh thông qua cải thiện hoạt động công bố thông tin rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu’ thuộc Chương trình Hợp tác Thúc đẩy chuyển dịch vì khí hậu của Chính phủ Anh (UK PACT).

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn cảm ơn Lãnh đạo Cục Phát triển Doanh nghiệp Tư nhân và Kinh tế Tập thể – Bộ Tài chính đã tham gia góp ý trong quá trình biên soạn cuốn Sổ tay này.

Chúng tôi cũng xin trân trọng cảm ơn Chương trình UKPACT thông qua Hoạt động ‘Thúc đẩy tài chính xanh thông qua cải thiện hoạt động công bố thông tin rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu’ đã tài trợ để xây dựng cuốn Sổ tay này.

UK PACT

www.ukpact.co.uk

For any enquiries, please get in touch via email at communications@ukpact.co.uk